



Người dịch bệnh

Jhumpa Lahiri

Giải thưởng Pulitzer 2000

Người Dịch Bệnh

Jhumpa Lahiri

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[GIỚI THIỆU TÁC GIẢ, TÁC PHẨM](#)
[LỜI GIỚI THIỆU](#)
[CHUYỆN NHẤT THỜI](#)
[KHI BÁC PIRZADA ĐẾN ĂN TỐI](#)
[NGƯỜI DỊCH BỆNH](#)
[NGƯỜI GÁC CỔNG CHÂN CHÍNH](#)
[GỢI TÌNH](#)
[NGÔI NHÀ CỦA CÔ SEN](#)
[NGÔI NHÀ ĐƯỢC BAN PHƯỚC](#)
[CĂN BỆNH CỦA BIBI HALDAR](#)
[LỤC ĐỊA THỨ BA, LỤC ĐỊA CUỐI CÙNG](#)

[\[1\]](#)
[\[2\]](#)
[\[3\]](#)
[\[4\]](#)
[\[5\]](#)
[\[6\]](#)
[\[7\]](#)
[\[8\]](#)
[\[9\]](#)
[\[10\]](#)
[\[11\]](#)
[\[12\]](#)
[\[13\]](#)
[\[14\]](#)
[\[15\]](#)
[\[16\]](#)
[\[17\]](#)
[\[18\]](#)
[\[19\]](#)
[\[20\]](#)
[\[21\]](#)
[\[22\]](#)
[\[23\]](#)
[\[24\]](#)
[\[25\]](#)
[\[26\]](#)
[\[27\]](#)
[\[28\]](#)
[\[29\]](#)
[\[30\]](#)
[\[31\]](#)

[\[32\]](#)
[\[33\]](#)
[\[34\]](#)
[\[35\]](#)
[\[36\]](#)
[\[37\]](#)
[\[38\]](#)

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ, TÁC PHẨM



Jhumpa Lahiri (ঝুম্পা লাহিড়ী) sinh năm 1967 tại London, cha mẹ cô là người Băng-gan. Sau khi sinh cô, vốn là những thương gia, cha mẹ cô đã chuyển hẳn đến làm ăn ở bang Rhode Island, Hoa Kỳ nhưng hiện tại, cô đang sinh sống tại New York. Jhumpa Lahiri đã học cử nhân Văn chương Anh tại Barnard College, cao học văn chương và tiến sĩ ngành Renaissance Studies tại Boston University. Cô *chịu ảnh hưởng của nhiều nhà văn lớn như: Tolstoy, Chekhov, Virginia Woolf, William Trevor và Mavis Gallant...*

Những trang viết của cô thường tập trung khai thác trải nghiệm cuộc sống nhập cư của lớp trẻ Ấn Độ, về những người đang loay hoay giữa những phong tục nghiêm ngặt mà họ thừa hưởng và một thế giới mới đầy trở ngại mà họ phải đối đầu hàng ngày, đặc biệt là sự khác biệt giữa các nền văn hóa và cảm giác chông chênh giữa hai thế giới. Dù bối cảnh ở Boston hay ở Băng-gan, những câu chuyện tràn đầy tính hài hước và những yếu tố huyền ảo này không chỉ gần gũi với người xa xứ mà còn gần gũi với rất nhiều đối tượng khác.

*Tên sách của cô thường tưởng như là đơn giản nhưng rất dễ gợi nên các liên tưởng. Thời điểm cô đặt tên cho các tác phẩm của mình rất phong phú: trước khi viết, trong khi viết, thậm chí là rất lâu sau khi tác phẩm đã hoàn thành. Thường thì tên sách được lấy từ một cụm từ trong tác phẩm. “Tôi rất khoái với đầu đề *Interpreter of Maladies* bởi đây là cái tên tôi đã nghĩ hàng năm trời trước khi viết, khi tôi chưa biết câu chuyện sẽ đề cập đến điều gì” - Jhumpa Lahiri nói về tên của tác phẩm đầu tay.*

Tuyển tập truyện ngắn đầu tay *Interpreter of Maladies* (Người dịch bệnh) được xuất bản năm 1999. Ngay sau khi ra mắt, *tập truyện đã gây được tiếng vang lớn và mang về cho cô nhiều giải thưởng văn chương quan trọng: giải thưởng Pulitzer năm 2000 cho thể loại truyện hư cấu; giải thưởng cuốn sách đầu tay hay nhất của New York và giải thưởng PEN/ Hemingway.*

Interpreter of Maladies đã được dịch sang 29 thứ tiếng và trở thành bestseller trong cũng như ngoài nước Mỹ. Giải Pulitzer dành cho tuyển tập truyện đầu tay chỉ với 9 truyện ngắn thực sự là một ngạc nhiên lớn cho chính tác giả. Nhưng theo những nhà phê bình thì đó không phải là chuyện may mắn hay tình cờ mà “tất cả những truyện ngắn của Lahiri được kể bằng một giọng văn tinh tế, lời cuốn, và gợi cảm; trong một hình thức có cấu trúc chặt chẽ như phương trình toán học”, một nhà phê bình nhận xét.

Tác phẩm thứ hai của cô là tiểu thuyết *The Namesake* (Hoán danh), ra mắt ở Mỹ năm 2003. Vừa ra mắt, nó đã lọt ngay vào nhóm sách bán chạy nhất và được dịch ra 30 thứ tiếng, tạo nên một ấn tượng độc đáo cả trong văn học Mỹ lẫn văn học Ấn Độ... Cô quan niệm viết như một lối

thoát hay giải đáp cho tình trạng nhập nhằng của người di dân da màu; cho cảm giác là một người lạ mặt vừa bị thương hại vừa được kính trọng, vừa nháy rào vừa kéo mỏng căn cước. Những nhân vật của Lahiri, những người Ấn di dân sẽ luôn luôn tự tìm cách đặt tên cho chính mình - những cái tên kép, những tên gọi ghép đôi ghép ba, bằng những gạch nối - như một nỗ lực tốt cùng để khẳng định nhân dạng và bản sắc đặc thù của họ như một thái độ sống làm chủ đề chính cho *The Namesake*.

Nguồn: Văn nghệ Trẻ

LỜI GIỚI THIỆU

*Jhumpa Lahiri sinh tại London, cha mẹ cô là người Băng-gan. Cô lớn lên tại Rhode Island, Mỹ. Hiện cô sinh sống tại New York. Truyện ngắn của cô xuất hiện nhiều trên những tạp chí của Mỹ. Tập truyện “**Người dịch bệnh**”, tác phẩm in của cô giành giải thưởng Pulitzer năm 2000 cho thể loại truyện hư cấu, giải thưởng cuốn sách đầu tay hay nhất của New York và giải thưởng PEN/Hemingway.*

Những câu chuyện tuyệt vời của Jhumpa Lahiri kể về cuộc sống của những người Ấn Độ tha hương, về những người đang loay hoay giữa những phong tục nghiêm ngặt mà họ thừa hưởng và một thế giới mới đầy trở ngại mà họ phải đối đầu hàng ngày. Dù bối cảnh ở Boston hay ở Băng-gan, những câu chuyện tràn đầy tính hài hước và những yếu tố huyền ảo này không chỉ gần gũi với người xa xứ mà còn gần gũi với rất nhiều đối tượng khác.

*Bạn sẽ thấy tác phẩm của Jhumpa Lahiri gắn liền với mọi mặt thường gặp của cuộc sống và cách nhìn các chi tiết rất tinh tế, sắc bén là một điểm nổi bật của cô. Cô viết về một người hướng dẫn du lịch có trái tim nồng ấm trong “**Người dịch bệnh**”, về một đôi vợ chồng gắng hiểu nhau sau ngày cưới trong “**Ngôi nhà được ban phước**”, về một mối quan hệ tay ba, người đàn ông ích kỷ, vô tình trong “**gọi tình**”. Dường như cô đã thổi vào mỗi trang sách một cuộc sông bất ngờ và người đọc khi kết thúc mỗi câu chuyện càng cảm thấy bị quyến rũ hơn, mong được đi cùng những nhân vật của nó đến tận cùng.*

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc và mong rằng cuốn sách sẽ là một món quà bổ ích.

Hà Nội, 2004

Người dịch

CHUYỆN NHẤT THỜI

Tờ thông báo nói rằng đây chỉ là một vấn đề tạm thời: trong vòng năm ngày điện sẽ bị cắt mỗi ngày một tiếng bắt đầu từ lúc 8 giờ tối. Trong trận bão tuyết cuối cùng một đường dây bị hỏng và những người thợ điện muốn tranh thủ những buổi tối dịu êm hơn để sửa. Công việc của họ chỉ ảnh hưởng tới những ngôi nhà ở con phố yên tĩnh có hàng cây, trên một đoạn đường ngắn từ dây cửa hàng mặt tiền lát gạch cho đến bến xe điện nơi Shoba và Shukumar sống đã ba năm nay.

- Thật tốt là họ thông báo cho chúng mình, - Shoba lên tiếng sau khi đọc to tờ thông báo, chủ yếu là cô nói với mình - chứ không phải với Shukumar.

Cô trượt quai chiếc túi da căng phồng tài liệu ra khỏi vai, vớt nó ở phòng ngoài rồi bước vào bếp. Cô mặc chiếc áo mưa vải bóng màu xanh hải quân bên ngoài bộ quần áo thể thao màu xám, đi giày bata trắng. Ở tuổi ba mươi ba trông cô giống như kiểu phụ nữ mà đã có lúc nào đó cô tuyên bố không khi nào sẽ lại như vậy cả.

Cô vừa từ phòng tập về. Màu son việt quất chỉ còn lại ngoài vành môi, đường kẻ mắt để lại những vệt chì đen đậm dưới mi mắt. Ngày trước, đôi lúc trông cô cũng thế này, Shukumar nghĩ. Đó là những buổi sáng sau bữa tiệc đêm trước hay sau một tối ở quán rượu, khi cô quá lười nhác để có thể rửa mặt và lại quá nôn nóng muốn ngã vào vòng tay anh. Cô thả mớ thư tín xuống bàn mà chẳng hề liếc qua. Mắt cô vẫn dán chặt vào tờ thông báo trên tay kia.

- Nhưng lẽ ra họ phải làm những việc kiểu này ban ngày chứ.

- Khi anh ở nhà, em định nói thế ư? - Shukumar đáp lời.

Anh đẩy chiếc vung thủy tinh lên nồi thịt cừu, điều chỉnh sao cho chỉ một dòng hơi rất nhỏ có thể thoát ra. Suốt từ hồi tháng Giêng anh làm việc tại nhà, cố gắng kết thúc những chương cuối cùng của bản luận án về những cuộc nổi dậy đòi ruộng đất ở Ấn Độ.

- Khi nào thì họ bắt đầu sửa?

- Thông báo viết ngày 19 tháng Ba. Hôm nay có phải ngày 19 không?

Shoba đi tới chỗ tấm ván cách âm treo trên tường bên cạnh tủ lạnh. Tấm ván hoàn toàn trống trơn ngoài tờ lịch in hình những mẫu giấy dán tường của William Morris. Cô nhìn tờ lịch như mới thấy lần đầu tiên, cẩn thận xem xét mẫu giấy tường trước khi hạ mặt xuống những ô ghi số ở phía dưới. Đây là món quà Giáng sinh một người bạn gửi cho họ qua bưu điện dù rằng năm vừa rồi Shoba và Shukumar không kỷ niệm lễ Giáng sinh.

- Vậy thì là hôm nay, - Shoba tuyên bố. - Mà này, thứ Sáu tới anh có hẹn đi bác sỹ răng đấy.

Anh lùa lưỡi qua đầu răng; sáng nay anh quên đánh răng. Đây chẳng phải là lần đầu tiên. Anh không hề ra khỏi nhà ngày hôm nay và cả ngày hôm qua nữa. Shoba càng vắng nhà lâu hơn, càng làm nhiều hơn khi cô nhận thêm việc ngoài giờ thì anh lại càng muốn ở trong nhà lâu hơn,

thậm chí anh chẳng rời khỏi nhà để đi nhận thư từ, mua hoa quả hay rượu trong những cửa hàng chỗ bến xe điện.

Sáu tháng trước, hồi tháng Chín, khi Shukumar đang dự một hội nghị khoa học ở Baltimore thì Shoba đau đẻ, ba tuần trước ngày dự tính. Anh không muốn đi dự hội nghị nhưng cô cứ khẳng khẳng muốn anh phải đi; việc tạo dựng những mối quan hệ là cần thiết vì chỉ năm sau thôi là anh đã phải đi làm. Cô nói cô có số điện thoại khách sạn của anh, bản phôi tờ chương trình làm việc lịch bay và cô đã nhờ anh bạn Gillian chở đến bệnh viện trong trường hợp khẩn cấp. Sáng đó, khi chiếc tắcxi rời đi sân bay, Shoba đứng vây anh. Cô mặc váy rộng, một tay đặt lên chỗ nổi cao của bụng, cứ như thể đó là một phần tự nhiên đến hoàn hảo của cơ thể cô.

Mỗi lần anh nghĩ về giây phút đó, giây phút cuối cùng anh nhìn thấy Shoba mang thai, điều anh nhớ nhất là chiếc xe, một loại xe có thêm chỗ cho hành khách hoặc để hành lý. Chiếc xe sơn đỏ và trên đó có những dòng chữ màu xanh. Nó thật là to so với chiếc xe của họ. Mặc dù Shukumar cao hơn mét tám, đôi tay anh quá to để có thể dứt một cách thoải mái vào túi quần bò thì khi ngồi ở băng ghế sau anh vẫn cảm thấy mình lùn tịt. Trong lúc chiếc xe lao đi dọc theo phố Beacon, anh tưởng tượng một ngày nào đó chính anh và Shoba sẽ phải mua một chiếc xe to như vậy để chở đám con cái đi học nhạc và đi bác sỹ răng. Anh tưởng tượng cảnh anh nắm chặt vô lăng trong lúc Shoba quay lại sau đưa cho lũ trẻ những hộp nước quả. Đã có lần, những tưởng tượng về việc làm cha mẹ khiến Shukumar lo lắng, thêm vào đó là mối băn khoăn rằng ở cái tuổi ba mươi lăm rồi mà anh vẫn còn đi học. Nhưng vào buổi sáng sớm mùa thu đó, khi hàng cây ven đường trĩu nặng những chiếc lá vàng đã ngả màu đỏ đồng, lần đầu tiên anh vui mừng đón nhận cảnh tượng này.

Bằng cách nào đó, một thành viên của đoàn đã tìm thấy anh ở một trong những căn phòng hội nghị giống hệt nhau và đưa cho anh mẫu giấy cứng hình vuông. Đó chỉ là số điện thoại nhưng Shukumar biết ngay rằng đó là số điện thoại bệnh viện. Khi anh trở về Boston thì mọi chuyện đã kết thúc. Đứa trẻ đã chết trước khi được sinh ra. Shoba nằm trên giường, thiêm thiếp ngủ, trong một căn phòng riêng nhỏ đến mức hầu như chỉ còn đủ chỗ để đứng cạnh giường cô, trong một khu của bệnh viện mà họ chưa tới trong chuyến tham quan dành cho những ông bố bà mẹ tương lai. Bánh nhau của Shoba bị suy yếu và người ta phải mổ để lấy thai ra nhưng đã quá muộn. Ông bác sỹ giải thích rằng những chuyện như thế vẫn xảy ra. Ông ta cười với vẻ thân thiện nhất mà ông có thể cười được với những người chỉ biết qua công việc. Vài tuần nữa Shoba sẽ lại sức. Chẳng có dấu hiệu nào chỉ ra rằng cô không thể có con trong tương lai.

Những ngày này, Shoba luôn luôn đi làm trước cả khi Shukumar tỉnh dậy. Anh thường mở mắt và nhìn thấy những sợi tóc dài màu đen của cô vương trên gối. Khi đó anh nghĩ về cô, lúc này đã mặc quần áo chỉnh tề, đang nhấm nháp cốc cà phê thứ ba trong văn phòng ở trung tâm thành phố, nơi cô tìm lỗi in ấn trong các cuốn sách và đánh dấu chúng bằng những chiếc bút chì màu, theo một kiểu mã mà đã có lần cô giải thích cho anh. Cô cũng sẽ sửa bản luận án của anh như thể khi nào anh viết xong, cô hứa vậy. Anh ghen tỵ với nét đặc trưng của công việc cô làm, nó không giống với bản chất khó nắm bắt của công việc anh theo đuổi. Anh là một sinh viên tầm thường, một người có khả năng hấp thụ những chi tiết mà không tò mò am hiểu thêm nhiều. Cho đến tận tháng Chín anh vẫn là một sinh viên chăm chỉ nếu không nói là rất cần cù. Anh tóm tắt các chương, phác thảo lý lẽ trên những tập giấy có dòng kẻ màu vàng. Nhưng giờ đây anh thường nằm trên giường đến chán nhìn ngán tử của anh mà Shoba luôn để hơi hé, nhìn hàng áo vét vải tuyết xi và những chiếc quần nhung kẻ mà anh sẽ chẳng phải chọn lựa gì khi đi dạy học kỳ đó. Sau khi đứa bé mất đi thì đã quá muộn để rút lui khỏi việc dạy học nhưng thầy giáo hướng dẫn đã thu xếp tự dạy học kỳ mùa xuân. Shukumar đang học đại học năm thứ sáu.

- Học kỳ đó và mùa hè sẽ phải thúc đẩy cậu, - ông thầy giáo nói. - Cậu sẽ có thể hoàn thành mọi việc vào khoảng tháng Chín sang năm.

Nhưng chẳng có gì thúc đẩy Shukumar cả. Thay vào đó anh nghĩ đến chuyện anh và Shoba đã trở thành chuyên gia trong việc né mặt nhau trong ngôi nhà ba phòng ngủ của họ như thế nào. Họ cố gắng ở mỗi tầng riêng biệt trong khoảng thời gian lâu nhất có thể được. Anh nghĩ đến chuyện anh không còn mong chờ những ngày cuối tuần nữa. Những ngày đó cô ngồi lý hàng giờ trong ghế bành với những cây bút chì màu và tập tài liệu đến mức anh sợ rằng sẽ là khiếm nhã nếu bật nhạc trong ngôi nhà của chính mình. Anh nghĩ đến chuyện đã bao lâu rồi cô không nhìn vào mắt anh và cười, hay thì thầm tên anh vào những dịp hiếm hoi khi họ tìm thân thể nhau trước khi ngủ.

Ban đầu anh nghĩ rằng mọi chuyện sẽ qua đi, rằng anh và Shoba sẽ bằng cách nào đó vượt qua chuyện này. Cô mới chỉ ba mươi ba tuổi. Cô đã khoẻ mạnh trở lại. Nhưng điều đó cũng không an ủi được anh. Thường đến gần bữa trưa anh mới nhắc mình ra khỏi giường và lê xuống tầng dưới đến chỗ bình cà phê, rót phần cà phê Shoba dành cho anh vào chiếc cốc đặt cạnh bình trên mặt tủ.

Shukumar thu nhặt đám vỏ hành rồi thả chúng vào thùng rác, bên trên những dải mỡ anh lọc ra từ miếng thịt cừu non. Anh vặn nước trong bồn rửa, rửa con dao và cái thớt, rồi dùng miếng chanh xát dọc theo các ngón tay cho hết mùi tỏi, một mẹo anh học được của Shoba. Đã bảy giờ rồi. Qua ô cửa sổ anh nhìn thấy bầu trời giống như một sân bóng mềm mại màu đen. Những bờ tuyết cao thấp không đều vẫn trải dài dọc theo con đường dành cho người đi bộ dù trời khá ấm và có thể đi dạo mà không cần đội mũ hay đeo găng tay. Trong trận bão cuối cùng, một lớp tuyết dày tới gần mét đã rơi xuống, vậy là suốt cả tuần liền mọi người phải đi hàng một trên những dải đường hẹp. Đó là lý do để Shukumar không rời khỏi nhà trong cả một tuần. Nhưng bây giờ những dải đường như vậy đã rộng ra rồi và nước chảy đều đặn thành rãnh vào những tấm lưới trên vỉa hè.

- Tám giờ thì thịt cừu vẫn chưa chín đâu, - Shukumar nói. - Chắc chúng mình phải ăn trong bóng tối mất.

- Chúng mình có thể đốt nến, - Shoba đề xuất ý kiến.

Cô thả tung mớ tóc cả ngày được búi gọn gàng sau gáy, rút chân ra khỏi đôi giày mà không cần cởi dây.

- Em đi tắm trước khi mất điện đây, - cô nói rồi đi tới cầu thang. - Em sẽ xuống ngay thôi.

Shukumar đem chiếc túi và đôi giày của cô tới bên cạnh tủ lạnh. Ngày trước cô không như thế này. Ngày trước cô thường treo áo khoác lên mắc, đặt giày vào tủ giày và thanh toán các hoá đơn ngay khi người ta mang đến. Nhưng bây giờ cô sống ở đây như một người khách. Chuyện chiếc ghế bành bọc vải hoa sắc sỡ màu vàng trong phòng khách đối chọi với tấm thảm Thổ Nhĩ Kỳ màu xanh pha nâu không còn làm cô bận tâm nữa. Ở hiên sau được che kín của ngôi nhà, chiếc túi trắng diêm dúa vẫn nằm đó trên ghế băng. Trong túi đầy những dải ren mà đã có lúc nào đó cô định làm rèm cửa.

Trong lúc Shoba tắm, Shukumar vào phòng tắm ở tầng dưới và tìm thấy một chiếc bàn chải còn mới nguyên trong hộp bên dưới bồn rửa. Những sợi lông bàn chải cứng, rể tiền chọc vào nhau và anh nhổ ra một ít máu. Chiếc bàn chải dự trữ này là một trong nhiều chiếc để trong cái làn sắt. Shoba mua nó khi một lần họ đến chỗ bán hàng hạ giá, để phòng trường hợp có người khách nào đó vào phút cuối cùng quyết định ngủ lại nhà họ.

Đó là tính cách của cô. Cô là người luôn chuẩn bị tinh thần cho những chuyện bất ngờ dù tốt hay xấu. Nếu cô thấy có cái váy hay chiếc ví cô thích thì cô sẽ mua hai cái. Những món tiền thường ở chỗ làm cô gửi vào một tài khoản riêng trong ngân hàng mang tên cô. Điều đó chẳng khiến anh bận tâm. Mẹ anh đã hoàn toàn suy sụp khi cha anh mất đi. Bà rời bỏ ngôi nhà nơi anh đã lớn lên và trở về Calcutta, để mặc Shukumar một mình tự giải quyết mọi việc. Anh dễ chịu thấy Shoba là người khác hẳn. Khả năng suy đoán trước mọi chuyện của cô làm anh kinh ngạc. Ngày trước, khi cô còn hay đi mua bán, tủ đồ ăn luôn đầy ắp những lọ dầu ôliu và dầu ngô dự trữ, tùy thuộc vào chuyện họ nấu món ăn Ý hay Ấn Độ. Hàng đống những lọ mì mọi hình dáng và màu sắc, những túi kéo khoá đựng gạo, những tảng thịt cừu, dê mua của những người bán thịt theo đạo Hồi ở chợ Haymarket. Những tảng thịt đó được chặt nhỏ, cho vào túi nilông rồi đóng đá. Cứ cách một thứ Bảy họ lại lang thang trong những quầy hàng Shukumar đã thuộc như lòng bàn tay. Anh cảm thấy không thể tin được khi nhìn cô cứ mua thêm đồ ăn mãi. Anh cầm chiếc túi vải dày đi theo sau cô trong lúc cô len lỏi qua đám đông, dưới ánh mặt trời buổi sáng cô tranh luận với những cậu bé vẫn còn quá trẻ để có thể cạo râu nhưng đã rung rảng, với những người bán hàng đang buộc những chiếc túi giấy nâu đựng atisô, mận, gừng và khoai lang, đặt chúng lên cân rồi lần lượt đưa cho Shoba. Cô không ngại bị xô đẩy, thậm chí cả khi cô mang thai. Cô cao, vai rộng với đôi hông mà bác sỹ sản khoa khẳng định là sinh ra cho việc sinh nở. Trên đường lái xe về nhà, khi chiếc xe lượn vòng theo con phố Charles, họ luôn luôn tự ngạc nhiên thấy mình mua quá nhiều đồ ăn.

Chẳng bao giờ họ phải bỏ phí đồ ăn cả. Khi có bạn bè tình cờ đến chơi, Shoba thường nấu những bữa ăn mà trước đây cô đã mất cả nửa ngày để chuẩn bị, từ những thứ cô đã làm đông lạnh và đóng chai, không phải những thứ đồ hộp rẻ tiền mà là ớt cô tự ướp với lá hương thảo, tương ớt cô làm vào những ngày Chủ nhật, những lọ bột cà chua và mận khô. Những lọ đồ ăn có dán nhãn của cô đứng xếp hàng trên các giá bếp, theo một hình tháp vô tận mà họ nghĩ rằng đủ để con cháu nếm. Bây giờ thì họ đã ăn hết rồi: Shukumar “tấn công” chỗ đồ ăn dự trữ một cách bền bỉ, nấu những bữa ăn cho hai người, đóng những cốc gạo, ngày này qua ngày khác làm tan đá những gói thịt. Mỗi chiều anh lại cúi mũi vào cuốn sách dạy nấu nướng của cô, theo chỉ dẫn được đánh dấu bằng bút chì của cô để dùng hai thìa nhỏ hạt mù tạt thay vì một, hay dùng đậu đỏ chứ không dùng đậu vàng. Công thức nào cũng có đánh dấu ngày - ngày đầu tiên họ đã cùng nhau ăn món đó. Ngày 2 tháng Tư - súp lơ xào thì là. 14 tháng Giêng - gà hầm quả hạnh và nho. Anh chẳng còn nhớ gì về chuyện họ ăn những món đó nhưng chúng ở đây, được đánh dấu bằng nét chữ gọn gàng của người sửa bản in. Giờ đây Shukumar thấy thích thú chuyện nấu nướng. Đó là công việc khiến anh cảm thấy mình có ích. Anh biết, nếu không phải vì anh thì Shoba sẽ ăn một bát đồ ăn sẵn bằng ngũ cốc thay cho bữa tối.

Tối nay, khi không có điện, họ sẽ ăn cùng nhau. Đã hàng tháng rồi họ lấy đồ ăn từ bếp rồi anh thường đem đĩa mình vào phòng làm việc, để mặc nó nguội trên bàn trước khi uể oải nhét vào miệng, còn Shoba thì đem đĩa đồ ăn vào phòng khách và vừa ăn vừa xem ti vi hay lại sửa bản in thử với những chiếc bút chì màu trong tay.

Tối tối vào một lúc nào đó cô có vào thăm anh. Khi nghe tiếng chân cô đến gần anh cất cuốn tiểu thuyết đi rồi bắt đầu đánh máy. Cô thường đặt tay lên vai anh rồi cùng anh nhìn lên màn hình máy tính rực màu sáng xanh.

- Anh đừng làm việc nhiều quá nhé, - thường sau một hai, phút cô nói vậy rồi đi về phòng ngủ. Đó là lần duy nhất trong ngày cô tìm anh và anh bắt đầu thấy sợ chuyện đó vì anh biết cô ép mình phải làm vậy. Cô thường nhìn các bức tường xung quanh phòng. Căn phòng này họ cùng nhau trang trí hồi mùa hè năm ngoái. Tường có đường viền hình những con vịt và thỏ vừa đi diễu hành vừa thổi kèn và đánh trống. Dịp cuối tháng Tám thì bên dưới cửa sổ có một chiếc

cũn trẻ con màu đỏ, một bàn thay tã màu trắng với nhữn nốt bầm màu xanh lá cây, một ghế xích đu có gối kẻ ô vuông. Shukumar đã thu dọn tất cả nhữn thứ đó trước khi đón Shoba từ bệnh viện về. Anh dùng một chiếc bay nhỏ lột nhữn con thỏ, con vịt ra khỏi tường. Vì một lý do nào đó mà căn phòng không ám ảnh Shukumar như nó ám ảnh Shoba. Hồi tháng Giêng, khi anh thôi làm việc ở phòng làm việc cá nhân tại thư viện, anh đặt bàn viết của mình ở đây, một phần vì căn phòng làm anh thấy lòng dịu lại, một phần vì đây là nơi Shoba tránh không muốn đến.

Shukumar quay trở lại bếp và bắt đầu mở các ngăn kéo. Anh cố tìm cây nến giữa nhữn kéo, cái đánh trứng, cối, chày mà Shoba đã mua tại một chợ ở Calcutta và sau đó dùng để giã tỏi và bạch đậu khấu khi cô đã quen sử dụng nó. Anh tìm thấy chiếc đèn pin không có pin và một nửa hộp nến sinh nhật. Tháng Năm năm ngoái Shoba đã tặng anh một món quà sinh nhật thật bất ngờ. Một trăm hai mươi người ngập đầy căn nhà - tất cả nhữn người bạn và bạn của nhữn người bạn mà giờ đây họ lẫn tránh một cách có hệ thống. Nhữn chai rượu vang nằm xếp hàng trên lớp đá trong bồn tắm. Shoba lúc đó đang mang thai tháng thứ năm. Cô uống rượu gừng trong chiếc ly thường dùng uống rượu máctin. Cô đã làm một chiếc bánh nướng với sữa trứng và đường. Suốt cả buổi tối cô luôn giữ nhữn ngón tay dài của Shukumar trong tay mình trong lúc họ đi cụng ly với khách khứa.

Từ tháng Chín đến giờ, người khách duy nhất của họ là mẹ Shoba. Từ Arizona bà đến và ở lại với họ hai tháng sau khi Shoba từ bệnh viện về. Chiều chiều bà nấu ăn, tự mình lái xe đi siêu thị, giặt giũ quần áo của họ rồi gấp chúng gọn gàng. Bà là người ngoan đạo. Bà thu xếp đặt một bàn thờ nho nhỏ trên chiếc bàn ở góc phòng khách: một khung tranh trong đó là ảnh nữ thần có khuôn mặt hoa oải hương, một chiếc đĩa đựng nhữn cánh hoa cúc vạn thọ, và bà cầu nguyện cho nhữn đứa cháu khỏe mạnh trong tương lai. Bà đối xử với Shukumar rất lịch sự nhưng khách khí. Bà gấp quần áo của anh với sự điêu luyện bà học được trong công việc của mình ở cửa hàng. Bà đem lại chiếc cúc áo bị đứt trên áo khoác mùa đông của anh, đan cho anh chiếc khăn quàng cổ màu be và màu nâu, đưa nó cho anh không chút khách khí, cứ như thể nó là của anh và anh vừa làm rơi mà không nhận ra. Bà không bao giờ nói chuyện với anh về Shoba; một lần, khi anh nói về cái chết của đứa trẻ, đang đan bà ngừng đầu lên:

- Nhưng lúc đó anh thậm chí còn chẳng có mặt ở đây cơ mà.

Anh cảm thấy thật kỳ lạ là trong nhà chẳng còn một cây nến tử tế nào. Rằng Shoba không chuẩn bị tinh thần cho một chuyện thường ngày đến thế. Giờ đây thì anh tìm một cái gì đó để cắm nhữn cây nến sinh nhật và cuối cùng anh cắm nó vào lớp đất ở bình trồng hoa thường xuân để trên bệ cửa sổ. Mặc dầu cây hoa chỉ cách vòi nước có vài xăngtimét vậy mà lớp đất ở đó khô đến mức anh phải vẩy nước vào mới cắm được nhữn cây nến. Anh dọn nhữn thứ trên bàn ăn sang một bên, nhữn tập thư tín, nhữn cuốn sách của thư viện mà anh vẫn chưa đọc. Anh nhớ lại nhữn bữa ăn đầu tiên của họ ở đây, khi họ xúc động vô cùng vì cuối cùng họ đã cưới nhau, được sống cùng nhau trong cùng một ngôi nhà, đến mức họ hay điên rồ âu yếm nhau, muốn làm tình với nhau hơn là muốn ăn. Anh đặt xuống bàn hai tấm lót có thêu viền xung quanh, món quà cưới của ông chú ở Lucknow. Sau đó anh bày ra nhữn chiếc đĩa và cốc uống rượu họ vẫn hay dùng mỗi khi có khách khứa. Anh đặt chậu cây thường xuân ra giữa bàn. Mười ngọn nến nhỏ bao bọc nhữn chiếc lá hình trái tim màu trắng và có đầu lá nhọn. Anh bật đèn lên và chuyển sang phần nhạc jaz.

- Cái gì vậy? - Shoba hỏi khi cô đi xuống.

Tóc cô được quấn trong một chiếc khăn bông trắng. Cô bỏ khăn ra, vắt nó lên thành ghế rồi buông xoắn mái tóc đen còn ướt xuống lưng. Vừa lơ đãng đi đến bên bếp cô vừa dùng ngón tay

gỡ vài lọn tóc rối. Cô mặc một chiếc quần bó, áo sơ mi, áo choàng vải phanen. Bụng cô giờ đây lại phẳng phiu, bên trên hông vòng eo trông thon gọn, chiếc thắt lưng áo choàng buộc lỏng lẻo.

Đã gần tám giờ. Shukumar đặt món cơm lên bàn, đặt món đậu lăng còn lại từ bữa tối hôm qua vào lò vi sóng rồi bấm nút hẹn giờ.

- Anh làm món *rogan josh* [1] à, - Shoba quan sát, nhìn qua nắp vung thủy tinh của nồi hầm.

Shukumar lấy ra một miếng thịt cừu, dùng thìa thử xem một miếng to để biết chắc là thịt đã nhừ, dễ dàng tuột khỏi xương.

- Nhừ rồi đấy - anh tuyên bố.

Lò vi sóng kêu píp píp và ánh sáng vụt tắt, nhạc cũng tắt nốt.

- Đặt giờ chuẩn thật, - Shoba nhận xét.

- Tất cả những gì anh có thể tìm thấy là những cây nến sinh nhật này.

Anh đốt sáng cây thường xuân, giữ những ngọn nến còn lại và hộp diêm cạnh đĩa mình.

- Không sao cả, - cô nói, vuốt ngón tay dọc theo chiếc cốc uống rượu. - Trông đẹp lắm.

Trong ánh sáng mờ mờ anh biết rất rõ cô ngồi như thế nào, hơi nghiêng về phía trước một chút trong chiếc ghế, mắt cá chân đặt chéo lên thanh ngang dưới cùng, cùi tay trái đặt lên bàn. Trong lúc tìm nến Shukumar thấy một chai rượu vang trong chiếc thùng ban đầu anh nghĩ là thùng không. Anh kẹp chai rượu giữa hai đầu gối trong lúc cổ ấn cái vặn nút chai. Anh sợ rượu tràn ra, vì vậy anh cầm hai chiếc cốc lên, giữ chúng gần như trong lòng khi rót rượu vào đó. Họ ăn uống, dùng đĩa xúc cơm, nheo mắt khi lấy những chiếc lá nguyệt quế và tỏi ra khỏi món ninh. Cứ vài phút, Shukumar lại đốt thêm mấy ngọn nến và cắm chúng vào lớp đất của chậu cây.

- Giống như ở Ấn Độ ý, - Shoba nói, nhìn anh chỉnh sửa cái thay thế tạm thời cho chân nến. - Thỉnh thoảng mất điện hàng giờ ấy chứ. Một lần em đã phải dự cả một buổi lễ ăn dặm [2] trong bóng tối hoàn toàn. Đứa trẻ cứ khóc mãi. Chắc là nóng kinh khủng.

Đứa con của họ chẳng bao giờ khóc cả, Shukumar nghĩ. Đứa con của họ sẽ chẳng bao giờ có được một buổi lễ ăn dặm, dù rằng Shoba đã lập danh sách khách mời và quyết định chuyện sẽ nhờ ai trong số ba anh em trai của cô bón cho đứa bé thìa thức ăn đặc đầu tiên, vào tháng thứ sáu nếu như đó là con trai, vào tháng thứ bảy nếu đó là con gái.

- Em có nóng không? - anh hỏi cô. Anh đẩy chậu cây thường xuân sang đầu bàn bên kia. gần hơn với đồng sách và thư từ, làm họ thậm chí còn khó nhìn thấy nhau hơn. Bỗng dưng anh cảm thấy bức bối là anh không thể đi lên tầng và ngồi vào máy tính.

- Không! Ngon ghê! - cô nói dùng đĩa gõ gõ vào đĩa mình. - Ngon thật đấy.

Anh rót thêm rượu vào cốc cho cô. Cô cảm ơn anh.

Trước kia họ không như thế này. Giờ đây anh hay phải gắng nói một điều gì đó khiến cô quan

tâm, một điều gì đó khiến cô ngẩng lên khỏi đĩa của mình, hay khỏi những trang in thử. Cuối cùng thì anh đành bỏ, không cố làm cô vui nữa. Anh đã học được cách không để ý đến sự im lặng.

- Em nhớ lại những lần mất điện ở nhà bà em, ai cũng phải nói một điều gì đó, - Shoba tiếp tục.

Anh hầu như không nhìn thấy mặt cô nhưng qua giọng cô anh biết mắt cô đang nheo lại, như thể cố gắng tập trung vào một vật gì đó ở xa. Đó là thói quen của cô.

- Nói cái gì?

- Em không biết. Một bài thơ ngắn. Một mẩu chuyện cười một tin tức gì đó trên thế giới. Vì lý do nào đó những người họ hàng luôn muốn em nói cho họ tên những người bạn của em ở Mỹ. Em chẳng hiểu sao chuyện này lại khiến họ quan tâm đến thế. Lần cuối cùng khi em gặp dì, dì hỏi em về bốn cô bé em học cùng hồi cấp một ở Tucson. Bây giờ em hầu như chẳng còn nhớ họ nữa.

Shukumar không ở Ấn Độ nhiều như Shoba. Cha mẹ anh định cư ở New Hampshire và thường về Ấn Độ mà không cho anh đi cùng. Lần đầu tiên anh về đó khi còn là một đứa trẻ bé tí xíu và anh đã suýt chết vì kiệt lực. Cha anh, một người hay mất bình tĩnh, sau đó không dám đưa anh đi lần nào nữa, sợ nhớ có điều gì xảy ra và thường gửi anh cho chú thím anh ở Concord. Khi đã lớn hơn, anh thích đi cắm trại, bơi thuyền hay ăn kem hơn là làm một cuộc hành trình về Calcutta. Mãi tới tận khi cha anh mất, đó là lúc anh học đại học năm cuối thì đất nước đó mới bắt đầu khiến anh quan tâm. Anh nghiên cứu lịch sử Ấn Độ trong những cuốn sách giáo khoa như thể đó là một môn học bất kỳ nào khác. Giờ đây anh tiếc là anh không có những câu chuyện về thời thơ ấu của chính mình ở Ấn Độ.

- Chúng mình hãy chơi trò đó đi, - bỗng dưng cô nói.

- Chơi cái gì?

- Nói với nhau một điều gì đó trong bóng tối.

- Nói gì chứ? Anh chẳng biết truyện cười nào cả.

- Không, không phải truyện cười, - cô nghĩ một lát. - Anh nghĩ sao về việc nói cho nhau những điều mà chúng mình chưa nói trước kia.

- Anh hay chơi trò này hồi còn học cấp ba, khi anh say, - Shukumar nhớ lại.

- Anh đang nghĩ về sự thật hay sự thách thức. Cái này khác nhau đấy. Thôi được, em sẽ bắt đầu, - cô uống một ngụm rượu. - Lần đầu tiên khi ở một mình trong phòng anh em tìm trong cuốn sổ điện thoại của anh xem anh có ghi số của em nào đó không. Em nghĩ lúc đó chúng mình biết nhau được hai tuần.

- Thế khi đó anh ở đâu?

- Anh đang nghe điện thoại ở một phòng khác. Đó là mẹ anh gọi và em nghĩ rằng anh sẽ nói chuyện lâu. Em muốn biết liệu anh đã viết lại địa chỉ em từ lễ từ báo chưa.

- Vậy anh đã viết lại chưa?

- Chưa, nhưng em không từ bỏ anh. Nào bây giờ thì đến lượt anh.

Anh chẳng nghĩ được gì cả nhưng Shoba đang chờ anh nói. Đã hàng tháng trời rồi cô chẳng hề chăm chú như thế này. Nói gì với cô bây giờ? Anh nhớ lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ, bốn năm trước, tại một giảng đường ở Cambridge: nơi một nhóm các nhà thơ Bàng-gan đọc thơ. Họ ngồi cạnh nhau trên những chiếc ghế gỗ gấp lại được. Chẳng mấy chốc Shukumar cảm thấy chán; anh không thể hiểu được cách diễn đạt mang tính văn học và không thể hoà cùng với những người còn lại mỗi khi họ thở dài hay gật đầu về trang trọng sau những đoạn nào đó. Nhìn vào tờ báo gấp trên đùi, anh nghiên cứu nhiệt độ các thành phố trên thế giới. Hôm qua ở Singapore 91° F, ở Stockholm 51° F. Khi quay đầu sang trái anh thấy bên cạnh là một người phụ nữ đang lập danh sách các thứ tạp phẩm ở cuối tập tài liệu và anh giật mình thấy cô thật đẹp.

- Ừ! - anh nói và nhớ lại. - Lần đầu tiên chúng mình đi ăn tối với nhau, đó là một nhà hàng Bồ Đào Nha, anh quên không boa cho người hầu bàn. Sáng hôm sau anh quay lại đó hỏi tên anh ta và đề tiền lại chỗ người quản lý.

- Anh đi cả đoạn đường đến Somerville chỉ để boa cho người hầu bàn ư?

- Anh đi tắc xi.

- Tại sao anh lại quên không boa?

Những ngọn nến sinh nhật đã cháy hết nhưng trong bóng tối anh vẫn nhìn thấy khuôn mặt cô rất rõ ràng, đôi mắt to hơi nghiêng nghiêng, đôi môi dày mong màu hồng, vết ngã từ trên ghế cao lúc cô lên hai vẫn còn rõ như một dấu phẩy trên cằm. Cứ mỗi ngày Shukumar lại thấy vẻ đẹp của cô, cái đã làm anh choáng váng, hình như đang lui dần. Việc trang điểm trước kia dường như là thừa thì giờ đây trở nên cần thiết, không phải để làm cô đẹp thêm mà bằng một cách nào đó để định rõ tính cách cô.

- Vào cuối bữa ăn anh có một cảm giác ngồ ngệ là nhất định anh phải cưới em. - anh nói, thú nhận với cô cũng như với bản thân mình lần đầu tiên. - Chắc chuyện đó làm anh quên mất phải boa.

Chiều hôm sau Shoba về sớm hơn thường lệ. Món thịt cừu từ tối hôm trước vẫn còn và Shukumar chỉ hâm nóng lên để họ có thể ăn trước bảy giờ. Hôm nay anh đã ra khỏi nhà, đi qua những đám tuyết đang tan đến cửa hàng ở góc phố mua một hộp nến, mấy cục pin cho chiếc đèn pin. Anh để những cây nến lên bệ quầy bếp, cắm chúng vào những chân nến bằng đồng hình hoa sen nhưng họ đã kịp ăn tối dưới ánh sáng rực rỡ của ngọn đèn trần phía trên bàn ăn.

Khi họ ăn xong, Shukumar ngạc nhiên thấy Shoba đặt đĩa của cô lên trên chiếc của anh rồi mang chúng ra bồn rửa. Anh đã nghĩ rằng cô sẽ đi về phòng khách, giấu mình sau chồng tài liệu.

- Em không phải lo lắng chuyện bát đĩa đâu, - anh nói, cầm những chiếc đĩa từ tay cô.

- Nếu không rửa thì có vẻ vô lý quá. - cô trả lời, đổ một giọt nước rửa bát lên miếng giẻ. - Gần tám giờ rồi.

Tim anh đập dồn. Cả ngày Shukumar mong chờ lúc mất điện. Anh nghĩ về những điều Shoba nói tối hôm trước, về chuyện cô xem xét cuốn sổ ghi địa chỉ của anh. Để chịu biết bao nhớ lại cô khi đó. Cô thật bạo dạn mà cũng thật lúng túng khi lần đầu họ gặp nhau, cô đối với anh đầy hứa hẹn. Họ đứng bên nhau cạnh bồn rửa bát, bóng họ chập vào nhau trên khung cửa sổ. Anh thấy ngượng như khi lần đầu tiên họ cùng nhau đứng trước gương. Anh không thể nhớ nổi lần cuối cùng họ cùng chụp ảnh. Họ đã thôi không đi những bữa tiệc tùng, chẳng đi đâu cùng nhau cả. Cuộn phim trong máy ảnh vẫn còn giữ lại hình ảnh Shoba ở trong sân khi cô mang thai.

Rửa xong bát đĩa họ đứng dựa vào quầy bếp, lau khô tay bằng hai đầu chiếc khăn. Đứng tám giờ cả căn nhà trở nên tối om. Shukumar đốt sợi bông đầu ngọn nến và bắt chột cảm thấy sợ ngọn lửa dài, bền bỉ của chúng.

- Hay chúng mình ra ngồi ngoài hiên đi. - Shoba nói. Trời vẫn còn ấm đấy.

Mỗi người cầm một ngọn nến ra ngồi trên bậc cửa. Có vẻ như hơi kỳ cục ngồi ngoài trời trong khi những đống tuyết vẫn còn trên mặt đất. Nhưng đêm nay ai cũng ra khỏi nhà. Không khí trong lành làm cho mọi người thấy bồn chồn. Những tấm cửa kính đóng vào rồi mở ra. Một nhóm những người hàng xóm cầm đèn pin đi ngang qua.

- Tụi mình đi đến cửa hàng sách đọc tí chút, - người đàn ông tóc màu sáng bạc nói. Ông ta đi cùng vợ, một phụ nữ gầy gò trong chiếc áo gió và dắt theo một con chó. Họ là hai ông bà Bradfords. Hồi tháng Chín họ đã gửi một tấm thiệp chia buồn vào hòm thư của Shoba và Shukumar.

- Tôi thấy bảo ở đó có điện.

- Có thì tốt, - Shukumar trả lời. - Không thì ông bà sẽ phải đọc trong bóng tối mất.

Người phụ nữ cười: luồn tay qua cánh tay người chồng.

- Có muốn đi cùng chúng tôi không?

- Cám ơn bà, chúng tôi không đi đâu. - Shoba và Shukumar đồng thanh trả lời. Shukumar ngạc nhiên thấy những lời của anh hoà vào cùng những lời của Shoba.

Anh tự hỏi không biết Shoba sẽ nói gì với anh trong bóng tối. Khả năng tồi nhất lướt qua óc anh. Rằng cô có một chuyện tình. Rằng cô không kính trọng anh vì anh đã ba mươi tuổi và vẫn chỉ là một anh chàng sinh viên. Rằng cô trách anh vì khi đó anh ở Baltimore như mẹ cô đã trách anh. Nhưng anh biết những điều đó không phải là như vậy. Cô luôn chung thủy, cũng như anh. Cô tin anh. Chính là cô khẳng khẳng muốn anh đi Baltimore. Họ còn gì không biết về nhau nữa? Anh biết cô hay nắm chặt các ngón tay trong lúc ngủ, rằng cơ thể cô hay co lại trong những cơn ác mộng. Anh biết cô thích dưa bở xanh hơn là dưa đỏ. Anh biết khi họ từ bệnh viện trở về, điều đầu tiên cô sẽ làm khi bước vào nhà là lấy những vật dụng của họ và ném thành đống ở hành lang: sách vở trên giá, cây cảnh trên các giá sách, ảnh chụp trên bàn, tranh ảnh trên tường, những xoong chảo treo trên móc trong bếp. Shukumar tránh ra khỏi lối đi của cô, nhìn theo trong lúc cô di động như cái máy từ phòng này sang phòng khác. Khi đã thoả mãn, cô đứng đó nhìn đống lộn xộn bản thân vừa tạo nên, môi cô mím lại biểu hiện một sự ghê tởm đến mức Shukumar nghĩ cô sắp sửa khóc. Rồi cô bật khóc.

Anh bắt đầu cảm thấy lạnh khi ngồi đây, trên những bậc thềm này. Anh cảm thấy anh cần cô nói chuyện trước để rồi anh đáp lại.

- Khi mẹ anh đến thăm chúng ta, - cuối cùng thì cô nói, - một hôm em nói em phải làm việc muộn nhưng thực ra là em đi chơi với Gillian và em uống rượu máctin.

Anh nhìn khuôn mặt nghiêng của cô, chiếc mũi thanh tú, cảm hơi có vẻ đàn ông. Anh nhớ buổi tối hôm đó rất rõ; anh ngồi ăn tối với mẹ anh, một mẻ vì dạy hai lớp liền, mong ước có Shoba ở đó để cô nói những điều thích hợp hơn vì anh toàn nói những điều không nên. Lúc đó cha anh mất đã mười hai năm và mẹ anh đến ở với họ hai tuần để họ có thể cùng nhau nhớ đến cha anh. Tối nào mẹ anh cũng nấu một món nào đó mà cha anh trước kia thích nhưng bà buồn quá nên không thể tự ăn món đó và mắt bà thường mọng lên mỗi khi Shoba nắm tay bà. “Thật cảm động”, - ngày đó Shoba nói với anh như vậy. Giờ đây anh tưởng tượng Shoba ngồi bên Gillian và yêu cầu anh ta đưa cho cô điều thuốc, trong một quán rượu với những chiếc ghế bọc nhung kẻ - quán rượu họ thường hay đến sau khi xem phim để cô uống thêm ly cốc-tai có quả ôliu. Anh tưởng tượng cô phàn nàn và Gillian thì thông cảm về chuyến viếng thăm của bà mẹ chồng. Chính Gillian là người đã chở cô đến bệnh viện.

- Đến lượt anh đấy, - câu nói của cô chấm dứt những suy nghĩ của anh.

Ở cuối con phố Shukumar nghe thấy tiếng khoan và tiếng la hét của những người thợ điện. Anh nhìn những mặt tiền tối tăm của các ngôi nhà dọc theo con phố. Những ngọn nến sáng rực rỡ nơi cửa sổ một ngôi nhà. Dù trời ẩm áp, từ ống khói vẫn có một dòng khói thoát ra.

- Anh đã gian dối trong kỳ thi về nền văn minh phương Đông khi học ở trường cao đẳng, - anh nói. - Đó là kỳ cuối cùng, môn thi cuối cùng. Cha anh lúc đó mới mất được mấy tháng. Anh có thể nhìn thấy quyển sách màu xanh của anh chàng ngồi bên. Đó là một anh chàng người Mỹ, một tên cuồng. Anh ta biết tiếng Urdu^[3] và tiếng Phạn. Anh không thể nhớ bài thơ tui anh phải xác định có phải là một ví dụ của thể thơ trữ tình Ba Tư hay không. Anh nhìn câu trả lời của cậu ta và chép lại.

Chuyện đó xảy ra đã hơn mười lăm năm trước. Giờ đây anh cảm thấy nhẹ nhõm khi thú nhận chuyện đó với cô.

Cô quay lại phía anh, không nhìn vào khuôn mặt anh mà nhìn đôi giày của anh, đôi giày moccas cũ anh đi như thể đó là dép đi trong nhà, phần da phía đằng sau đã dần dần bẹp xuống. Anh tự hỏi không hiểu chuyện anh vừa kể có khiến cô quan tâm. Cô cầm tay anh, nắm chặt lấy nó.

- Anh không cần phải nói với em tại sao anh lại làm như vậy, - cô nói, ngồi xích lại gần anh hơn.

Họ cùng nhau ngồi ngoài thềm tới chín giờ, khi đèn sáng trở lại. Họ nghe thấy tiếng vỗ tay của những người bên kia đường từ hiên nhà họ và tiếng ti vi được bật lên. Ông bà Bradford đang đi ngược lại con phố, ăn kem ốc quế và vẫy tay. Shoba và Shukumar vẫy tay lại. Rồi sau đó họ đứng lên, tay anh vẫn trong tay cô và họ đi vào nhà

Chẳng biết bằng cách nào đó. chẳng nói gì cả, nó đã biến thành chuyện đó. Biến thành chuyện thú tội với nhau - những cái nhỏ nhặt mà họ đã làm thương tổn nhau và thương tổn chính bản thân mình. Ngày hôm sau Shukumar nghĩ hàng giờ về chuyện sẽ nói gì với cô. Anh bị giằng xé

giữa việc nói về chuyện có lần anh đã cắt bức ảnh một người phụ nữ trong cuốn tạp chí cô vẫn đặt và giữ nó trong những cuốn sách của anh suốt một tuần, hay nói về chuyện thực ra anh không đánh mất chiếc áo và cô mua tặng anh nhân kỷ niệm năm ba ngày cưới mà anh đã đổi sang tiền mặt ở cửa hàng Filene, và rằng anh đã uống say một mình vào buổi trưa ở quán rượu của khách sạn. Để kỷ niệm một năm ngày cưới, Shoba đã nấu cho anh một bữa tối có mười món. Chiếc áo vét làm anh buồn.

- Vợ tôi tặng tôi chiếc áo vét nhân kỷ niệm ngày cưới, - anh kêu ca với người phục vụ quầy rượu, đầu nặng trĩu vì rượu cô nhắc.

- Thế anh còn muốn gì? - người bán hàng hỏi. - Anh là người có vợ kia mà.

Còn về chuyện bức ảnh người phụ nữ, anh không hiểu tại sao lại cắt nó ra. Cô ta không đẹp như Shoba. Cô ta mặc một chiếc váy trang trí những vòng tròn nhỏ bằng nhựa, khuôn mặt râu rĩ và đôi chân gầy gò, hơi giống chân đàn ông. Tay cô ta giơ lên, hai nắm tay để gần đầu như thể cô ta đang chuẩn bị đâm vào tai mình. Đó là một quảng cáo tất. Hồi đó Shoba đang có thai, bụng cô bỗng dưng trở nên to đến mức Shukumar không muốn đụng vào cô nữa. Lần đầu tiên anh nhìn thấy bức ảnh là khi anh đang nằm trên giường bên cạnh Shoba, nhìn cô trong lúc cô đọc. Khi anh nhìn thấy cuốn tạp chí trong đồng giấy bỏ đi, anh tìm bức ảnh người phụ nữ và cẩn thận hết mức xé trang đó ra. Suốt một tuần, ngày nào anh cũng cho phép mình ngắm nhìn người phụ nữ đó. Anh cảm thấy ham muốn người phụ nữ một cách kỳ lạ, nhưng đó là sự ham muốn mà chỉ một hay hai phút sau đã biến thành sự ghê tởm. Đó là tội không chung thủy ghê gớm nhất mà anh đã phạm phải.

Anh nói với Shoba về chiếc áo vào đêm thứ ba, về bức ảnh vào đêm thứ tư. Trong lúc anh nói cô không thể hiện điều gì, chẳng phản đối cũng không trách móc. Cô chỉ đơn giản lắng nghe, và rồi khi đó cô cầm tay anh, vuốt ve như trước kia cô vẫn làm. Vào đêm thứ ba, cô kể cho anh nghe chuyện một lần sau khi họ cùng nghe một buổi giảng bài, cô đã để mặc anh nói chuyện với ông trưởng khoa mà không bảo anh là ở trên cầm anh có một tí đồ ăn còn dính lại. Lúc đó cô đang tức giận với anh điều gì đó, và vì vậy cô mặc cho anh cứ nói về việc đảm bảo những hoạt động của nhóm anh trong học kỳ sau mà không đưa tay lên cầm làm dấu cho anh. Đêm thứ tư, cô nói cô chưa bao giờ thích bài thơ mà có một lần trong đời anh đã được đăng trên một tạp chí văn học ở Utah. Anh viết bài thơ đó sau khi gặp Shoba. Cô nói thêm là cô thấy bài thơ uỷ mị quá.

Có một điều gì đó xảy ra khi ngôi nhà tối đen. Họ lại có thể trò chuyện với nhau. Đêm thứ ba sau bữa tối họ ngồi trên đi văng. Khi đèn tắt anh bắt đầu vụng về hôn lên trán cô, mặt cô, và mặc dù căn nhà tối om anh vẫn nhắm mắt lại và anh biết rõ mắt cô cũng nhắm nghiền. Đêm thứ tư họ thận trọng đi lên tầng, vào phòng ngủ, cả hai đôi chân cùng nhau thận trọng lần mò bậc thang cuối cùng trước khi bước lên chiếu nghỉ. Họ làm tình với một sự cuồng nhiệt đã bị lãng quên từ lâu. Cô khóc không thành tiếng, thì thầm tên anh. Trong bóng tối, những ngón tay cô lần theo đường lông mày của anh. Vừa làm tình với cô anh vừa nghĩ không biết tối hôm sau sẽ nói gì với cô, và liệu cô sẽ nói gì. Ý nghĩ đó làm anh hồi hộp.

- Ôm anh đi! - anh nói. - Ôm anh trong tay em đi!

Họ ngủ thiếp đi trước khi đèn dưới nhà bật sáng.

Sáng ngày thứ năm Shukumar thấy một tờ thông báo khác trong hộp thư của công ty điện lực. Đường dây đã được sửa xong sớm hơn dự kiến, tờ thông báo nói vậy. Anh cảm thấy thất

vọng. Anh đã có kế hoạch làm món tôm *malai* cho Shoba, nhưng khi đi đến cửa hàng, anh không còn có hứng thú làm gì nữa. Mọi việc chẳng còn như thế nữa, anh nghĩ vậy, biết rằng điện sẽ không mất. Ở cửa hàng tôm trông bé và ươn. Hộp nước dừa thì bụi bặm và quá đắt. Dù sao anh cũng mua, cùng với một cây nến sáp ong và hai chai rượu vang.

Cô về nhà lúc bảy rưỡi.

- Anh cho rằng đây là kết thúc trò chơi của chúng ta, anh nói khi thấy cô đọc tờ thông báo.

Cô nhìn anh.

- Anh vẫn có thể thắp nến nếu anh muốn.

Hôm nay cô không đến phòng tập. Bên dưới chiếc áo choàng là bộ đồ cô mặc ở công sở. Cô mới trang điểm lại chưa lâu.

Trong lúc cô đi lên tầng thay quần áo. Shukumar rót cho mình ít rượu và đặt vào máy một anbum của Thelomus Monk^[4] mà anh biết cô thích.

Khi cô xuống, họ cùng nhau ăn. Cô không cảm ơn hay khen anh. Họ đơn giản chỉ ngồi ăn trong căn phòng tối dưới ánh sáng của cây nến sáp ong. Một khoảng thời gian nặng nề trôi qua. Họ ăn xong món tôm. Họ đã uống hết chai rượu thứ nhất và chuyển sang chai thứ hai. Họ ngồi bên nhau cho tới khi ngọn nến cháy gần hết. Cô xoay người trên chiếc ghế và Shukumar nghĩ cô sắp sửa nói một điều gì đó. Nhưng thay vào đó cô thối tắt ngọn nến, đứng lên bật đèn và lại ngồi xuống.

- Hay chúng mình đừng bật điện lên vội? - Shukumar hỏi.

Cô đặt đĩa sang bên và siết chặt tay vào bàn.

- Em muốn anh nhìn thấy khuôn mặt em khi em nói điều này, - cô nói nhẹ nhàng.

Tim anh đập mạnh. Cái ngày cô nói với anh rằng cô có thai cô cũng nói những từ hệt như vậy, cũng dịu dàng như vậy sau khi đã tắt chương trình bóng chuyền anh đang xem trên ti vi. Khi đó anh chưa chuẩn bị tinh thần. Giờ đây thì anh đã sẵn sàng.

Chỉ có điều anh không muốn cô lại có thai. Anh không muốn phải giả vờ là hạnh phúc.

- Em tìm kiếm một căn hộ và em đã tìm thấy một căn, - cô nói, nheo mắt nhìn một cái gì đó có vẻ như sau vai trái anh. Đó không phải là lỗi của ai cả, cô tiếp tục. Họ đã trải qua khá đủ điều nặng nề rồi. Cô cần có một khoảng thời gian một mình. Cô có tiền tích góp cho trường hợp cần thiết. Căn hộ đó ở khu Beacon Hill vậy nên cô có thể đi bộ đến chỗ làm. Cô đã ký hợp đồng tối hôm qua, trước khi về nhà.

Cô không nhìn anh nhưng anh thì chăm chăm nhìn cô. Rõ ràng là cô đã diễn tập toàn bộ những chuyện này. Tất cả quãng thời gian này cô đã đi tìm một căn hộ, thử xem nước chảy có mạnh, hỏi người cho thuê xem tiền sưởi ấm và nước nóng đã được tính vào tiền thuê chưa. Chuyện này làm Shukumar thấy kinh tởm khi biết rằng cô dùng những buổi tối vừa qua để chuẩn bị cho một cuộc sống không có anh bên cạnh. Anh cảm thấy nhẹ nhõm đồng thời lại cảm thấy kinh tởm. Đó là điều cô cố gắng nói với anh trong bốn tối vừa qua. Đó là điều quan trọng nhất trong trò chơi của cô.

Giờ đây đến lượt anh nói. Có một điều anh đã thề sẽ không bao giờ nói cho cô biết và trong suốt sáu tháng trời anh đã cố gắng hết sức để chôn vùi nó trong trí óc mình. Trước khi siêu âm cô đã yêu cầu bác sỹ không nói đứa trẻ là con trai hay con gái và Shukumar đồng ý. Cô muốn đó sẽ là một điều bất ngờ.

Sau đó, một đôi lần hiếm hoi khi họ nói về chuyện xảy ra, cô nói rằng ít nhất họ cũng còn giữ được điều đó. Có cảm giác cô gần như tự hào về quyết định của mình vì nó cho phép cô kiểm tìm sự chạy trốn trong một điều bí mật. Anh biết cô cho rằng đó là điều bí mật cả đối với anh nữa. Anh từ Baltimore trở về quá muộn, khi tất cả mọi việc đã qua rồi và cô thì đang nằm trên chiếc giường bệnh viện. Nhưng anh không quá muộn. Anh đã quay trở về kịp để nhìn thấy đứa con của họ và bế nó trên tay trước khi họ đem nó đi hoả táng. Đầu tiên anh giật nảy mình trước đề nghị đó nhưng người bác sỹ nói việc ôm ấp đứa trẻ sẽ giúp anh bớt đau khổ. Shoba khi đó đang ngủ. Đứa bé được lau rửa sạch sẽ, mi mắt sưng phồng của nó nhắm chặt lại trước thế giới này.

- Con chúng mình là một đứa con trai, - anh nói. - Da nó đỏ chứ không nâu. Tóc màu đen. Nó nặng gần 5 pao [5]. Ngón tay nó nắm chặt như em vẫn hay nắm tay trong đêm ấy.

Giờ đây Shoba nhìn anh: mặt cô méo đi vì đau đớn. Anh đã gian dối trong kỳ thi, anh đã xé bức ảnh người đàn bà ra khỏi cuốn tạp chí, anh đã trả lại chiếc áo và uống rượu say giữa ban ngày. Đó là những điều anh nói với cô. Anh đã ôm đứa con trai của họ, ấp nó vào ngực mình trong căn phòng tối ở một khu họ chưa biết của bệnh viện: con người bé nhỏ mới chỉ biết sự sống lúc còn nằm trong cô. Anh đã ôm nó cho đến khi một y tá gõ cửa rồi mang nó đi. Ngày hôm đó anh hứa với mình rằng anh sẽ không bao giờ kể chuyện này cho Shoba, vì rằng lúc đó anh còn yêu cô và vì rằng cô muốn đó là một điều bất ngờ trong cuộc sống của mình.

Shukumar đứng dậy và đặt đĩa của mình lên trên đĩa cô. Anh đem những chiếc đĩa tới bên bồn rửa bát nhưng thay vì vặn vòi nước anh lại đứng đó nhìn ra ngoài cửa sổ. Ngoài kia, buổi tối vẫn còn ảm áp và hai ông bà Bradford đi dạo tay trong tay. Trong lúc anh dõi theo đôi vợ chồng, căn phòng chợt tối và anh quay người lại. Shoba đã tắt điện. Cô đi lại bàn và ngồi xuống. Một phút sau: Shukumar đến bên cô. Họ cùng khóc, vì những điều mà giờ đây họ đã biết.

KHI BÁC PIRZADA ĐẾN ĂN TỐI

Hồi mùa thu năm 1971. Một người đàn ông thường đến nhà chúng tôi mang theo mứt kẹo trong túi và niềm hy vọng biết về cuộc sống hay cái chết của gia đình mình. Tên người đàn ông đó là Pirzada, người Dacca. Bây giờ Dacca là thủ đô của Bangladesh nhưng hồi đó nó còn là một phần của Pakistan. Năm đó Pakistan lâm vào cuộc nội chiến. Biên giới phía đông, nơi có thành phố Dacca, đánh nhau với chế độ miền tây đòi quyền tự do. Vào tháng Ba Dacca bị quân đội Pakistan bao vây, thả bom và xâm chiếm. Giáo viên bị đẩy ra đường và bị bắn giết, phụ nữ bị lôi vào các nhà kho và bị hãm hiếp. Vào cuối mùa hè, người ta nói đã có ba trăm nghìn người bị chết. Ở Dacca bác Pirzada có một ngôi nhà ba tầng, công việc giảng dạy sinh vật ở trường đại học, bà vợ chung sống đã hai mươi năm và bảy cô con gái từ sáu đến mười sáu tuổi: tên cô nào cũng bắt đầu bằng chữ A. “Đó là ý thích của mẹ chúng” - một hôm bác vừa giải thích vừa lôi từ trong ví ra tấm ảnh bảy cô con gái trong một cuộc picnic. Các cô đều buộc nơ, ngồi bắt chéo chân thành hàng, ăn món cari gà trong những chiếc lá chuối. “Tôi phân biệt làm sao được cơ chứ: Ayesha, Amira, Amina, Aziza, mọi người thấy khó như thế nào rồi đấy.”

Hàng tuần bác Pirzada đều đặn viết thư cho vợ mình và gửi những cuốn truyện cười cho bảy cô con gái, nhưng hệ thống bưu điện cũng như tất cả mọi cái khác ở Dacca đã sụp đổ và bác không hề có tin tức gì của họ trong suốt hơn sáu tháng liền. Vào khoảng thời gian đó bác Pirzada ở Mỹ đã được một năm - bác được học bổng của nhà nước Pakistan nghiên cứu về hệ thực vật bang New England. Hồi mùa xuân và mùa hè bác đã thu thập dữ liệu ở Vermon và Maine, đến mùa thu bác chuyển về một trường đại học nằm ở bắc Boston, nơi chúng tôi sống để viết một cuốn sách mỏng về những phát hiện của mình. Học bổng là một vinh dự lớn nhưng khi chuyển sang đôla thì số tiền chẳng bao nhiêu, vì vậy bác Pirzada sống trong một căn phòng ở ký túc xá sinh viên và thậm chí chẳng có một chiếc bếp hay cái ti vi tử tế cho riêng mình. Thế nên bác hay đến nhà chúng tôi ăn tối và xem thời sự.

Đầu tiên tôi chẳng biết gì về lý do những chuyến viếng thăm của bác. Hồi đó tôi mười tuổi và tôi chẳng may mắn ngạc nhiên rằng cha mẹ tôi, những người gốc Ấn Độ, có cả đồng những người quen Ấn Độ ở trường đại học lại mời bác Pirzada ăn tối cùng chúng tôi. Đó là một khu trường nhỏ, nằm ở rìa của nơi có vẻ như là một thị trấn còn nhỏ hơn. Siêu thị không bán dầu mù tạc, bác sỹ không đến tận nhà thăm bệnh, hàng xóm không bao giờ đến nhà nhau chơi nếu không được mời và cha mẹ tôi thường hay kêu ca về những điều này. Để tìm kiếm những người đồng hương, đầu mỗi học kỳ họ thường dò ngón tay theo những hàng tên họ trong danh sách trường đại học, khoan tròn nhưng họ tên quen thuộc với vùng đất của họ. Cũng theo cách đó mà họ phát hiện ra bác Pirzada, gọi điện cho bác và mời bác đến nhà chúng tôi.

Tôi chẳng còn nhớ gì về chuyến viếng thăm đầu tiên của bác, cả chuyến viếng thăm lần thứ hai hay thứ ba cũng thế. Nhưng tới cuối tháng Chín thì tôi đã quen với sự có mặt của bác trong phòng khách đến nỗi một buổi chiều, khi bỏ những viên đá vào bình đựng nước, tôi nhờ mẹ đưa cho chiếc cốc thứ tư trong tủ mà tôi không với tới. Bà đang ở cạnh bếp, bận rộn với chiếc xoong nhỏ và món súp bina xào cùng củ cải đỏ. Tiếng réo của quạt thông gió và tiếng chiếc thìa khua trong xoong khiến bà không nghe thấy tôi. Tôi quay lại bố lúc đó đang tựa vào tủ lạnh nhón ăn đào lộn hột tẩm gia vị trong lòng tay.

- Gì vậy hả Lila?

- Một cốc nữa cho bác Ấn Độ ạ.

- Bác Pirzada hôm nay không đến đâu. Mà quan trọng hơn, bác ấy không còn được coi là người Ấn Độ nữa - bố tôi tuyên bố, phẩy phẩy muối ở món đào lộn hột ra khỏi bộ ria đen tía tốt cầu kỳ của mình. - Từ khi xảy ra sự chia cắt. Nước chúng ta bị chia cắt. Năm 1947.

Khi tôi nói tôi nghĩ đó là ngày Ấn Độ được giải phóng khỏi nước Anh, bố tôi trả lời:

- Cũng là ngày đó nữa. Cùng một thời điểm chúng ta được giải phóng và đồng thời chúng ta lại bị chia cắt, - ông giải thích, dùng ngón tay vẽ một chữ X lên mặt quầy bếp, - giống như một chiếc bánh vậy. Người Hindu ở đây, người đạo Hồi ở đây. Dacca không còn thuộc về Ấn Độ nữa.

Bố kể cho tôi nghe rằng trong khi xảy ra sự chia cắt, người Hindu và người đạo Hồi đã bắn nhau. Đối với rất nhiều người, ý nghĩ ngồi ăn uống cùng nhau vẫn là không thể chấp nhận được.

Điều đó chẳng có ý nghĩa gì đối với tôi cả. Bác Pirzada và cha mẹ tôi nói cùng một thứ tiếng, cùng cười vì những câu chuyện cười như nhau, trông bề ngoài cũng ít nhiều giống nhau. Họ cùng ăn xoài ngâm: tối tối cùng ăn cơm bốc tay. Giống như cha mẹ tôi, bác Pirzada bỏ giày ra trước khi bước vào phòng, nhai hạt thìa là sau bữa ăn để dễ tiêu, không uống rượu, khi tráng miệng thì nhúng những chiếc bánh quy rẻ tiền vào cốc chè. Tuy vậy, bố tôi khẳng định muốn tôi hiểu sự khác nhau và ông dẫn tôi tới bên tấm bản đồ thế giới treo trên tường phía trên bàn làm việc của ông. Ông dường như lo lắng rằng bác Pirzada sẽ cảm thấy bị xúc phạm nếu tôi vô tình nói đến bác ta như nói đến một người Ấn Độ, dù rằng tôi chẳng thể hình dung bác Pirzada lại có thể cảm thấy bị xúc phạm vì một chuyện cón con như vậy.

- Bác Pirzada là người Băng-gan nhưng bác ấy theo đạo Hồi, - bố tôi thông báo. - Vì thế bác ấy sống ở miền Đông Pakistan chứ không phải là ở Ấn Độ.

Ngón tay ông lần qua Đại Tây Dương: qua Châu Âu, qua Địa Trung Hải, Trung Đông và cuối cùng tới một vùng đất rộng màu vàng cam mà có lần mẹ tôi nói với tôi trông giống như người phụ nữ mặc sari đang dang cánh tay trái ra. Những thành phố khác nhau được khoanh tròn. Những đường nối chúng lại chỉ ra các chuyến đi của cha mẹ tôi. Nơi họ sinh ra, Calcutta, được đánh dấu bằng một ngôi sao nhỏ. Tới mới chỉ đến đó một lần và chẳng còn nhớ gì về chuyến đi.

- Lilia, con thấy đấy, đây là một đất nước khác, màu cũng khác, - bố tôi nói.

Pakistan có màu vàng chứ không phải màu vàng cam. Tôi để ý thấy rằng nó gồm hai vùng cùng một màu: một phần to hơn phần kia khá nhiều, hai phần bị chia ra bởi một phần đất của Ấn Độ; giống như thể California và Connecticut tạo thành một quốc gia độc lập khỏi Mỹ.

Bố gõ gõ ngón tay lên đầu tôi:

- Con tất nhiên là phải biết về tình hình hiện tại chứ? Biết về chuyện miền Đông Pakistan đang đấu tranh đòi độc lập chứ?

Tôi gật đầu, chẳng biết gì về tình hình lúc ấy cả.

Chúng tôi quay vào trong bếp, nơi mẹ đang trút nôi cơm vào chảo. Bố tôi mở chiếc lon đặt trên bệ bếp và nhìn tôi qua cặp mắt kính trong lúc vẫn ăn đào lộn hột.

- Ở trường họ dạy con cái gì? Con có học lịch sử không? Địa lý không?

- Lilia phải học rất nhiều ở trường, - mẹ trả lời. - Bây giờ chúng ta sống ở đây nhưng con nó lại sinh ra ở bên đó.

Bà tỏ ra rất tự hào về chuyện này, cứ như thể điều đó phản ánh tính cách tôi. Theo đánh giá của bà, tôi biết, tôi được đảm bảo một cuộc sống yên ổn, dễ dàng, một nền giáo dục tốt, mọi cơ hội. Tôi sẽ không bao giờ phải ăn uống theo khẩu phần, hay tuân lệnh giới nghiêm, hay đứng trên mái nhà chứng kiến những cuộc biểu tình, nổi loạn, hay giấu hàng xóm trong bể nước để họ không bị bắn như mẹ và bố tôi đã phải làm.

- Hãy thử tưởng tượng phải tìm cách cho con bé học ở một trường học tử tế. Tưởng tượng nó phải học bài dưới ánh đèn dầu khi mất điện. Tưởng tượng những áp lực, các thầy cô giáo, các kỳ thi triền miên.

Bà đưa tay lên vuốt mái tóc cắt ngắn quá vai cho hợp với công việc bán thời gian là người thu tiền ở ngân hàng.

- Làm sao mà anh lại nghĩ con có thể biết về sự chia cắt chứ? Cất những cái hạt ấy đi!

- Thế nhưng con nó học gì về thế giới nào? - bố tôi vờ về những hạt đào lộn hột trong lòng tay. - Con nó học cái gì nào?

Chúng tôi học lịch sử nước Mỹ, tất nhiên là như thế, và địa lý nước Mỹ. Năm ngoái, và hình như tất cả mọi năm chúng tôi đều bắt đầu bằng việc học về cuộc Cách mạng Mỹ. Xe buýt nhà trường đưa chúng tôi đến Plymouth Rock[6] rồi chúng tôi đi bộ theo con đường Freedom Trail[7], leo lên đỉnh Đài tưởng niệm Bunker Hill[8]. Bằng những mảnh giấy màu chúng tôi tạo nên những bức tranh tầm sâu miêu tả George Washington vượt qua những con nước bập bênh của dòng sông Delaware, chúng tôi làm những con rối hình vua George mặc áo chẽn màu trắng và một chiếc nơ con bướm trên tóc. Trong giờ học thầy cô giáo cho chúng tôi những tấm bản đồ cầm mười ba bang thuộc địa và chúng tôi phải đề tên các bang, ngày tháng gia nhập, tên các thủ đô. Nhắm mắt lại tôi cũng làm được việc đó.

Tối hôm sau bác Pirzada đến như thường lệ, vào lúc sáu giờ. Mặc dù họ không còn là những người xa lạ, khi mới gặp nhau bác Pirzada và bố tôi vẫn giữ thói quen bắt tay.

- Nào, mời anh vào! Lilia, cất áo cho bác Pirzada!

Bác Pirzada bước vào phòng chờ: ăn mặc rất lịch sự, cổ thắt cà vạt lụa. Mỗi chiều bác lại xuất hiện trong những bộ quần áo màu mận chín, màu ôliu và màu sôcôla. Bác là một người đàn ông rắn chắc và mặc dù có đôi chân chữ bát, bụng hơi to một chút thì bác vẫn có một tư thế rất vững vàng, cứ như thể bác đang cân bằng ở hai tay hai chiếc vali nặng như nhau. Những túm tóc bạc che hai tai bác dường như để ngăn lại dòng đời khó chịu. Đôi mắt bác có hàng mi rất rợp, bộ râu quai nón nghịch ngợm vểnh ra và nốt ruồi có hình hạt nho khô ở ngay giữa má trái. Bác đội một chiếc mũ kiểu của người Thổ Nhĩ Kỳ làm bằng lông cừu Ba Tư và xung quanh có những chiếc ghim. Tôi chưa bao giờ thấy bác rời cái mũ đó. Dù rằng bố tôi luôn đề nghị đi đón bác bằng ô tô của chúng tôi nhưng bác thích đi bộ từ ký túc xá của mình đến khu nhà chúng tôi, một đoạn đường đi mất khoảng hai mươi phút, vừa đi vừa ngắm nghía cây cối, những bụi cây bên đường, và khi bác bước vào nhà những đốt ngón tay bác đỏ hồng lên vì làn không khí lạnh mùa thu.

- Lại một làn sóng tị nạn trên lãnh thổ Ấn Độ, tôi sợ vậy.

- Người ta đánh giá lần cuối cùng là vào khoảng chín triệu người, - bố tôi trả lời.

Bác Pirzada chuyển chiếc áo khoác cho tôi vì nhiệm vụ của tôi là treo nó lên mắc ở dưới chân cầu thang. Đó là chiếc áo khoác hai lớp với những chiếc cúc bằng sừng. Áo được may bằng loại vải len kẻ ô vuông xám và xanh. Chiếc áo toả ra hương cam. Không có móc ở bên trong, chỉ có một nhãn khâu tay với những chữ "Z. Sayeed, Suitors" được thêu bằng chỉ bóng màu đen theo nét chữ thảo. Có những hôm một chiếc lá bulô hay lá thích kẹt lại ở miệng túi. Bác cởi dây giày và xếp chúng dọc theo chân tường; một chết bùn màu vàng bám vào mũi và gót giày - đó là kết quả của việc đi bộ qua mảnh vườn trồng cỏ ẩm ướt không được cắt tỉa của chúng tôi. Thoát ra khỏi những thứ đó, bác đưa bàn tay có những ngón tay ngắn, hiệu động lướt qua cổ tôi: như khi người ta kiểm tra độ vững chắc của bức tường trước khi đóng đinh. Rồi sau đó bác theo bố tôi vào phòng khách: nơi tivi được chuyển sang phần tin tức địa phương. Ngay khi họ vừa ngồi xuống, mẹ tôi từ bếp hiện ra với một đĩa bánh nhân quả băm và thịt nướng cùng tương ớt, rau mùi. Bác Pirzada đưa một chiếc bánh vào miệng.

- Người ta chỉ có thể hy vọng rằng những người tị nạn Dacca sẽ được cho ăn uống đầy đủ, - vừa nói bác vừa với tay lấy một chiếc bánh khác. Bác thò tay vào túi quần và đưa cho tôi một quả trứng nhựa nhỏ đựng đầy những mẫu quế hình trái tim. - Tiện thể tôi nhớ ra. Cho những người phụ nữ trong nhà, - bác vừa nói vừa cúi mình rất nhẹ.

- Anh Pirzada! - mẹ tôi phản đối. - Tối nào cũng thế, anh đến làm hỏng con bé mất.

- Tôi chỉ làm hỏng những đứa trẻ không thể hư hỏng được thôi.

Đó là một giây phút khó xử đối với tôi, giây phút tôi chờ đợi cả với sự sợ hãi, cả với sự dễ chịu. Tính tao nhã của bác Pirzada làm tôi thích thú và sự chú ý hơi màu mè của bác khiến tôi hãnh diện nhưng dù vậy thì tôi vẫn cảm thấy bối rối vì những cử chỉ rất dễ dàng của bác. Những cái đó khiến tôi trong giây lát cảm thấy mình như người xa lạ trong ngôi nhà của chính mình. Điều đó đã trở thành nghi thức của chúng tôi trong vòng suốt mấy tuần cho tới khi chúng tôi cảm thấy thoải mái hơn khi ở bên nhau. Đó là lần duy nhất bác nói chuyện trực tiếp với tôi. Tôi không đáp lại gì, không đưa ra nhận xét gì, không để lộ ra phản ứng rõ ràng nào đối với những món quà đều đặn: những viên kẹo ngậm bọc mật, những thanh kẹo mỏng manh có vị chua, kẹo mâm xôi. Tôi thậm chí không thể cảm ơn bác vì một lần khi tôi cảm ơn lúc bác cho tôi một gói kẹo bạc hà trông rất đẹp mắt trong giấy bóng kính màu tím thì bác vặn vẹo:

- "Cảm ơn" là cái gì vậy? Cô gái ở ngân hàng cảm ơn tôi, người thu tiền trong cửa hàng cảm ơn tôi, thủ thư cảm ơn tôi khi tôi trả những cuốn sách đã quá hạn, người trực tổng đài quốc tế cảm ơn tôi trong lúc cố gắng nối máy cho tôi về Dacca mà không được. Nếu người ta chôn tôi ở đất nước này thì chắc cả lễ tang tôi người ta cũng cảm ơn tôi mất.

Chẳng hiểu sao tôi nghĩ việc ăn những thứ bánh kẹo bác Pirzada thường mang tặng là không hợp lý. Tôi thậm chí muốn kho báu hàng tôi bác mang đến đó như thậm chí muốn một món đồ trong sức hay một đồng tiền cổ của vương quốc bị chôn vùi và tôi giữ chúng trong một chiếc hộp gỗ đàn hương chạm trổ đặt bên giường. Trong chiếc hộp đó, đã lâu lắm rồi, từ hồi còn ở Ấn Độ, bà nội tôi thường đựng những hạt lạc bà ăn sau khi tắm sáng. Đó là kỷ vật duy nhất tôi có về bà nội, người tôi chưa bao giờ biết mặt, và trước khi bác Pirzada đi vào cuộc sống của chúng tôi thì tôi chẳng có gì để cất giữ trong đó cả. Thường thường, trước khi đánh răng rửa mặt và soạn quần áo để đi học sáng hôm sau, tôi mở nắp hộp và ăn một chiếc kẹo hay cái gì đó trong số những món quà của bác Pirzada.

Tối hôm đó, cũng giống như tất cả những tối khác, chúng tôi không ăn ở bàn ăn vì từ đó không xem ti vi được. Thay vào đó chúng tôi ngồi xung quanh chiếc bàn uống nước, tất cả cùng im lặng, đĩa ăn đặt trên đầu gối. Từ bếp mẹ tôi mang ra món ăn tiếp theo: đậu lăng với hành xào, đậu xanh nấu nước dừa, cá nấu với nho khô và sữa chua. Tôi ra sau mang theo cốc uống nước, đĩa chanh cắt lát và những quả ớt khô chúng tôi mua trong các chuyến đi hàng tháng tới khu phố Tàu rồi tích trữ trong tủ lạnh. Bố mẹ tôi và bác Pirzada rất thích bẻ chúng ra: bỏ bớt hạt rồi cho vào đồ ăn.

Trước khi ăn bác Pirzada thường làm một cử chỉ rất lạ lùng. Bác lôi ra một chiếc đồng hồ giản dị bằng bạc không có dây mà bác luôn giữ trong túi áo ngực. Bác đưa nó lại sát bên tai bị tóc che, lên giây đồng hồ ba vòng. Không giống như chiếc đồng hồ đeo tay của bác, chiếc đồng hồ bỏ túi đặt theo giờ Dacca, nhanh hơn so với giờ chúng tôi mười một tiếng, bác giải thích cho tôi như vậy. Trong suốt bữa ăn, chiếc đồng hồ nằm trên tấm khăn ăn của bác trên bàn nước. Hình như bác chẳng bao giờ nhìn vào đó.

Giờ đây, khi biết bác Pirzada không phải người Ấn Độ tôi bắt đầu xem xét, quan sát bác với một sự thận trọng hơn trước, cố gắng hiểu cái gì làm bác khác chúng tôi. Và tôi quả quyết rằng chiếc đồng hồ bỏ túi là một trong những cái khác đó. Khi tôi nhìn thấy nó tối ấy, trong lúc bác lên giây đồng hồ và đặt nó lên bàn ăn, một sự khó chịu len lỏi vào tôi; tôi nhận ra rằng cuộc sống ở Dacca bắt đầu trước. Tôi hình dung những cô con gái nhà bác Pirzada thức dậy, chải tóc, buộc nơ, ăn sáng, chuẩn bị đi học. Những bữa ăn của chúng tôi, những hành động của chúng tôi chỉ là cái bóng phản chiếu lại những gì đã xảy ra ở đó, một bóng ma chậm chạp của nơi bác Pirzada thực sự thuộc về.

Vào lúc sáu rưỡi là lúc bản tin thời sự quốc tế bắt đầu bố tôi cho âm thanh to lên và chỉnh lại anten. Bình thường thì tôi hay đọc sách, nhưng tối đó bố tôi khẳng khẳng muốn tôi cũng phải xem. Trên màn hình tôi nhìn thấy xe tăng trườn qua những con phố bụi bặm, những toà nhà đổ nát - một mê trận những khu phố xa lạ, nơi những người Đông Pakistan đến ẩn náu, tìm kiếm sự bình yên bên kia biên giới Ấn Độ. Tôi nhìn thấy những con thuyền với những cánh buồm hình cánh quạt trên những dòng sông rộng màu nâu, một trường đại học xung quanh có chướng ngại vật, những toà soạn báo chí bị đốt cháy. Tôi quay lại nhìn bác Pirzada; những hình ảnh thu nhỏ thoáng qua trong đôi mắt bác. Trong lúc xem tivi trên khuôn mặt bác có một vẻ bất động, bình tĩnh nhưng hết sức cảnh giác, như thể ai đó đang chỉ dẫn cho bác tới một địa điểm xa lạ.

Lúc đến phần tin kinh tế, mẹ đi vào bếp lấy thêm cơm, bố tôi và bác Pirzada bàn luận những đường lối chính trị của một viên tướng tên là Yahyah Khan. Họ bàn luận những mưu đồ mà tôi không biết đến, một tai nạn mà tôi không hiểu được.

- Đấy, con thấy đấy, trẻ con ở tuổi con phải làm gì để sống sót, - bố nói trong lúc đưa cho tôi một miếng cá khác.

Nhưng tôi không thể ăn thêm được nữa. Tôi chỉ có thể liếc nhìn trộm bác Pirzada đang ngồi cạnh tôi trong chiếc áo màu xanh ôliu, bình tĩnh gạt ra một chỗ trống trong đĩa cơm để có chỗ cho thêm đậu lăng. Trong trí tưởng tượng của tôi, bác không phải là người đàn ông đang phải chịu những gánh nặng thế lương như thế. Tôi tự hỏi không biết có phải lý do để bác lúc nào cũng ăn mặc hết sức chỉnh tề là để đối mặt một cách có tự trọng với bất cứ tin tức nào, thậm chí là để dự một lễ tang vào lúc bản tin. Tôi cũng tự hỏi, điều gì sẽ xảy ra nếu như bất chợt bảy cô con gái bác xuất hiện trên màn hình tivi, tươi cười vẫy chào và gửi những cái hôn gió đến cho bác từ ban công nhà mình. Tôi tưởng tượng khi đó bác sẽ cảm thấy nhẹ người như thế nào. Nhưng chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra.

Tối đó, khi đặt chiếc túi nhựa hình quả trứng đựng đầy những mảnh quế hình trái tim vào

chiếc hộp ở cạnh giường, tôi không cảm thấy sự thoải mái mang tính nghi lễ mà thông thường tôi vẫn cảm thấy. Tôi cố gắng không nghĩ về bác Pirzada trong chiếc áo khoác toả mùi hương cam, chiếc áo gắn liền bác với thế giới ngọt ngào, sôi động mà chúng tôi vừa mới chứng kiến mấy giờ trước đó trong căn phòng khách trải thảm sáng sủa. Dù thế, suốt một lúc lâu, đó là điều duy nhất tôi có thể nghĩ. Lòng tôi thất vọng khi tôi lo lắng không biết liệu vợ bác và bảy cô con gái có trong đám đông trôi nổi, la hét, thoảng qua trên màn hình tivi. Để xua đuổi những hình ảnh đó tôi nhìn xung quanh căn phòng, nhìn chiếc giường phủ màn màu vàng phù hợp với rèm cửa có ren, nhìn những bức tranh đóng khung treo trên bức tường dán giấy màu trắng và tím nhạt, nhìn những dòng đánh dấu bằng bút chì bên cạnh cửa tủ đồ tôi đánh dấu chiều cao của tôi qua mỗi ngày sinh nhật. Nhưng càng cố lãng đi thì tôi lại càng tin rằng gia đình bác Pirzada đang ở gần kề cái chết. Cuối cùng tôi lôi miếng sôcôla sữa ra khỏi hộp, mở ra và làm một việc trước đây chưa bao giờ tôi làm cả. Tôi đặt mẫu sôcôla vào miệng, để cho nó mềm đi đến lúc không thể mềm hơn được nữa rồi khi đó trong khi chậm rãi nhai, tôi cầu nguyện cho gia đình bác Pirzada được bình yên và mạnh khoẻ. Trước kia tôi chưa bao giờ cầu nguyện điều gì cả, tôi chưa bao giờ được dạy hay bảo làm điều đó, nhưng tôi quyết định rằng, trong hoàn cảnh này, đó là điều tôi phải làm. Đêm đó, khi đi vào phòng tắm tôi chỉ giả vờ đánh răng, vì tôi sợ rằng tôi sẽ “đánh” cả những lời cầu nguyện ra khỏi miệng mình mất. Tôi nhúng nước chiếc bàn chải và đặt lại tuýp thuốc đánh răng để bố mẹ tôi khỏi hỏi han gì, và tôi đi ngủ khi vẫn còn ngậm kẹo trong miệng.

Ở trường chẳng ai nói chuyện về cuộc chiến mà trong phòng khách nhà tôi được quan tâm đến thế. Chúng tôi tiếp tục học về cuộc Cách mạng Mỹ, học về những bất công trong chính sách thuế, học thuộc lòng những đoạn trong Bản tuyên ngôn Độc lập. Trong giờ giải lao, bọn con trai thường chia thành hai phe rồi đuổi nhau huỳnh huých qua những cái bậc bệ, những cái đu, phe Áo đỏ [9] chống lại phe thuộc địa. Trong lớp học, cô giáo Kenyon của chúng tôi thường chỉ lên tấm bản đồ hiện ra từ phía trên bảng giống như màn ảnh phim con đường con tàu Mayflower [10] đã đi, hay chỉ cho chúng tôi địa điểm của Liberty Bell [11]. Cứ mỗi lần thì có hai học sinh trong lớp phải kể về một khía cạnh nào đó của cuộc Cách mạng Mỹ, và vậy là một hôm cô giáo yêu cầu tôi và cô bạn Dora đi đến thư viện trường tìm hiểu về sự đầu hàng ở Yorktown. Cô Kenyon đưa chúng tôi một mẫu giấy ghi tên ba cuốn sách mà chúng tôi phải tìm trong danh mục. Chúng tôi tìm thấy ngay và ngồi xuống bên một chiếc bàn tròn thấp để đọc và ghi lại những gì quan trọng. Nhưng tôi không thể nào tập trung được. Tôi quay lại những chiếc giá gỗ màu nâu, tới khu vực tôi để ý thấy ghi “Châu Á”. Tôi nhìn thấy những cuốn sách về Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Triều Tiên. Cuối cùng tôi tìm thấy một cuốn sách đề “*Pakistan: Đất nước và con người*”. Tôi ngồi xuống chiếc ghế để chân và mở cuốn sách ra. Bìa cuốn sách kêu sột soạt trong tay tôi. Tôi lật qua các trang đầy những ảnh sông hồ, cánh đồng lúa và những người đàn ông mặc quân phục. Có một chương về Dacca và tôi bắt đầu đọc về mùa mưa ở đó, về việc sản xuất đay. Tôi đang xem bản đồ dân số khi Dora hiện ra giữa những hàng ghế.

- Cậu làm gì ở đây thế? Cô Kenyon đang trong thư viện đấy. Cô ấy đến kiểm tra chúng mình.

Tôi gấp cuốn sách lại. Tiếng gấp to quá. Cô Kenyon xuất hiện, mùi nước hoa của cô tràn đầy lối đi nhỏ. Cô cầm gáy cuốn sách lên như thể nó chỉ là một sợi tóc bám vào áo len tôi. Cô nhìn trang bìa, sau đó nhìn tôi.

- Cuốn sách này là một phần trong báo cáo của em hả Lilia?

- Dạ, không phải, thưa cô.

- Vậy thì cô thấy chẳng có lý do gì phải đọc nó cả, - cô nói, đặt lại cuốn sách lên chỗ trống trên giá. - Em cũng nghĩ thế chứ?

*

* *

Hàng tuần trôi qua và trong mục thời sự những cảnh quay từ Dacca ngày càng hiếm hoi hơn. Những tin đó thường là sau chuỗi tin thứ nhất về kinh tế, đôi lúc sau chuỗi tin thứ hai. Thông tin bị kiểm duyệt, cắt xén, hạn chế. Có những ngày, thực ra là rất nhiều ngày, người ta chỉ đưa ra số người chết sau phần mở đầu bằng bản lặp lại những tin chung. Số nhà thơ bị xử tử, số làng mạc bị đốt cháy ngày càng nhiều hơn. Dù vậy, tối này qua tối khác, bố mẹ tôi và bác Pirzada vẫn thưởng thức những bữa tối thông dong kéo dài. Sau khi đã tắt tivi, rửa sạch và lau khô bát đĩa, họ cười đùa, kể chuyện, nhúng bánh quy vào nước chè. Khi đã chán nói chuyện chính trị thì họ quay sang nói tới tiến triển của cuốn sách bác Pirzada đang viết về những loài thực vật rụng lá của New England, về việc cha tôi được bổ nhiệm làm giảng viên chính thức ở trường đại học, về những thói quen ăn uống lập dị của các đồng nghiệp người Mỹ nơi mẹ tôi làm việc. Cuối cùng thì mọi người bảo tôi lên gác học bài nhưng tôi vẫn nghe thấy tiếng họ khi họ uống chè, nghe bằng Kishore Kumar, chơi trò xếp chữ trên bàn uống nước, cười và tranh cãi rất lâu trong đêm về chính tả của những từ tiếng Anh. Tôi muốn được nhập cuộc với họ, tôi muốn, hơn tất cả mọi thứ, bằng cách nào đó an ủi bác Pirzada. Nhưng ngoài chuyện ăn một hai chiếc kẹo vì gia đình bác và cầu nguyện cho họ được yên bình, tôi chẳng làm được gì hơn cả. Họ chơi xếp chữ đến tận chương trình thời sự lúc 11h đêm, và thỉnh thoảng, đến tận nửa đêm bác Pirzada mới đi bộ về ký túc xá của mình. Vì vậy tôi chẳng bao giờ chứng kiến bác ra về cả, nhưng đêm đêm, khi chìm dần vào giấc ngủ tôi vẫn thường nghe thấy tiếng họ đang dự đoán về sự ra đời của một dân tộc ở nửa bên kia trái đất.

Một ngày tháng Mười, khi đến nhà tôi bác Pirzada hỏi:

- Những quả màu vàng cam to trên các bệ cửa mọi nhà là cái gì vậy? Một dạng bí à?

- Bí ngô, - mẹ tôi trả lời. - Lilia, con nhớ nhắc mẹ mua một quả ở siêu thị nhé!

- Để làm gì vậy? Nó là biểu tượng của cái gì?

- Để làm đèn ma, - tôi trả lời, nhăn mặt lại vẻ hung tợn. - Giống như thế này này. Để dọa mọi người.

- Bác hiểu rồi, - bác Pirzada nói, cũng nhăn mặt trả lại. - Rất hay.

Ngày hôm sau mẹ tôi mua một quả bí ngô nặng mười pao, to và tròn. Mẹ đặt nó lên bàn ăn. Trước bữa tối, trong lúc bố tôi và bác Pirzada xem thời sự, mẹ bảo tôi dùng bút vẽ quả bí nhưng tôi muốn tỉa nó cẩn thận như tôi thấy ở quanh đây mọi người làm.

- Ờ, tỉa nó nhé! - bác Pirzada đồng tình và đứng lên khỏi đi văng. - Tối nay bỏ qua thời sự đi!

Không hỏi gì, bác đi xuống bếp, mở ngăn kéo rồi quay lên mang theo một con dao dài có răng cưa. Bác nhìn tôi chờ đợi sự hướng ứng:

- Bác làm có được không?

Tôi gật đầu. Lần đầu tiên tất cả chúng tôi quây quần xung quanh chiếc bàn ăn, bố tôi, mẹ tôi, bác Pirzada và tôi. Trong lúc cái tivi vẫn phát sóng mà chẳng được ai để ý chúng tôi phủ giấy

báo lên mặt bàn. Bác Pirzada vắt áo khoác lên thành ghế sau lưng mình, cởi cúc rồi xắn tay áo hồ bọt lên.

- Đầu tiên là rửa trên đầu, như thế này này, - tôi hướng dẫn, lấy ngón trỏ chỉ cho bác xem.

Bác rạch đường đầu tiên rồi đưa con dao đi vòng quanh. Khi đã xoay một vòng bác cầm cuống nâng phần đầu quả bí lên; nó dần dần lỏng ra rất dễ dàng. Bác Pirzada cúi xuống quả bí trong giây lát để xem xét và hít ngửi nó. Mẹ tôi đưa bác một chiếc thìa kim loại dài và bác dùng nó nạo hết phần ruột ra cho tới khi bên trong quả bí hoàn toàn trống rỗng. Trong lúc đó bố tôi tẽ hạt khỏi ruột và rải ra phơi trên một tờ giấy thiếc để sau đó chúng tôi có thể rang hạt bí ăn. Tôi vẽ hai hình tam giác trên bề mặt xù xì để làm hai con mắt và sau đó bác Pirzada cẩn thận tỉa nó. Tôi vẽ hai hình trăng lưỡi liềm để tạo thành lông mày, rồi một hình tam giác khác làm mũi. Cái miệng là chỗ còn lại, và răng là một thử thách. Tôi lưỡng lự.

- Cười hay nhăn mặt đây? - tôi hỏi.

- Tùy cháu chọn.

Như một sự thỏa hiệp tôi vẽ một vẻ mặt làm điệu bộ chân thật, không u ám cũng không thân thiết. Bác Pirzada bắt đầu tỉa, không có vẻ ngập ngừng chút nào, cứ như thể bác vẫn tỉa những mặt nạ thế này suốt cả đời mình. Bác đã tỉa gần xong khi phần tin tức quốc tế bắt đầu. Người phóng viên nhắc tới Dacca và tất cả chúng tôi dừng lại lắng nghe. Một quan chức Ấn Độ tuyên bố rằng nếu thế giới không giúp đỡ làm nhẹ bớt gánh nặng những người tị nạn Đông Pakistan thì Ấn Độ buộc phải tiến hành cuộc chiến với Pakistan. Khuôn mặt người phóng viên đầm mồ hôi trong khi anh ta nói theo bản tin. Anh ta không đeo cà vạt hay mặc áo vét mà ăn mặc như thể chính bản thân anh ta đang chuẩn bị tham gia vào trận đánh. Anh ta che khuôn mặt gầy nhợt của mình trong lúc hét tin tức vào người quay phim. Con dao rơi khỏi tay bác Pirzada và tạo nên một đường rạch khi nó ngập vào cùi quả bí.

- Tôi xin lỗi, - bác đưa một tay lên má như thể vừa bị tát. - Tôi... Thật kinh khủng. Tôi sẽ mua một quả khác. Chúng ta sẽ làm lại.

- Không sao, không sao, - bố tôi nói. Ông cầm con dao từ tay bác Pirzada và cắt một đường vòng quanh chỗ bị rạch, sửa sang lại, bỏ qua tất cả những chiếc răng tôi đã vẽ. Kết quả là một lỗ to không cân đối cỡ quả chanh, vậy là chiếc mặt nạ mang vẻ mặt của sự ngạc nhiên điềm tĩnh, đôi lông mày không còn vẻ dữ tợn lơ lửng trong vẻ ngạc nhiên bên trên một cái nhìn trống rỗng.

Vào ngày Halloween tôi đóng phù thủy. Dora, cô bạn cho-hay-phá[12] cũng đóng phù thủy. Chúng tôi mặc áo choàng không tay màu đen may bằng bao gối nhuộm và mũ nhọn có vành rộng làm bằng bìa các tông. Chúng tôi tô mặt màu xanh bằng hộp màu mắt của mẹ Dora, còn mẹ tôi thì đưa cho chúng tôi hai chiếc bao gạo cũ để đựng kẹo. Năm đó bố mẹ tôi cho rằng chúng tôi đã đủ lớn khôn để chạy khắp phố mà không cần phải trông nom gì. Kế hoạch của chúng tôi là đi từ nhà tôi tới nhà Dora, từ đó tôi sẽ phải gọi điện về thông báo tôi đã đến nơi an toàn và sau đó mẹ Dora sẽ chở tôi về nhà. Bố tôi trang bị cho chúng tôi đèn pin. Tôi phải đeo đồng hồ và căn giờ cho đúng với đồng hồ của bố tôi. Chúng tôi phải về trước chín giờ tối.

Tối hôm đó bác Pirzada tặng tôi một hộp kẹo bạc hà bọc sôcôla.

- Bác cho vào đây, - tôi bảo bác và mở cái bao ra.

“Muốn yên thì mở cửa ra

Cho kẹo cho quà ta sẽ đi ngay”[13]

- Bác hiểu rằng tối nay thì cháu không thực sự cần sự đóng góp của bác, - bác vừa nói vừa bỏ chiếc hộp vào bao. Bác nhìn bộ mặt xanh của tôi và chiếc mũ buộc dây dưới cằm. Rất thận trọng bác nâng gấu áo choàng không tay của tôi lên. Bên trong tôi mặc áo len và áo lông cừu có khóa kéo. - Cháu đã ấm đủ chưa?

Tôi gật đầu khiến chiếc mũ lệch sang một bên.

Bác sửa lại nó cho ngay ngắn. - Đứng yên thì chắc là tốt nhất.

Ở chân cầu thang nhà tôi là một dãy những chiếc giỏ đựng những viên kẹo nhỏ. Khi cúi xuống cởi giày bác Pirzada không đặt chúng ở đó như thường lệ mà thay vào đó bác cho chúng vào tủ giày. Bác bắt đầu cởi áo khoác ngoài và tôi chờ để cầm áo nhưng từ phòng tắm Dora gọi với ra bảo cần tôi giúp nó vẽ một nốt ruồi lên cằm. Cuối cùng, khi cả hai đứa đã sẵn sàng mẹ chụp ảnh hai chúng tôi trước lò sưởi và sau đó thì tôi mở cửa đi ra ngoài. Bác Pirzada và bố tôi lúc đó vẫn chưa đi vào phòng khách mà đứng ở tiền phòng bên ngoài. Trời đã tối. Không khí tỏa ra mùi lá ẩm ướt và chiếc mặt nạ quả bí của chúng tôi lập lòe rất ấn tượng ở gần bụi cây bên cạnh cửa. Xa xa vẳng lại tiếng chân chạy nhanh, tiếng la hét của những cậu bé lớn tuổi hơn chẳng hề mặc quần áo hóa trang ngoài chiếc mặt nạ cao su, âm thanh những bộ trang phục của bọn trẻ, một số đứa còn bé đến mức được cha mẹ bế từ nhà này sang nhà khác.

- Đừng vào những nhà mà các con không biết đấy, - bố tôi cảnh báo.

Bác Pirzada nhú mày. - Liệu có nguy hiểm nào không?

- Không! Không có gì đâu! - mẹ tôi quả quyết với bác. - Tất cả bọn trẻ con đều ra đường, đó là tục lệ mà.

- Hay là tôi đi cùng bọn chúng, - bác Pirzada đề nghị.

Bỗng dưng trông bác thật mệt mỏi và bé nhỏ. Bác đứng đó trên đôi chân chữ bát và đôi mắt bác chứa đựng một sự hoảng loạn tôi chưa từng thấy bao giờ. Dù trời rất lạnh nhưng bên trong chiếc áo gối tôi vẫn đổ mồ hôi.

- Thật đấy, anh Pirzada ạ. Lilia và cô bạn nó sẽ ổn cả thôi.

- Nhưng nếu như trời mưa? Nếu như bọn chúng bị lạc?

- Bác đừng lo! - tôi nói.

Đó là lần đầu tiên tôi nói những lời đó với bác Pirzada, ba lời đơn giản tôi cố gắng nói nhưng không thể nào nói ra được đã hàng tuần rồi và tôi chỉ thì thầm trong những bài cầu nguyện của mình. Giờ đây tôi xấu hổ vì tôi đã nói ra những lời đó chỉ cho chính bản thân mình.

Bác đặt một ngón tay xương xẩu lên má tôi rồi sau đó ấn nó lên mu bàn tay bác, để lại trên mu bàn tay một vệt xanh mờ.

- Thôi vậy, nếu các quý cô cứ khăng khăng giữ ý kiến, - bác nhượng bộ và hơi cúi đầu chào.

Chúng tôi đi, hơi vấp một chút trong đôi giày đen mũi nhọn đế mỏng và khi đến chỗ rẽ vào lối nhỏ cho xe vào, chúng tôi quay lại vẫy tạm biệt. Bác Pirzada đang đứng trong khung cửa, một thân hình thấp bé giữa bố mẹ tôi, cũng vẫy tay chào lại.

- Tại sao bác ấy lại muốn đi cùng chúng mình? - Dora hỏi.

- Những cô con gái nhà bác ấy bị lạc.

Vừa nói xong tôi đã hối tiếc. Tôi có cảm tưởng như việc tôi nói điều đó thành lời sẽ khiến nó trở thành sự thật, rằng những cô con gái bác Pirzada bị lạc và rằng bác sẽ không bao giờ được gặp lại những cô con gái của mình nữa.

- Cậu định nói là họ bị bắt cóc á? - Dora tiếp tục. - Bị bắt cóc ở công viên hay ở một nơi nào đó đấy chứ gì?

- Tớ không định nói họ bị lạc. Tớ định nói, bác ấy rất nhớ họ. Họ sống ở một nước khác và đã lâu bác ấy không gặp các cô con gái, thế thôi.

Chúng tôi đi bộ dọc theo những con đường nhỏ từ nhà này sang nhà khác và bấm chuông. Một số người đã tắt hết đèn đi cho ẩn tượng hơn hay treo những con chuột cao su lên cửa sổ. Ở nhà ông bà McIntyres người ta còn đặt một chiếc quan tài ra ngoài cửa và ông McIntyres, mặt bôi phấn trắng, im lặng nhô lên từ quan tài, đặt một nắm ngô ngọt vào chiếc bao của chúng tôi. Có mấy người bảo với tôi rằng họ chưa từng bao giờ nhìn thấy một phù thủy người Ấn Độ. Những người khác thì thực hiện công việc mà không nhận xét gì. Dưới ánh sáng của cây đèn pin chúng tôi nhìn thấy những quả trứng bị vỡ ở giữa đường, những chiếc xe ô tô phủ kem cao rêu, giấy trang trí cây. Khi đến được nhà Dora thì đôi tay chúng tôi đã cứng đờ ra vì phải mang chiếc túi căn phòng, chân chúng tôi đau và sưng phồng lên. Mẹ Dora cho chúng tôi gạc để băng những chỗ rộp, cho chúng tôi uống rượu táo và ăn bỏng ngô. Bà nhắc tới gọi điện thoại cho bố mẹ nói tôi đã đến nơi an toàn. Khi gọi điện tôi có thể nghe thấy tiếng tivi trong ống nghe. Mẹ không có vẻ là trút được gánh nặng gì đặc biệt lúc nghe thấy giọng tôi. Khi đặt ống nghe xuống tôi chợt nhận thấy rằng ở nhà Dora mọi người không hề bật tivi. Bố Dora nằm trên đi văng đọc tạp chí với một cốc rượu trên bàn nước còn máy hát thì đang chơi một điệu nhạc đàn saxophone.

Sau khi tôi và Dora đã xem xét xong món lì, tính toán, đổi chác cho tới khi hài lòng, mẹ Dora chở tôi về nhà. Tôi cảm ơn bà và bà đứng chờ ở lối rẽ cho tới khi tôi vào đến cửa. Qua ánh đèn ô tô của bà tôi thấy chiếc mặt nạ quả bí ngô của chúng tôi đã bị vỡ, những mảnh vỏ dày của nó vương vãi trên cỏ. Tôi cảm thấy dòng nước mắt chực trào ra và một cơn đau bất chợt ở họng như thể họng bị tọng đầy những viên sỏi nhỏ và sắc lạo xạo theo mỗi bước chân đau của tôi. Tôi mở cửa, nghĩ rằng cả ba người đang đứng ở tiền phòng bên ngoài, chờ để đón tôi và đau khổ vì quả bí bị vỡ nhưng ở đó chẳng có ai cả. Trong phòng khách bác Pirzada, bố tôi và mẹ tôi đang ngồi cạnh nhau bên ghế sofa. Tivi đã tắt và bác Pirzada ngồi đó hai tay ôm đầu.

Cái họ nghe được tối hôm đó và nhiều tối sau đó nữa là Ấn Độ và Pakistan ngày càng tiến gần hơn đến một cuộc chiến tranh. Quân đội của cả hai bên đã đóng dọc theo biên giới và Dacca thì không còn đòi một nền độc lập nào nữa. Chiến tranh sẽ phải nổ ra đầu tiên ở trên đất của những người Đông Pakistan. Mỹ đứng về phía Tây Pakistan, Liên Xô đứng về phía Ấn Độ và chẳng bao lâu là Bangladesh. Ngày 4 tháng Chạp chiến tranh chính thức được tuyên bố, và mười hai ngày sau, quân đội Pakistan do bị yếu đi vì phải chiến đấu cách xa nguồn lực của họ tới 3000 dặm đã đầu hàng ở Dacca. Tất cả những sự kiện này chỉ tận bây giờ tôi mới biết vì tôi

có thể đọc trong các cuốn sách lịch sử ở bất cứ thư viện nào. Nhưng khi đó phần lớn những chuyện này là một bí mật xa xôi với những lời giải đáp lơ mờ. Trong mười hai ngày chiến tranh đó, điều tôi nhớ là bố tôi không còn bảo tôi ngồi xem thời sự cùng họ nữa, bác Pirzada không còn mang kẹo đến cho tôi và mẹ tôi thì chẳng nấu nướng gì ngoài món trứng luộc và cơm trong bữa tối. Tôi nhớ có mấy đêm tôi giúp mẹ trái ga và chần trên đi văng để bác Pirzada ngủ ở đó, trong đêm bố mẹ tôi gọi điện về họ hàng ở Calcutta để biết thêm tình hình. Điều tôi nhớ hơn cả là trong suốt thời gian đó, ba người họ hành động như thể họ là người duy nhất, chia xẻ với nhau một bữa cơm duy nhất, một cơ thể duy nhất, một sự im lặng duy nhất, một nỗi sợ duy nhất.

Đến tháng Giêng thì bác Pirzada bay về ngôi nhà ba tầng của mình ở Dacca để xem nó còn lại gì. Những tuần cuối năm đó chúng tôi rất ít khi gặp bác; bác bận rộn hoàn thành bản thảo còn chúng tôi thì đi Philadelphia đón lễ Giáng sinh với bạn bè của bố mẹ tôi. Giống như tôi chẳng nhớ gì về lần viếng thăm đầu tiên, tôi cũng chẳng nhớ gì về lần viếng thăm cuối cùng của bác. Một chiều, bố tôi chở bác ra sân bay khi tôi còn đang ở trường. Suốt thời gian dài chúng tôi chẳng có tin tức gì của bác. Những buổi tối của chúng tôi trôi qua như mọi khi với bữa tối trước màn hình tivi. Sự khác biệt duy nhất là bác Pirzada và chiếc đồng hồ bỏ túi của bác không có ở đây làm bạn với chúng tôi. Theo như các phóng sự thì Dacca tái thiết lại một cách chậm chạp với một chính phủ mới được quốc hội thành lập. Vị lãnh đạo mới, Sheikh Mujib Rahman, mới được thả ra khỏi nhà tù cách đây chưa lâu, đang xin các nước viện trợ vật liệu xây dựng để sửa chữa lại hơn một triệu ngôi nhà bị phá hủy trong chiến tranh. Dòng người tị nạn bắt tận từ Ấn Độ trở về và được đón tiếp bởi nạn thất nghiệp và nguy cơ nạn đói. Thỉnh thoảng tôi lại xem tấm bản đồ bên trên bàn làm việc của bố tôi và hình dung bác Pirzada đang ở trên khoảnh đất màu vàng nhỏ bé đó. Tôi hình dung bác đầy mồ hôi trong bộ quần áo của mình và đang tìm kiếm gia đình. Tất nhiên, cho tới lúc đó thì tấm bản đồ đã không còn phù hợp nữa rồi.

Cuối cùng, mấy tháng sau chúng tôi nhận được một tấm thiệp của bác Pirzada nhân ngày Tết của người theo đạo Hồi và một lá thư ngắn. Bác viết bác đã gặp lại vợ con. Tất cả đều mạnh khỏe, khi những sự kiện của năm ngoái xảy ra thì họ sống ở một trang trại thuộc về ông bà của vợ bác ở núi Shillong. Bảy cô con gái của bác cao hơn trước một chút, bác viết, nhưng dù sao thì bọn chúng vẫn thế và bác vẫn không thể nhớ tên chúng theo thứ tự. Cuối thư bác cảm ơn chúng tôi vì lòng hiếu khách, viết thêm rằng mặc dù giờ đây bác hiểu nghĩa từ “cảm ơn” nhưng những từ đó vẫn không phù hợp để bác biểu lộ lòng biết ơn của mình. Tối hôm đó mẹ tôi nấu một bữa tối đặc biệt để ăn mừng tin tức tốt lành, và khi chúng tôi ngồi xuống bên chiếc bàn uống nước, cùng những chiếc ly, tôi không cảm thấy có vẻ gì là ăn mừng ở đây cả. Dù tôi không nhìn thấy bác Pirzada đã hàng tháng trời nhưng chỉ bây giờ tôi mới cảm nhận thấy sự thiếu vắng bác. Chỉ mãi tận khi đó, khi nâng chiếc ly của tôi lên vì bác, tôi mới hiểu thế nào là nhớ một người ở cách xa nhiều dặm, nhiều giờ bay, như bác đã nhớ vợ và các con hàng tháng trời. Bác chẳng có lý do gì để quay trở lại với chúng tôi cả và bố mẹ tôi đã đoán rất chính xác là chúng tôi sẽ chẳng bao giờ gặp lại bác nữa. Từ tháng Giêng, hàng đêm trước khi ngủ, vì gia đình bác Pirzada tôi vẫn tiếp tục ăn một chiếc kẹo mà tôi giữ suốt từ ngày lễ Halloween. Đêm đó, việc ăn kẹo không còn là cần thiết nữa. Cuối cùng thì tôi vứt chúng đi.

NGƯỜI DỊCH BỆNH

Ngồi bên bàn trà ông bà Das cãi nhau xem ai phải đưa con bé Tina đi vệ sinh. Cuối cùng bà Das mủi lòng khi ông Das nói rằng đêm trước ông đã đưa con bé đi tắm. Qua gương chiếu hậu ông Kapasi thấy bà Das chậm chạp đứng lên, kéo lê đôi cẳng chân trần trơn tru qua hàng ghế sau. Bà ta không cầm tay cô bé khi cả hai mẹ con đi vào phòng vệ sinh.

Họ đang trên đường tới thăm đền Mặt Trời ở Konarak. Hôm nay là thứ Bảy, trời khô ráo, cái nóng giữa tháng Bảy dịu bớt nhờ có cơn gió đều đặn thổi từ biển vào, thời tiết này quả là lý tưởng để đi tham quan. Bình thường ông Kapasi không dừng xe nghỉ dọc đường sớm như thế này, nhưng chưa đầy năm phút sau khi ông vớ được gia đình này sáng nay trước cửa khách sạn Sandy Villa, cô con gái đã kêu ca. Điều đầu tiên ông Kapasi để ý khi nhìn thấy ông bà Das đứng cùng lũ con trước cổng khách sạn là họ còn rất trẻ, có lẽ chưa quá tuổi ba mươi. Ngoài Tina còn có hai cậu bé, Ronny và Bobby, chúng suýt soát tuổi nhau, răng mạ bạc sáng chói. Cả gia đình có vẻ người Ấn nhưng lại bận đồ khách ngoại quốc, bọn trẻ mặc quần áo là cứng, màu sáng và đôi mũ có lưỡi trai bằng nhựa mờ. Ông Kapasi đã quen với các khách du lịch nước ngoài; ông đều đặn đi với họ vì ông nói được tiếng Anh. Hôm qua ông mới chở một cặp vợ chồng già từ Scotland đến, cả hai vẻ mặt đều đã lốm đốm, mái tóc bạc mịn mỏng không che kín được mảng da đầu rám nắng. So với họ, hai khuôn mặt trẻ trung, nâu vàng của ông bà Das gây ấn tượng hơn. Khi tự giới thiệu, ông Kapasi chap hai lòng bàn tay lại với nhau để chào, nhưng ông Das lại xiết chặt tay như kiểu người Mỹ, thành ra ông Kapasi phải chìa khuỷu tay của mình ra bắt. Bà Das thì nhếch mép, cười nghiêm túc với ông Kapasi, không bày tỏ chút để ý nào tới ông.

Khi họ đang đợi ở bàn trà thì Ronny, đứa có vẻ lớn tuổi hơn trong hai cậu bé, chọt leo qua hàng ghế sau vì bị hấp dẫn bởi một con dê bị buộc vào cọc trên đất.

“Đừng động vào nó”, ông Das cất tiếng. Ông rời mắt khỏi cuốn sách hướng dẫn du lịch bìa mềm có nền chữ “India” màu vàng trông như xuất bản ở nước ngoài. Giọng ông có vẻ thiếu dứt khoát và hơi the thé, nghe chừng như chưa trưởng thành lắm.

“Con muốn cho nó một cái kẹo cao su”, cậu bé gọi với lại khi chạy lên trước.

Ông Das bước ra khỏi xe và duỗi cẳng chân bằng cách ngồi xổm trên đất. Trông ông sạch sẽ, thơm tắp, và như cái khuôn đúc tuyệt vời của Ronny. Ông đội một cái mũ lưỡi trai màu xanh ngọc, mặc quần ngắn, áo sơ mi, đi giày đế mềm. Chiếc camera với ống kính to khác thường và vô số các nút bấm cùng nhãn hiệu là đồ vật linh kinh duy nhất mà ông mang trên mình. Ông ngồi cau mày trông chừng Ronny đang chạy về phía con dê nhưng không có ý định can thiệp. “Bobby, để ý anh con đừng làm điều gì ngu ngốc”.

“Con không thích thế”, Bobby nói thờ ơ. Cậu vẫn ngồi ở băng ghế trước bên cạnh ông Kapasi và dán mắt vào bức tranh thần voi dán trên ngăn chứa đồ của ô tô.

“Chẳng phải lo đâu”, ông Kapasi nói. “Bọn dê này đã thuần rồi”. Ông Kapasi đã bốn mươi sáu tuổi, mái tóc hớt ra sau trán đã bạc trắng, nhưng trông nước da bánh mật và cái trán chưa hề có nếp nhăn mà những lúc rỗi ông thường hay xoa lên chút dầu sen cũng dễ hình dung lúc trẻ ông thế nào. Ông mặc chiếc quần xám và áo sơ mi kiểu jacket thể thao quấn quanh bụng, tay áo

ngắn, cổ nhọn, may bằng loại vải tổng hợp mỏng nhưng bền. Đây là bộ đồng phục ưa thích để đi tua mà ông đặt riêng người thợ may chọn vải và may cắt vì nó không bị nhàu nát khi ngồi bên tay lái dài ngày. Qua gương chiếu hậu ông quan sát Ronny chạy quanh con đê, đưa tay sờ nhanh vào mình nó rồi chạy trở lại chỗ xe.

“Ông rời Ấn Độ lúc nhỏ?” ông Kapasi hỏi khi ông Das đã lại chui vào xe ngồi.

“Ồ, không, Mina và tôi đều sinh ở Mỹ”, ông Das đáp với vẻ tin cậy bất ngờ. “Sinh ra và lớn lên. Bố mẹ chúng tôi hiện vẫn sống ở Assasol này. Họ đã về hưu. Cứ vài năm chúng tôi lại về thăm các cụ”. Ông quay sang để ý cô con gái đang chạy về xe, cặp nơ bướm to màu tía nhún nhảy trên đôi vai nâu hẹp của nó. Cô bé ôm trước ngực một con búp bê tóc vàng như bị một cái kéo cùn cắt nhăm nhở, đáng chừng là để trừng phạt. “Đây là chuyến về Ấn Độ đầu tiên của Tina, đúng không con?”

“Con sẽ không đi tắm lần nào nữa”, Tina nói.

“Mina đâu rồi?” ông Das hỏi.

Ông Kapasi ngạc nhiên khi nghe ông Das nói trống không tên vợ với con gái. Tina chỉ chỗ bà Das đang mua bán cái gì đấy với một thanh niên không mặc áo sơ mi chỗ quầy trà. Kapasi nghe tiếng một người trong bọn hát một câu trong bài dân ca tình yêu Hindi vọng theo chân bà Das quay về xe, nhưng chắc là bà không hiểu lời bài ca vì không thấy bà bực tức, lúng túng hay phản ứng gì với câu hát đó của người thanh niên.

Ông nhìn theo bà ta. Bà mặc một chiếc váy kẻ ô vuông màu trắng đỏ phủ tới đầu gối, đi một đôi giày sục gót vuông bằng gỗ, khoác một chiếc áo cánh vừa khít người may theo kiểu áo lót đàn ông. Chiếc áo cánh có đính mảnh vải hoa hình cây dâu ở ngang ngực. Đó là một phụ nữ thấp nhỏ, tay như chân mèo, các ngón tay sơn màu hồng nhạt giống như cặp môi, thân hình hơi phức phịch. Tóc bà ta cắt chỉ dài hơn tóc chồng một chút, để xõa sang một bên. Bà đeo một cái kính râm to màu nâu phớt hồng, mang một cái túi rơm to bằng thân mình, hình cái bát, có chai nước thò ra. Bà bước chậm chạp, khó nhọc bê theo một cái túi giấy báo đựng bọc xôi có rắc lạc, ớt và hạt tiêu. Ông Kapasi quay sang ông Das.

“Ông bà sống ở đâu tại Mỹ?”

“New Brunswick, New Jersey”

“Gần New York?”

“Chính xác. Tôi dạy trung học ở đấy”.

“Ông dạy môn gì?”

“Môn khoa học. Thực tế, hàng năm tôi đều dẫn học sinh đi thăm Bảo Tàng Lịch Sử Tự Nhiên ở New York City. Thế là tôi và bác, chúng ta có nhiều điểm chung đấy. Bác làm nghề hướng dẫn du lịch này đã lâu chưa, bác Kapasi?”

“Năm năm”.

Bà Das đã về tới chỗ xe. “Đường còn xa không?”, bà khép cửa xe và hỏi.

“Khoảng hai tiếng rưỡi nữa”, ông Kapasi đáp.

Nghe thế, bà Das buông một tiếng thở dài sốt ruột cứ như suốt đời bà phải đi đây đi đó liên tục, không nghỉ. Rồi bà lấy cuốn tạp chí phim Bombay viết bằng tiếng Anh ra đọc.

“Tôi nghĩ đèn Mặt Trời nằm ở phía bắc Puri chỉ mười tám dặm thôi chứ”, ông Das nói, đập tay vào cuốn sách du lịch.

“Đường tới Konarak rất xấu. Hiện nay khoảng cách là năm mươi hai dặm”, ông Kapasi giải thích.

Ông Das gật đầu, lấy tay sửa lại cái chỗ dây đeo camera chà vào phía sau cổ ông.

Trước khi nổ máy, ông Kapasi ngó lại xem tay khóa cửa hai bên đã đóng chặt chưa. Khi xe vừa chạy được một chút, cô bé bắt đầu nghịch khóa cửa, cứ giật qua giật lại, nhưng bà Das bảo cứ mặc nó chơi. Bà ta ngồi hơi rũ rượi ở góc chiếc ghế sau, không chia bọc xôi cho ai cả. Ronny và Tina ngồi hai bên bà, nhai kẹo cao su màu xanh sáng.

“Nhìn kìa”, Bobby kêu lên khi chiếc xe tăng tốc độ. Nó chỉ tay vào hàng cây mọc ven đường. “Nhìn kìa”.

“Khỉ, nhiều khỉ quá!” Ronny hét văng lên.

Chúng tụ thành từng đám trên các cành cây, đó là loài khỉ mặt đen bóng, thân ánh bạc, lông mày ngang, đầu có mào. Những cái đuôi dài xám của chúng đung đưa giữa tán lá giống như những cuộn dây chèo. Một số con đưa những cánh tay lông lá đen đũi lên gãi mình, hoặc lắc lư chân, giương mắt nhìn chiếc xe chạy qua.

“Đây là loài khỉ hanuman”, ông Kapasi nói. “Chúng có nhiều ở vùng này”.

Ông vừa nói xong, một con khỉ đã buông mình xuống giữa đường khiến ông phải phanh gấp. Một con khác nhảy xuống nóc xe rồi lại phóc đi. Ông Kapasi bóp còi. Bọn trẻ bắt đầu hồi hộp, ngậm miệng, lấy tay che mặt từng phần. Chúng chưa bao giờ thấy khỉ ngoài vườn thú cả, ông Das giải thích. Ông bảo ông Kapasi dừng xe để chụp ảnh.

Trong khi ông Das lấy ống kính máy ảnh, bà Das thò tay vào cái túi rơm lôi ra một chai nước không màu dùng để đánh móng tay và bắt đầu mài đầu ngón tay trở.

Cô con gái cũng chìa tay ra. “Mẹ, mẹ đánh cho cả con nữa”.

“Để mẹ yên nào”, bà Das nói, thổi thổi ngón tay và khẽ quay người đi. “Con quấy rầy mẹ đấy”.

Cô bé quay sang chơi một mình, hết gài lại mở cúc áo của con búp bê nhựa.

“Xong”, ông Das nói và đóng nắp kính chụp ảnh.

Chiếc xe lắc khá mạnh khi chạy trên con đường bụi, khiến mọi người đôi lúc bị bật ra khỏi chỗ, nhưng bà Das vẫn tiếp tục mài các ngón tay. Ông Kapasi nới lỏng chân ga để xe chạy êm hơn. Khi ông đặt tay vào cần số, cậu bé ngồi phía trước khẽ nhích cái đầu gối nhẵn thín lui ra. Ông Kapasi thấy cậu bé này hơi xanh hơn hai đứa trẻ kia. “Bố ơi, sao trong chiếc xe này người

lái lại ngồi trái chỗ hờ bố”, cậu bé hỏi.

“Ở đây họ đều ngồi thế cả, anh gốc ạ”, Ronny nói.

“Không được gọi anh con là gốc”, bà Das lên tiếng. Bà quay sang ông Kapasi. “Ở Mỹ, ông biết không... chúng lẫn lộn hết”.

“Vâng, tôi hiểu”, ông Kapasi nói. Ông cố thật tế nhị, lại gạt cần số, tăng ga khi đi tới gần một quả đồi nằm trên đường. “Tôi đã thấy điều đó trên Dallas, tay lái ở bên trái”.

“Dallas là gì?”, Tina hỏi, lấy con búp bê trần đập vào lưng ghế ông Kapasi.

“Nó ở ngoài trời”, ông Das giải thích. “Đó là một chương trình tivi”.

Họ cứ như là anh chị em ruột, ông Kapasi nghĩ khi xe chạy qua một hàng cây chà là. Ông bà Das xử sự như là ông anh và cô em gái chứ không phải là cặp bố mẹ. Dường như họ trông nom bọn trẻ mới chỉ một ngày; thật khó mà tin là họ thường xuyên lo lắng cho một ai khác ngoài bản thân mình. Ông Das gõ tay nhẹ nhẹ lên nắp ống kính máy ảnh và cuốn sách du lịch, thỉnh thoảng ông kéo ngón tay cái qua mấy trang khiến chúng phát ra tiếng kêu sột soạt. Bà Das vẫn mài các ngón tay. Bà ta vẫn không tháo chiếc kính râm ra. Đôi lúc Tina lại nài nỉ mẹ mài cả móng tay cho nó, đến một lúc bà Das buộc phải nhỏ một giọt nước vào ngón tay của cô bé trước khi bỏ lại chai nước vào túi rơm.

“Xe này không có điều hòa nhiệt độ à?”, bà Das hỏi trong khi vẫn thối tay.

Cửa sổ phía Tina ngồi bị hỏng, không thể hạ xuống được.

“Thôi kêu ca đi”, ông Das nói. “Trời có nóng đâu”.

“Tôi đã bảo anh thuê chiếc xe có điều hòa”, bà Das nói tiếp. “Vậy mà anh lại làm thế này đây, chỉ để tiết kiệm mấy đồng rupi ngu ngốc. Anh tần tiện mẹ con tôi được cái gì, năm mươi xu ư?”

Giọng họ nói có trọng âm giống như ông Kapasi đã nghe được trên chương trình tivi Mỹ, dù không như trên chương trình Dallas.

“Ông Kapasi này, ngày nào cũng đưa khách đi xem một chỗ thế này, ông có thấy chán không?”, ông Das hỏi khi hạ cửa sổ bên phía ông xuống hết. “Chà, ông làm ơn dừng xe giúp. Tôi muốn chụp anh chàng này một cái”.

Ông Kapasi cho xe chạy sang vệ đường trong khi ông Das giờ máy chụp một người đàn ông chân trần, đầu vấn chiếc khăn bần, ngồi trên nóc chiếc xe chở các bao tải lúa do hai con bò kéo. Cả người và vật đều hốc hác. Ngồi ở ghế sau bà Das nhìn lên trời qua cửa sổ phía bên kia, ngắm một đám mây gần như trong suốt trôi nhanh ở trước một đám mây khác.

“Thật ra là tôi kiếm việc đó”, ông Kapasi nói khi xe lại chạy tiếp. “Đền Mặt Trời là một trong những nơi yêu thích của tôi. Đó gần như là một thứ phần thưởng đối với tôi vậy. Tôi đi tua chỉ vào các ngày thứ Sáu và thứ Bảy. Trong tuần tôi có việc khác”.

“Ô? Ở đâu?”, ông Das hỏi.

“Tôi làm ở một phòng mạch”.

“Ông là bác sĩ?”

“Tôi không phải là bác sĩ. Tôi làm việc cho một bác sĩ khác, làm phiên dịch”.

“Bác sĩ thì cần phiên dịch làm gì?”

“Ông ấy có một số bệnh nhân người Gujarati. Cha tôi là người Gujarati, nhưng nhiều người vùng này không nói được tiếng Gujarati, kể cả bác sĩ. Vì vậy bác sĩ đề nghị tôi làm việc tại phòng mạch của ông ấy, dịch những điều bệnh nhân nói”.

“Hay đấy. Tôi chưa bao giờ nghe thấy một chuyện như thế”, ông Das nói.

Ông Kapasi nhún vai. “Đó là một việc như các việc khác thôi”.

“Nhưng rất lãng mạn”, bà Das đột ngột phá tan sự im lặng nãy giờ, nói một cách mơ màng. Bà đẩy chiếc kính râm màu nâu phớt hồng lên đỉnh đầu trông giống như kiểu mũ Tiara. Đây là lần đầu mắt bà bắt gặp mắt ông Kapasi trong kính hậu: một đôi mắt tái xám, hơi nhỏ, cái nhìn bất động nhưng thờ thẩn.

Ông Das vươn cổ nhìn vợ. “Việc đó có gì là lãng mạn?”

“Em không biết. Đại loại thế”. Bà nhún vai, nhú lông mày một thoáng. “Ông có thích kẹo gum không. Ông Kapasi?”, bà hỏi vẻ tươi tỉnh. Bà sục tay vào túi rơm và trao cho ông một thỏi vuông nhỏ bọc giấy sọc xanh trắng. Ông Kapasi vừa bỏ chiếc kẹo gum vào miệng, một chất nước ngọt đậm thấm ngay vào lưỡi.

“Ông kể chúng tôi nghe công việc của mình đi”, bà Das nói.

“Bà muốn biết điều gì, thưa bà?”

“Tôi không biết”, bà ta nhún vai, nhai nhóp nhép một miếng xôi và đưa lưỡi liếm dầu mù tạt ở hai góc miệng. “Kể một trường hợp điển hình chẳng hạn”. Bà ngồi lại vào ghế, đầu lấp loáng nắng, mắt nhắm. “Tôi muốn hình dung sự việc xảy ra”.

“Được thôi. Một hôm có một người đàn ông đến khám đau họng”.

“Ông ta hút thuốc à?”

“Không. Chuyện rất li kì. Ông ta khai bệnh là cảm thấy như có những cọng rơm dài mắc trong cổ họng. Nghe tôi dịch lại, bác sĩ có thể kê được đơn thuốc phù hợp”.

“Chỉ vậy thôi?”

“Vâng”, ông Kapasi đồng ý ngay không do dự.

“Vậy là các bệnh nhân hoàn toàn phụ thuộc vào ông”, bà Das nói. Bà nói chậm rãi, như là suy nghĩ thành lời. “Dẫu sao đi nữa, phụ thuộc vào ông hơn là bác sĩ”.

“Bà nói thế nghĩa là sao? Sao lại có thể vậy được?”

“Chẳng hạn, ông có thể dịch cho bác sĩ là bệnh nhân thấy như bị thiêu đốt, chứ không phải rơm dăm hòng, mà bác sĩ không biết là ông đã dịch sai. Đây là một trách nhiệm lớn”.

“Phải, ông có một trách nhiệm lớn, ông Kapasi ạ”, ông Das tán đồng.

Ông Kapasi không bao giờ nghĩ công việc của mình lại được khen ngợi như thế. Đối với ông đó là một công việc bạc bẽo. Ông chẳng thấy gì là cao quý khi làm cái việc diễn giải bệnh của mọi người, cần mẫn dịch các triệu chứng của vô số các khớp xương bị sưng phồng, các dạ dày đường ruột bị co rút, các lòng bàn tay bị vết đốm làm thay đổi màu sắc, hình dạng, kích thước. Bác sĩ gần bằng nửa tuổi ông, ham thích quần loe, hay nói những chuyện đùa nghiêm túc về đảng Quốc đại. Họ làm việc cùng nhau trong một bệnh xá nhỏ cũ kĩ, ở đó bộ quần áo được may cắt lịch sự của ông Kapasi cứ bám dính vào người ông nóng hầm hập bắt chập những cánh quạt trần ố đen quay tít trên đầu.

Công việc đó là dấu hiệu sự thất bại của ông. Hồi trẻ ông là một giáo viên ngoại ngữ tận tụy, có trong tay cả một bộ sưu tập từ điển lớn. Ông mơ ước trở thành người phiên dịch cho các chính khách và nhà ngoại giao, giải quyết những xung đột giữa các quốc gia và dân tộc, dàn xếp các bất đồng mà ông là người duy nhất hiểu được cả hai bên. Ông là người tự học. Trong những buổi chiều hồi trước khi bố mẹ xếp đặt cuộc hôn nhân cho mình, ông đã ghi vào các sổ tay hàng loạt từ nguyên phổ biến của các từ, đến một lúc ông tin nếu có cơ hội ông có thể trò chuyện được bằng tiếng Anh, Pháp, Nga, Bồ Đào Nha và Italia, không kể các thứ tiếng Hindi, Bengali, Orissi và Gujarati. Bây giờ trong đầu ông chỉ còn lại một nhúm câu của các thứ tiếng châu Âu, những từ rời rạc chỉ chén đĩa, bàn ghế. Tiếng Anh là ngoại ngữ duy nhất ông thường dùng. Ông Kapasi biết nó cũng không phải tốt lắm. Đôi lúc ông còn sợ là các con ông giỏi tiếng Anh hơn ông nhờ xem tivi. Tuy nhiên, nó cũng đủ cho ông đi tua.

Ông làm việc phiên dịch sau khi đưa con trai đầu lên bảy của ông bị bệnh thương hàn - đấy là lần đầu ông quen với bác sĩ. Hồi ấy ông đang dạy tiếng Anh tại một trường ngữ pháp, và ông dành bán rẻ kĩ năng của mình làm phiên dịch để có tiền trả cho các hóa đơn thuốc giá ngày một cao thêm. Cuối cùng vào một buổi chiều, thằng bé chết trên tay mẹ nó, chân tay nó sốt nóng hầm hập, tiếp đến là lo cho đám ma, để thêm một đứa khác ít lâu sau đó, kiếm một căn nhà khác to hơn, mới hơn, chọn trường, và gia sư tốt cho con, mua những đôi giày đẹp và chiếc tivi, và nhiều cách khác nữa ông cố làm để an ủi vợ, để vợ khỏi khóc lóc trong giấc ngủ, vì vậy khi anh bác sĩ đề nghị trả gấp đôi số tiền ông kiếm được ở một trường ngữ pháp, ông chấp nhận. Ông Kapasi biết là vợ không thích ông làm cái việc phiên dịch này. Ông biết nó gọi cho bà nhớ lại đứa con đã mất, biết bà bực với những người đã được ông cứu giúp nhờ chút việc cón con này của mình. Nếu có khi nào nói đến vị thế của ông, bà dùng câu “trợ lí bác sĩ”, coi như việc phiên dịch ngang việc cặp nhiệt độ hay đi đổ bỏ. Bà không bao giờ hỏi ông về các bệnh nhân đến khám hay nói công việc của ông có trách nhiệm lớn.

Do đó ông Kapasi cảm thấy sung sướng khi bà Das quan tâm đến công việc của ông. Khác với vợ ông, bà khách này nhắc ông nhớ đến thử thách trí tuệ của công việc đó. Bà ta lại còn dùng cái từ “lãng mạn”. Bà ta không hề xử sự lãng mạn với chồng, nhưng dùng cái từ đó mô tả ông. Ông tự hỏi không biết ông bà Das này có xích mích nhau như vợ chồng ông không. Chắc là họ ít có điểm chung ngoài ba đứa con và mấy mươi năm sống của họ. Những dấu hiệu ông ghi nhận từ cuộc hôn nhân của mình đều thấy có ở đây - cãi nhau vặt, thờ ơ, im lặng kéo dài. Thái độ quan tâm đột ngột của bà ta đối với ông, sự quan tâm mà chồng con bà ta cũng không được hưởng, gây cảm giác lằng lằng, nhẹ nhàng. Khi ông Kapasi nghĩ lại lần nữa cái cách bà ta nói cái từ “lãng mạn”, cảm giác lằng lằng càng tăng.

Ông bắt đầu kiểm tra suy nghĩ của mình qua kính chiếc hậu trong khi lái xe, cảm thấy hài

lòng là sáng nay đã mặc bộ comlê xám thay cho bộ nâu hơi chùng ở gối. Từng lúc ông lại đưa mắt nhìn bà Das qua kính. Ngoài nhìn mặt, ông còn để ý đến cảnh đầu nằm giữa chỗ hai bầu vú và vết rám vàng trên cổ họng của bà. Ông quyết định kể thêm cho bà Das nghe về một số bệnh nhân khác: một phụ nữ trẻ có cảm giác lạnh dọc sống lưng, một quý ông thấy vết chàm bắt đầu mọc lông. Bà Das nghe chăm chú, vừa chải tóc bằng chiếc lược trông giống như cái cắt móng tay hình bầu dục, hỏi thêm mấy câu rồi đề nghị kể tiếp. Bọn trẻ ngồi yên, chăm chú phát hiện thêm đám khỉ trên cây, còn ông Das mải mê vào cuốn sách du lịch, dường như coi câu chuyện là việc riêng của ông Kapasi và bà Das. Cứ thế gần nửa giờ trôi qua, và khi họ dừng lại ăn trưa tại một nhà hàng bên đường có bán các món rán và các loại bánh xăng-uyt trứng tráng, điều thông thường ông Kapasi mong đợi cho những chuyến đi tua là được ngồi thanh thản nhấm nháp tách trà nóng, ông đã bị thất vọng. Khi gia đình Das ngồi lại với nhau dưới một chiếc ô đỏ có đính những núp tua màu trắng và da cam, rồi gọi món ăn với một người hầu bàn đội chiếc mũ ba góc đang bước lại, ông Kapasi đành phải đi sang bàn bên.

“Ông Kapasi, gươm đã. Chỗ của ông ở đây”, bà Das gọi to. Bà bế Tina vào lòng và bắt ông ngồi cạnh. Thế là cả hội cùng nhau uống nước xoài, ăn bánh xăng-uyt và các đĩa hành, cà chua rán chín trộn bột bánh. Sau khi ăn hết hai cái bánh xăng-uyt trứng tráng, ông Das chụp thêm mấy bức ảnh cả hội đang ngồi ăn.

“Còn xa nữa không?”, ông hỏi Kapasi khi dừng lại lắp cuộn phim mới vào máy.

“Khoảng nửa tiếng nữa”.

Lúc này bọn trẻ đã rời khỏi bàn ăn đi xem bầy khỉ bu đầy cái cây kề bên, thành ra bà Das và ông Kapasi ngồi cách nhau một khoảng rộng. Ông Das đưa máy lên, nheo mắt nhắm, lưỡi thè ra một bên miệng. “Ngồi thế này buồn cười lắm, Mina, em phải xích lại gần ông Kapasi”.

Bà xích lại. Ông ngửi thấy mùi thơm da thịt bà, như là một hỗn hợp của rượu uýtki và nước hoa hồng. Đột nhiên ông nghĩ bà ta có thể hít thấy mùi mồ hôi mà ông biết đã tích lại dưới chiếc áo may bằng sợi tổng hợp của mình. Ông lịch sự nuốt hết ngụm nước xoài rồi đưa tay vuốt lại mái tóc bạc.

Một giọt nước vương ra cằm ông. Không biết bà Das có nhận thấy không.

Bà ta không nhận thấy. “Địa chỉ của ông thế nào, ông Kapasi?”, bà hỏi và moi tìm cái gì đó ở trong chiếc túi rơm.

“Bà muốn biết địa chỉ của tôi?”

“Để chúng tôi còn gửi ảnh cho ông”, bà nói và trao cho ông mảnh báo xé vội từ cuốn tạp chí phim ra. Khoảng trống để viết rất hẹp, bị vây giữa các dòng bài viết và một bức ảnh nhỏ chụp đôi nam nữ diễn viên đang ôm nhau dưới một cây bạch đàn.

Trang báo quăn lên khi ông Kapasi viết địa chỉ mình bằng nét chữ rõ ràng, cẩn thận, nài sẽ viết thư cho ông hỏi ông chuyển đi dịch ở phòng mạch, và ông sẽ trả lời thật hùng hồn, chỉ chọn những chuyện nào vui nhất, những chuyện khiến nài bật cười to khi đọc chúng tại nhà nài ở New Jersey. Khi đó nài sẽ thoát khỏi nỗi thất vọng về cuộc hôn nhân của nài, còn ông - về cuộc hôn nhân của ông. Theo cách này, tình bạn của họ sẽ phát triển và đơm hoa. Ông sẽ có được tấm ảnh của hai người đang cùng ngồi ăn hành rán dưới một chiếc ô đỏ, tấm ảnh đó ông sẽ giữ kín bằng cách kẹp vào cuốn sách ngữ pháp tiếng Nga. Nghĩ thế, ông Kapasi cảm thấy ngất ngây khoan khoái. Cảm giác này trước đây ông đã từng có, sau nhiều tháng mỳ mò dùng từ điển tập dịch, cuối cùng ông đã có thể đọc được một đoạn tiểu thuyết Pháp, hay một bài

sonet Italia, hiểu được hết các từ, không phải lúng túng, găng sức. Những lúc đó ông Kapasi thường tin rằng thế giới là tốt đẹp, mọi nỗ lực đều được đền đáp, mọi sai lầm của cuộc sống rất cuộc đều có ý nghĩa. Lời hứa ông nghe được từ miệng bà Das bây giờ cũng gây cho ông niềm tin như thế.

Khi viết xong địa chỉ, ông Kapasi trao lại mảnh báo cho bà Das, nhưng vừa đưa xong ông lại thấy lo không biết mình có đề sai tên hay ghi ngược số mã bưu điện không. Ông kinh hãi khi hình dung khả năng bức thư bị mất, tấm ảnh không bao giờ đến được tay ông, nó trôi nổi đâu đó ở Orissa, rất gần nhưng không tài nào đến tay người nhận. Nghĩ thế ông định xin lại tờ giấy xem chắc là đã viết đúng địa chỉ, nhưng bà Das đã bỏ nó vào túi xách.

Họ đến Konarak vào lúc hai rưỡi. Ngôi đền làm bằng sa thạch là một khối kim tự tháp hình cổ xe ngựa. Nó thờ thần Mặt Trời với ba mặt tượng trưng cho hành trình xuyên qua bầu trời mỗi ngày. Hai mươi tư bánh xe lớn được chạm khắc vào mặt bắc và mặt nam chân tường. Toàn bộ khối này được kéo bằng bảy con ngựa như đang phi ngang trời. Khi tới gần, ông Kapasi cho biết ngôi đền được xây vào khoảng 1243 - 1255 với công sức của một nghìn hai trăm người thợ dưới thời vua Narasimhadeva Đệ Nhất đời Ganga để kỉ niệm chiến thắng quân Hồi giáo.

“Diện tích ngôi đền khoảng một trăm bảy mươi mẫu đất”, ông Das đọc từ sách.

“Nó trông giống như sa mạc”, Ronny nói, mắt đảo nhìn dải cát trải dài khắp bốn phía sau ngôi đền.

“Hồi trước có con sông Chandrabhaga chảy cách đây một dặm về phía bắc, nhưng nay nó bị cạn rồi”, ông Kapasi nói và tắt máy xe.

Cả nhà xuống xe, đi về phía đền, chụp những tấm ảnh đầu tiên bên cạnh cặp sư tử ở bậc tam cấp. Ông Kapasi dẫn họ tới bên một chiếc bánh xe của cỗ xe ngựa, cao hơn đầu người, có đường kính chín “phít”.

“Những chiếc bánh xe này biểu tượng cho bánh xe cuộc sống”, ông Das đọc sách. “Chúng mô tả vòng sáng tạo, bảo tồn và hoàn tất. Chán”. Ông lật sang trang: “Mỗi bánh xe có tám tay quay dày và mỏng, chia ngày thành tám phần đều nhau. Vành bánh xe khắc hình chim thú, trong khi những tấm huy chương treo ở tay quay chạm hình phụ nữ trong cảnh hoan lạc, phồn thực”.

Điều ông vừa đọc là rất nhiều những trụ gạch chạm cuốn những hình người khỏa thân đang làm tình đủ các tư thế khác nhau, phụ nữ bá cổ đàn ông, đầu gối họ quặp chặt quanh đùi người tình. Thêm vào đó là đủ loại cảnh đời thường, cảnh săn bắn và buôn bán, cảnh con hươu bị giết bằng cung tên và các chiến binh bước đi tay cầm kiếm.

Không thể đi tiếp vào đền được vì bị những đồng gạch vỡ từ hàng năm trước chặn lối, họ đành xem bên ngoài, như các du khách ông Kapasi từng đưa đến đây, bước chậm quanh mỗi mặt đền. Bọn trẻ chạy lên trước, chỉ trỏ những hình người ở trần, chúng đặc biệt thích thú Nagamithunas, một cặp nửa người nửa rắn mà theo lời ông Kapasi bảo chúng là sống dưới đáy biển. Ông Kapasi thấy vui vì bọn trẻ thích ngôi đền, ông lại càng vui khi thấy bà Das cũng thích. Bà cứ đi ba, bốn bước lại dừng, lặng lẽ nhìn vào hình các cặp tình nhân giao hoan, đoàn voi đang đi, những nữ nhạc công để ngực trần đánh trống hai mặt.

Mặc dù ông Kapasi đã đến đây nhiều lần, nhưng khi nhìn tượng các phụ nữ ngực trần, ông mới chợt nghĩ là mình chưa bao giờ thấy vợ hoàn toàn khỏa thân. Ngay cả khi họ làm tình bà ấy cũng khép hai vạt áo cánh lại; dây váy lót thắt quanh eo. Ông chưa bao giờ được ngắm bấp chân phía sau của vợ như cách bây giờ ông ngắm bấp chân của bà Das đang bước đi trước mắt

như để dành riêng cho ông. Cổ nhiên, trước đây ông cũng đã thấy những đôi chân đẹp của các bà các cô Âu Mỹ khi dẫn họ đi tua. Nhưng bà Das thì khác. Không giống những phụ nữ khác chỉ quan tâm tới ngôi đền, hay cúi mũi vào quyển sách du lịch, hay dán mắt vào máy ảnh, bà Das đã để ý tới ông.

Ông Kapasi bắn khoăn khi ở một mình với bà, tiếp tục câu chuyện giữa hai người, ông chỉ căng thẳng khi đến bên cạnh bà. Bà đeo chiếc kính râm che kín mắt, bỏ ngoài tai lời chồng bảo chụp thêm ảnh, đi bên cạnh mấy đứa con như một người lạ. Sợ làm phiền bà, ông Kapasi bước vượt lên để lại như mọi lần ngắm nhìn ba hiện thân của Surya, thần Mặt Trời, được tạc bằng đồng cao bằng người thật, mỗi bức từ hốc tượng trên mặt tiền ngôi đền nhô lên đón mặt trời buổi sáng, buổi trưa và buổi chiều. Chúng được tạc kĩ lưỡng từ mái tóc quăn, dáng vẻ uể oải, đôi mắt khép kéo dài, đến bộ ngực trần quăn dây và bùa hộ mạng. Những cánh hoa dâm bụt của khách đến thăm trước vương vãi dưới bàn chân xanh xám của chúng. Ông Kapasi thích nhất bức tượng cuối cùng ở tường phía bắc đền. Vị thần Surya này dáng điệu mệt mỏi, rã rời sau một ngày làm việc cật lực, ngồi gập hai chân hai bên lưng ngựa. Ngay con ngựa của thần mắt cũng dờ dẩn. Quanh mình thần có tạc từng cặp phụ nữ nhỏ, mỏng họ xô cả về một bên.

“Đây là ai?”, bà Das hỏi. Ông giật mình khi thấy bà đã đứng sát bên. “Vị thần này là Astachala Surya, thần mặt trời lặn”, ông Kapasi nói.

“Nghĩa là vài giờ nữa mặt trời sẽ lặn đúng chỗ này?”. Bà rút một bàn chân ra khỏi chiếc giày gót vuông, lấy mũi chân gãi gãi vào bấp chân kia.

“Đúng thế”.

Bà đẩy chiếc kính lên một lúc, sau đó lại đeo vào. “Khéo quá”. Ông Kapasi không biết chắc câu ấy thế nào, nhưng cảm thấy đó là một sự tán thành. Ông hi vọng bà Das hiểu được vẻ đẹp và sức mạnh của thần Surya. Có lẽ họ sẽ còn trao đổi thêm chuyện này trong những bức thư về sau. Ông sẽ kể cho bà những chuyện về Ấn Độ, còn bà kể cho ông chuyện nước Mỹ. Những bức thư đó sẽ thực hiện ước mơ của ông làm người phiên dịch giữa các dân tộc. Ông nhìn cái túi rơm của bà, vui mừng thấy địa chỉ của mình đã nằm gọn trong đó. Khi hình dung bà ở cách xa ngàn dặm ông thấy hụt hẫng, thấy trào lên ý muốn ôm ghì lấy bà, siết chặt bà trong vòng tay, hôn bà trước mặt thần Surya yêu thích của mình. Nhưng bà Das đã lại bước đi.

“Khi nào cô quay về Mỹ?”, ông hỏi, cố giữ giọng điềm tĩnh.

“Mười ngày nữa”.

Ông nhắm tính: một tuần để ổn định lại cuộc sống, một tuần để phóng ảnh, vài ngày để viết thư, hai tuần để thư theo máy bay đến Ấn Độ. Theo ước tính của ông, cho là có chậm trễ đi nữa, phải đến khoảng sáu tuần sau ông mới có tin từ bà Das.

Cả nhà Das lặng lẽ khi ông Kapasi chở họ về lại khách sạn Sandy Villa vào lúc hơn bốn rưỡi. Bọn trẻ đã mua kỉ niệm những chiếc bánh xe ngựa nhỏ bằng đá granit, xoay xoay trong tay. Ông Das vẫn đọc sách. Bà Das lấy lược chải tóc cho Tina, rẽ đôi thành hai bím.

Ông Kapasi bắt đầu hoảng hốt khi nghĩ đến lúc trả khách. Ông chưa chuẩn bị được tinh thần cho sáu tuần chờ thư bà Das. Lén nhìn bà trong kính chiếu hậu đang buộc chiếc nơ mềm vào tóc Tina, ông nghĩ cách kéo dài thêm hành trình một chút. Thường thì khi trở lại Puri ông cho xe chạy đường tắt để mau chóng về nhà, rửa ráy chân tay bằng nước đàn hương rồi ngồi đọc tờ báo buổi chiều và uống cốc trà do vợ lặng lẽ pha cho. Bây giờ nghĩ đến cái cảnh lặng lẽ bao lâu nay mình phải cam chịu đó, ông thấy bức bối. Thế là ông gợi ý đến thăm những quả đồi ở

Udayagiri và Khandagiri, nơi có nhiều ngôi chùa xây trên lưng chừng đồi, quay mặt vào nhau qua hẻm núi. Chỗ đó cách xa vài dặm nhưng đáng xem, ông Kapasi nói với họ.

“Phải, trong sách có nói đến chỗ đó”, ông Das nói. “Nó được vua Jain hay ai đó xây dựng”.

“Chúng ta tới đó chứ?”, ông Kapasi hỏi khi dừng xe tại chỗ rẽ. “Nó ở bên trái”.

Ông Das đưa mắt nhìn bà vợ. Cả hai nhún vai.

“Rẽ trái, rẽ trái”, bọn trẻ kêu lên.

Ông Kapasi sung sướng bẻ tay lái. Ông không biết sẽ phải làm gì hay nói gì với bà Das khi họ tới chỗ những quả đồi. Có thể ông sẽ nói là ông thích nụ cười của bà. Có thể ông sẽ khen chiếc áo có hình cây dâu của bà, nó vừa vặn không chê vào đâu được. Có thể, tranh thủ lúc ông Das bận chụp ảnh, ông sẽ cầm tay bà.

Nhưng ông đã phải lo lắng. Khi cả nhà đến chỗ những quả đồi bị phân cách bởi lối đi dốc đứng cây mọc dày thì bà Das không chịu ra khỏi xe. Suốt dọc lối đi, hàng chục con khỉ ngồi trên các phiến đá cũng như vắt vẻo trên cành cây, những cẳng chân sần sùi của chúng giơ ra trước ngang tầm vai, cánh tay ôm đầu gối.

“Chân em mỏi lắm”, bà nói và ngồi sâu vào ghế. “Em ở lại đây thôi”.

“Sao em lại đi đôi giày ngu xuẩn này?”, ông Das nói. “Em còn chưa chụp ảnh”.

“Em thích ngồi trong xe hơn”.

“Nhưng chúng ta có thể dùng một số ảnh này làm bưu thiếp Noel năm nay. Tại đền Mặt Trời chúng ta chưa chụp bức nào cả nhà cả. Ông Kapasi sẽ chụp giúp”.

“Em không ra đâu. Với lại, bọn khỉ làm em thấy ghê”.

“Chúng vô hại, có gì đâu”, ông Das nói. Ông quay sang ông Kapasi. “Phải vậy không ông?”

“Chúng đói hơn là nguy hiểm”, ông Kapasi nói. “Đừng lấy thức ăn trêu chọc chúng thì chúng không làm gì anh cả”.

Ông Das dẫn ba đứa con đi lên hẻm núi, hai cậu bé đi hai bên, cô bé ngồi trên vai bố. Ông Kapasi nhìn theo họ băng qua lối mòn cùng với một đàn ông và một phụ nữ Nhật, hai người khách khác duy nhất ở đây đang dừng lại chụp bức ảnh cuối cùng, rồi bước vào chiếc xe con đậu kề bên và nổ máy chạy đi. Khi chiếc xe biến khỏi tầm nhìn, một lũ khỉ đồng loạt hú lên như tiếng hò reo, rồi chúng dùng cả tay chân đi lên lối mòn. Đến một chỗ, có mấy con tạo thành một cái vòng nhỏ vây quanh bốn bố con Das. Tina hét lên vì sợ. Ronny chạy quanh người bố. Bobby cúi xuống, nhặt một cái que to nằm trên đất. Khi cậu chìa cái que ra, một con khỉ đi lại túm lấy và đập đập xuống đất.

“Tôi lên với họ”, ông Kapasi nói và mở cửa xe phía mình ngồi. “Có nhiều điều phải nói về các hang động”.

“Đừng đi. Xin ông ngồi lại một lát”, bà Das nói. Bà rời khỏi ghế sau, đến ngồi bên cạnh ông

Kapasi. “Dầu sao Raj cũng đã có cuốn sách cam lạng của anh ta”. Hai người, bà Das và ông Kapasim ngồi bên nhau nhìn qua kính chắn gió theo dõi Bobby và con khỉ chuyền qua chuyền lại cái que.

“Một cậu bé dũng cảm”, ông Kapasi nhận xét.

“Điều đó không có gì ngạc nhiên”, bà Das nói.

“Không ư?”

“Nó không phải con anh ta”.

“Xin lỗi, con ai kia?”

“Con của Raj. Nó không phải con của Raj”.

Ông Kapasi thấy nổi gai ốc. Ông cho tay vào túi áo lấy hộp dầu sen thường vẫn mang theo mình và nhỏ ba giọt lên trán. Ông biết bà Das đang quan sát ông, nhưng ông không quay mặt lại phía bà. Thay vào đó, ông đưa mắt nhìn bóng dáng mấy bố con Das đang xa dần trên lối mòn dốc, thỉnh thoảng dừng lại chụp ảnh, bầy khỉ vây quanh họ mỗi lúc một đông thêm.

“Ông ngạc nhiên ư?”. Cái cách bà nói khiến ông phải thận trọng lựa lời.

“Đây là điều người ta khó ngờ”, ông Kapasi nói chậm rãi.

Ông cho lại lọ dầu vào túi áo.

“Khó ngờ, đúng là khó ngờ. Tất nhiên không một ai biết cả. Không một ai. Tôi đã giữ kín chuyện này suốt tám năm nay”. Bà nhìn ông Kapasi, nghiêng cằm như để nhìn cho rõ hơn. “Nhưng bây giờ tôi sẽ kể ông nghe”.

Ông Kapasi gật đầu. Đột nhiên ông thấy khô miệng, trán nóng lên và hơi tê đi sau khi bôi dầu. Ông định hỏi xin bà Das ngụm nước nhưng rồi thôi.

“Chúng tôi gặp nhau khi hãy còn rất trẻ”, bà Das nói, cho tay vào cái túi rơm lôi ra bọc xôi. “Mời ông ăn”.

“Cám ơn, tôi không ăn”.

Bà bốc một nắm xôi cho vào miệng, ngồi dịch vào ghế một chút, rời mắt khỏi ông Kapasi nhìn ra ngoài cửa sổ bên chỗ mình ngồi. “Chúng tôi cưới nhau khi đang học đại học. Hồi cả hai đang học trung học, anh ta đã ngỏ lời. Tất nhiên, chúng tôi cùng vào một trường đại học. Từ đó trở đi chúng tôi không phút nào có ý nghĩ là rời xa nhau. Hai bên bố mẹ chúng tôi là bạn bè thân của nhau, sống trong cùng một thị trấn. Ngày cuối tuần nào tôi cũng gặp anh ta, khi ở nhà mình, khi ở nhà họ, hai đứa tôi lên gác chơi với nhau, còn các bậc bố mẹ thì bàn tính chuyện hôn nhân của chúng tôi. Ông hình dung xem! Họ không bao giờ bắt chúng tôi làm gì cả, dù theo tôi nghĩ đây có thể là một mưu mô xếp đặt. Những điều chúng tôi làm vào những đêm thứ Sáu và thứ Bảy ấy, khi các bậc bố mẹ ngồi phía dưới uống trà... tôi có thể kể ông nghe, ông Kapasi ạ”.

Do mọi thời gian là dồn hết cho Raj, bà kể tiếp, nên ở đại học bà không có người bạn thân nào. Không có ai đáng tin cậy để thổ lộ tâm sự về anh ta cuối một ngày khó khăn, để chia sẻ những ý nghĩ thoáng qua hay nỗi lo âu. Bố mẹ bà bây giờ sống ở bên kia thế giới, nhưng bà không bao giờ còn được gần họ. Sau khi lấy chồng rất sớm, bà lại có con ngay, thế là suốt ngày tối tăm mặt mũi lo nuôi con, nào đun sữa, nào đo nhiệt độ, việc nào cũng chỉ một tay bà, trong khi Raj đi làm việc, mặc áo len dài tay, quần nhung kẻ, dạy sinh viên về các khối đá và loài khủng long. Raj không bao giờ phải cúi gắt, bị quấy rầy hay đẩy người ra như bà sau khi sinh đứa con đầu. Luôn luôn cảm thấy mệt mỏi, bà đã lảng tránh lời mời mọc của một hai cô bạn thời đại học, không đến ăn trưa hay đi mua sắm ở Manhattan. Từ đấy bạn bè cũng thôi rủ rê bà, thành ra bà cứ suốt ngày ở nhà với con giữa đồng hồ chơi vương vãi khi đi lại đứng ngồi trong nhà, gây cho bà cảm giác bức bối và rã rời. Chỉ có một lần họ đi ra ngoài sau khi sinh Ronny, còn những dịp hai vợ chồng vui đùa với nhau thì càng hiếm hơn. Raj là người vô tâm: anh ta chỉ mong đi dạy về để xem tivi và bế thằng Ronny cho nó nhún nhảy trên đầu gối. Do đó bà tức uất lên khi một hôm Raj bảo bà là có một anh bạn người Punjabi mà bà đã gặp một lần nhưng không còn nhớ, sẽ đến ở nhà họ khoảng một tuần để chờ phỏng vấn việc ở khu New Brunswick.

Thằng Bobby thành hình vào một buổi chiều, trên chiếc ghế xôpha vương vãi các thứ đồ chơi có răng cao su, sau khi anh bạn biết được tin một công ty dược phẩm ở London đã nhận anh vào làm trong lúc Ronny khóc ầm ĩ vì bị lấy mất cái bút. Bà không chống cự lại khi anh bạn vượt lưng bà lúc bà đang pha cốc cà phê, sau đó kéo bà ép vào bộ com lê hải quân bảnh bao của mình. Anh ta làm tình với bà ngay lập tức, thành thạo đến độ bà không ngờ, chẳng có vẻ mặt tình tứ và những nụ cười mà về sau này Raj cứ cố vật nài. Hôm sau Raj chở anh bạn ra sân bay JFK, bây giờ anh ta đã có vợ, lấy một cô người Punjabi, và họ cùng sống ở London, hằng năm họ đều trao đổi thiệp Noel với Raj mà Mina, mỗi cặp vợ chồng cho ảnh gia đình mình vào phong bì gửi đi. Anh ta không biết mình là bố của Bobby. Anh ta sẽ không bao giờ biết.

“Tôi xin lỗi bà. Bà Das, nhưng sao bà lại kể cho tôi chuyện này?”, ông Kapasi hỏi khi bà đã kể xong và lại quay mặt về phía ông.

“Lạy Chúa, xin đừng gọi tôi là bà Das. Tôi mới hai tám tuổi, chỉ trạc tuổi con ông là cùng”.

“Không hẳn thế”, ông Kapasi cảm thấy khó chịu khi bà coi ông như một người bố. Tình cảm của ông đối với bà, cái xui ông kiểm tra suy nghĩ của mình qua tấm kính chiếu hậu khi lái xe, giảm đi một ít.

“Tôi kể cho ông là vì ông có tài”. Bà cho gói xôi vào túi mà không gói lại.

“Tôi không hiểu”, ông Kapasi nói.

“Ông không thấy sao? Tám năm nay tôi không thể nói điều này cho ai biết, với bạn bè không, với Raj lại càng không. Anh ta thậm chí không nghi ngờ gì. Anh ta nghĩ tôi vẫn yêu anh ta. Thế ông có ý kiến gì không?”

“Về chuyện gì?”

“Về chuyện tôi vừa kể cho ông nghe. Về điều bí mật của tôi và cảm giác kinh khủng nó gây ra cho tôi. Tôi thấy kinh khủng khi nhìn các con tôi, và nhìn Raj, luôn kinh khủng. Tôi có một ý muốn kinh khủng, ông Kapasi ạ, là vất bỏ hết mọi thứ. Một hôm tôi rất muốn vất hết mọi thứ qua cửa sổ, tivi, con cái, vất tất. Ông có nghĩ thế là bệnh hoạn không?”

Ông im lặng.

“Ông Kapasi, ông nói gì đi chứ? Tôi nghĩ đây là việc của ông mà”.

“Việc của tôi là dẫn khách du lịch, bà Das ạ”.

“Không phải thế. Công việc của ông khác. Ông là người phiên dịch”.

“Nhưng chúng ta không bị ngăn cách ngôn ngữ. Cần gì phiên dịch ở đây?”.

“Đây không phải điều tôi muốn nói. Tôi chưa bao giờ kể chuyện này cho một ai khác ngoài ông. Ông có biết việc đó có ý nghĩa như thế nào đối với tôi không?”

“Có ý nghĩa thế nào?”

“Điều đó nghĩa là tôi đã mệt mỏi kinh khủng suốt tám năm qua. Tám năm, ông Kapasi ạ, tôi đã đau khổ suốt tám năm. Tôi hi vọng ông sẽ nói ra một điều đúng đắn, giúp tôi khá lên. Gợi ý cho tôi một phương thuốc cứu chữa”.

Ông nhìn bà, một phụ nữ chưa đầy ba mươi tuổi mặc chiếc váy đỏ kẻ sọc và chiếc áo có hình cây dâu, người chẳng yêu chồng cũng chẳng yêu con cái, người đã mất lòng yêu cuộc sống. Câu chuyện tự thú của bà làm ông buồn nản, càng buồn hơn khi ông nghĩ đến ông Das đang ở trên đỉnh dốc lối mòn, vai cồng cô bé Tina, chụp ảnh các ngôi chùa xây trên đồi để đem về Mỹ cho các sinh viên xem, mà không ngờ và không hay biết là một trong số hai cậu bé không phải là con mình. Ông Kapasi cảm thấy bị xúc phạm vì bà Das có ý định nhờ ông diễn giải điều bí mật nhỏ nhất tâm thương này. Bà ta không giống các bệnh nhân đến phòng mạch mắt chờ đợi, đáng điệu tuyệt vọng, họ bị mất ngủ, khó thở, bí đại, trên hết, họ không biết cách kể bệnh mình với bác sĩ. Tuy nhiên, ông Kapasi vẫn thấy mình phải có bổn phận giúp đỡ bà Das. Có thể ông sẽ khuyên bà thú tội với ông Das. Ông sẽ thuyết phục bà rằng trung thực là cách hay nhất. Sự trung thực, chắc chắn, sẽ giúp bà khá lên, một khi bà thực hiện được nó. Có thể ông sẽ làm người trung gia hòa giải cho vợ chồng họ. Ông quyết định bắt đầu bằng một câu hỏi hết sức rõ ràng, đi thẳng vào thực chất vấn đề: “Bà Das, có thật bà thấy đau khổ hay đó là một tội lỗi?”

Bà quay lại trừng mắt nhìn ông Kapasi, cặp môi hồng nhạt quét lớp dầu mù tạt dày run run. Bà mở miệng định nói điều gì, nhưng khi nhìn ông Kapasi bà chợt hiểu ra gì đó nên thôi. Thái độ ấy khiến ông tê liệt: ông biết vào lúc đó ông không đáng để bận tâm nữa. Bà mở cửa xe đi lên lối mòn, bước nghiêng ngả trên đôi giày gót vuông bằng gỗ, thò tay vào túi rơm bốc một nắm xôi ăn. Xôi lọt qua kẽ tay rắc xuống đường, thấy thế một con khỉ nhảy từ cây xuống lao vào ngấu nghiến những hạt gạo trắng. Để kiểm thêm, con khỉ bắt đầu bám theo bà Das. Những con khác bám theo nó, chỉ một lát sau lưng bà Das đã có chừng nửa tá khỉ lảng nhảng theo gót, những cái đuôi mềm chúng kéo lê phía sau.

Ông Kapasi bước ra khỏi xe. Thấy cảnh tượng đó ông muốn hô lên báo cho bà biết, nhưng lại sợ nếu bà biết có bày khỉ đi theo sau thì tâm trạng bà lại càng căng thẳng hơn. Có thể bà sẽ mất thăng bằng. Có thể bày khỉ sẽ xô vào giằng kéo cái túi hay tóc bà. Ông bắt đầu bước lắc lư leo lên lối mòn, cầm một cành cây gãy để xua lũ khỉ. Bà Das vẫn đi như mộng du, làm vãi xôi xuống đường. Cạnh đỉnh dốc, trước một nhóm những tư viện có một dãy cột xây bằng đá vuông ở phía trước, ông Das quỳ gối trên đất, dán mắt vào ống kính máy ảnh. Bọn trẻ đứng dưới vòm cuốn, lúc ẩn lúc hiện.

“Đợi em với”, bà Das gọi to. “Em đến đây”.

Tina nhảy căng lên. “Mẹ đang đến đây”.

“Hay lắm”, ông Das nói mà không ngừng lên. “Vừa đúng lúc. Chúng ta sẽ nhờ ông Kapasi chụp cho cả nhà”.

Ông Kapasi rảo bước, vùng vẫy cành cây để xua bày khi đi hướng khác.

“Bobby ở đâu?”, bà Das hỏi khi dừng lại.

Ông Das rời mắt khỏi ống kính. “Anh không biết. Ronny, Bobby ở đâu?”.

Ronny nhún vai. “Con nghĩ là nó đang ở ngay đây”.

“Nó ở đâu?”, bà Das gay gắt hỏi lại. “Có chuyện gì đã xảy ra với mấy bố con?”.

Họ bắt đầu hét gọi tên cậu bé, đua nhau chạy lên chạy xuống dọc lối mòn. Do tất cả cùng đồng thanh gọi nên thoát đầu không ai nghe thấy tiếng kêu thất thanh của cậu bé. Khi họ tìm thấy nó nằm dưới một gốc cây ở một chỗ hơi xa phía dưới lối đi, nó đang bị một đàn khỉ hơn chục con vây quanh và dùng những ngón tay dài đen đúa giằng xé chiếc áo sơ mi. Những hạt xôi bà Das đánh rơi nằm vung vãi trên bàn chân cậu bé đã bị những bàn tay khỉ cào cấu. Cậu bé nằm im, thân thể tê cứng, nước mắt chảy tràn trên khuôn mặt đầy kính hải. Hai cẳng chân trần của cậu bị vấy bẩn và hằn đỏ lằn roi ở những chỗ bị con khỉ cầm cái que lúc trước cậu đưa cho nó đánh liên tục.

“Bố ơi, con khỉ đánh anh Bobby”, Tina nói.

Ông Das chùi tay vào mặt trước quần soóc mình đang mặc. Đang lúc căng thẳng bối rối, ông nhỡ tay nhấn vào màn trập của máy ảnh; tiếng phim chạy xè xè làm bày khi bị kích động, con cầm que lại đánh túi bụi vào Bobby.

“Chúng ta phải làm gì đi chứ? Làm gì đi nếu chúng lại bắt đầu tấn công?”

“Ông Kapasi”, bà Das hét lên khi thấy ông đứng một bên. “Lạy Chúa, ông hãy làm một cái gì đi!”.

Ông Kapasi khua cành cây đuổi lũ khỉ, la hét những con còn chần chừ, dậm chân dọa dẫm chúng. Bầy khỉ chậm rãi tháo lui, chúng đi khoan thai, vẻ vâng lời nhưng không hề sợ sệt. Ông Kapasi bế Bobby lên tay mang về chỗ bố mẹ và anh em nó đang đứng. Dọc đường ông thì thầm vào tai cậu bé điều bí mật vừa được nghe kể. Nhưng Bobby đang bị choáng váng, run rẩy vì sợ, da chân cậu bị đánh rớm máu. Khi ông Kapasi trao cậu bé cho bố mẹ nó, ông Das lấy tay phủ bụi trên áo sơ mi và đội thẳng lại cái mũ lưỡi trai cho đứa con. Bà Das thò tay vào cái túi rơm lấy ra một cuộn băng để băng vào đầu gối bị xước của nó. Ronny đưa cho đứa em một thanh kẹo gum mới nguyên. “Con vẫn bình an vô sự. Chỉ hoảng sợ chút thôi, đúng không Bob?”, ông Das xoa đầu con nói.

“Ơn Chúa, đi khỏi đây thôi”, bà Das lên tiếng. Bà khoanh tay ngang hình cây dâu trước ngực áo. “Nơi này khiến tôi khiếp đảm”.

“Phải. Giờ thì về khách sạn thôi”, ông Das đồng ý.

“Tội nghiệp Bobby”, bà Das nói, “Con lại đây chút nào, để mẹ chải tóc cho”. Bà lại cho tay vào túi rơm, lần này là lấy cái lược, và bắt đầu chải quanh mép chiếc mũ lưỡi trai bóng mờ. Khi bà rút cái lược từ túi ra, mảnh giấy có đề địa chỉ của ông Kapasi bị lôi theo và gió cuốn đi. Không

ai nhận thấy điều đó ngoài ông Kapasi. Ông nhìn mảnh giấy cuốn theo chiều gió bay lên cành cây, chỗ bầy khỉ lúc này đang trình trọng ngồi xem cảnh tượng diễn ra dưới đất. Ông Kapasi cũng quan sát cảnh đó, và biết rằng bức tranh này của gia đình Das ông sẽ giữ mãi trong tâm trí.

NGƯỜI GÁC CỒNG CHÂN CHÍNH

Bà Boori Ma làm người quét dọn cầu thang trong khu nhà. Đã hai đêm liền bà mất ngủ. Vậy là sáng thứ ba bà lôi những mảnh chắn ra khỏi giường. Đầu tiên bà giữ những mảnh chắn dưới đáy hộp thư ở chân cầu thang nơi bà sống, rồi bà lại giữ một lần nữa ở đầu con hẻm khiến lũ quạ đang ăn những cọng rau hoẵng loạn bay tứ tung.

Vừa leo cầu thang tầng bốn lên mái bà Boori Ma vừa lấy tay chống bên đầu gối đã bắt đầu sưng lên vào mỗi đầu mùa mưa. Điều đó có nghĩa là tất cả mọi thứ - chiếc làn, những mảnh chắn và cả bó cây bà dùng làm chổi - đều được kẹp dưới nách kia. Thời gian cuối này bà thấy những bậc cầu thang cứ ngày càng trở nên dốc hơn; leo những bậc cầu thang đó ngày càng giống với việc leo một chiếc thang chứ không phải cầu thang bình thường. Bà sáu mươi tư tuổi. Tóc bà quăn lại thành búi chỉ nhỉnh hơn củ hành chút xíu và nhìn nghiêng hay nhìn thẳng thì người bà cũng đều nhỏ như nhau.

Thực sự, ở con người bà, điều duy nhất gây ấn tượng là giọng nói: lạnh lạnh mà lại có âm điệu buồn, gay gắt như cục sữa đông làm pho mát và rít đến mức như có thể nạo cùi dừa ra khỏi vỏ. Chính bằng cái giọng đó, mỗi ngày hai lần trong khi quét cầu thang, bà kể lể chỉ tiết những nỗi khổ ải và mất mát của mình kể từ khi bị trục xuất sang Calcutta sau cuộc chia cắt. Bà cả quyết kể rằng vào thời gian đó tình trạng rối ren đã chia cắt bà, chồng, bốn cô con gái, ngôi nhà gạch hai tầng, một chiếc hòm gỗ hồng sắc và một đống những hộp cà phê mà chìa khoá của chúng bà vẫn còn mang theo người cùng số tiền tiết kiệm được. Tất cả được buộc vào một đầu chiếc sari.

Bên cạnh những khó khăn vất vả, một điều khác bà Boori Ma thích nhắc lại là thời kỳ hoàng kim. Và vậy là lúc bà lên đến chiếu nghỉ ở tầng hai, bà đã khiến cả ngôi nhà phải chú ý đến thực đơn cho bữa tiệc cưới cô con gái thứ ba.

- Chúng tôi gả nó cho ông hiệu trưởng trường tiểu học. Cơm được nấu bằng nước hoa hồng. Chúng tôi mời cả ông thị trưởng. Mọi người rửa tay trong những chiếc âu thiếc”.

Đến đây bà dừng lại, chờ cho hơi thở trở lại đều đặn, chỉnh lại những vật dụng dưới nách. Bà tranh thủ lúc đó đuổi một con gián ra khỏi đầu lan can, rồi lại tiếp tục.

- Tôm ướp mù tạt hấp trong lá chuối. Không phải là đặc sản. Đó chẳng phải là cao lương mỹ vị gì đối với chúng tôi. Ở nhà chúng tôi ăn thịt dê hai lần mỗi tuần. Chúng tôi còn có một ao đầy cá”.

Đến lúc này thì bà Boori Ma có thể nhìn thấy một chút ánh sáng từ mái nhà lọt xuống cầu thang. Và dù rằng lúc ấy mới có tám giờ sáng nhưng mặt trời đã sưởi ấm bậc cầu thang xi măng cuối cùng dưới chân bà. Đó là một mà nhà cũ kỹ, nơi người ta vẫn còn phải chứa nước tắm trong thùng và cửa sổ thì không có kính.

- Người thì đến hái chà là và ổi. Người khác thì xén dâm bụt. Đấy, hồi đó tôi đã hưởng thụ cuộc sống như thế đấy. Còn bây giờ thì bữa tối của tôi là cơm xúc ngay từ nồi.

Kể đến đoạn này thì tai bà Boori Ma bắt đầu nóng lên; một cơn đau bất chợt nhói lên nơi chỗ đầu gối bị sưng. - Tôi đã kể là tôi chạy qua biên giới chỉ với hai chiếc vòng trên tay chưa nhỉ? Nhưng dù sao thì cũng đã có những ngày khi mà đôi chân tôi chẳng chạm vào cái gì khác ngoài đá hoa cương. Tin thì tin không tin thì thôi, những thứ như vậy các ông bà có mơ cũng chẳng bao giờ thấy.

Chẳng ai dám chắc có chút sự thật nào trong những lời kể lể hàng ngày đó. Chỉ có điều, cứ mỗi ngày, cơ ngơi cũ của bà ta dường như lại rộng gấp đôi, những thứ đựng trong chiếc hòm và những thùng cả phê cũng vậy. Chuyện bà là một người tị nạn thì ai cũng biết rõ; cách phát âm của người Băng-gan khiến người ta không thể làm được. Dù vậy, những người dân của khu chung cư này cũng không thể chấp nhận những lời tuyên bố của bà Boori Ma về sự giàu có trước kia cùng với lời giải thích có vẻ hợp lý hơn cả là bà đã vượt qua biên giới Đông Băng-gan cùng hàng ngàn người khác trên thùng một chiếc xe tải, giữa những bao gai. Lại có lúc bà khẳng khái rằng bà đến Calcutta trên một chiếc xe bò.

- Cuối cùng thì là thế nào, bằng xe tải hay xe bò? - bọn trẻ con thỉnh thoảng hỏi bà lúc chạy ra hẻm phố chơi trò công an bắt tội phạm.

Đáp lại câu hỏi đó bà Boori Ma thường giật gấu chiếc sari làm những chiếc chìa khoá kêu leng keng.

- Hỏi để làm gì hả? Tại sao lại vặt lá chanh ở cây trầu không? Tin thì tin không tin thì thôi. Cuộc đời tao có những nỗi khổ mà chúng mày có năm mơ cũng chẳng hình dung thấy được.

Vậy là bà cắt bớt những chi tiết. Bà mâu thuẫn với chính mình. Bà thêm thắt, tô điểm cho hầu như tất cả mọi chuyện. Nhưng những lời nói huyênh hoang của bà đẩy tính thuyết phục đến mức không dễ gì bác bỏ được.

Vậy bà chủ đất kiểu gì mà cuối cùng lại phải đi lau dọn cầu thang? Đó là điều ông Dalal sống ở tầng ba luôn tự hỏi mỗi khi đi ngang qua bà trên đường đến văn phòng, nơi ông sắp xếp biên lai cho những đại lý bán ống cao su, ống và van điều chỉnh ở khu phố College.

Bechareh, chắc bà ta bịa ra những câu chuyện đó như là một cách để tang sự mất mát gia đình. Đó là điều phỏng đoán của hầu hết các bà nội trợ.

Và “bà Boori Ma lúc nào chẳng luyện thuyên, nhưng bà ta là nạn nhân của thời thế thay đổi” - điệp khúc của ông già Chatterjee. Ông ta chẳng hề rời khỏi ban công mình cũng như chẳng mở một tờ báo nào từ ngày Độc lập. Nhưng dù vậy, hay có thể là vì vậy mà những ý kiến của ông ta được đánh giá cao.

Cuối cùng mọi người thống nhất là đã từng có lúc nào đó bà Boori Ma làm thuê cho một gia đình *zamindar* giàu có ở miền Đông, nên bà có thể nói phét quá khứ của mình tỉ mỉ, kỹ càng đến mức như vậy. Sự mạo danh ngọt ngào của bà chẳng làm hại đến ai. Tất cả đều đồng tình rằng bà là một người biết mua vui cho người khác. Để đổi lại việc bà có được một chỗ nằm ở phía dưới các hộp thư, bà Boori Ma giữ cho cầu thang cong queo của họ sạch bóng không một vết bẩn. Và hơn tất cả, những cư dân của ngôi nhà thích thú biết rằng hàng đêm bà Boori Ma nằm ngủ đằng sau chiếc cổng ọp ẹp, thứ có thể đổ xuống bất cứ lúc nào, làm phận sự của một người canh gác giữa họ và thế giới bên ngoài.

Không một ai trong khu chung cư nghèo nàn này sở hữu cái gì đáng để bị ăn cắp. Misra, bà goá ở tầng hai là người duy nhất có điện thoại. Dù vậy, các cư dân của ngôi nhà vẫn cảm thấy biết ơn bà Boori Ma về chuyện bà canh gác, theo dõi các hoạt động ở hẻm phố, soi xét những

người bán hàng rong đến bán lược và khăn choàng, bã có thể gọi xe tay chỉ trong giây lát, chỉ bằng vài cái quạt chổi bà có thể đuổi bất cứ một nhân vật khả nghi nào lén vào trong khu định nhổ nước bọt bừa bãi hay dãi bậy hay để gây ra những phiền toái khác.

Nói tóm lại, qua năm tháng, những công việc của bà Boori Ma trở nên giống như công việc của một người gác cổng thực sự. Dù rằng trong những điều kiện bình thường thì đây không phải là công việc của một phụ nữ, nhưng bà đã được vinh dự nhận trọng trách này và bà duy trì việc canh giữ không kém phần cẩn thận so với việc nếu bà là người gác cổng một ngôi nhà trên đường Lower Circular hay Jodhpur Park, hay bất cứ một khu nào khác.

Trên mái nhà bà Boori Ma treo tấm chắn của mình lên dây phơi. Chiếc dây treo ngang từ góc lan can này sang góc khác, khiến bà không còn nhìn thấy những chiếc ăngten vô tuyến, những tấm bảng yết thị và vòm mái cong của cây cầu Howrah. Bà Boori Ma quay nhìn cả bốn phía. Rồi sau đó bà mở vòi nước ở chân bể. Bà rửa mặt, lau chân, rồi dùng hai ngón tay đánh răng. Sau đó bà dùng chổi quạt cả hai mặt chiếc chắn. Thỉnh thoảng bà dừng lại chăm chú nhìn những đường nối, hy vọng phát hiện được thủ phạm gây ra những đêm mất ngủ. Bà mê mải với công việc đến mức phải một lát sau bà mới nhận ra bà Dalal ở tầng ba lên mái nhà phơi những miếng chanh thái mỏng ướp muối.

- Cái trong tấm chắn này đã làm tôi tỉnh giấc ban đêm, - bà Boori Ma nói. - Nói cho tôi biết, bà thấy chúng ở đâu nào?

Bà Dalal có những tình cảm yếu đuối riêng đối với bà Boori Ma, thỉnh thoảng bà lại cho người đàn bà già này chút bột gừng nhão để thêm hương vị cho món hầm.

- Tôi chẳng nhìn thấy gì cả, - Một lát sau bà Dalal trả lời. Mí mắt bà mờ mờ. Những ngón chân của bà có đeo nhẫn và rất mảnh dẻ.

- Chắc là chúng phải có cánh, - bà Boori Ma kết luận. Bà đặt chiếc chổi xuống và quan sát những đám bụi theo nhau bay đi. - Bọn chúng đã bay mất trước khi tôi có thể đập chết chúng. Nhưng xem lưng tôi đây này. Cả người tôi đỏ vì những vết cắn của chúng.

Bà Dalal lật những nếp gấp chiếc sari của bà Boori Ma, một tấm vải dệt màu trắng rẻ tiền với những viền màu xanh bần. Bà cẩn thận xem xét làm da bên dưới chiếc áo cánh kiểu cũ mà giờ đây các hiệu may đã không còn may nữa. Rồi bà nói:

- Bà Boori Ma, bà tưởng tượng thôi.

- Tôi bảo với bà, cái bọn này ăn sống tôi mà.

- Đó có thể là rôm, - bà Dalal nói.

Bà Boori Ma giữ đầu kia của chiếc sari làm những chiếc chìa khoá kêu leng keng. Bà nói:

- Tôi biết rôm chứ. Đây không phải là rôm. Tôi không ngủ đã ba hôm, hình như là bốn hôm rồi. Ai mà đếm được cơ chứ? Trước kia tôi thường giữ giường chiếu sạch sẽ. Ga giường của chúng tôi may bằng vải muxolin. Tin thì tin không tin thì thôi chứ màn của chúng tôi mềm như lụa. Những điều sung sướng ấy bà có mơ cũng không thể thấy được.

- Tôi không thể mơ thấy được, - bà Dalal trả lời. Bà cụp hàng mi mắt nặng trĩu xuống và thở dài. - Tôi không thể mơ thấy được, bà Boori Ma ạ. Tôi sống trong hai căn phòng cũ nát, lấy một

người đàn ông bán những đồ dùng trong toilet.

Bà Dalal quay đi và nhìn tấm chăn. Bà miết một ngón tay vào chỗ vá rồi hỏi:

- Bà Boori Ma, bà ngủ trong những cái này bao lâu rồi?

Bà Boori Ma đặt một ngón tay lên môi trước khi trả lời rằng bà không thể nhớ.

- Thế sao bà không nói với chúng tôi? Thế bà nghĩ rằng chúng tôi không đủ sức cho bà một tấm chăn mới sạch sẽ hay sao? Một tấm vải không thấm nước chẳng hạn?

Trông bà Dalal có vẻ bị lảng nhục.

- Không cần thiết, - bà Boori Ma trả lời. - Bây giờ thì những tấm ấy sạch sẽ rồi, tôi đã dùng chổi đập sạch rồi.

- Tôi không cần nghe bà biện bạch, - bà Dalal trả lời. - Bà cần một chỗ ngủ mới. Một tấm chăn, một chiếc gối. Một tấm chăn khi nào mùa đông đến.

Vừa nói bà Dalal vừa ghi nhớ những vật cần thiết bằng cách chạm ngón cái vào những ngón tay kia.

- Vào những ngày lễ thì người nghèo kéo đến nhà chúng tôi để được phát đồ ăn, - bà Boori Ma nói. Bà đang chất than vào lò.

- Tôi sẽ nói với ông Dalal khi ông ấy đi làm về, - bà Dalal nói với lại lúc đi xuống cầu thang. - Chiều nay bà đến nhé. Tôi sẽ đưa bà ít đồ ngâm và ít bột để bôi cái lưng của bà.

- Nhưng đây không phải là rôm, - bà Boori Ma trả lời.

Thực ra thì rôm rất hay mọc vào mùa mưa. Nhưng bà Boori Ma thì thích nghĩ rằng cái làm bà bực bội, cái đã cướp đi giấc ngủ của bà, cái khiến đầu bà và người bà nóng ran như ớt có nguồn gốc trần tục hơn thế.

Bà đang trầm ngâm suy nghĩ lại về những điều này trong lúc quét cầu thang - bà luôn quét từ trên xuống dưới - thì trời bắt đầu mưa. Mưa đập trên mái giống như một cậu bé đi đôi giày quá khổ dậm chân và cuốn trôi những miếng vỏ chanh của bà Dalal vào máng nước. Trước khi những người đi bộ kịp mở ô thì mưa đã rơi vào cổ áo, túi áo, giày. Trong ngôi nhà cũ kỹ buồn tẻ đó và những ngôi nhà xung quanh, người ta nhanh chóng đóng những cánh cửa chớp lại rồi dùng dây áo lót buộc chúng vào thanh cửa sổ.

Lúc đó bà Boori Ma đang đi xuống chỗ rẽ tầng hai. Ngược nhìn lên các bậc cầu thang và nghe tiếng những giọt nước mưa rơi xuống bà biết ngay rằng những tấm mền của bà chuẩn bị biến thành một đồng giẻ.

Nhưng rồi khi đó bà nhớ lại câu chuyện vừa trước đó với bà Dalal. Vậy là bà cứ tiếp tục với tốc độ cũ dọn dẹp xuống tận chỗ những hộp thư ở chân cầu thang, quét những chỗ bụi, nhặt đầu mẩu thuốc lá, giấy bọc kẹo. Để ngăn gió lọt vào, bà lục tìm trong làn lấy ra mấy tờ giấy và nhét chúng vào những lỗ hổng hình bát giác của cánh cửa gấp. Sau đó bà đặt bữa trưa lên chiếc làn đựng than để đun nóng và bà điều khiển ngọn lửa bằng chiếc quạt giấy.

Chiều hôm đó, theo thói quen bà Boori Ma tết lại tóc, tháo một đầu chiếc sari và kiểm tra sổ tiền tiết kiệm của mình. Bà vừa chợp mắt hai mươi phút trên chiếc giường tạm thời được trải giấy báo. Mưa đã tạnh và giờ đây cái mùi chua chua bốc lên từ những chiếc lá xoài ươn tràn ngập ngõ hẻm.

Vào những buổi chiều nhất định bà Boori Ma đến thăm những người cùng khu nhà. Bà rất thích đến những nhà khác nhau. Về phần mình, những người chủ nhà luôn nói với bà Boori Ma rằng bà lúc nào cũng được đón chào nồng nhiệt; họ không bao giờ cài then cửa trừ ban đêm. Họ vẫn tiếp tục công việc của mình, mắng mỏ trẻ con, cộng trừ các khoản chi tiêu hay nhặt sạn gạo cho bữa cơm tối. Thỉnh thoảng người ta mời bà uống chè, hộp bánh bích quy được chuyển sang hướng bà và bà giúp bọn trẻ con thu nhặt những mảnh bào vụn. Biết không nên ngồi lên đồ gỗ nên bà ngồi cuộn tròn ở ngoài cửa hay lối vào nhà. Bà quan sát những cử chỉ và hành động giống như một người quan sát dòng xe cộ trong một thành phố lạ.

Buổi chiều hôm đó bà Boori Ma quyết định nhận lời mời của bà Dalal. Sau giấc ngủ trưa trên báo lưng bà vẫn ngửa và cuối cùng thì bà rất muốn có một chút phấn rôm. Bà nhặt chiếc chổi lên - bà không bao giờ cảm thấy tự tin khi không có nó - và chuẩn bị leo lên cầu thang khi một chiếc xe tay trườn tới cổng.

- Bà Boori Ma, tôi có một việc cho bà đây. Giúp tôi đưa những chiếc bồn này lên trên. Ông ta đắp chiếc khăn lên trán, cổ và đưa một đồng tiền xu cho người kéo xe tay. Sau đó ông ta và bà Boori Ma khiêng những chiếc chậu lên tận tầng ba. Mãi đến khi họ vào tận đến trong phòng thì cuối cùng ông ta mới tuyên bố với bà Boori Ma, bà Dalal và vài người khác nữa trong khu nhà vì tò mò đã theo họ đến căn hộ điều sau đây: rằng thời ông ta viết các hóa đơn cho những người bán ống cao su, đường ống, van việc đã kết thúc rồi. Rằng bản thân ông ta, một người phân phối, người luôn thèm muốn làn không khí trong lành, người mà lợi nhuận đã tăng gấp đôi, đang mở một chi nhánh thứ hai ở Burdurán. Và rằng, theo như đánh giá về quá trình thực hiện công việc một cách cần mẫn qua năm tháng của ông, nhà phân phối đang cất nhắc ông Dalal lên làm quản lý chi nhánh ở phố College. Trong tâm trạng phấn khích, trên đường về nhà ông đã mua hai chiếc bồn rửa.

- Chúng ta làm gì với hai cái bồn rửa trong một căn hộ hai phòng? - bà Dalal hỏi. Bà đang bực bội về đồng vỏ chanh của mình. - Đã ai nghe thấy chuyện đó bao giờ chưa? Tôi vẫn còn phải nấu bếp dầu. Ông thì từ chối không chịu lắp điện thoại. Và tôi thì vẫn phải chờ đợi tủ lạnh ông hứa từ ngày cưới. Ông nghĩ hai chiếc bồn rửa sẽ đền bù lại cho tất cả những thứ đó ư?

Sau đó hai ông bà tranh cãi to đến mức ở tầng một người ta cũng nghe được. Khá là âm ỉ và khá là lâu, át cả tiếng cơn mưa thứ hai đổ xuống sau khi trời tối. Họ cãi nhau to đến nỗi bà Boori Ma lảng trí trong khi quét cầu thang từ trên xuống lần thứ hai trong ngày và vì vậy bà quên không kể lể về những nỗi khổ hay thời kỳ sung sướng của mình. Đêm đó bà ngủ trên những tờ giấy báo.

Dư âm trận cãi nhau giữa hai ông bà Dalal vẫn còn ít nhiều vào sáng sớm ngày hôm sau, khi một đám thợ chân đất đến để lắp đặt chiếc bồn rửa. Sau một đêm trăn trọc, ông Dalal quyết định lắp một chiếc bồn trong phòng khách của căn hộ, còn chiếc kia thì ở gầm cầu thang của toà nhà.

- Như thế để ai cũng có thể sử dụng được, - ông giải thích với mọi nhà như vậy.

Những cư dân của ngôi nhà rất lấy làm sung sướng; đã bao năm trời họ đánh răng bằng nước trữ trong những chiếc chậu.

Trong lúc đó thì ông Dalal nghĩ: một chiếc bồn rửa ở gầm cầu thang sẽ gây ấn tượng với những vị khách. Giờ đây, khi ông là quản lý của công ty, ai mà biết được người nào sẽ đến chơi?

Những người thợ làm việc suốt mấy tiếng đồng hồ. Họ chạy lên xuống cầu thang, ngồi xổm, dựa lưng vào những thanh gỗ ban công để ăn bữa trưa. Họ đóng đinh, quát tháo, nhổ nước bọt, chửi thề. Họ lau mồ hôi bằng chiếc khăn xếp. Nói chung, họ làm cho bà Boori Ma ngày hôm đó không thể nào quét cầu thang được.

Để giết thời gian, bà Boori Ma đi lên mái nhà. Bà lê bước dọc theo lan can nhưng hông bà đau vì qua một đêm ngủ trên giấy báo. Sau khi nhìn ngắm chân trời từ cả bốn hướng, bà xé những gì còn lại của cái đã từng là đồng mền thành mấy tấm rồi quyết định sẽ dùng nó để lau ban công.

Chiều muộn, những cư dân của ngôi nhà tụ tập để chiêm ngưỡng thành quả lao động một ngày của đám công nhân. Thâm chí người ta còn giục cả bà Boori Ma rửa đôi tay dưới vòi nước sạch sẽ. Bà khịt mũi: - Trong nước tắm của chúng tôi thả những cánh hoa hồng và tinh dầu. Tin thì tin không tin thì thôi chứ những thứ xa hoa như thế các ông bà có mơ cũng chẳng thấy.

Ông Dalal khoe khoang những đặc tính khác nhau của chiếc bồn. Ông vặn mỗi bên vòi hết cỡ rồi lại tắt đi. Sau đó ông vặn cả hai vòi cùng một lúc để minh họa sự khác nhau về sức nước. Kéo một thanh nhỏ ở giữa hai chiếc vòi cho để cho nước ở lại trong bồn, nếu muốn.

- Kỳ diệu vô cùng, - Ông Dalal kết luận.

- Một dấu hiệu của thời kỳ thay đổi, - Ông Chatterjee từ ban công của mình trầm trồ xác nhận.

Tuy nhiên, sự oán giận nhanh chóng kéo đến giữa các bà vợ. Đứng xếp hàng buổi sáng chờ đến lượt đánh răng, ai cũng cảm thấy bức bối vì phải chờ đến lượt mình, vì phải lau vòi nước mỗi khi sử dụng xong, vì không được để lại xà phòng và tuýp thuốc đánh răng của mình trên cái bệ hẹp của chiếc bồn. Hai ông bà Dalal có bồn riêng của mình, thế thì tại sao những người con lại phải cùng dùng chung một chiếc?

- Chẳng nhẽ chuyện mua một chiếc bồn là ngoài tầm tay của chúng ta hay sao? - một sáng, một người trong số họ cuối cùng bật ra.

Những tin đồn bắt đầu lan ra: rằng, sau khi cãi nhau, ông Dalal đã đền vợ mình bằng cách mua cho bà hai kilô dầu mù tạc, một chiếc khăn len, một tá xà phòng đàn hương; rằng ông Dalal đã viết đơn xin lắp điện thoại, rằng bà Dalal chẳng làm gì ngoài chuyện rửa tay trong bồn cả ngày. Cứ như thế thế vẫn chưa đủ, sáng ngày hôm sau, một chiếc tắc xi của hãng Howrah lăn bánh vào con hẻm; hai ông bà Dalal chuẩn bị đi Simla nghỉ mười ngày.

- Bà Boori Ma, tôi không quên đâu. Tôi sẽ mang về cho bà một chiếc chăn lông cừu làm ở trên núi, - bà Dalal nói với qua cánh cửa tắc xi. Trong lòng bà là chiếc ví da trông rất ăn ý với gấu chiếc sari màu xanh nước biển.

- Chúng tôi sẽ mang về hai chiếc, - ông Dalal đang ngồi bên cạnh bà vợ và cho tay vào túi kiểm tra xem chiếc ví của ông có ở yên chỗ không cũng gào lên.

Trong số tất cả những người sống trong ngôi nhà buồn tẻ đó bà Boori Ma là người duy nhất đứng bên cánh cửa gấp và chúc họ lên đường bình an.

Ngay khi ông bà Dalal vừa đi khỏi, những bà vợ khác cũng bắt đầu chương trình cải tổ của họ. Một người quyết định bán chỗ vòng đám cưới để mua vôi quét khu cầu thang. Một người khác quyết định đem cầm chiếc máy khâu của mình và mua về chiếc máy đuổi côn trùng. Người thứ ba đi đến ông thợ kim hoàn để bán lại bộ đồ ăn, bà ta muốn sơn cánh cửa sổ màu vàng.

Những người công nhân làm việc ở ngôi nhà cả ngày và đêm. Để tránh sự ồn ã, bà Boori Ma ngủ trên mái nhà. Quá nhiều người đi ra đi vào cánh cửa gấp, quá nhiều người bịt kín con hẻm suốt ngày đêm đến nỗi chẳng còn ích gì theo dõi họ nữa.

Vài ngày sau thì bà Boori Ma chuyển luôn cả chiếc làn và xô để nấu lên mái nhà. Chẳng cần thiết phải sử dụng chiếc bồn ở dưới nhà nữa vì ở đây bà có thể dễ dàng rửa mặt như từ xưa đến giờ vẫn làm từ vòi nước ở chân bể. Bà vẫn định dùng những mảnh giẻ từ tấm chăn cũ đánh bóng lan can. Bà vẫn tiếp tục ngủ trên giấy báo.

Trời mưa nhiều hơn. Bên dưới tấm vải bạt, một tờ giấy báo treo phía trên đầu bà, bà ngồi xồm quan sát những con kiến mỗi ngậm trứng trong miệng hành quân dọc theo dây phơi. Những ngọn gió ẩm ướt thổi vào lưng bà. Tờ giấy báo từ từ rơi xuống.

Những buổi sáng đối với bà dài dằng dặc, những buổi chiều còn dài hơn nữa. Bà chẳng thể nào nhớ nổi bà uống cốc chè cuối cùng từ khi nào nữa. Chẳng nghĩ về những vất vả cũng chẳng nghĩ về thời kỳ sung sướng trước kia, bà chỉ tự hỏi khi nào thì hai ông bà Dalal về và mang theo chăn đệm mới cho bà.

Ở trên mái nhà bà cảm thấy không yên, vậy là chiều chiều tiện thể tập thể dục bà bắt đầu đi vòng các khu xung quanh. Cầm chổi trong tay, mặc chiếc sari mờ mờ màu mực bà lang thang qua các khu chợ và bắt đầu chi tiêu số tiền tiết kiệm vào những thứ nhỏ nhỏ trên phố: hôm nay là một gói bánh phồng, ngày mai ít đào lộn hột, hôm sau nữa là cốc nước mía. Một hôm bà đi đến tận chỗ máy rửa cửa hàng sách trên phố College. Ngày hôm sau bà còn đi xa hơn, đến tận những chợ hàng hóa ở khi Bow Bazaar. Chính là ở đó, trong lúc bà đang đứng trong khu bán hàng mái vòm, nhìn ngắm những quả mít, quả hồng thì bà cảm thấy có cái gì đó làm chiếc sari khê rung. Khi bà nhìn xuống thì bà thấy số tiền tiết kiệm còn lại và chùm chìa khóa đã bị mất.

Chiều đó, khi bà Boori Ma quay trở về thì những cư dân của khu nhà bà đang chờ bà. Những tiếng khóc báo điềm gở vang lên chỗ cầu thang, tất cả đều vọng lại cùng một tin: chiếc bồn rửa ở chân cầu thang bị mất cắp rồi. Có một lỗ rất to ở chỗ mới được quét vôi trắng, một mẩu đường ống cao su và đường ống thò ra ngoài. Bà Boori Ma xiết chặt cây chổi của mình mà chẳng nói gì cả.

Vội vã, những cư dân gần như khiêng bà Boori Ma lên mái nhà, nơi họ đặt bà xuống bên một dây phơi và bắt đầu mắng mỏ bà từ phía dây bên này.

- Đây tất cả là do bà ấy, - một người trong số họ la lên, vừa la vừa chỉ vào bà Boori Ma. - Bà ấy báo cho bọn trộm. Bà ta ở đâu khi đáng ra bà ấy phải canh cổng?

- Hàng bao ngày bà ấy cứ lang thang ngoài đường phố, nói chuyện với những người lạ, - một người khác thông báo.

- Chúng ta chia xẻ than cho bà ấy, cho bà ấy chỗ ngủ. Làm sao mà bà ta lại có thể phản bội chúng ta như vậy cơ chứ? - người thứ ba lên tiếng.

Dù chẳng ai nói chuyện trực tiếp với bà Boori Ma, bà vẫn trả lời: Tin thì tin không tin thì thôi nhưng tôi không thông báo cho bọn trộm.

- Bao năm trời chúng tôi đã chịu đựng những lời nói dối của bà. Bây giờ bà lại còn muốn chúng tôi tin bà ư? - họ đáp lại.

Những lời cố chấp của họ thật là dai dẳng. Họ sẽ giải thích chuyện này với ông bà Dalal ra làm sao đây? Cuối cùng họ tìm lời khuyên của ông Chatterjee. Họ thấy ông ta đang ngồi trên ban công của mình, theo dõi vụ tắc đường.

Một cư dân của tầng hai nói: - Bà Boori Ma đang đe dọa sự an toàn của ngôi nhà. Chúng ta có những đồ đạc quý giá. Bà góa Misra sống một mình với chiếc điện thoại. Chúng ta phải làm gì bây giờ?

Ông Chatterjee cân nhắc những tranh luận của họ. Trong lúc cân nhắc sự việc, ông chỉnh lại chiếc khăn choàng qua vai và nhìn giàn ống tre đang bao quanh ban công mình. Những cánh cửa phía sau ông ta, phai hết màu từ bao lâu ông không thể nhớ nổi đã được sơn màu vàng. Cuối cùng ông nói:

- Bà Boori Ma lúc nào chẳng luyên thuyên. Nhưng đó chẳng phải là điều gì mới mẻ. Cái mới mẻ chính là bộ mặt của ngôi nhà này. Một ngôi nhà như ngôi nhà này cần một người gác cổng *chân chính*.

Vậy là những cư dân của ngôi nhà vút làn và những tấm giẻ, chiếc xô và chổi của bà xuống chân cầu thang, qua những hộp thư, qua cánh cổng gấp, vào con ngõ hẻm. Cuối cùng thì họ đuổi bà Boori Ma ra khỏi ngôi nhà. Tất cả đều náo nức tìm kiếm ngay lập tức một người gác cổng chân chính.

Trong đồng đồ thuộc về mình bà Boori Ma chỉ giữ mỗi chiếc chổi.

- Tin tôi thì tin, không tin thì thôi, - bà nói thêm một lần nữa trước khi hình dáng của bà dần xa. Bà lắc đầu buông lời của chiếc sari nhưng chẳng còn cái gì kêu leng keng nữa.

GỢI TÌNH

Đó là cơn ác mộng kinh khủng nhất cả một người vợ. Sau chín năm chung sống, chồng chị họ cô ta phải lòng một người khác, Laxmi kể với Miranda. Chồng chị ta ngồi cạnh một cô gái trên chiếc máy bay từ Delhi tới Montreal và thay vào việc bay về nhà với vợ con, anh ta xuống máy bay cùng cô gái ở Heathrow. Anh ta gọi điện thoại cho vợ nói rằng một cuộc gặp gỡ đã làm đảo lộn cuộc đời anh ta, và rằng anh ta cần có thời gian để sắp xếp mọi chuyện. Bà chị họ của Laxmi chỉ còn biết nằm vùi trên giường.

- Không phải là mình buộc tội cô ta, - Laxmi nói. Cô ta với tay lấy gói Hot Mix mà cô vẫn nhắm nháp suốt ngày. Đối với Miranda thì nó giống như món ăn làm từ ngũ cốc có màu vàng cam bụi bặm. - Nhưng cậu thử tưởng tượng xem, một cô gái người Anh, bằng nửa tuổi anh ta.

Laxmi chỉ hơn Miranda vài tuổi nhưng đã có chồng. Cô ta luôn giữ một tấm ảnh hai vợ chồng ngồi trên tảng đá trắng phía trước Taj Mahal^[14]. Tấm ảnh đó cô dính trong khoang nhỏ chỗ cô ngồi, cạnh khoang Miranda. Laxmi vừa nói chuyện với cô chị họ ít nhất là cả tiếng đồng hồ, cố gắng an ủi chị ta. Không ai biết chuyện đó. Họ làm việc ở phòng quyên quỹ của một đài phát thanh công cộng. Xung quanh họ là những người cũng suốt ngày mải mê với chiếc điện thoại để cầu xin những khoản tiền.

- Mình thương thằng bé hơn cả, - Laxmi nói thêm. - Nó đã phải nghỉ học bao hôm nay rồi. Chị mình bảo chị ấy thậm chí không thể đưa nó đi học được.

- Kinh khủng thật, - Miranda đáp lời.

Bình thường những cuộc nói chuyện điện thoại của Laxmi chủ yếu là với chồng về việc bữa tối ăn gì làm Miranda mất tập trung trong lúc cô đánh những lá thư yêu cầu các thành viên của đài truyền thanh tăng số tiền đóng góp hàng năm, đổi lại họ sẽ nhận được một chiếc túi đi chợ hay một chiếc ô. Cô có thể nghe rất rõ tiếng Laxmi, những câu nói thỉnh thoảng lại chen vào mấy từ Ấn Độ vọng qua bức tường gỗ dán mỏng giữa hai khoang. Nhưng sáng đó thì Miranda không nghe. Lúc đó cô cũng đang gọi điện nói chuyện với Dev xem chiều hôm đó họ sẽ gặp nhau ở đâu.

- Mà cũng chẳng sao, mấy ngày ở nhà thì cả ảnh hưởng gì đến nó lắm, - Laxmi nhón thêm mấy miếng Hot Mix rồi cất cái gói vào ngăn kéo. - Nó là một thiên tài đấy. Mẹ nó người Punjab, bố nó người Băng-gan, và vì nó học tiếng Anh và tiếng Pháp ở trường nên nó gần như đã nói được đến bốn thứ tiếng. Mình nghĩ nó có thể nhọc nhảy hai lớp cũng được.

Dev cũng là người Băng-gan. Đầu tiên Miranda nghĩ đó là tên gọi của một tôn giáo. Nhưng sau đó anh chỉ cho cô trên bản đồ nơi gọi là Băng-gan. Tấm bản đồ in trong một ấn bản của tờ tạp chí *Kinh tế*. Anh đã mua tờ tạp chí đó mang đến căn hộ của cô vì cô không có bản đồ hay bất kỳ cuốn sách nào có in bản đồ trong đó. Anh chỉ cho cô thành phố nơi anh sinh ra và một thành phố khác, nơi sinh của bố anh. Có một thành phố được khoanh hình vuông xung quanh để thu hút sự chú ý. Khi Miranda hỏi hình vuông đó có ý nghĩa gì, Dev cuộn cuộn tạp chí lại và nói "Chẳng có gì đáng cho em bận tâm đâu mà", và anh đùa nghịch gõ ngón tay lên đầu cô.

Trước khi ra khỏi căn hộ của cô anh vút cuốn tạp chí vào sọt rác cùng với những đầu mẫu thuốc lá anh luôn để lại trong những chuyến viếng thăm của mình. Khi cô dõi theo thấy chiếc xe của anh đã khuất trên đường Commonwealth để về ngôi nhà của vợ chồng anh ở ngoại ô, Miranda lôi cuốn tạp chí ra, phúi bụi bám trên tờ bìa rồi cuộn nó ngược lại cho phẳng. Cô leo lên giường nằm, nghiên cứu biên giới Băng-gan, cả người vẫn còn run rẩy vì cuộc làm tình. Có một cái vịnh ở phía dưới và một ngọn núi phía bên trên. Tầm bản đồ liên quan đến một bài báo nào đó tên là Gramin Bank. Cô lật qua các trang, hy vọng tìm thấy một bức ảnh chụp thành phố nơi Dev sinh ra, nhưng tất cả những gì cô thấy chỉ là các biểu đồ và các ô. Dù vậy cô vẫn chăm chăm nhìn vào trong đó trong khi nghĩ về Dev, về chuyện chỉ mới mười lăm phút trước đây thôi anh đặt chân cô lên vai anh, ghì xiết đầu gối cô xuống ngực và nói với cô rằng lúc nào anh cũng thèm muốn cô và anh chẳng thể nào cảm thấy đủ.

Cô gặp anh một tuần trước, ở cửa hàng Filence. Đó là giờ nghỉ trưa. Cô đi mua mấy chiếc quần nịt hạ giá ở tầng hầm. Xong việc cô đi thang máy lên gian chính của cửa hàng, gian bán đồ trang điểm, nơi xà phòng và kem được bày xếp như đồ trang sức, còn phần các loại thì trông như những con bướm sau lớp kính bảo vệ. Dù ngoài sơn môi Miranda chẳng bao giờ mua thử gì khác cô vẫn thích đi dạo qua cái mê lộ bí hiểm, ngoằn ngoèo này. Mê lộ này đã trở nên thân thuộc với cô trong khi tất cả những thứ khác ở Boston vẫn còn là xa lạ. Cô thích len lỏi qua những người phụ nữ đứng ở những góc quầy. Họ xịt nước hoa lên những tấm giấy rồi vung vẩy chúng trong không khí; đôi khi, mấy ngày sau đó cô tình cờ tìm thấy một tờ quảng cáo bị cuộn trong túi áo khoác của cô và cái hương thơm giàu có thoang thoảng làm cô thấy ấm áp hơn trong những buổi sáng lạnh lẽo đứng chờ tàu điện ngầm.

Ngày hôm đó, khi dừng lại ngửi tờ quảng cáo, Miranda nhìn thấy một người đàn ông đứng ở góc quầy hàng. Bàn tay nhỏ nhắn như tay đàn bà của anh ta cầm mẫu giấy nhỏ. Người phụ nữ bán hàng nhìn tờ giấy và bắt đầu mở ngăn kéo. Bà ta lôi ra một bánh xà phòng đựng trong hộp giấy hình chữ nhật màu đen, một hộp kem làm ẩm da, một hộp kem dưỡng da và hai tuýp kem bôi mặt. Người đàn ông có làn da rám nắng, trên các đốt ngón tay trông rõ những sợi lông đen. Anh ta mặc áo sơ mi hồng, quần màu xanh lính thủy, áo khoác ngoài làm bằng loại vải được dệt từ lông lạc đà với những chiếc cúc da bóng loáng. Để trả tiền, anh ta đã tháo đôi găng tay da lộn ra từ trước đó. Anh ta lôi những đồng tiền nhàu nát ra khỏi chiếc ví màu đỏ. Tay anh ta không đeo nhẫn cưới.

- Tôi có thể giúp cô được gì, cô gái? - người bán hàng hỏi Miranda. Bà ta nhướn mắt, nhìn cô qua phía trên đôi gọng kính đồi mồi trĩ xuống mũi, đánh giá cục diện Miranda.

Miranda không biết mình muốn gì. Tất cả những gì cô biết là cô không muốn người đàn ông bỏ đi. Anh ta dường như nấn ná, cùng người bán hàng chờ đợi xem Miranda nói gì. Miranda nhìn những hộp kem, hộp thì thấp, hộp thì cao, được sắp xếp trong chiếc khay hình ôvan giống như một gia đình đang đứng xếp hàng chụp ảnh.

- Một hộp kem, - cuối cùng Miranda nói.

- Cô bao nhiêu tuổi?

- Hai mươi hai.

Người bán hàng gật đầu, mở một hộp kem trên bề mặt lấm tấm như bị đông lạnh.

- Loại này có thể đặc hiệu hơn loại cô thường sử dụng nhưng nếu là tôi thì tôi sẽ dùng bây giờ. Chỉ đến hai năm tuổi là những nếp nhăn của cô sẽ xuất hiện rồi. Và sau đó thì những nếp nhăn trông sẽ rất rõ.

Khi người bán hàng bôi một chút kem lên mặt Miranda, người đàn ông đứng đó nhìn. Trong lúc người bán hàng hướng dẫn tỉ mỉ cho Miranda cách dùng, cách xoa nhẹ nhàng từ cổ lên ra sao, anh ta xoay nắp một chiếc hộp. Rồi anh ta ấn một chút kem và xoa nó lên mu bàn tay trần. Anh ta mở một lọ khác, cúi xuống để người gần đến nổi một ít kem dính vào mũi.

Miranda cười nhưng cây cọ trang điểm khá lớn mà người bán hàng đang quét qua mặt che khuất miệng cô.

- Đây là phấn hồng số hai, - người bán hàng giải thích. - Nó làm cô hồng hơn.

Miranda gật đầu, nhìn thoáng qua hình ảnh mình ở một trong những tấm gương được sắp đặt làm nổi góc quầy lên. Cô có đôi mắt màu sáng bạc, làn da trắng đến xanh xao tương phản với mái tóc đen bóng khiến mọi người hay miêu tả cô rất gây ấn tượng nếu không nói là đẹp. Chiếc đầu nhỏ nhắn của cô luôn nổi bật lên, những đường nét của cô cũng nhỏ nhắn với hai cánh mũi thanh tú. Giờ đây gương mặt cô lung linh tỏa sáng, má hồng, bên dưới hàng lông mày là một khoảng đậm màu sương khói. Đôi môi cô rạng rỡ.

Người đàn ông cũng nhìn vào gương và nhanh nhẹn lau kem dính trên mũi. Miranda tự hỏi không biết anh ta là người nước nào. Anh ta có thể là người Tây Ban Nha, cũng có thể là người Li-băng. Khi anh ta mở một lọ khác và nói bằng quơ “Lọ này có mùi dứa” cô mơ hồ phát hiện ra chất giọng anh ta.

- Cô mua gì nữa không? - người bán hàng vừa nhận thẻ tín dụng vừa hỏi Miranda.

- Không, cảm ơn.

Bà ta gói hộp kem vào mấy lần giấy.

- Cô sẽ cảm thấy hạnh phúc với món đồ này.

Tay Miranda run run khi cô ký tờ biên lai. Người đàn ông vẫn không nhúc nhích.

- Tôi để thêm cho cô mẫu kem mắt mới, - người bán hàng nói thêm, đưa cho Miranda cái túi đựng hộp kem. Bà ta nhìn tấm thẻ tín dụng của Miranda trước khi đưa nó qua máy tính.

- Tạm biệt, Miranda!

Miranda bước đi. Đầu tiên cô rảo bước. Rồi sau đó, khi nhìn thấy những cánh cửa dẫn tới ngã tư trung tâm, cô đi chậm lại.

- Một phần tên cô là tên Ấn Độ, - người đàn ông nói, rảo bước cùng nhịp với cô.

Cô dừng lại cạnh chiếc bàn tròn trên đó bày những chiếc áo len được trang trí bằng những quả thông và những chiếc nơ bằng vải nhung. Anh ta cũng dừng lại.

- Miranda ư?

- Mira. Tôi có một bà dì tên là Mira.

Tên anh ta là Dev. Anh ta làm việc ở một ngân hàng đầu tư gần đây, anh ta nói, hất đầu về hướng Ga phía Nam. Anh ta là người đàn ông đầu tiên có râu quai nón mà mình thấy đẹp trai, Miranda nghĩ vậy.

Họ cùng nhau đi bộ tới bến Phố Công viên, đi ngang qua những quầy hàng bán thắt lưng và túi xách tay rẻ tiền. Gió tháng Giêng lạnh buốt làm mái tóc cô rối lên. Trong lúc cô cúi tìm chiếc lược nhỏ trong túi áo khoác, mắt cô chạm phải túi hàng anh ta vừa mua xong.

- Thế những thứ đó là cho cô ấy à?

- Ai cơ?

- Dì Mira của anh ấy.

- À, đó là cho vợ tôi, - anh ta nói chậm rãi, mắt nhìn Miranda. - Cô ấy về Ấn Độ mấy tuần. Cô ấy nghiện những thứ này, - anh ta nháy mắt.

Dù sao, khi không có cô vợ ở đây thì mọi chuyện dường như không có gì là tội lỗi lắm. Đầu tiên Miranda và Dev đêm nào cũng ở bên nhau gần như suốt đêm. Anh giải thích anh ta không thể ở chỗ cô cả đêm vì ngày nào vợ anh ta cũng gọi điện từ Ấn Độ về vào lúc sáu giờ sáng. Lúc đó ở Ấn Độ là bốn giờ chiều. Vì vậy anh rời căn hộ của cô vào lúc hai giờ, ba giờ, thường là bốn giờ sáng và lái xe về nhà riêng ở ngoại ô. Suốt trong ngày cứ mỗi tiếng anh lại gọi điện thoại cho cô một lần, hình như là từ nơi làm việc hay từ điện thoại di động. Khi anh biết thời gian biểu làm việc của cô anh để lại tin nhắn cho cô chiều chiều vào lúc năm rưỡi, khi cô đang trên tàu điện ngầm đi về căn hộ của mình để cô có thể nghe thấy giọng nói của anh ngay khi bước chân qua cửa. "Anh đang nghĩ về em. Anh mong được gặp em vô cùng", - anh thường nói như vậy trong băng. Anh nói anh thích ở trong căn hộ của cô với quầy bếp nho nhỏ, nền nhà hơi nghiêng và chiếc chuông ngoài hành lang luôn mang đến những âm thanh khiến anh lúng túng mỗi khi bấm. Anh nói anh khâm phục cô về chuyện cô chuyển đến Boston, nơi cô chẳng biết một ai thay vì ở lại Michigan, nơi cô đã lớn lên và học cao đẳng ở đó. Khi Miranda nói rằng trong chuyện đó chẳng có gì đáng để khâm phục cả, rằng cô chuyển đến Boston chính vì lý do cô không biết ai ở đây, anh lắc đầu.

- Anh biết thế nào là sự cô đơn, - anh nói, bỗng dừng trở nên nghiêm nghị và vào giây phút đó Miranda cảm thấy anh hiểu cô, hiểu có những tối cô cảm thấy thế nào trong tàu điện ngầm, khi một mình trở về từ rạp phim, hay từ hiệu sách nơi cô đến để đọc một thứ gì đó, hay sau khi đi uống nước với Laxmi, người lúc nào cũng phải đón chồng cô ta ở bến Alewife một hoặc hai tiếng sau đó. Trong những giây phút ít nghiêm túc hơn Dev nói anh rất thích đôi chân dài hơn mình của cô, điều anh phát hiện ra lần đầu tiên khi cô trần truồng đi ngang qua căn phòng.

- Em là người phụ nữ đầu tiên anh biết có đôi chân dài đến như thế, - anh vừa nói vừa chiêm ngưỡng cô từ giường.

Dev là người đầu tiên nói với cô điều đó. Anh không giống những cậu con trai cô hò hẹn khi còn học ở trường cao đẳng, những người chỉ là phiên bản cao hơn, năng hơn so với các cậu con trai cô hò hẹn lúc học ở trường cấp ba. Dev là người đầu tiên luôn trả tiền mọi thứ, giữ cửa cho cô đi, ở trong nhà hàng thì với tay qua suốt bàn ăn hôn tay cô. Anh cũng là người đầu tiên mang đến cho cô bó hoa to đến mức cô phải chia ra cắm vào sáu chiếc cốc mới hết, là người đầu tiên thì thầm tên cô mãi trong lúc họ làm tình. Ban ngày, khi ở chỗ làm, Miranda bắt đầu mơ ước có một tấm ảnh cô và Dev dính trong khoang của cô, giống như bức ảnh Laxmi và chồng cô ta

trước Taj Mahal. Cô không kể cho Laxmi nghe về Dev. Cô chẳng kể cho ai nghe cả. Cô cũng đôi phần muốn kể cho Laxmi chỉ vì Laxmi là người Ấn Độ. Nhưng thời gian này lúc nào Laxmi cũng mãi mê nói chuyện điện thoại với cô chị họ, người đến tận giờ vẫn chỉ nằm trên giường, chồng cô ta vẫn ở Luân Đôn và con trai cô ta đến tận giờ vẫn nghỉ học. “Chị phải ăn chút gì đó” - Laxmi thường nài nỉ. “Chị không được phung phí sức khỏe”. Khi cô ta không nói chuyện với bà chị họ thì cô ta nói chuyện với chồng, những cuộc nói chuyện ngắn hơn. Những cuộc nói chuyện đó kết thúc ở chỗ cô ta tranh cãi với chồng về chuyện bữa tối ăn thịt cừu hay gà. “Em xin lỗi. Tất cả những cái này làm em phát điên lên”, có lúc nào đó Miranda nghe thấy cô ta xin lỗi chồng.

Miranda và Dev không cãi nhau. Họ đi xem phim ở rạp Nickelodeon và hôn nhau suốt buổi chiếu. Họ ăn món thịt lợn và bánh bột ngô trên quảng trường Davis. Dev nhét một tờ khăn ăn bằng giấy vào cổ áo giống như một chiếc cà vạt. Họ uống nước sangria[15] tại quán rượu ở nhà hàng Tây ban nha trong lúc một cái đầu lợn nhe răng vào cuộc trò chuyện của họ. Họ chọn một bức tranh tường lớn vẽ những bông hoa súng để treo trong phòng ngủ của cô. Một chiều thứ Bảy, sau khi xem xong buổi hòa nhạc chiều ở Phòng Nhạc giao hưởng, anh chỉ cho cô chỗ yêu thích của anh trong thành phố, một nơi gọi là Mapparium ở Trung tâm Khoa học Công giáo, nơi họ đứng trong căn phòng làm bằng những tấm panen kính màu. Bên trong, căn phòng có hình dáng một quả cầu và trên đó là hình vẽ bề mặt quả cầu. Ở giữa căn phòng có một chiếc cầu trong suốt, vì vậy họ có cảm giác như họ đang đứng ở trung tâm thế giới. Dev chỉ vào Ấn Độ được đánh dấu bằng màu đỏ và chi tiết hơn nhiều so với tấm bản đồ trong cuốn tạp chí Kinh tế. Anh giải thích rằng nhiều nước, ví dụ như Siam[16] hay Somaliland[17] không còn tồn tại giống như trên quả địa cầu này nữa, giờ đây các tên gọi đã thay đổi. Đại dương xanh biếc như ngực con công trống chuyển dần các gam màu theo độ nông sâu. Anh chỉ cho cô xem điểm sâu nhất trên trái đất, sâu 7 dặm, phía bên trên quần đảo Mariana. Họ nhìn qua cây cầu xuống dưới và thấy quần đảo Bắc cực ở dưới chân, ngẩng cổ lên và thấy một ngôi sao bằng sắt vĩ đại trên đầu. Trong lúc Dev nói, giọng anh bật lên xuống chạm vào những tấm kính, lúc thì to, lúc lại nhỏ, đôi lúc Miranda có cảm giác như giọng nói đó đập vào ngực cô, lúc khác lại thấy nó như tránh né đôi tai cô. Khi một nhóm du khách đi lên cầu, cô nghe thấy giọng họ rất rõ ràng, như thể nghe qua micro vậy. Dev giải thích đó là do độ vang của âm thanh.

Miranda tìm thấy Luân Đôn, nơi chồng cô chị họ Laxmi đang ở cùng với cô gái anh ta gặp trên máy bay. Cô tự hỏi không biết vợ Dev hiện đang ở thành phố nào. Nơi xa nhất mà Miranda đã từng đến là Bahamas khi cô còn là đứa trẻ. Cô cố tìm nhưng không nhìn thấy thành phố đó trên những tấm panen kính. Khi những người du khách đi rồi, chỉ còn lại một mình cô và Dev trong quả cầu, anh bảo cô đứng sang một đầu cầu. Dev bảo dù học cách nhau tới ba mươi phút[18] họ vẫn có thể nghe thấy tiếng thì thầm của nhau.

- Em không tin, - Miranda nói.

Đó là câu đầu tiên cô thốt ra kể từ khi bước vào đây. Cô có cảm giác như những chiếc loa được gắn ở ngay tai cô.

- Em đi đi! - anh vừa giục cô vừa đi lại đầu cầu bên kia. Giọng anh chỉ còn là tiếng thì thầm.

- Nói cái gì đi em!

Cô nhìn đôi môi anh mấp máy thành lời, đồng thời trong lúc đó cô nghe thấy những lời đó rõ ràng đến mức cô như cảm thấy chúng dưới làn da mình, dưới chiếc áo choàng mùa đông, gần gũi và ấm áp đến mức khiến người cô nóng lên.

- Chào anh! - cô thì thầm, không biết nói gì thêm nữa.

- Em thật gọi tình, - anh thì thầm đáp lại.

Tuần sau, ở chỗ làm việc Laxmi nói với Miranda rằng đây chẳng phải là lần đầu anh chồng chị họ cô ta có tình sử.

- Chị ấy quyết định chờ anh ta tỉnh ra, - một tối khi họ chuẩn bị rời văn phòng Laxmi nói vậy.
- Chị ấy nói là vì thằng bé. Chị ấy sẵn sàng tha thứ cho anh ấy vì thằng bé.

Miranda chờ Laxmi tắt máy.

- Anh ta sẽ bò về và chị ấy sẽ lại cho anh ta vào nhà, - Laxmi vừa nói vừa lắc đầu ngán ngẩm. -
Mình thì đừng hòng. Nếu chồng mình mà đi với người khác thì mình thay khóa cửa ngay.

Laxmi chăm chú ngắm tấm ảnh hai vợ chồng gắn trong khoang cửa cô. Chồng Laxmi vòng tay qua cổ vợ, gối anh quỳ nghiêng về phía cô trên chiếc ghế. Cô quay lại Miranda:

- Thế còn cậu thì cậu có cho vào không?

Cô gật đầu. Ngày mai vợ Dev từ Ấn Độ sẽ bay sang. Chiều nay anh đã gọi điện đến chỗ làm cho Miranda. Anh bảo anh phải đi sân bay đón vợ. Anh hứa anh sẽ gọi cho cô ngay khi nào anh có thể.

- Taj Mahal trông thế nào? - cô hỏi Laxmi.

- Nơi lãng mạn nhất thế giới. Đài tưởng niệm vĩnh viễn cho tình yêu, - khuôn mặt Laxmi sáng rực lên khi nhớ lại những kỷ niệm.

Trong lúc Dev đi ra sân bay, Miranda đến tầng hầm cửa hàng Filene mua những thứ cô nghĩ một cô gái cần phải có. Cô tìm được một đôi giày cao gót với hai gót giày nhỏ tí xíu. Cô chọn một chiếc áo lót satanh có các viền đăng ten và một áo choàng lụa dài đến tận đầu gối. Thay vì những chiếc quần nịt hay mặc khi đi làm cô mua một đôi tất tuyệt vời có những đường gân nổi. Cô lục lọi đồng hàng, đi lang thang qua các giá, xem hết mắc áo này đến mắc áo khác. Cuối cùng cô thấy một chiếc váy dạ hội may bằng loại vải màu sáng bạc óng ánh bó sát cơ thể và rất hợp với màu mắt cô. Chiếc váy có hai dải dây phía trên. Trong lúc mua hàng cô nghĩ về Dev, về điều anh nói với cô lúc họ ở Mapparium. Đây là lần đầu tiên có người nói là cô gọi tình, và khi nhắm mắt lại, cô vẫn có thể cảm nhận thấy tiếng thì thầm của anh lướt qua khắp thân thể cô, bên dưới làn da cô. Trong phòng thử quần áo, một căn phòng to trên tường treo những tấm gương, cô tìm thấy chỗ thử cạnh một người phụ nữ đứng tuổi có khuôn mặt rạng rỡ và mớ tóc cứng. Người phụ nữ mặc mỗi bộ đồ lót, chân để trần đang kéo chiếc tất quần căng ra giữa những ngón tay.

- Luôn luôn phải kiểm tra xem có bị thủng không! - bà ta khuyên.

Miranda lôi chiếc áo lót ra. Cô nâng nó lên ngực.

Người phụ nữ nhìn về đồng tình: - Chà!

- Thế còn cái này? - cô ướm chiếc váy dạ hội màu bạc.

- Tuyệt vời, - người đàn bà nói. - Anh ta sẽ muốn tụt nó ra ngay lập tức.

Miranda hình dung cô và Dev ở nhà hàng phía Nam nơi họ đã cùng đến, nơi Dev đặt món thịt và súp nấu từ rượu sâm banh cùng quả mâm xôi. Cô hình dung cô mặc chiếc váy dạ hội còn Dev mặc một trong những bộ comple của anh, vươn người qua bàn hôn tay cô. Nhưng lần Dev đến thăm cô sau đó, chiều Chủ nhật mấy ngày sau khi họ gặp nhau lần cuối cùng, anh mặc đồ thể thao. Giờ đây khi vợ anh đã về, đó là lý do: vào những ngày Chủ nhật, anh lái xe đến Boston và trở về bằng cách đi bộ dọc theo phố Charles. Ngày Chủ nhật đầu tiên, cô mở cửa trong chiếc áo choàng mặc nhà dài đến gối, nhưng Dev thậm chí không để ý đến nó; anh bế cô đến bên giường, vẫn còn mặc đồ thể thao và đi dép trong nhà đã vội vã bắt đầu làm tình với cô mà không nói một lời nào. Lát sau, cô mặc lại chiếc áo choàng để đi lấy đĩa cho anh gạt tàn thuốc lá nhưng anh kêu ca rằng cô khiến anh không được chiêm ngưỡng đôi chân dài của cô và bảo cô bỏ áo ra. Vậy là Chủ nhật sau cô chẳng quan tâm đến chuyện mặc gì nữa. Cô mặc quần bò. Cô cất chiếc áo lót vào tận trong góc ngăn để quần áo, phía sau những tất và đồ mặc thường ngày. Chiếc váy dạ hội màu bạc treo trong tủ. Thường là buổi sáng thì chiếc váy nằm thành đồng ở dưới sàn, những sợi dây vai cứ tuột khỏi cái móc áo sắt.

Dù sao Miranda vẫn mong những ngày Chủ nhật. Buổi sáng cô thường đến cửa hàng bán thức ăn ngon mua một chiếc bánh mì que cùng những hộp đồ ăn nhỏ Dev thích như cá trích đóng hộp, salat khoai tây, bánh nướng kèm nước ớt và pho mát Ý. Họ thường ăn trên giường, dùng ngón tay bốc cá trích và lấy tay bẻ những mẩu bánh mì. Dev kể cho cô nghe những câu chuyện về tuổi thơ của anh mỗi khi đi học về anh thường uống nước xoài do những người giúp việc mang đến trên một chiếc khay rồi sau đó chơi bóng chày ở bên hồ, mặc toàn đồ trắng. Anh kể cho cô nghe chuyện năm mười tám tuổi anh được gửi đến học ở một trường cao đẳng ở New York khi trong nước xảy ra biến cố chính trị, về chuyện anh phải mất hàng năm mới hiểu được giọng Mỹ trong phim dù rằng trước đó anh đã có bằng tiếng Anh bậc trung. Trong lúc nói chuyện với anh hút ba điếu thuốc, sau đó dụi chúng vào chiếc đĩa cô đặt bên giường. Đôi lúc anh hỏi cô những câu hỏi như kiểu cô đã có bao nhiêu người tình (ba), và lần đầu tiên cô thành đàn bà là khi nào (năm mười chín tuổi). Sau bữa trưa họ làm tình, trên tấm khăn trải giường còn vương vụn bánh mì, và sau đó Dev ngủ trưa mười hai phút. Miranda chưa thấy một người lớn nào lại ngủ trưa, nhưng Dev nói rằng ở Ấn Độ anh đã lớn lên cùng thói quen đó. Ở đó nóng đến mức người ta không ra khỏi nhà cho đến khi mặt trời xuống. "Thêm nữa là nó cho phép chúng mình ngủ cùng nhau", - anh láu lỉnh nói, vòng tay giống như một chiếc vòng lớn xung quanh thân thể cô.

Miranda chẳng bao giờ ngủ. Cô theo dõi chiếc đồng hồ báo thức đặt trên bàn hay dụi khuôn mặt vào những ngón tay Dev đang nắm tay cô. Ở mỗi đốt ngón tay anh có khoảng nửa tá những sợi lông. Sau sáu phút thì cô quay lại nhìn anh, thở dài và vươn người để xem anh có ngủ thật không. Lần nào anh cũng ngủ say. Khi anh thở những đé xương sườn lộ rõ nhưng dù sao thì anh cũng đã bắt đầu có bụng. Anh kêu ca về đám lông trên vai nhưng Miranda nghĩ rằng anh thật là hoàn hảo và cô không muốn mừng tượng anh khác đi chút nào.

Hết mười hai phút Dev thường mở mắt ra cứ như anh đã tỉnh lâu rồi. Anh cười với cô đầy mãn nguyện. Cô ao ước giá mình cũng được mãn nguyện như vậy. "Mười hai phút dễ chịu nhất trong tuần", - anh thở hắt ra, đưa tay vuốt ve lưng cô. Rồi sau đó anh nhẩy ra khỏi giường, mặc lại bộ đồ thể thao, buộc dây giày. Anh thường vào phòng tắm và đánh răng bằng ngón trỏ. Anh bảo người Ấn Độ nào cũng biết làm như vậy để hết mùi khói trong miệng. Khi họ hôn tạm biệt đôi lúc cô ngửi thấy mùi hương của mình trong tóc anh. Nhưng cô biết, lý do rằng anh đã đi bộ cả buổi chiều cho phép anh chui ngay vào phòng tắm khi về đến nhà.

Ngoài Laxmi và Dev, những người Ấn Độ duy nhất Miranda biết là một gia đình hàng xóm nơi cô lớn lên gọi là nhà Dixit. Bọn trẻ con hàng xóm, kể cả Miranda cảm thấy rất ngạc nhiên về chuyện chiều nào ông Dixit cũng chạy bộ dọc theo những con phố bằng phẳng đầy gió khu họ ở trong chiếc áo sơ mi và chiếc quần thường ngày, sự nhượng bộ duy nhất của ông đối với đồ thể thao là đôi giày rẻ tiền nhãn hiệu Ked. Nhưng bọn trẻ nhà Dixit lại thấy chuyện đó hết sức bình thường. Cứ cuối tuần, cái gia đình đó - bà mẹ, ông bố, hai cậu con trai và một cô con gái lại chui hết vào xe và đi đến một nơi nào đó chẳng ai biết. Những ông bố kêu rằng ông Dixit không chăm sóc bãi cỏ của ông ta cẩn thận, không cào lá đúng lúc, và nhất trí cho rằng ngôi nhà của nhà Dixit, ngôi nhà duy nhất với những lớp bên ngoài bằng nhựa làm hồng vẻ đẹp của cả khu. Những bà mẹ chẳng bao giờ mới bà Dixit cùng họ đi bơi ở bể bơi Armstrong. Ở bến xe buýt, bọn trẻ con đứng tách khỏi mấy đứa trẻ nhà Dixit. Bọn trẻ thường thì thầm nói “Nhà Dixit cuộc phân”^[19] rồi cười phá lên.

Một năm, tất cả bọn trẻ con trong khu được mời đến dự sinh nhật cô con gái nhà ông bà Dixit. Miranda nhớ rất rõ mùi thơm nặng nề của hương và hành tỏa ra từ ngôi nhà và một đồng giày chất ở cửa trước. Nhưng hơn tất cả cô nhớ đến một mảnh vải, cỡ như chiếc gối treo trên chiếc chốt gỗ phía dưới chân cầu thang. Đó là bức tranh một phụ nữ khỏa thân với khuôn mặt màu đỏ có hình giống như chiếc mộc của một kỹ sỹ. Cô ta có đôi mắt trắng to vĩ đại nghiêng về phía thái dương và những dấu chấm nhỏ là con người. Hai vòng tròn với những dấu chấm nhỏ ở trung tâm là hai bầu vú. Một tay cô ta vung con dao găm. Một chân cô ta đạp người đàn ông xuống đất. Vòng quanh cơ thể cô ta là những đầu lâu đàn ông chảy máu, được xâu lại như chuỗi bông ngô. Cô ta thè lưỡi ra với Miranda.

- Đó là nữ thần Kali, - bà Dixit sôi nổi giải thích, hơi nâng chiếc móc cho bức tranh thẳng ra. Đôi tay bà nhuộm lá móng với những hình thù rắc rối, các đường dích dắc và các ngôi sao. - Nào! Cháu vào đi! Đến lúc ăn bánh rồi đấy.

Miranda, khi đó chín tuổi, quá sợ nên không thể ăn bánh được. Hàng tháng trời sau đó cô vẫn cảm thấy sợ hãi đến mức thậm chí không dám đi bên lề đường có nhà ông bà Dixit, đoạn đường cô phải đi qua mỗi ngày hai lần, một lần đến bến xe và lần khác là đi về nhà. Trong một thời gian dài cô thậm chí còn nín thở cho tới khi cô đến được khoảng đất tiếp theo không phải của nhà ông bà Dixit, giống như cô nín thở khi chiếc xe buýt chở học sinh đi ngang qua nghĩa địa.

Giờ đây, cô thấy xấu hổ khi nhớ lại chuyện đó. Bây giờ, mỗi khi cô và Dev làm tình, cô nhắm mắt lại và nhìn thấy những sa mạc, những con voi, những gian nhà bằng đá cẩm thạch trôi trên những chiếc hồ bên dưới mặt trăng tròn. Một hôm thứ Bảy, yì chẳng có việc gì để làm, cô đi dọc suốt con đường tới Quảng trường Trung tâm, tới nhà hàng Ấn Độ và đặt một đĩa gà tiềm. Trong lúc ăn cô cố gắng ghi nhớ những cụm từ bên dưới tờ thức đơn, ví dụ như “ngon”, “nước” và “xin mời hãy kiểm tra”. Cô không thể nào nhớ nổi những cụm từ đó và vậy là cô dừng lại ở một cửa hàng sách trên quảng trường Kenmore. Ở đó cô nghiêng cứu bảng chữ cái tiếng Bảg-gan trong tập sách *Hãy tự học*. Cô còn cố phiên âm phần tiếng Ấn Độ trong tên cô - “Mira” - sang tiếng Bảg-gan vào cuốn sổ tay của mình. Tay cô chuyển động theo những hướng xa lạ, dừng lại và quay rồi bất ngờ cầm chiếc bút lên khi cô ít ngờ tới nhất. Theo những dấu mũi tên trong cuốn sách, cô vẽ một đường gạch từ trái sang phải từ điểm có những chữ cái; một hình trông giống như một hình tam giác. Cô phải cố vài lần để viết được những chữ cái tên cô giống như những chữ mẫu trong cuốn sách, và thậm chí khi đó cô cũng không dám chắc cô viết chữ “Mira” hay “Mara”. Đối với cô, nó chỉ là những dòng nguệch ngoạc nhưng cô kinh hoàng nhận ra rằng, ở một nơi nào đó trên thế giới, những chữ cái đó mang một ý nghĩa gì đó.

Trong tuần thì mọi việc không tồi tệ lắm. Công việc làm Miranda bận rộn, rồi cô và Laxmi bắt đầu đi ăn trưa cùng nhau ở một nhà hàng Ấn Độ mới ở góc phố. Trong suốt bữa ăn Laxmi thông báo tin tức mới nhất về tình trạng cuộc hôn nhân của cô chị họ. Thỉnh thoảng Miranda cố gắng thay đổi đề tài; cảm giác trong lòng cô khi đó giống như khi cô còn học cao đẳng, lần cô và bạn trai chuẩn khởi hiệu bán bánh kẹo đông người mà không trả tiền ăn, chỉ đơn giản để xem liệu họ có thoát được không. Nhưng Laxmi chẳng nói chuyện gì khác.

- Nếu mình mà là chị ấy thì mình sẽ bay ngay đến Luân Đôn và bắn chết cả hai, - một hôm Laxmi tuyên bố. Cô ta bẻ một nửa miếng bánh và chấm vào tương ớt. - Mình không hiểu sao chị ấy có thể chờ đợi như thế.

Miranda hiểu thế nào là chờ đợi. Tối tối cô ngồi bên chiếc bàn ăn, sơn lên móng tay một lớp sơn trong, ăn salat ngay từ chiếc bát trộn, xem tivi và chờ đợi ngày Chủ nhật. Thứ Bảy là ngày tồi tệ nhất vì đến ngày thứ Bảy thì Chủ nhật dường như không bao giờ đến. Một thứ Bảy, khi Dev gọi điện, lúc đó khuya lắm rồi, cô nghe tiếng cười và tiếng nói chuyện ở tầng dưới, nhiều người đến mức cô hỏi anh có phải anh đang ở phòng hòa nhạc. Nhưng hóa ra anh gọi từ ngôi nhà ở ngoại ô.

- Anh nghe em không rõ lắm, - anh nói. - Nhà anh đang có khách. Em có nhớ anh không?

Cô nhìn vào màn hình tivi. Thật là một tình huống nực cười vì cô đã dùng điều khiển từ xa tắt tiếng tivi khi có chuông điện thoại. Cô mừng tượng anh đang thì thầm vào chiếc điện thoại di động, trong một căn phòng ở tầng trên, một tay đặt lên nắm đấm cửa còn ngoài hành lang thì đầy khách.

- Miranda, em có nhớ anh không? - anh lại hỏi.

Cô nói với là cô có nhớ.

Ngày hôm sau, khi Dev đến, Miranda hỏi vợ anh trông thế nào. Khi hỏi cô rất hồi hộp và chờ anh hút hết điếu thuốc cuối cùng dụi hẳn nó vào đĩa gạt tàn. Cô tự hỏi họ có cãi nhau không. Nhưng Dev không hề ngạc nhiên trước câu hỏi. Anh nói với cô trong lúc đặt mấy miếng cá hồi trắng lên chiếc bánh quý giòn rằng vợ anh trông giống như một nghệ sỹ ở Bombay tên là Madhuri Dixit.

Trong một giây, tim Miranda dường như ngừng đập. Nhưng không, cô con gái nhà ông bà Dixit tên khác cơ, một cái gì đó bắt đầu bằng chữ P. Dù sao cô cũng băn khoăn tự hỏi không biết người nghệ sỹ và cô gái nhà Dixit có họ hàng gì không. Cô ta giả dì, luôn tết tóc hai bên suốt những năm học cấp ba.

Mấy hôm sau Miranda đến một cửa hàng tạp phẩm Ấn Độ ở Quảng trường Trung tâm. Cô biết ở đó họ cho thuê cả băng. Cửa mở sau một hồi chuông dài. Đang giờ ăn tối và cô là khách hàng duy nhất. Trên màn hình tivi gắn vào góc cửa hàng là hình ảnh những người phụ nữ trong bộ quần áo dành cho hậu cung đang lắc mông trên bãi biển.

- Tôi có thể giúp cô được gì? - người đàn ông đứng ở quầy thu tiền hỏi. Anh ta đang ăn bánh gối, chấm nó vào một thứ nước sốt màu nâu trong chiếc đĩa giấy. Bên dưới quầy kính ở ngang thắt lưng anh ta là một khay bánh gối khác cùng những chiếc bánh trông giống như những miếng kẹo mềm bọc ngoài bằng những chiếc lá xỉn màu có hình như những viên kim cương. Một khay khắc đựng bánh ngọt trong nước hoa quả. - Cô muốn băng video à?

Miranda mở cuốn sổ, nơi cô viết “Mottory Dixit”. Cô nhìn những chồng băng video trên các giá tầng sau quầy hàng. Cô nhìn thấy những người phụ nữ mặc váy trễ rất thấp xuống hông và những chiếc áo ngực thắt lại giống như khăn tay ở giữa ngực. Một số người dựa vào một bức tường đá, hay một cái cây. Họ rất xinh đẹp, giống như những người phụ nữ múa trên bãi biển. Mắt họ đánh phấn và mái tóc đen dài. Khi đó cô biết rằng Madhuri Dixit cũng xinh đẹp.

- Chúng tôi có những băng có phụ đề, thưa cô, - người đàn ông tiếp tục. Anh ta nhanh chóng lau những ngón tay vào áo sơ mi và chia ra ba tưa đề.

- Không! Cảm ơn anh, tôi không cần! - Miranda trả lời. Cô đi lang thang trong cửa hàng, xem các giá hàng đựng những túi, hộp không hề gì bên ngoài. Tủ lạnh đầy những túi bánh mỳ ổ dẹt và những loại rau quả cô không nhận ra. Vật duy nhất cô nhận ra là một hàng đầy những túi Hot Mix là Laxmi vẫn ăn. Cô nghĩ đến chuyện mua vài túi cho Laxmi, rồi lại lưỡng lự, nghĩ không biết giải thích thế nào về chuyện cô làm gì trong một cửa hàng tạp phẩm Ấn Độ.

- Cay lắm đấy, - người đàn ông nói và lắc đầu, mắt anh ta lướt qua thân thể Miranda. - Đối với cô thì chúng quá cay đấy.

Đến tận tháng Hai anh chồng chị họ Laxmi vẫn chưa tỉnh lại. Anh ta đã quay về Montreal, cãi nhau kịch liệt với vợ trong hai tuần, sắp xếp hai vali và lại bay về Luân Đôn. Anh ta muốn ly dị.

Miranda ngồi trong ngăn của mình nghe Laxmi nói với chị họ mình rằng trên thế gian này còn đầy những người đàn ông tốt đẹp hơn nhiều. Ngày hôm sau cô chị họ nói rằng cô ta và cậu con trai sắp về nhà cha mẹ ở California để cố gắng lấy lại sức khỏe và tinh thần. Laxmi thuyết phục cô chị thu xếp đến nghỉ cuối tuần ở Bostom.

- Việc thay đổi chỗ ở sẽ làm chị thấy khá hơn, - Laxmi nhẹ nhàng thuyết phục. - Hơn nữa, hàng năm rồi em chẳng gặp chị.

Miranda nhìn chăm chăm vào chiếc điện thoại của mình, ước ao giá như Dev gọi đến. Đã bốn hôm kể từ khi họ nói chuyện với nhau lần cuối cùng. Cô nghe thấy Laxmi bấm máy tổng đài chỉ dẫn và hỏi số điện thoại của một thẩm mỹ viện. “Một chỗ nào dễ chịu ấy” - Laxmi yêu cầu. Cô ta đặt lịch đi mát-xa, đắp mặt nạ, sửa móng chân, móng tay. Rồi cô ta đặt chỗ ở nhà hàng Bốn mùa. Trong lúc cố gắng làm bà chị họ vui vẻ, Laxmi hoàn toàn quên mất cậu bé. Cô ta gõ những đốt ngón tay lên bức tường gỗ dán.

- Thứ bảy cậu có bận không?

Cậu bé gầy gò. Cậu đeo ba lô màu vàng chéo qua lưng, chiếc quần may bằng vải chéo màu xám, một chiếc áo len màu đỏ cổ chữ V và đôi giày da đen. Tóc cậu dày, cắt ngang trán, trên đôi mắt có những quầng thâm. Đó là điều đầu tiên Miranda nhận thấy. Nó làm cậu trông hốc hác, phờ phạc, cứ như thể cậu hút thuốc lá rất nhiều rồi lại ngủ ít dù rằng cậu mới chỉ có bảy tuổi. Cậu ôm một tập giấy vẽ dày với những kẹp xoắn vòng. Tên cậu bé là Rohin.

- Cô hỏi cháu thủ đô đi! - cậu vừa nói vừa nhìn Miranda.

Cô nhìn lại cậu bé. Đó là lúc tám rưỡi sáng ngày thứ Bảy. Cô nhấp một ngụm cà phê. - Cái gì?

- Đó là một trò chơi nó vẫn chơi, - chị họ Laxmi giải thích. Cô ta cũng gầy gò như cậu con trai,

khuôn mặt dài và những quầng thâm dưới mắt. Một chiếc áo khoác màu đỏ ủa nặng nề treo trên vai cô ta. Tóc cô ta màu đen, ở thái dương có mấy túm đã bạc. Tất cả được buộc ra phía sau giống như kiểu các diễn viên múa bale. - Cô hỏi nó tên nước và nó sẽ nói thủ đô nước đó.

- Giá mà cậu nghe thấy nó lúc ở trong xe ô tô, - Laxmi nói. - Nó nhớ gần như tất cả các nước châu Âu.

- Đó không phải là trò chơi, - Rohin nói, - Cháu có một cuộc thi với một bạn ở trường. Bọn cháu muốn nhớ tất cả các thủ đô. Cháu cố gắng thắng nó.

Miranda gật đầu.

- Được rồi! Thủ đô của Ấn Độ là gì?

- Câu đấy dễ ợt, - cậu bé lùi ra xa, tay vung vẩy giống như một anh lính đồ chơi. Rồi cậu đi lại gần chị họ Laxmi và thọc tay vào túi áo khoác ngoài của mẹ. - Hỏi con một câu khó đi!

- Senegal, - cô ta nói.

- Dakar! - Rohin tuyên bố vẻ chiến thắng và chạy theo những vòng tròn rất to. Cuối cùng thì cậu chạy vào trong bếp. Miranda nghe thấy tiếng cậu mở và đóng tủ lạnh.

- Rohin! Không được đụng vào khi con chưa xin phép! - chị họ Laxmi gọi với sang bếp vẻ bức bối. Cô ta cố gắng mỉm cười với Miranda. - Cô đừng lo, chỉ mấy tiếng nữa là nó sẽ ngủ thôi. Cảm ơn cô đã trông giúp nó.

- Ba giờ tụi mình sẽ về, - Laxmi nói và cùng cô chị họ biến mất ngoài hành lang. - tụi mình đang đỗ xe cạnh một xe khác.

Miranda móc chiếc xích cửa. Cô đi vào bếp để tìm Rohin nhưng giờ đây cậu bé đã ở trong phòng khách, quỳ trên một chiếc ghế quay. Cậu bé cởi chiếc ba lô ra, đẩy túi đựng đồ sửa móng tay của Miranda sang một bên và rải những chiếc bút chì màu ra mặt bàn. Miranda đứng nhìn quay vai cậu. Cô xem cậu cầm cây bút chì màu xanh vẽ phác thảo một chiếc máy bay.

- Đẹp quá! - cô khen. Cậu bé không nói gì và cô đi vào bếp rót cho mình thêm cà phê.

- Cô rót thêm đi, - Rohin gọi với sang.

Cô quay trở về phòng khách. - Thêm cái gì?

- Cà phê ấy. Trong bình còn đủ mà. Cháu thấy rồi.

Cô đi lại bên chiếc bàn và ngồi đối diện cậu. Thỉnh thoảng cậu gần như đứng lên để với một chiếc bút màu mới. Cậu chỉ hơi làm lấm chiếc ghế quay một chút.

- Cháu còn bé quá chưa uống cà phê được đâu.

Rohin vươn người qua tập giấy vẽ, bộ ngực nhỏ và vai cậu gần như chạm vào tập giấy, đầu cậu nghiêng sang một bên. - Cô chiêu đãi viên cho cháu uống cà phê mà, cậu nói. - Cô ấy pha với sữa và rất nhiều đường.

Cậu vươn thẳng dậy, làm lộ ra một khuôn mặt đàn bà bên cạnh chiếc máy bay với mái tóc lượn sóng dài và đôi mắt giống như những dấu hoa thị - Tóc cô ấy sáng bóng hơn, - cậu bé quả quyết và nói thêm: - Bố cháu cũng gặp một cô rất xinh trên máy bay.

Cậu nhìn Miranda. Khuôn mặt cậu tối đi trong lúc nhìn cô uống. - Cô cho cháu một ít cà phê được không? Cháu xin cô đấy!

Cô tự hỏi, dù cậu ta có cái vẻ bề ngoài điềm tĩnh, trầm tư, liệu cậu ta có phải là kiểu người có thể cáu giận chẳng. Cô tưởng tượng cậu bé dùng chân đi đôi giày da đá cô, khóc đòi cà phê, khóc và gào cho đến khi mẹ cậu ta là Laxmi trở về đón. Cô đi vào bếp rót cho cậu một cốc cà phê. Cô chọn một chiếc cốc cô không thích lắm để nhớ cậu có làm rơi vỡ thì cũng chẳng sao.

- Cháu cảm ơn cô, - Rohin nói khi cô đặt cốc cà phê lên bàn. Cậu uống những ngụm nhỏ, dùng cả hai tay cẩn thận giữ chiếc cốc.

Miranda ngồi cùng cậu bé trong lúc cậu vẽ, nhưng khi cô muốn đánh móng tay thì cậu bé phản đối. Thay vào đó cậu bé lôi từ ba lô ra một cuốn sách tra cứu giải trí và yêu cầu cô đọc cậu. Các nước được sắp xếp theo lục địa, mỗi trang có sáu nước với tên thủ đô in đậm, sau đó là một bài viết ngắn về dân số, chính phủ và những con số thống kê khác. Miranda giở đến một trang về mục Châu Phi và nhìn xuống phía dưới.

- Mali! - cô hỏi cậu bé.

- Bamako! - cậu bé trả lời ngay lập tức.

- Malawi!

- Lilongwe!

Cô nhớ lại khi nhìn Châu Phi lúc ở trong Mapparium. Cô nhớ phần phình ra ở lục địa đó có màu xanh.

- Cô tiếp đi! - Rohin giục.

- Mauritania!

- Nouakchott!

- Mauritius!

Cậu bé ngừng lại, nhắm mắt nhưng rồi lại mở ra, chịu thất bại. - Cháu quên rồi.

- Port Louise, - cô nhắc.

- Port Louise, Port Louise - cậu bé thì thầm nhắc đi nhắc lại như thể đang nhắm một bài thánh ca.

Khi họ đến nước cuối cùng ở Châu Phi, Rohin nói cậu thích xem phim hoạt hình và muốn Miranda xem cùng với cậu. Khi bộ phim hết, cậu theo cô vào bếp và đứng cạnh cô trong lúc cô

pha thêm cà phê. Cậu không theo cô vào buồng tắm mấy phút sau đó nhưng khi mở cửa Miranda giật mình thấy cậu đứng ngay bên ngoài.

- Cháu có muốn vào đó không?

Cậu bé lắc đầu nhưng dù sao cũng bước vào. Cậu đóng nắp bồn cầu lại, trèo lên đó và quan sát chiếc giá hộp bằng kính phía trên bồn rửa mặt nơi cô để bàn chải đánh răng và đồ trang điểm.

- Cái này để làm gì? - cậu hỏi, nhặt lên hộp kem mắt cô mua hôm gặp Dev.

- Để bôi khi nào sưng mắt.

- Sưng mắt là gì?

- Ở đây này, - cô giải thích, chỉ vào mắt mình.

- Sau khi cô khóc á?

- Cô nghĩ thế.

Rohin mở tuýp đó ra và hít. Cậu bóp một chút ra ngón tay rồi bôi nó lên tay mình. - Nó làm tay cháu nóng ran lên này.

Cậu kiểm tra mu bàn tay kỹ lưỡng, cứ như nghĩ nó sẽ đổi màu vậy. - Mẹ cháu bị sưng mắt. Mẹ bảo đấy là cảm lạnh nhưng thật ra mẹ cháu khóc, thỉnh thoảng khóc hàng giờ. Thỉnh thoảng khóc không ăn tối. Có khi mẹ khóc nhiều đến nổi mắt mẹ sưng lên như mắt ếch.

Miranda tự hỏi không biết có phải cho cậu bé ăn không. Trong bếp có một túi bánh bột gạo và một ít rau diếp. Cô đề nghị đi ra đường mua cái gì đó ở cửa hàng bán thức ăn nhưng Rohin nói cậu không đói và đồng ý ăn một chiếc bánh bột gạo.

- Cô cũng ăn một chiếc đi! - cậu bé mời.

Họ ngồi ở bàn, những chiếc bánh đặt ở giữa. Cậu mở một trang mới trong cuốn vở vẽ.

- Cô vẽ đi!

Cô chọn chiếc bút chì màu xanh. - cô phải vẽ gì đây?

Cậu bé nghĩ một lát - Cháu biết rồi, - Cậu nói.

Cậu yêu cầu cô vẽ những thứ trong căn phòng khách: chiếc đi văng, chiếc ghế quay, tivi, điện thoại. - Như thế này thì cháu có thể ghi nhớ.

- Ghi nhớ gì?

- Ngày hôm nay của chúng ta cùng nhau, - cậu nói và với lấy một chiếc bánh khác.

- Tại sao cháu lại muốn ghi nhớ nó?

- Tại vì chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa, không bao giờ.

Sự rõ ràng của câu nói làm cô giật mình. Cô nhìn cậu bé, cảm thấy hơi buồn. Rohin trông không có vẻ buồn. Cậu lật trang giấy. - Cô vẽ tiếp đi!

Và vậy là cô cố gắng vẽ các đồ vật một cách đẹp nhất mà cô có thể - chiếc đi văng, ghế quay, tivi, điện thoại. Cậu bé nép vào cô, gần đến mức đôi lúc khó nhìn thấy cô đang vẽ cái gì. Cậu đặt bàn tay nhỏ màu nâu lên trên tay cô. - Bây giờ thì cháu.

Cô đưa bút vẽ cho cậu.

Cậu lắc đầu. - Không, bây giờ thì cô vẽ cháu cơ.

- Cô không vẽ được đâu, - cô nói. - Trông sẽ không giống đâu.

Cái nhìn ủ ê lại lướt qua khuôn mặt Rohin, cũng giống như khi cô từ chối không cho cậu uống cà phê. - Nào! Cháu xin cô!

Cô bắt đầu vẽ khuôn mặt, cái đầu và mái tóc dày trước trán. Cậu ngồi rất yên với vẻ trịnh trọng buồn rầu, mắt cố định về một hướng. Miranda ước ao cô có thể vẽ thật giống. Tay cô chuyển động theo mắt một cách xa lạ, giống như nó đã chuyển động cái ngày hôm đó, khi cô ở trong cửa hàng sách lúc cô phiên âm tên mình ra tiếng Băng-gan. Chẳng giống cậu bé gì cả. Cô đang vẽ dở chiếc mũi khi cậu vịn vào trường ra khỏi bàn.

- Cháu chán rồi, cậu tuyên bố rồi đi vào phòng ngủ của cô. Cô nghe thấy cậu mở cửa phòng, mở những ngăn kéo tủ của cô và đóng nó lại.

Khi cô vào cậu bé đang ở trong tủ. Một giây sau cậu bé chui ra, tóc rối tung, tay cậu cầm chiếc váy dạ hội màu bạc. - Cái này rơi ở trên sàn.

- Nó rơi ra khỏi mắc đấy mà.

Cậu bé nhìn chiếc váy rồi lại nhìn cơ thể Miranda - Cô mặc nó vào đi!

- Cái gì?

- Cô mặc nó vào đi!

Chẳng có lý do gì để mặc cả. Trừ lúc thử ở cửa hàng Filene cô chưa bao giờ mặc nó vào cả, và chừng nào cô còn cùng Dev cô biết cô sẽ chẳng bao giờ mặc. Cô biết họ sẽ chẳng bao giờ đi nhà hàng, nơi anh vươn người qua bàn và hôn tay cô. Họ sẽ chỉ gặp nhau trong căn hộ của cô thôi, vào những ngày chủ nhật, anh mặc đồ thể thao còn cô mặc quần bò. Cô cầm chiếc váy từ tay Rohin, giữ nó ra dù chất vải đó chẳng bao giờ bị nhăn. Cô vươn người lấy một chiếc mắc áo.

- Cô mặc nó vào đi cô! - Rohin hỏi, bỗng dưng đứng ngay sau cô. Cậu vùi mặt vào cô, ôm eo cô bằng cả hai tay gầy gò của mình. - Cháu xin cô!

- Thôi được, - cô nói, ngạc nhiên vì cái ôm khá mạnh của cậu bé.

Cậu bé mỉm cười thỏa mãn, ngồi vào mép giường.

- Cháu phải chờ ngoài kia, - cô nói, chỉ ra cửa. - Cô sẽ đi ra khi cô mặc xong,

- Nhưng mẹ cháu toàn cởi váy áo trước mặt cháu.

- Thế á?

Rohin gật đầu. - Sau đó mẹ cháu thậm chí còn chẳng nhặt chúng lên nữa. Mẹ cháu để kệ chúng ở trên sàn nhà bên cạnh giường, thành cả đống.

- Một hôm mẹ cháu ngủ ở phòng cháu, - cậu bé tiếp tục. - Mẹ cháu bảo như thế để chịu hơn chiếc giường của mẹ cháu khi bây giờ bố cháu bỏ đi rồi.

- Cô không phải là mẹ cháu, - Miranda nói, luồn tay xuống nách nhắc cậu bé ra khỏi giường. Cậu bé không chịu đứng và cô bế cậu lên. Cậu nặng hơn cô nghĩ. Cậu ta trèo lên cô, tay bám chặt vào eo, đầu dựa vào ngực cô. Cô đặt cậu xuống ngoài hành lang và đóng cửa lại. Thận trọng hơn cô còn cái chốt cửa. Cô mặc chiếc váy, ngấm mình trong tấm gương lớn gắn sau cánh cửa. Đôi tất ngắn của cô trông kỳ dị vì vậy cô mở ngăn kéo tìm đôi tất dài. Cô tìm đôi tất tạt trong góc, đi tất rồi xỏ chân vào đôi giày cao gót. Những sợi dây váy nhẹ như những tờ giấy trên xương đòn cô. Nó hơi rộng một chút. Cô không thể tự kéo khóa được.

Rohin bắt đầu gõ cửa. - Cháu vào được chưa?

Cô mở cửa. Rohin giữ cuốn sách, thì thầm lẩm bẩm gì đó. Cậu mở to mắt khi nhìn thấy cô.

- Cô cần cháu kéo giúp cô cái khóa, - cô nói rồi ngồi xuống bên mép giường.

Rohin kéo chiếc khóa lên tận trên, và khi đó Miranda đứng dậy. Rohin đặt cuốn sách xuống. - Cô trông rất gợi tình, - cậu bé tuyên bố.

- Cháu nói gì?

- Cô trông rất gợi tình.

Miranda ngồi xuống. Dù cô biết điều đó chẳng có nghĩa lý gì tim cô vẫn đập mạnh. Có lẽ khi nói về tất cả những người phụ nữ Rohin đều nói họ là gợi tình. Có thể cậu bé nghe thấy từ đó trên tivi, hay nhìn thấy nó ở trên tờ bìa tạp chí. Cô nhớ lại ngày cô ở Mapparium, khi cô đứng cách Dev một chiếc cầu. Vào lúc đó, cô nghĩ cô biết từ đó có ý nghĩa gì. Vào lúc đó, những từ đó có ý nghĩa.

Miranda bắt chéo tay qua ngực và nhìn vào mắt Rohin: - Nói với cô một cái gì đó đi!

Cậu bé im lặng.

- Điều đó có nghĩa gì?

- Cái gì cơ?

- Từ ấy đấy. “Gọi tình” ấy. Nó có nghĩa là gì?

Cậu bé nhìn xuống, bỗng dưng trở nên rụt rè. - Cháu không thể nói với cô.

- Tại sao lại không?

- Đó là một bí mật.

Cậu mím môi lại, mạnh đến mức có chỗ trở thành màu trắng.

- Cháu nói với cô điều bí mật đi. Cô muốn được biết mà

Rohin ngồi xuống giường bên cạnh Miranda và bắt đầu dùng gót giày đá vào mép tấm đệm. Cậu bẽn lẽn cười khinh khích, thân hình nhỏ bé của cậu cong lại như bị cù.

- Nói với cô nào! - Miranda yêu cầu. Cô cúi xuống, túm mắt cá chân cậu bé, giữ chân cậu không cho động đậy nữa.

Rohin nhìn cô, đôi mắt cậu như hai đường chỉ nhỏ. Cậu cố gắng đá tấm đệm nhưng Miranda giữ chân cậu lại. Cậu bé ngã ra giường, lưng thẳng như một tấm gỗ. Cậu lấy tay che mắt rồi thì thầm:

- Từ đó có nghĩa là yêu một ai mà người ta không biết.

Miranda cảm thấy những lời của Rohin len xuống dưới da cô, giống như khi cô cảm thấy những lời của Dev cũng len dưới da như vậy. Nhưng thay vì cảm thấy nóng người lên cô chết lặng đi. Nó làm cô nhớ lại cảm giác lúc ở trong cửa hàng tạp phẩm Ấn Độ, giây phút cô biết, thậm chí không nhìn vào bức tranh, rằng Madhuri Dixit, người mà vợ Dev giống, rất xinh đẹp.

- Đó là điều bố cháu làm, - Rohin tiếp tục. - Bố cháu ngồi cạnh một ai đó bố cháu không biết, một ai đó gọi tình, và bây giờ bố cháu yêu cô ấy chứ không yêu mẹ cháu.

Cậu cởi giày ra và đặt chúng cạnh nhau trên sàn nhà. Sau đó cậu lật chăn ra rồi chui vào giường Miranda tay vẫn ôm cuốn sách. Một phút sau cuốn sách rơi khỏi tay cậu bé. Mắt cậu nhắm nghiền. Miranda nhìn cậu bé ngủ, chiếc chăn nâng lên hạ xuống theo nhịp thở. Cậu bé không tỉnh dậy sao mười hai phút như Dev, hay thậm chí sau hai mươi phút cũng không tỉnh dậy. Cậu cũng không mở mắt khi cô cởi chiếc váy màu bạc ra, mặc quần bò rồi cất đôi giày cao gót vào tủ, cuộn đôi tất lại và đặt nó vào ngăn kéo.

Khi đã dọn dẹp xong mọi thứ cô ngồi xuống mép giường. Cô cúi xuống cậu bé, đủ gần để thấy một ít bột trắng từ chiếc bánh nướng còn vương lại trên mép cậu rồi cô nhặt cuốn sách lên. Trong lúc cô giở các trang sách cô tưởng tượng những cuộc cãi nhau mà cậu bé phải nghe quá nhiều trong ngôi nhà cậu ở Montreal. “Nó có xinh không?” - mẹ Rohin chắc thường hay hỏi bố cậu trong lúc vẫn mặc chiếc váy mặc nhà mà cô ta đã mang trên người hàng tuần, bộ mặt xinh đẹp của chính cô ta trở nên hằn học. “Nó có gọi tình không?” Đầu tiên bố cậu bé phủ nhận điều đó, cố gắng thay đổi đề tài. “Nào! Nói tôi nghe!” - mẹ Rohin gầm lên “Nói xem trông nó có gọi tình không!” Cuối cùng thì bố cậu bé thú nhận là cô ta xinh đẹp và gọi tình và mẹ cậu bé khóc mãi, khóc mãi trên chiếc giường xung quanh là đồng quần áo. Mắt cô ta sưng lên như mắt ếch. “Làm sao mà anh có thể! Làm sao mà anh có thể yêu một người anh thậm chí còn chưa biết?” - cô ta vừa nức nở vừa hỏi.

Trong lúc tưởng tượng ra cảnh đó Miranda cũng bắt đầu khóc. Ngày hôm đó, khi họ ở trong Mapparium, mọi đất nước dường như đều gần đến mức có thể chạm vào được và giọng nói của Dev nảy bật vào những tấm kính. Từ bên kia cầu, cách tới gần mười mét, những lời của anh vang lên trong tai cô, gần gũi và ấm áp đến nỗi bao ngày sau đó nó vẫn còn âm âm dưới làn da. Miranda càng khóc to hơn, không đủ sức dừng lại nữa. Nhưng Rohin vẫn ngủ. Cô đoán rằng cậu bé đã quá quen với chuyện đó, quen với tiếng khóc của một người đàn bà.

Chủ nhật Dev gọi điện nói với Miranda rằng anh sắp đến: - Anh chuẩn bị đi đây. Anh sẽ đến đó lúc hai giờ.

Cô đang xem chương trình dạy nấu ăn trên tivi. Một người phụ nữ chỉ vào những quả táo, giải thích quả nào là tốt nhất để làm bánh nướng.

- Hôm nay anh đừng đến.

- Tại sao lại không?

- Em bị cảm lạnh, - cô nói dối. Thực ra thì cô cũng chẳng nói dối nhiều lắm; cô khóc nhiều nên ngạt mũi. - Em nằm trên giường suốt buổi sáng.

- Quả là giọng em có hơi ngạt, - anh dừng lại một chút. - Em có cần gì không?

- Em có mọi thứ rồi.

- Uống nhiều nước vào nhé.

- Anh!

- Anh đây! Sao hả em?

- Anh có nhớ hôm chúng mình đi Mapparium không?

- Tất nhiên, anh nhớ chứ.

- Anh có nhớ chúng mình nói thầm với nhau điều gì không?

- Anh nhớ, - Dev vui vẻ thì thầm

- Anh có nhớ anh nói gì không?

Im lặng một lát. - Nào! Hãy nói chuyện về em đi, - anh cười nhẹ nhàng. - Chủ nhật sau vậy được không?

Hôm qua, trong khi khóc, Miranda tin rằng cô sẽ không bao giờ, không bao giờ quên bất cứ điều gì - thậm chí cả cách tên cô trông như thế nào trong tiếng Băng-gan. Cô nằm ngủ bên cạnh Rohin và khi cô tỉnh dậy thì cậu bé đang vẽ một chiếc máy bay trên tờ tạp chí Kinh tế cô giữ lại, giấu dưới đệm giường.

- Devajit Mitra là ai vậy? - cậu bé hỏi, nhìn vào dòng địa chỉ.

Miranda mừng tượng Dev trong bộ quần áo thể thao và giày thể thao đang cười vào điện thoại. Một phút sau anh sẽ xuống với vợ ở tầng dưới và nói với cô ta rằng hôm nay anh không đi chạy. Anh đã thư giãn cơ bắp trong lúc vươn vai rồi, anh sẽ nói vậy trong lúc ngồi xuống đọc báo. Dù sao cô cũng thấy rất thèm muốn anh. Cô sẽ gặp gỡ anh thêm một Chủ nhật nữa, có thể là hai, cô quyết định vậy. Rồi khi đó cô sẽ nói với anh điều cô đã biết từ lâu, rằng như thế này là không công bằng với cô, với vợ anh, rằng họ, cả hai người, xứng đáng với những điều tốt đẹp hơn, rằng chẳng ích gì khi kéo dài điều này.

Nhưng Chủ nhật sau trời mưa tuyết dày đến mức Dev không thể nói với vợ là anh chạy bộ dọc theo đường Charles được. Chủ nhật tiếp theo tuyết đã tan nhưng Miranda có kế hoạch đi xem phim với Laxmi và khi qua điện thoại cô nói điều đó thì anh cũng không ngăn cô dừng đi. Ngày Chủ nhật thứ ba cô dậy sớm đi dạo. Trời lạnh nhưng nắng đẹp. Cô bước đi dọc theo con đường Commonwealth, đi ngang qua nhà hàng nơi Dev đã hôn tay cô, sau đó đi bộ hết con đường đến Trung tâm Khoa học Công giáo. Mapparium đóng cửa nhưng cô vẫn mua một cốc cà phê. Cô ngồi trên một chiếc ghế ở chợ bên ngoài nhà thờ, nhìn những chiếc cột khổng lồ và mái vòm rất rộng của nó, nhìn bầu trời sáng sữa xanh ngắt trải dài trên thành phố...

NGÔI NHÀ CỦA CÔ SEN

Eliot đến nhà cô Sen được gần một tháng[20], kể từ khi trường khai giảng vào đầu tháng Chín. Năm trước thì có một sinh viên tên là Abby trông nom cậu, một cô gái mảnh dẻ, mặt đầy tàn nhang, hay đọc những cuốn sách không có ảnh ở bìa và từ chối nấu cho Eliot bất cứ món nào có thịt. Trước đó một phụ nữ đứng tuổi, bà Linden, đón cậu mỗi chiều khi cậu từ trường về. Trong lúc bà uống cà phê đựng trong phích và chơi ô chữ thì Eliot tự chơi một mình. Abby nhận bằng rồi chuyển đến một trường đại học khác, bà Linden cuối cùng thì bị đuổi khi mẹ Eliot phát hiện ra rằng chiếc phích của bà thường đựng rượu ứt ki hơn là cà phê. Cô Sen đến với họ bằng một nét bút bi rõ ràng, trên mẫu giấy dán bên ngoài siêu thị. “Vợ một giảng viên, có trách nhiệm và tốt bụng, sẵn sàng trông nom trẻ con tại nhà mình”. Qua điện thoại mẹ Eliot nói với cô Sen rằng những người trông trước đến tận nhà họ. “Eliot mười một tuổi. Nó có thể tự ăn uống và chơi một mình. Tôi chỉ muốn có một người lớn trong nhà, để phòng trường hợp khẩn cấp”. Nhưng cô Sen không biết lái xe.

*

* *

- Cô thấy đấy, nhà chúng tôi khá là sạch sẽ, an toàn cho một đứa trẻ - lần gặp gỡ đầu tiên cô Sen nói vậy. Đó là một căn hộ của trường đại học nằm ở rìa khu trường. Hành lang lát gạch vuông màu nâu vàng buồn tẻ. Một dãy hộp thư được đánh dấu bằng những dải băng dính hay nhãn trắng. Bên trong căn hộ, những đường đan chéo nhau do máy hút bụi để lại hằn rõ trên bề mặt một tấm thảm nhung màu xanh xám. Những mảnh thảm còn lại màu đối chọi nhau đặt trước ghế sofa và những chiếc ghế khác trông giống như những tấm thảm chùi chân riêng rẽ đang đoán trước xem đôi chân nào sẽ đặt lên đâu. Những chao đèn màu trắng xung quanh chiếc ghế sofa vẫn còn giữ nguyên lớp giấy ni lông của nhà sản xuất. Tivi và điện thoại được phủ bằng những mảnh vải màu vàng có bờ đê mép. Một bình chè cao màu xám, những chiếc cốc và đĩa bánh quy bơ đặt trong khay. Chú Sen, một người đàn ông thấp lùn, béo có đôi mắt hơi lồi và cặp kính gọng vuông màu đen cũng đang ở đó. Chú ngồi bắt chéo chân với một chút cố gắng và dùng cả hai tay để giữ cốc chè rất gần miệng, thậm chí cả khi chú không uống. Cả hai người đều không đi giày; Eliot nhìn thấy mấy đôi xếp hàng trên giá của chiếc tủ đựng giày bên cạnh cửa ra vào. Họ đi xăng đan.

- Anh Sen dạy toán ở trường đại học, - Cô Sen giới thiệu như thể họ chỉ là những người quen biết sơ sơ.

Cô khoảng 30 tuổi. Răng cô thưa và trên má có những vết rỗ mờ nhưng đôi mắt cô lại rất đẹp với hàng mi cong rậm rạp và đường kẻ mi khiến đôi mắt to bất thường. Cô mặc một chiếc sari lấp lánh màu trắng có đường họa tiết là những cánh hoa cong màu vàng cam, phù hợp cho một tối dạ hội hơn là cho một buổi chiều tháng Tám thanh bình gió thổi nhẹ nhẹ. Mũi cô bôi một lớp son màu đỏ có pha nhũ, một chút son loang ra bên ngoài vành môi.

Dù vậy thì, Eliot nghĩ, chính mẹ cậu trong chiếc áo sơ mi xắn tay, chiếc quần sóc vải thô và đôi giày buộc dây mới là người trông có vẻ kỳ quặc. Mái tóc ngắn của bà cũng như chiếc quần sóc trông có vẻ quá thực tế, và trong căn phòng đó, nơi tất cả mọi thứ đều được che đậy cẩn thận thì đôi chân và đùi được cạo lông trông quá hở hang. Bà từ chối món bánh bích quy mỗi

lần cô Sen chia đĩa bánh về phía bà. Bà hỏi một tràng dài, rồi vội vàng ghi những câu trả lời vào một tờ giấy. Thế trong căn hộ còn có những đứa trẻ khác nữa không? Trước kia cô Sen đã trông trẻ em chưa? Cô Sen đã sống ở đất nước này bao lâu rồi? Bà lo ngại nhất là việc cô Sen không biết lái xe. Mẹ Eliot làm việc ở một công sở cách nhà 50 dặm về phía bắc, còn cha cậu, lần cuối cùng bà nghe thấy tin tức là đang sống cách hai nghìn dặm về phía tây.

- Thực sự thì tôi đang dạy cô ấy, - Chú Sen nói, đặt chiếc cốc của mình lên bàn uống nước. Đây là lần đầu tiên chú nói - theo đánh giá của tôi thì vào khoảng tháng Chạp cô ấy sẽ có bằng.

- Vậy ư? - mẹ Eliot ghi thông tin đó vào giấy.

- Vâng, tôi đang học, - cô Sen trả lời, - nhưng tôi là một học sinh chậm tiến. Ở nhà thì chúng tôi có người chở.

- Cô định nói người lái xe?

Cô Sen nhìn chồng và chú gật đầu.

Mẹ Eliot cũng gật đầu, nhìn xung quanh căn phòng. - Và tất cả những cái đó ở... Ấn Độ ư?

- Vâng, - cô Sen trả lời. Việc nhắc đến từ “Ấn Độ” dường như giải phóng một cái gì đó trong cô. Cô kéo lại mép chiếc sari nằm vắt chéo qua ngực cho ngay ngắn. Cô nhìn xung quanh căn phòng, như thể cô phát hiện thấy trong những chiếc chao đèn, trong bình chè, trong những bóng đổ dài trên tấm thảm một cái gì đó mà những người còn lại không thể thấy. - Tất cả mọi thứ đều ở đó.

Eliot thấy việc phải đến nhà cô Sen sau giờ học cũng chẳng sao. Vào tháng Chín thì ngôi nhà nhỏ bên bờ biển, nơi cậu cùng mẹ sống quanh năm đã lạnh rồi. Eliot và mẹ phải mang lò sưởi theo mỗi khi họ đi từ phòng này sang phòng khác và dán cửa sổ bằng những dải băng. Chơi ngoài bãi biển hoang vắng một mình thì buồn tẻ; những người hàng xóm duy nhất còn lại sau ngày lễ Lao động[21] là một đôi vợ chồng trẻ chưa có con và Eliot chẳng còn thấy thích thú gì việc nhặt nhạnh những mảnh vỏ sò vỡ cho vào xô hay nghịch những cây rong biển cuộn lại như một món ăn màu lục bảo trên bãi cát. Căn hộ của cô Sen ấm áp, nhiều lúc còn hơi nóng là đằng khác, lò sưởi liên tục phát ra những tiếng kêu phì phì như cái nồi áp suất. Eliot đã biết rằng việc đầu tiên khi bước vào căn hộ là cởi đôi giày để mềm ra, đặt chúng lên giá giày bên cạnh những đôi dép đi trong nhà của cô Sen, mỗi đôi một màu khác nhau với đế giày phẳng phiu như những tấm bìa các tông và một vòng tròn bằng da để giữ ngón chân cái.

Cậu đặc biệt thích thú xem cô Sen ngồi trên giấy báo trên nền phòng khách thái các thứ. Thay bằng dao bình thường cô dùng một con dao cong cong giống như mũi con tàu của những người Viking - con tàu đã đi chiến đấu ở những vùng biển xa xôi. Con dao được gắn vào chuôi nhỏ bằng gỗ và có thể gấp lại được. Lưỡi thép màu đen chứ không trắng lấp. Con dao không có vẻ ngoài bóng loáng thông thường như mọi con dao khác nhưng lại có những răng cưa. Cô Sen nói với cậu những răng cưa đó để thái cho dễ hơn. Mỗi chiều, cô Sen lại lấy con dao xuống, mở nó ra. Nhìn lưỡi dao xem còn sắc không mà không cần phải chạm vào để thử, cô cầm cả cây rau lên tay và thái: súp lơ, bắp cải, bí. Cô cắt đôi rồi cắt tư, nhanh nhẹn cắt chúng thành những miếng hình hoa nhỏ, hình vuông, miếng nhỏ, mảnh vụn. Cô gọt một củ khoai tây chỉ mất mấy giây. Thỉnh thoảng cô ngồi bắt chéo chân, thỉnh thoảng lại ngồi duỗi chân ra, xung quanh là những chiếc âu, bát có nước mà cô cho những thứ đã thái xong vào.

Vừa làm việc cô vừa theo dõi Eliot vừa xem tivi nhưng hình như chẳng bao giờ cô nhìn con dao. Dù sao thì cô cũng không cho phép Eliot đi loanh quanh trong lúc cô thái các thứ.

- Cháu ngồi đấy, ngồi đấy, chỉ hai ba phút nữa thôi, - cô nói, chỉ ra ghế sôpha, chiếc ghế lúc nào cũng được phủ một tấm vải trải giường màu xanh và đen in những hình con voi mang kiệu trên lưng. Công việc hàng ngày đó chiếm khoảng một tiếng. Để giữ Eliot chơi, cô cho cậu xem góc truyện cười trong báo, cho cậu ăn bánh quy phết bơ, thỉnh thoảng là một que kem hay những mẩu cà rốt cô vừa thái ra. Chắc cô sẽ chẳng dây vòng quanh chỗ cô ngồi nếu có thể. Tuy vậy, một lần cô đã phá vỡ thông lệ của mình; vì cần phải lấy thêm một vài thứ và vì ngại đứng lên khỏi cái đồng lộn xộn quanh mình, cô nhờ Eliot lấy cho cô mấy thứ trong bếp.

- Nếu cháu không phiền thì có một cái âu nhựa, khá to để đựng chỗ rau bina này, trong ngăn cạnh tủ lạnh ấy. Hãy cẩn thận, cậu bé yêu quý! Hãy cẩn thận! - cô cảnh báo khi cậu đến gần cô. - Để nó đấy, trên bàn uống nước ấy! Cảm ơn cháu! Cô có thể với được.

Cô mua con dao đó ở Ấn Độ, nơi mà rõ ràng gia đình nào cũng có ít nhất là một chiếc như vậy.

- Mỗi khi trong gia đình có đám cưới hay một dịp kỷ niệm nào đó, - một hôm cô kể cho Eliot nghe, - tối hôm trước mẹ cô bảo những người phụ nữ hàng xóm mang đến những chiếc giống như thế này rồi họ ngồi thành một vòng tròn lớn trên mái nhà, cười đùa, nói chuyện và thái năm mươi kilogram rau suốt cả đêm.

Khuôn mặt nhìn nghiêng của cô sáng lên theo lời kể, những bông hoa cắt từ dưa chuột, cà, hành, chất thành đồng xung quanh cô.

- Những đêm như vậy, nằm nghe họ nói chuyện thì không thể nào ngủ được.

Cô ngừng lại để nhìn cây thông hiện ra ở khung cửa sổ phòng khách. - Ở đây, ở nơi chú Sen mang cô tới này thỉnh thoảng cô không thể ngủ được vì yên tĩnh quá.

Một hôm khác cô ngồi nhìn chăm chăm chỗ mờ vàng cửa những miếng gà, sau đó chặt phần đùi và chân rời ra. Trong lúc phần xương rời ra ở hai phía con dao, những chiếc vòng trên tay cô kêu leng keng, tay cô hồng lên và cô thở dài nghe rất rõ. Một lúc nào đó cô dừng lại, dùng cả hai tay giữ con gà, đôi mắt nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ. Thịt và gân vẫn bám vào những ngón tay cô.

- Eliot, nếu bây giờ cô hét lên thật to thì liệu có ai đến không?

- Cô Sen, có chuyện gì vậy?

- Không gì cả. Cô chỉ hỏi liệu có ai đến không?

Eliot nhún vai. - Có thể có.

- Ở nhà thì đó là tất cả những gì cháu phải làm. Chẳng phải ai cũng có điện thoại. Nhưng chỉ cần hơi cao giọng lên một chút hay biểu lộ bất cứ sự đau khổ hay vui mừng nào là tất cả hàng xóm láng giềng kéo đến chia sẻ và giúp đỡ chuẩn bị.

Khi đó thì Eliot đã hiểu rằng lúc nào cô Sen nói “ở nhà” là cô muốn nói ở Ấn Độ chứ không phải trong căn hộ nơi cô ngồi thái rau. Cậu nghĩ về ngôi nhà của chính cậu chỉ cách đó có năm

dặm và đôi vợ chồng trẻ thỉnh thoảng vẫy tay những khi họ đi bộ dọc theo bờ biển lúc hoàng hôn. Vào ngày lễ Lao động họ tổ chức một bữa tiệc. Mọi người chen chúc, ăn uống, tiếng cười của họ át cả tiếng sóng. Họ không mời hai mẹ con cậu. Đó là một ngày hiếm hoi mẹ được nghỉ nhưng họ không đi đâu cả. Mẹ giặt giũ, cân đối sổ thu chi. Với sự giúp đỡ của Eliot mẹ hút bụi xe ô tô. Eliot đề nghị đến trạm rửa xe cách đó vài dặm như thỉnh thoảng họ vẫn làm để họ có thể ngồi trong xe, an toàn và khô ráo trong lúc xà phòng, nước và những cây chổi vĩ đại rửa cửa kính, nhưng mẹ cậu nói bà mệt quá và bà đã dùng một chiếc ống phụt nước lên xe. Đến tối, khi đám đông trên mái nhà hàng xóm bắt đầu nhảy nhót, bà tìm số điện thoại của họ trong danh bạ điện thoại và yêu cầu họ bớt ồn ào.

- Chắc họ sẽ gọi điện đến, - cuối cùng Eliot nói với cô Sen. - Nhưng họ sẽ kêu ca là cô làm ồn quá.

Từ chỗ ngồi trên ghế sofa Eliot có thể ngửi thấy mùi bí hiểm của băng phiến và thìa là. Cậu có thể nhìn thấy đường ngôi rẽ chính giữa mái tóc tết, chỗ được rắc phấn đỏ và vì vậy trông lấp lánh. Những ngày mới đến Eliot tự hỏi không biết có phải cô tự làm xước hay bị con gì đốt. Nhưng một hôm cậu nhìn thấy cô đứng trước tấm gương nhà tắm và trang trọng dùng ngón tay cái bôi một chút phấn đỏ từ chiếc lọ nhỏ lên đó. Một ít bột phấn rơi xuống chóp mũi trong lúc cô dùng đầu ngón trở chấm một nốt đỏ giữa hai lông mày.

- Cô phải bôi phấn đỏ hàng ngày kể từ khi lấy chồng, - cô giải thích khi Eliot hỏi cô làm như thế để làm gì.

- Giống như đeo nhẫn cưới, có phải cô định nói thế không?

- Chính xác, Eliot ạ, đúng như đeo nhẫn cưới. Chỉ có điều không sợ đánh rơi vào trong bồn lúc rửa bát.

Lúc 6h20, khi mẹ Eliot đến thì cô Sen luôn đã dọn gọn mọi dấu vết thái rau. Con dao được rửa, lau khô, gấp lại và treo lên tủ với sự trợ giúp của chiếc thang. Eliot giúp cô cuộn báo trên nền nhà với tất cả những vỏ, hạt trong đó. Những chiếc bát và âu xếp hàng trên giá, gia vị và bột nhão đã được cân đo và trộn vào với nhau, và cuối cùng, món nước thịt đang sôi trên ngọn lửa. Không phải là một ngày đặc biệt, cũng chẳng phải cô chuẩn bị đón khách. Đơn giản đó chỉ là bữa tối cho cô và chú Sen - hai chiếc đĩa, hai cái cốc, không có khăn ăn hay đồ bạc trên chiếc bàn phốc mia hình chữ nhật ở cuối phòng khách nói lên điều này.

Trong lúc ấn gói giấy báo sâu nữa vào thùng rác, Eliot cảm thấy rằng cậu và cô Sen đang vi phạm một quy tắc bất thành văn nào đó. Có thể đó là do cách cô Sen kết thúc mọi việc một cách vội vã, dùng ngón tay bốc muối và đường, cho nước vào đậu lăng, lau chùi tất cả mọi thứ, đóng sập một loạt cửa tủ. Cậu hơi sốc khi bất ngờ nhìn thấy mẹ trong đôi tất màu da chân và bộ quần áo có độn vai mẹ mặc đến công sở đang nhìn vào những góc của căn hộ. Bà định đứng ở ngoài cửa, gọi Eliot đi giày và thu dọn đồ của mình nhưng cô Sen không cho phép như vậy. Ngày nào cô cũng khăng khăng đòi mẹ Eliot phải ngồi xuống ghế sofa, nơi cô đã đặt ra chút gì để ăn: một cốc sữa chua màu hồng với nước si rô hoa hồng, bánh nướng nhân nho khô, mứt trộn mật ong.

- Thật đấy, thưa cô Sen, tôi ăn trưa muộn. Cô không cần phải nhọc công như vậy.

- Có gì đâu. Giống như Eliot thôi. Không có gì là nhọc công cả.

Bà nhắm nháp những thứ cô Sen mang ra, đôi mắt nhìn lên vẻ đánh giá. Bà luôn giữ hai đầu gối sát vào nhau, đôi giày cao gót bà không bao giờ bỏ ra ấn xuống tấm thảm màu xanh xám. “Ngon quá!”, bà kết luận, đặt chiếc đĩa xuống sau khi đã ăn một hai miếng. Eliot biết mẹ không thích mùi vị đó, một lần ở trong xe mẹ đã nói như vậy. Cậu cũng biết là mẹ không ăn trưa ở chỗ làm vì khi về đến ngôi nhà bên bờ biển, việc đầu tiên mẹ làm là rót cho mình một cốc rượu và ăn bánh mì với phô mát, thỉnh thoảng nhiều đến mức bà không còn bụng nào ăn bánh pisa mà họ thường đặt để ăn tối. Bà ngồi bên bàn trong lúc cậu ăn. Bà uống rượu và hỏi cậu về ngày vừa qua, nhưng cuối cùng bà thường bỏ ra sân hút thuốc và để Eliot tự do dọn dẹp những gì còn lại.

*

* *

Chiều chiều cô Sen đứng chờ bên rừng thông nhỏ cạnh con đường chính, nơi chiếc xe ô tô buýt của trường thả Eliot cùng hai hay ba đứa trẻ khác sống gần đó xuống. Eliot luôn luôn có cảm giác cô Sen đã chờ một lúc rồi, như thể cô nóng lòng muốn được gặp một người rất lâu rồi không gặp. Tóc ở thái dương cô bay theo làn gió nhẹ, đường son đỏ còn tươi trên đầu. Cô đeo đôi kính mát màu xanh nước biển hơi quá to so với khuôn mặt. Chiếc sari của cô, mỗi ngày là một chiếc khác, bay bay bên dưới tấm áo choàng dành cho mọi thời tiết. Quả thông và những con sâu bướm lăm lăm trên con đường nhánh trải nhựa đường bao quanh một khu tập trung khoảng một tá những tòa nhà gạch, tất cả đều giống nhau, được gắn lại trong một dải chung. Trên đường họ đi từ bến xe về, cô thường đưa Eliot một chiếc bánh xăng- quych, một quả cam đã gọt hay những hạt lạc rang hơi mặn mà cô đã bóc vỏ từ trước.

Họ đi thẳng tới chỗ chiếc xe và cô Sen tập lái xe khoảng hai mươi phút. Đó là một chiếc xe mũi kín màu sữa, ghế ngồi bọc nilông. Trong xe có đài với những nút điều khiển bằng crom và trên bệ sau ghế hậu là một hộp giấy ăn hiệu Kleenex và cái nạo đá. Cô Sen nói rằng cô thấy để Eliot ở lại một mình trong căn hộ là không ổn, nhưng Eliot biết cô muốn có cậu ngồi bên vì cô sợ. Cô sợ tiếng động cơ và cô bịt tay vào tai để ngăn tiếng ồn khi nhấn đôi xăng đan lên chân ga làm máy nổ.

- Chú Sen nói khi nào cô có bằng lái thì mọi chuyện sẽ ổn hơn. Cháu nghĩ thế nào Eliot, mọi chuyện liệu có tốt hơn không?

- Cô có thể đi đây đi đó, - Eliot nói. - Cô có thể đi tất cả mọi nơi.

- Thế cô có thể lái xe đến tận Calbutta được không? Sẽ mất bao lâu hả Eliot? Mười ngàn dặm, với tốc độ năm mươi dặm một giờ?

Eliot không thể tính nhắm được. Cậu xem cô Sen điều chỉnh chỗ ngồi, gương chiếu hậu, đôi kính mát hất cao trên đầu. Cô chuyển đài sang làn sóng nhạc giao hưởng.

- Có phải đây là Beethoven không nhỉ? - một lần cô hỏi phát âm phần đầu tiên trong tên soạn nhạc không phải “bay” mà là “bee”, giống như loài côn trùng[22]. Cô hạ cửa kính bên mình xuống và nhắc Eliot cũng hạ cửa kính. Cuối cùng thì cô ấn chân vào phanh, kéo cần số tự động như thể đó là một chiếc bút vô cùng nặng nề và từng tí, từng tí một lái xe ra khỏi chỗ đậu. Cô đi vòng quanh khu nhà ở một vòng rồi lại một vòng nữa.

- Cháu thấy cô thế nào hả Eliot? Liệu cô có qua được không?

Cô luôn luôn mất tập trung. Cô dừng chiếc xe lại chẳng báo trước gì cả để nghe một tin gì đó trên đài hay để nhìn một cái gì đó, bất kể đó là cái gì trên đường. Nếu cô đi ngang qua ai đó thì

cô vậy. Nếu cô nhìn thấy một con chim cách mũi xe tới sáu mét thì cô bấm còi liên hồi và chờ cho nó bay lên. Cô nói ở Ấn Độ người lái xe ngồi bên phải chứ không ngồi bên trái. Họ chậm rãi đi ngang qua khu chơi, khu nhà giặt, khu đặt những thùng rác màu xanh đậm, bãi đậu xe. Mỗi lần họ tiến đến gần khu rừng thông nhỏ, cô lại vươn người ra trước, đè hết cả sức nặng của mình lên chân phanh trong lúc những chiếc xe khác lao qua. Đó là một con đường hẹp hai làn với những đường kẻ vạch màu vàng.

- Không thể nào đi được, Eliot ạ. Làm sao cô đi ra kia bây giờ.

- Cô phải chờ đến khi không còn ai nữa.

- Tại sao người ta không đi chậm lại một chút?

- Bây giờ đang không có ai đâu.

- Nhưng còn chiếc ở bên phải ấy, cháu có thấy không? Nhìn kia, lại một chiếc xe tải đằng sau nó nữa chứ. Dù sao thì cô cũng không được phép đi ra đường chính mà không có chú Sen đi cùng.

- Cô phải vòng xe và vọt nhanh ra, - Eliot nói. Mẹ cậu luôn làm như vậy mà hình như chẳng cần nghĩ ngợi gì. Mọi việc có cảm giác thật dễ dàng khi cậu ngồi bên cạnh mẹ, lướt đi mỗi tối về ngôi nhà bên bờ biển. Khi đó con đường chỉ là con đường, những chiếc xe khác chỉ đơn giản là một phần của cảnh vật. Nhưng khi cậu ngồi với cô Sen trong ánh mặt trời mùa thu lạnh lẽo tỏa xuống qua các kẽ lá, cậu thấy cũng dòng xe cộ đó làm đầu gối cô xanh như thế nào, tay cô run rẩy ra sao và giọng cô lạc đi.

- Tất cả những con người, những con người này, ở thế giới của họ, nhiều quá.

Eliot nhận thấy có hai điều làm cô Sen hạnh phúc. Điều thứ nhất là những lá thư từ gia đình cô. Cô có thói quen mỗi khi đi tập lái về là xem hộp thư. Cô mở khóa rồi bảo Eliot thò tay vào trong, tìm cái cô cần, và rồi khi đó cô nhắm mắt lại, lấy hai tay che mắt trong lúc cậu lục lọi đồng hồ đơn và tập chí theo tên chú Sen. Đầu tiên cậu thấy sự hồi hộp của cô Sen là chuyện không thể nào hiểu nổi; mẹ cậu có hộp thư lưu trong thị trấn và bà đi lấy thư thừa thớt đến nỗi một lần họ bị cắt điện ba ngày liền. Hàng tuần trôi qua ở nhà cô Sen cho đến một hôm cậu thấy là thư màu xanh, sờ vào hơi ram ráp, dán đầy những chiếc tem in hình một người đàn ông hói bên một bánh xe đang quay. Những chiếc tem đã bị đen đi vì dấu bưu điện.

- Cô Sen, có phải cái này không?

Lần đầu tiên cô ôm Eliot, siết chặt khuôn mặt cậu vào chiếc sari của mình, bao bọc cậu bằng mùi băng phiến và thìa là. Cô chộp lá thư từ tay cậu.

Họ vừa vào đến bên trong căn hộ cô đã dùng chân đạp tuột đôi dép, lôi cặp ra khỏi tóc và vội vã bóc thư. Mặt cô đảo bên này bên kia trong lúc đọc. Ngay khi vừa đọc xong, cô giật tấm khăn thô che điện thoại ra và bấm máy.

- Xin lỗi, làm ơn cho hỏi có ông Sen ở đó không ạ? Tôi là bà Sen và tôi có chuyện quan trọng.

Sau đó thì cô nói bằng tiếng Ấn Độ, đối với Eliot thì như thế là rất nhanh và âm ỉ; rõ ràng là cô đang đọc nội dung bức thư, từng từ từng từ một. Trong lúc đọc giọng cô cứ to dần lên và dường như giọng cô thay đổi ở chỗ quan trọng. Mặc dù cô đứng rành rành ngay trước mặt Eliot nhưng

cậu có cảm giác như cô không còn tồn tại trong căn phòng với tấm thảm màu xanh xám.

Sau đó căn hộ bỗng trở nên quá nhỏ nhưng đủ chỗ cho cô. Họ đi bộ ngang qua con đường chính và đi một đoạn đến sân trong của một trường đại học, nơi những hồi chuông vang lên mỗi giờ. Họ lang thang qua khu nghỉ ngơi dành cho sinh viên, bê chiếc khay đi dọc theo quán cà phê, ăn khoai tây rán để trong đĩa giấy giữa những nước soda trong cốc giấy, cô Sen nhâm nhi chè với đường và kem. Sau khi ăn xong họ tham quan phòng mỹ thuật, ngắm những bức tượng, những bức tranh lụa trong hành lang lạnh lẽo đầy mùi thơm của sơn mới và đất sét. Họ đi ngang qua tòa nhà khoa toán, nơi chú Sen dạy.

Họ dừng lại ở một cánh cửa tòa nhà thể thao. Khu nhà ẩm ỉ, tỏa đầy mùi thuốc tẩy. Từ nơi đó, qua một cánh cửa rộng trên tầng bốn, họ xem những sinh viên bơi từ đầu này qua đầu kia trong bể bơi nước xanh như ngọc. Cô Sen lôi lá thư mới nhận ra khỏi túi, chăm chú nghiên cứu mặt trước, mặt sau của nó. Khi đọc xong, cô chăm chăm nhìn những con người đang bơi một lát.

- Em gái cô sinh con gái. Đến lúc cô gặp cô ấy, tùy thuộc vào chuyện chú Sen có được nhận làm giảng viên chính thức hay không thì con bé sẽ ba tuổi rồi. Bà bác duy nhất của nó sẽ là người xa lạ. Nếu ngồi cạnh nhau trên một chuyến tàu nó cũng sẽ không nhận ra khuôn mặt cô.

Cô cất bức thư đi, sau đó đặt tay lên đầu Eliot:

- Cháu có nhớ mẹ không, Eliot, những buổi chiều ở nhà với cô thế này ấy?

Ý nghĩ đó chẳng bao giờ xuất hiện trong đầu cậu.

- Cháu chắc chắn nhớ mẹ lắm. Khi cô nghĩ về cháu, một cậu bé, bị tách khỏi mẹ suốt khoảng thời gian dài thế này trong ngày cô cảm thấy khổ tâm.

- Tối cháu gặp mẹ mà.

- Khi cô bằng tuổi cháu cô không biết rằng sẽ có lúc cô phải đi xa như thế này. Cháu thông minh hơn cô nhiều, Eliot ạ. Cháu đã được nếm trải những thứ mà cuộc đời phải có.

Một thứ nữa làm cô Sen hạnh phúc là cá biển. Cô luôn muốn cá con nguyên con, không phải có vụn hay philê mà mẹ Eliot nướng một tối nào đó vài tháng trước, khi mẹ mời một người đàn ông cùng văn phòng tới ăn tối - ông ta đã ngủ lại trong phòng ngủ của mẹ nhưng sau đó chẳng bao giờ Eliot còn trông thấy ông ta nữa. Một tối khi bà đến đón Eliot, cô Sen mời bà ăn món cá ngừ cắt khoanh tròn tẩm bột mì rán. Cô giải thích rằng thực ra nó phải được làm bằng một loại cá gọi là *bhetki* cơ.

- Thật là bực, - cô Sen xin lỗi, nhấn mạnh vào từ cuối, - sống gần biển đến thế mà lại chẳng có cá mấy.

Cô nói mùa hè cô thích đi chợ cạnh bãi biển. Cô bảo rằng dù cá ở đó chẳng có mùi vị như ở Ấn Độ thì ít nhất chúng còn tươi. Bây giờ trời lạnh hơn rồi, thuyền bè không ra khơi nữa và đôi khi suốt cả tuần cũng chẳng có lấy một con cá tươi.

- Cô thử vào siêu thị xem, - mẹ Eliot đề nghị!

Cô Sen lắc đầu. - Ở siêu thị tôi có thể tìm thấy mọi thứ nhưng chẳng bao giờ tôi có thể tìm

thấy một con cá tôi thích. Chẳng bao giờ cả.

Cô Sen kể rằng từ nhỏ cô đã ăn hai bữa cá mỗi ngày. Cô còn nói thêm rằng ở Ấn Độ bữa sáng người ta ăn cá, món họ ăn cuối cùng trước khi đi ngủ cũng là cá, cá cũng là bữa ăn nhẹ sau khi từ trường về nếu họ may mắn. Họ ăn đuôi, ăn trứng, thậm chí ăn cả đầu. Cá có ở bất cứ chợ nào, vào bất cứ giờ nào, suốt từ sáng sớm tinh mơ cho tới nửa đêm

- Tất cả những gì cần phải làm chỉ là ra khỏi nhà, đi bộ vài bước và cái gì cũng có.

- Cứ vài ngày cô Sen lại mở cuốn danh bạ điện thoại màu vàng, quay một số cô đã đánh dấu ra ngoài lề và hỏi xem ở đó có cá cả con không. Nếu có thì cô yêu cầu giữ lại cho cô. “Theo tên Sen, vàng, chữ S như trong Sam ấy, N như trong New York. Ông Sen sẽ đến đó lấy.” Rồi cô gọi điện đến trường cho chú Sen. Mấy phút sau chú Sen về. Chú xoa đầu Elito nhưng không hôn cô Sen. Chú đọc thư tín của mình ở chỗ chiếc bàn phóc mica và uống một cốc chè trước khi đi; nửa giờ sau chú về, đem theo một túi giấy bên ngoài vỏ có hình con tôm cười, đưa nó cho cô Sen rồi lại đến trường dạy tiếp lớp buổi tối. Một hôm, khi đưa túi cá cho cô Sen chú nói:

- Tạm thời trong một thời gian sẽ không có cá nữa đâu. Nấu gà trong tủ lạnh vậy. Anh phải tuân thủ giờ giấc công sở.

Vài ngày sau, thay vào việc gọi điện đến cửa hàng cá, cô Sen làm rã đá những đùi gà trong bồn rửa bát rồi dùng con dao của mình chặt chúng ra. Một hôm cô làm món gà hầm với đậu xanh và cá mòi đóng hộp. Nhưng tuần sau thì người đàn ông ở cửa hàng cá gọi cho cô Sen; ông ta nghĩ rằng cô muốn có món cá và nói ông sẽ giữ lại cho cô con cá đó tới cuối ngày theo tên cô. Cô cảm thấy vui sướng vô cùng.

- Ông ấy thật là tốt, phải không Eliot? Ông ấy nói ông ấy tìm thấy tên cô trong cuốn danh bạ điện thoại. Ông ấy nói ở đó chỉ có một người mang họ Sen. Cháu có biết có bao nhiêu người họ Sen trong cuốn danh bạ điện thoại ở Calcutta không?

Cô bảo Eliot đi giày, mặc áo ấm rồi cô gọi điện đến trường cho chú Sen. Elito buộc dây giày, chờ đợi cô, xem cô chọn đôi nào trong số những đôi dép của cô. Mấy phút sau cậu gọi cô. Khi cô Sen không trả lời, cậu tháo dây giày và quay vào phòng khách. Cậu thấy cô đang ngồi khóc trên ghế sofa. Hay tay cô ôm chặt và những giọt nước mắt chảy qua kẽ ngón tay. Qua nước mắt cô nói gì đó về buổi họp mà chú Sen phải dự. Chậm rãi, cô đứng dậy và sửa lại tấm khăn phủ điện thoại. Eliot đi theo cô, lần đầu tiên cậu dẫm đôi giày vải của mình lên tấm thảm màu xanh xám. Cô chăm chăm nhìn cậu. Mi mắt cô sưng mọng đỏ.

- Eliot, cháu nói cho cô nghe đi, yêu cầu như thế có phải là quá nhiều không?

Trước khi cậu kịp trả lời cô đã nắm tay cậu đưa sang phòng ngủ, căn phòng có cánh cửa thường vẫn đóng chặt. Ngoài chiếc giường không có kệ ở đầu, những vật dụng duy nhất trong phòng chỉ là chiếc bàn nhỏ kê cạnh giường trên đó đặt điện thoại, bàn để là và tủ commốt. Cô kéo tung các ngăn kéo và cánh cửa tủ quần áo. Trong đó đầy những chiếc sari đủ màu, thêu chỉ màu vàng và bạc. Một chiếc trong, mỏng những chiếc khác lại dày với những nóm tua trang trí ở đầu. Trong tủ treo quần áo chúng được treo lên mắc, trong các ngăn kéo tủ chúng được gấp gọn gàng hay cuộn chặt lại như những cuộn vải. cô thọc tay vào ngăn kéo, để mặc cho những chiếc sari rơi ra khỏi ngăn. “Đã có lúc nào cho tôi mặc cái này? Rồi cái này? Cái này nữa.” Cô tung những chiếc áo sari, hết chiếc này đến chiếc khác khỏi ngăn đựng, giật mấy cái ra khỏi mắc. Những chiếc sari rơi xuống thành một đồng lộn xộn trên giường. Căn phòng tràn ngập mùi băng phiến.

- “Gửi ảnh về đây!” họ viết vậy. “Gửi ảnh về cuộc sống mới của chị cho cả nhà xem!” Cô có thể gửi ảnh nào cơ chứ? - cô ngồi xuống mép giường trong trạng thái vẫn còn bị kích động. - Họ nghĩ cô sống như một bà hoàng, Eliot ạ.

Cô nhìn những bức tường trống của căn phòng. - Họ nghĩ cô chỉ cần bấm nút là căn hộ trở nên sạch sẽ. Họ nghĩ cô sống trong một tòa lâu đài.

Điện thoại réo. Cô Sen để mặc nó réo vài hồi mới nhắc máy bên giường. Suốt cuộc nói chuyện cô dường như chỉ trả lời và lấy một đầu sari lau mặt. Khi nói chuyện xong cô quăng đồng sari vào những ngăn kéo mà không thèm gấp lại. Sau đó cô bảo Eliot đi giày và đi ra chỗ xe ô tô, nơi họ chờ chú Sen đón.

- Sao hôm nay em không lái xe? - khi hiện ra chú Sen vừa hỏi vừa dùng ngón tay gõ gõ lên đầu xe. Họ luôn nói chuyện với nhau bằng tiếng anh mỗi khi có mặt Eliot.

- Hôm nay thì không. Hôm khác.

- Làm sao em qua được nếu em không chịu lái xe trên đường cùng những xe khác?

- Hôm nay có Eliot ở đây.

- Eliot ngày nào cũng ở đây. Đó là cho chính em. Eliot, cháu nói đi là điều tốt cho chính cô ấy.

Cậu không nói gì.

Họ lái xe đi trong im lặng, cũng vẫn trên con đường Eliot cùng mẹ đi mỗi tối khi quay trở về ngôi nhà bên bãi biển, nhưng trong băng ghế sau chiếc xe của chú Sen, chuyến đi dường như có cái gì đó khác lạ và lâu hơn thường lệ. Những con mòng biển mà sáng sáng tiếng kêu nhặt nhẹo của chúng thường đánh thức cậu giờ đây khiến cậu sợ khi chúng chao xuống và bay vút qua bầu trời. Họ đi qua hết bãi tắm này tới bãi tắm khác, đi qua những chiếc lán hồi mùa hè bán nước chanh lạnh, bán trai giờ bị khóa chặt. Chỉ một lán còn mở cửa. Đó là cửa hàng bán cá.

Cô Sen mở cửa bên mình và quay lại. Chú Sen vẫn chưa cởi dây an toàn.

- Anh có xuống không?

Chú Sen rút ví đưa cho cô mấy tờ giấy bạc.

- Sau hai mươi phút nữa là anh phải họp. Em nhanh nhanh lên một chút, - chú vừa nói vừa nhìn bảng số trước mặt.

Eliot theo cô vào cửa hàng nhỏ ươn ướt. Tường cửa hàng được trang trí bằng những tấm lưới, những con sao biển và những chiếc phao. Một toán khách du lịch vai đeo máy ảnh đứng tùm tùm ở góc cửa hàng, một số người đang lấy mẫu những con trai, những người khác chỉ tay vào một biểu đồ lớn nói về năm mươi loại cá khác nhau của Bắc Đại Tây Dương. Cô Sen lấy một chiếc vé từ cái máy trong góc cửa hàng rồi đứng xếp hàng. Eliot đứng bên những con tôm hùm đang cựa quậy lên nhau trong chiếc tủ tối tăm của chúng, càng chúng bị buộc lại với nhau bằng những sợi dây cao su vàng. Khi đến lượt cô, cậu nhìn cô Sen cười và nói chuyện với người đàn ông có khuôn mặt màu đỏ sáng và hàm răng vàng, mặc một chiếc tạp dề cao su màu đen. Hai tay ông giữ đuôi con hai con cá thu.

- Ông có chắc chắn là những con cá ông bán cho tôi rất tươi không đấy?

- Không thể tươi hơn được và chúng sẽ tự cho cô biết.

Kim trên bàn cân xê dịch chỉ tới lời phán quyết cuối cùng.

- Cô có cần làm cá ngay không, thưa cô?

Cô Sen gật đầu. - Cứ để cả đầu cả đấy!

- Nhà cô nuôi mèo à?

- Không, không có mèo nào cả, chỉ có một ông chồng thôi.

Sau đó, khi đã về đến nhà cô, lôi con dao của mình ra khỏi tủ, trải báo ra nền nhà trên tấm thảm và xem xét kho báu của mình. Cô lôi ra khỏi tờ giấy gói từng con, từng con một, những con cá còn dính đầu máu. Cô cắt đuôi, mổ bụng, khía phần thịt đã được moi ruột. Cô dùng một chiếc kéo để cắt vây cá. Cô thò tay vào mang cá. Mang cá đỏ đến mức đường sơn đỏ trên đầu cô dường như nhạt đi. Cô cầm con cá có những đường sọc đen như mực ở cả hai đầu và dùng con dao những khía hình chữ V hơi cách nhau.

- Cô làm như vậy để làm gì? - Eliot hỏi.

- Để xem được bao nhiêu khúc. Nếu cô cắt cẩn thận thì con cá này sẽ nấu được ba bữa.

Cô cắt cái đầu cá và đặt nó lên một chiếc đĩa.

Đến tháng Mười Một thì nhiều ngày cô Sen không chịu tập lái xe. Con dao chẳng được lấy ra khỏi tủ bếp, báo không được trải ra nền nhà. Cô không gọi điện cho cửa hàng cá cũng chẳng làm rã đá gà. Lặng lẽ, cô chuẩn bị bánh quy và bơ lạc cho Eliot, sau đó cô ngồi đọc những bức thư cũ cất trong hộp giấy. Đến giờ Eliot về nhà cô thu dọn đồ cho cậu mà không mời mẹ cậu vào ngồi nghỉ trên ghế sofa và ăn gì trước đã. Cuối cùng, khi ở trong xe mẹ hỏi cậu có nhận thấy sự thay đổi trong cử chỉ của cô Sen, cậu nói cậu chẳng thấy gì cả. Cậu không kể cho mẹ nghe rằng cô Sen đi đi lại lại trong căn hộ, nhìn chăm chăm những chiếc chao đèn như thế mới thấy chúng lần đầu tiên. Cậu không kể cho mẹ nghe cô đã bật ti vi lên nhưng chẳng hề xem gì cả, cô pha cà phê cho mình xong để mặc cho cốc cà phê nguội đi trên bàn uống nước mà không hề đụng đến. Một hôm cô bật một băng nhạc gì đó cô gọi là “raga”^[23]; nghe giống như ai đó chơi đàn violon rất nhanh rồi sau đó lại rất chậm. Cô Sen nói rằng nhạc của người ta chỉ nghe vào lúc chiều muộn, khi mặt trời lặn. Trong lúc bản nhạc chơi, khoảng một tiếng đồng hồ, cô ngồi trên ghế sofa, mắt nhắm nghiền. Sau đó cô nói “Bản nhạc này còn buồn hơn cả Beethoven của cháu, phải không?” Hôm khác cô bật một băng cát xét mọi người nói chuyện bằng ngôn ngữ của cô - món quà gia đình tặng cô khi chia tay, cô nói với Eliot như vậy. Khi mọi người cười và nói, cô nhận ra giọng họ. “Đây là chú thứ ba của cô, chị họ cô, cha cô, ông cô”. Ai đó hát một bài. Người khác đọc thơ. Giọng nói cuối cùng trong băng là của mẹ cô. Giọng nói trầm tĩnh và nghe trịnh trọng hơn những giọng nói khác. Cứ sau mỗi câu nói lại có một khoảng dừng và trong khoảng thời gian đó cô Sen dịch cho Eliot “Giá dê đã tăng lên hai rupi. Xoài ngoài chợ không được ngọt lắm. Phố College thì bị ngập nước.” Cô tắt đài. “Đó là những gì xảy ra ngày cô rời Ấn Độ.” Ngày hôm sau cô lại bật băng đó. Cô nói với Eliot rằng cô nhận được một lá thư hôm cuối tuần vừa rồi. Ông cô đã mất.

Một tuần sau cô Sen lại tiếp tục nấu nướng. Một hôm trong lúc cô đang ngồi thái rau trên nền

nhà phòng khách thì chú Sen gọi điện về. Chú muốn chở Eliot và cô ra bãi biển. Nhân dịp này cô Sen mặc chiếc sari màu đỏ và bôi son đỏ. Cô buộc chiếc khăn dưới cằm, chỉnh lại đôi kính râm trên đầu và cho chiếc máy ảnh nhỏ vào túi. Trong lúc chú Sen lái xe ra khỏi bãi đỗ, chú đặt tay lên thành ghế trước nên trông như thể chú vòng tay qua vai cô Sen. “Trời rét quá rồi, chiếc áo khoác này không còn đủ ấm. Chúng mình phải mua cái gì đó ấm hơn cho em”, một lúc nào đó chú nói với cô. Trong cửa hàng họ mua cá thu, cá nục, cá vược. Lần này chú Sen cùng họ đi vào cửa hàng. Chính chú là người hỏi xem cá còn tươi không, yêu cầu làm cá thế này thế kia. Họ mua nhiều cá đến nỗi Eliot cũng phải xách một túi. Sau khi họ đặt túi vào thùng xe chú Sen bảo chú lái, cô Sen đồng tình. Vậy là họ đi ngang qua phố đến một cửa hàng nơi các cửa sổ bán ra ngoài phố vẫn còn mở. Họ mua một gói bánh và ngồi ăn ngoài trời. Cô Sen cho rất nhiều nước sốt Tabasco và hạt tiêu lên những chiếc bánh của mình. “Giống bánh pakora^[24] phải không?” Khuôn mặt cô lộ vẻ xúc động, son trên môi cô nhạt đi và cô cười bất cứ điều gì chú Sen nói.

Phía sau nhà hàng là một bãi tắm nhỏ. Sau khi ăn xong họ đi dạo một lúc dọc theo bờ biển. Gió thổi mạnh đến nỗi họ phải đi ngược lại. Cô Sen chỉ ra bờ nước và nói rằng có những giây phút mỗi ngọn sóng trông như chiếc sari đang phơ trên dây. “Không thể thế được!”, cuối cùng cô kêu lên, cười trong lúc quay trở lại, đôi mắt cô long lanh nước mắt. “Em không thể đi được”. Cô chụp ảnh Eliot và chú Sen đứng trên cát. “Bây giờ thì cô cháu mình”, cô nói, ép Eliot vào chiếc áo khoác kẻ và đưa máy ảnh cho chú Sen. Cuối cùng chiếc máy ảnh được chuyển cho Eliot. “Giữ nó chặt vào!” - chú Sen nói. Eliot nhìn qua lỗ kính nhỏ xíu trên máy ảnh và chờ hai người đứng sát vào nhau hơn nhưng họ không làm vậy. Họ không nắm tay cũng không quang tay qua eo nhau. Cả hai cười miệng vẫn mím, mắt liếc xéo theo gió, chiếc sari đỏ của cô Sen bay bay giống như ngọn lửa bên dưới áo khoác.

Trong xe, ấm áp và do trước đó đã bị gió và bánh làm kiệt sức nên giờ đây họ mê mải chiêm ngưỡng những đụn cát, những con tàu ở phía xa, ngọn hải đăng, bầu trời hồng đào và màu tím. Một lát sau chú Sen phanh xe chậm lại rồi dừng hẳn bên đường.

- Có chuyện gì vậy anh? - cô Sen hỏi.

- Hôm nay em sẽ lái xe về nhà.

- Không, hôm nay thì chưa đâu.

- Hôm nay!

Chú Sen bước ra khỏi xe rồi mở cánh cửa bên chỗ cô Sen ngồi. Một ngọn gió lạnh lẽo thổi vào trong xe cùng tiếng những con sóng đập vào bờ. Cuối cùng cô cũng chuyển sang ghế người lái nhưng cô loay hoay chỉnh lại chiếc sari và kính của mình mãi. Eliot quay lại và nhìn qua kính chiếu hậu. Đường vắng tanh. Cô Sen bật đài lên khiến cả xe tràn ngập âm thanh đàn vĩ cầm.

- Không cần phải bật đài, - chú Sen nói và tắt đi.

- Nó giúp em tập trung, - cô Sen nói rồi lại bật đài lên.

- Nào xi nhan đi! - chú Sen chỉ dẫn.

- Em biết phải làm gì rồi.

Trong khoảng một dặm cô lái xe khá tốt dù rằng chậm hơn nhiều so với những lái xe khác vượt cô. Nhưng khi thị trấn hiện ra và đèn hiệu lơ mờ ở phía xa cô lại lại còn chậm hơn nữa.

- Chuyển làn đi! - chú Sen nói. - Đến chỗ đường vòng em sẽ phải đi ở bên phải.

Cô Sen không chuyển làn.

- Chuyển làn đi, anh bảo em mà! - chú tắt đèn. - Em có nghe anh không đấy?

Một chiếc xe bấm còi, rồi lại một chiếc khác. Cô cũng ngang ngược bấm còi, dừng lại, rồi sau đó chẳng xi nhan gì cả cô lái xe vào vệ đường.

- Em không lái nữa đâu, - cô nói, gục trán xuống vô lăng. - Em ghét nó. Em ghét chuyện lái xe. Em sẽ không tiếp tục nữa đâu.

Sau lần đó cô không tập lái xe nữa. Lần sau khi cửa hàng cá gọi điện tới cô cũng không gọi cho chú Sen. Cô đã quyết định sẽ thử một cái gì mới. Có xe buýt tuyến chạy mỗi giờ một chuyến giữa trường đại học và bãi tắm. Sau trường đại học nó còn dừng thêm hai bến nữa, đầu tiên là nhà dưỡng lão, sau đó là một trung tâm buôn bán không tên có cửa hàng sách, hiệu giày, hiệu thuốc, cửa hàng thú cảnh và cửa hàng ghi băng. Trên những chiếc ghế băng dưới vòm cổng, những người phụ nữ đứng tuổi ở nhà dưỡng lão ngồi thành từng cặp, ăn kẹo bạc hà. Họ mặc áo khoác ngoài dài tới gối với những chiếc cúc áo to quá cỡ.

- Eliot, thế bao giờ mẹ cháu già cháu có cho mẹ cháu vào nhà dưỡng lão không? - cô Sen hỏi cậu lúc họ ngồi trong xe.

- Có thể, nhưng cháu sẽ đến thăm mẹ hàng ngày.

- Bây giờ cháu nói thế, nhưng cháu sẽ thấy, khi cháu đã là một người đàn ông cuộc sống của cháu sẽ khác đi, bây giờ cháu chưa thể biết được.

Cô tính trên đầu ngón tay.

- Cháu sẽ có vợ và con và họ sẽ muốn cùng một lúc được chở đi những nơi khác nhau. Dù họ là người tốt đến đâu thì sẽ có một ngày họ kêu ca về chuyện đi thăm mẹ cháu, và cháu cũng sẽ thấy mệt mỏi với chuyện đó, Eliot ạ. Cháu sẽ bỏ qua một ngày, rồi lại một ngày nữa, và cuối cùng thì bà ấy sẽ phải tự mình lên xe buýt để đi mua một gói kẹo bạc hà.

Ở cửa hàng cá những khoang đựng gần như trống trơn, những ô đựng tôm hùm có những vết máu rỉ sắt trông rõ qua làn nước cũng trống trơn như vậy. Một tấm biển để rằng cửa hàng sẽ nghỉ đông vào cuối tháng. Chỉ có một người thanh niên còn trẻ và cậu ta không nhận ra cô Sen khi đưa cho cô chiếc túi được giữ lại theo tên cô.

- Cá đã được làm và cắt ra chưa? - cô Sen hỏi.

Chàng thanh niên nhún vai. - Ông chủ của tôi về sớm. Ông ấy chỉ nói đưa túi này cho cô.

Ở bến đợi xe cô Sen xem lịch xe buýt. Họ phải chờ bốn năm phút mới có xe và vì vậy họ đi ngang qua con phố để mua bánh ở hiệu lần trước họ mua. Chẳng có chỗ nào để ngồi cả. Những chiếc bàn ngoài trời chẳng còn tác dụng gì nữa, những chiếc ghế được úp chống lên mặt bàn.

Trên đường về một người phụ nữ đứng tuổi quan sát họ, đôi mắt bà ta hết nhìn Eliot lại nhìn cô Sen rồi nhìn chiếc túi có máu giữa chân họ. Bà ta mặc một chiếc áo khoác ngoài màu đen,

trong lòng bà ta đôi tay xương xẩu trắng nhợt giữ một chiếc túi trắng của cửa hiệu thuốc. Những hành khách duy nhất là hai sinh viên, một đôi yêu nhau. Họ mặc những chiếc áo khoác màu rất hợp nhau, ngón tay họ đan vào nhau, thông ra sau ghế. Trong im lặng, cô Sen và Eliot ăn nốt những chiếc bánh cuối cùng. Cô Sen quên giấy ăn và vì vậy những vết bột khô lấm tấm trên mép cô. Khi họ đến nhà dưỡng lão người đàn bà mặc áo choàng đứng dậy, nói gì đó với người lái xe rồi xuống khỏi xe buýt. Người lái xe quay đầu lại chỗ cô Sen và hỏi:

- Cái gì trong túi vậy?

Cô Sen nhìn lên run sợ.

- Cô có nói tiếng Anh không?

Chiếc xe tiếp tục chuyển động, buộc người lái xe phải nhìn cô Sen và Eliot qua chiếc gương chiếu hậu rất to.

- Vâng, tôi có nói tiếng Anh.

- Vậy thì cái gì trong túi vậy?

- Cá, - cô Sen trả lời.

- Cái mùi có vẻ làm phiền những hành khách khác. Cậu bé, chắc cậu phải làm mở cửa sổ chỗ cô ấy hay làm gì đó đi.

Một chiều mấy ngày sau đó điện thoại lại reo. Có mấy con cá bơn rất ngon. Cô Sen có muốn lấy không? Cô gọi điện cho chú Sen nhưng chú không có ở đó. Cô cố gọi lần thứ hai rồi lần thứ ba. Cuối cùng thì cô vào bếp, mang ra con dao của mình, một quả cà cùng mấy tờ giấy báo. Không để bị nhắc nhở Eliot ngồi vào đi vắng xem cô Sen gọt vỏ quả cà. Cô cắt nó thành những miếng dài, mảnh mai, rồi sau đó thành những miếng hình chữ nhật nhỏ, nhỏ nữa, rồi nhỏ như những miếng đường.

- Cô chuẩn bị cho những thứ này vào một món cá hầm rất ngon cùng với cà và chuối xanh, - cô tuyên bố. - Chỉ có điều cô sẽ phải nấu món đó mà không có chuối xanh.

- Chúng ta sẽ đi mua cá không?

- Chúng ta sẽ đi.

- Chú Sen sẽ đón chúng ta chứ?

- Đi giày của cháu vào đi!

Họ rời khỏi căn hộ mà không dọn dẹp cẩn thận. Bên ngoài trời lạnh đến mức Eliot có thể cảm thấy rằng câu đánh vào nhau lập cập. Họ lên xe và cô Sen lái vòng quanh con đường nhánh vài vòng. Mỗi lần cô lại dừng xe ở khu rừng thông nhỏ để xem làn xe trên con đường chính. Eliot nghĩ bây giờ cô xe tập xe trong lúc chờ chú Sen. Nhưng rồi cô xi nhan và quay xe.

Tai nạn xảy ra rất nhanh. Sau khi lái xe đi được khoảng một dặm cô Sen rẽ sang trái trước khi cô cần phải rẽ và dù chiếc xe đang đi ngược chiều cố gắng lượng tránh cô nhưng tiếng còi làm

cô mất bình tĩnh đến mức cô hoàn toàn mất kiểm soát và đâm vào cột điện thoại ở bên kia đường. Một viên cảnh sát xuất hiện yêu cầu cô trình bằng lái nhưng cô không có để trình. “Anh Sen nhà tôi dạy toán ở trường đại học”, đó là tất cả những gì cô có thể giải thích.

Tai nạn nhẹ thôi. Cô Sen hơi bị rách môi một chút, Eliot thì kêu hơi đau xương sườn, còn cái chắn phía trước xe thì cần phải sửa lại. Viên cảnh sát nghĩ rằng cô Sen còn bị chảy máu ở đầu nhưng đó chỉ là đường sơn đỏ. Khi chủ Sen được một đồng nghiệp chở đến, chú nói chuyện khá lâu với viên cảnh sát, điền các giấy tờ. Suốt trên đường họ về nhà chú Sen không nói với cô Sen một lời nào. Lúc họ ra khỏi xe, chú vỗ vỗ lên đầu Eliot:

- Viên cảnh sát bảo cháu gặp may đấy. Rất may mắn là không bị xây xát gì.

Sau khi cởi dép ra và đặt chúng lên giá, cô Sen cất con dao vẫn còn nằm trên sàn rồi vớt cả những mẩu cà đã thái, cả giấy báo vào thùng rác. Cô sắp một đĩa bánh với bơ đặt lên bàn uống nước rồi bật tivi cho Eliot xem.

- Nếu nó vẫn đói thì cho nó ăn que kem trong tủ lạnh, - cô nói với chú Sen đang ngồi bên chiếc bàn phóc mica xem qua đồng thư tín.

- Sau đó cô đi vào phòng ngủ và đóng cửa lại. Khi mẹ Eliot đến đón cậu lúc sáu giờ kém mười lăm, chú Sen kể lại cho bà nghe đầu đuôi sự việc và đưa ra ngân phiếu trả lại tiền tháng Mười Một. Trong lúc ký séc chú thay mặt cô Sen xin lỗi mẹ Eliot. Chú nói cô đang nghỉ dù rằng khi Eliot đi vào phòng tắm cậu nghe thấy tiếng cô khóc. Mẹ cậu hoàn toàn thỏa mãn với sự thu xếp đó, và thật ra, mẹ cậu thổ lộ khi họ lái xe về nhà, bà cảm thấy nhẹ cả người. Đó là buổi chiều cuối cùng Eliot ở cùng với cô Sen hay cùng bất cứ người trông trẻ nào. Từ hôm đó mẹ đưa chìa khóa cho cậu, cậu đeo nó trên cổ. Trong trường hợp khẩn cấp cậu phải gọi hàng xóm còn sau giờ học thì cậu về thẳng ngôi nhà bên bờ biển. Ngày đầu tiên, ngay sau khi cậu vừa cởi áo khoác điện thoại reo. Đó là mẹ cậu gọi điện từ văn phòng về.

- Eliot, giờ đây con đã lớn rồi. Mọi chuyện bình thường chứ? - mẹ cậu hỏi.

Eliot nhìn ra cửa sổ phòng bếp, nhìn những con sóng đang lùi xa bờ và nói rằng mọi chuyện đều bình thường.

NGÔI NHÀ ĐƯỢC BAN PHƯỚC

Họ phát hiện thấy cái đầu tiên trong chiếc tủ bếp bên cạnh chai dấm mạch nha còn mới nguyên.

- Anh đoán xem em tìm thấy cái gì này, - Twinkle bước vào phòng khách xếp từ đầu này đến đầu kia đầy những hộp còn đóng kín, một tay vung vẩy lọ dấm, tay kia giữ bức tượng Chúa Giêsu bằng gốm trắng kích cỡ đúng như lọ dấm.

- Sanjeev ngược nhìn lên. Anh đang quỳ trên sàn nhà, dùng những mẫu giấy xé ra ở cuộn giấy nhỏ đánh dấu nhưng nơi cần sơn lại trên dải gỗ ghép chân tường. - Vứt nó đi!

- Cái nào cơ?

- Cả hai.

- Nhưng em có thể dùng dấm nấu nướng một cái gì đó. Nó còn mới nguyên mà.

- Em chưa bao giờ nấu gì với dấm cả.

- Em sẽ xem một món gì đó. Ở một trong những cuốn sách chúng mình được tặng hồi đám cưới ấy

Sanjeev quay lại với những tấm gỗ ghép chân tường để dán lại một mẫu giấy bị rơi xuống sàn. - Kiểm tra xem còn hạn không và ít nhất thì vứt cái tượng dở hơi ấy đi!

- Nhưng nó có thể có một giá trị nào đây. Ai mà biết được.

Cô dốc ngược bức tượng lên, dùng ngón trỏ gõ gõ vào những nếp gấp nhỏ xíu của chiếc áo choàng. - Nó đẹp đấy chứ.

- Chúng mình không có theo Cơ đốc giáo, - Sanjeev nói. Thời gian gần đây anh bắt đầu phát hiện thấy anh phải nói với Twinkle những điều hết sức hiển nhiên. Hôm qua anh buộc phải bảo cô rằng nếu cô cứ kéo lê cái tủ mà không nâng lên thì sẽ làm xước hết sàn gỗ.

Cô nhún vai. - Không, chúng mình không theo Cơ đốc giáo. Chúng mình theo đạo Hindu.

Cô hôn lên đỉnh đầu Chúa Giêsu rồi đặt bức tượng lên kệ lò sưởi. Sanjeev nhìn thấy bụi lò sưởi đầy bụi, cần phải phủi đi.

Mãi đến tận cuối tuần bụi lò sưởi vẫn chưa được phủi bụi; tuy nhiên nó đã trở thành nơi trưng bày bộ sưu tập khá phong phú những đồ vật của một người theo Cơ đốc giáo. Có một tấm bưu thiếp in hình thánh Francis bằng bốn màu, Twinkle tìm thấy nó dán vào mặt sau của

tủ thuốc; một dây đeo chìa khóa có hình cây thánh giá. Sanjeev đi chân trần dẫm phải chiếc dây đeo chìa khóa đó trong lúc anh đóng thêm giá sách ở phòng làm việc của Twinkle. Một bức tranh lụa hình ba người đàn ông trên nền nhung đen, được gấp vào trong hộp nhỏ bằng vải lanh. Còn có một chiếc đĩa sứ đặt trên đế lót ba chân miêu tả Chúa Giêsu tóc vàng, không có râu đang giảng đạo trên đỉnh núi. Cái đó bị bỏ lại ở ngăn kéo của chiếc tủ liền tường trong phòng ăn.

- Anh có nghĩ những người chủ trước là những người cải đạo theo Cơ đốc giáo không? - ngày hôm sau Twinkle hỏi trong lúc tìm chỗ đặt một vật khum hình cầu bằng nhựa bên trong là cảnh ngày Giáng sinh thu nhỏ với đầu tuyết. Cô tìm thấy vật đó phía sau những đường ống của bồn rửa bát.

Sanjeev đang sắp xếp những bài kiểm tra môn thiết kế từ ngày anh còn học ở MIT^[25] theo thứ tự bảng chữ cái trên giá sách dù rằng đã mấy năm rồi anh chẳng cần phải tham khảo bất cứ bài nào. Sau khi tốt nghiệp, anh chuyển từ Boston đến Connecticut để làm việc cho một hàng gần Hartford, và cách đây chưa lâu anh biết rằng anh đang được đề cử vào chức vụ phó giám đốc. Ở vào tuổi ba mươi ba anh đã có thư kí riêng, một ta người làm việc dưới quyền, những người luôn vui vẻ cung cấp cho anh bất cứ thông tin nào anh cần. Nhưng dù vậy, sự có mặt của những cuốn sách từ hồi còn là sinh viên trong căn phòng cũng gọi cho anh về một khoảng thời gian mà anh luôn nhớ lại với sự ngọt ngào. Ngày đó, chiều chiều anh thường đi ngang qua suối cây cầu trên đại lộ Massachusetts để đặt món gà nấu với rau bina trong nhà hàng Ấn Độ yêu thích phía bên kia con đường Charles, và sau đó quay trở về căn phòng tập thể của mình để chép lại những bài giảng.

- Hay có lẽ đó là một cố gắng để thay đổi con người, Twinkle dăm chiêu.

- Rõ ràng là trong trường hợp của em thì kế hoạch đã thành công.

Cô không để ý gì đến anh, lắc lắc vật khum hình cầu và những bông tuyết giả rơi xuống chiếc máng.

Anh xem xét những thứ trên bệ lò sưởi. Anh thấy thắc mắc là mỗi vật trông đều thật ngu xuẩn theo cách riêng của nó. Rõ ràng chúng chẳng hề mang tính thiêng liêng tí nào. Anh còn cảm thấy thắc mắc hơn là Twinkle, người thường có khiếu thẩm mỹ khá tinh tế lại bị những thứ này mê hoặc. Những đồ vật này có một ý nghĩa nào đó đối với Twinkle nhưng lại hoàn toàn vô nghĩa đối với anh. Chúng khiến anh bức bối.

- Tụi mình phải gọi điện cho người môi giới bán nhà. Nói với anh ta rằng ở đây người ta để lại những cái của dờ hơi này. Bảo anh ta mang hết đi!

- Ôi! Anh! - Twinkle rên lên. - Em xin anh. Em sẽ cảm thấy khổ sở vô cùng nếu vứt chúng đi. Rõ ràng là chúng quan trọng đối với những người trước kia sống ở đây. Sẽ là...em không biết... báng bổ thần thánh hay một cái gì đó.

- Nếu chúng quý giá đến thế thì tại sao người ta lại giấu chúng khắp nhà? Tại sao họ không mang chúng theo?

- Chắc phải còn nữa, - Twinkle nói. Đôi mắt cô lướt qua những bức tường quét vôi trắng của căn phòng như thể có những thứ ẩn mình sau lớp vôi nữa. - Anh nghĩ chúng mình sẽ còn tìm thấy gì nữa?

Nhưng trong khi họ dỡ các hộp đồ, treo quần áo màu đông và bức tranh lụa vẽ những đoàn

voi mà họ mua khi đi nghỉ tuần trăng mật ở Jaipur, Twinkle rất ngạc nhiên thấy chẳng tìm thêm được gì nữa. Gần một tuần trôi qua cho đến chiều thứ Bảy họ lại tìm thấy bức tranh màu nước khổ lớn vẽ hình Chúa Giêsu lớn hơn kích cỡ thật đang lau những giọt nước mắt trong veo, to như củ lạc và chung một vương miện những vòng gai. Bức tranh được cuộn lại, đặt phía sau lò sưởi trong phòng ngủ dành cho khách. Đầu tiên Sanjeev nhầm đó là mảnh mảnh cửa sổ.

- Ôi! Chúng mình nhất định, chúng mình nhất định phải treo nó lên. Đẹp quá!

Twinkle chậm điều thuốc và bắt đầu hút vể thích thú, tay vung vung bức tranh xung quanh đầu Sanjeev như thể đó là gậy của người điều khiển dàn nhạc trong lúc từ dàn âm thanh dưới tầng bản giao hưởng số Năm của Mahler[26] vang lên.

- Nghe đây! Anh sẽ chịu đựng, tạm thời là bây giờ, những thứ nho nhỏ của em dưới phóng khách. Nhưng anh không chấp nhận cái này trong nhà mình, - anh nói, búng nhẹ vào một trong những giọt nước mắt củ lạc trong tranh.

Twinkle nhìn anh chăm chăm, bốc hỏa lên một cách bình tĩnh, khói thoát ra thành dòng từ hai mũi. Cô chậm chạp cuộn bức tranh lại, buộc nó bằng một băng chun cô luôn đeo ở cổ tay để buộc mớ tóc dày bướng bỉnh, đôi chỗ có những món được nhuộm lá móng.

- Em sẽ treo nó trong phòng làm việc của em để anh không phải nhìn thấy nó, - cô thông báo.

- Thế còn hôm ăn mừng nhà thì sao? Mọi người sẽ muốn xem tất cả các phòng. Anh mời mọi người trong phòng anh rồi.

Cô tròn mắt. Sanjeev để ý thấy bản giao hưởng giờ đây đang mạnh dần lên vì anh nghe thấy những âm thanh loảng xoảng của chũm chọe.

- Em sẽ treo nó sau cánh cửa vậy, - cô đề nghị. - Lám sao mà đề khi ngó vào thì họ sẽ không nhìn thấy nó. Anh hài lòng chứ?

Anh nhìn theo cô rời căn phòng cùng bức ảnh và điều thuốc của mình; một chút tàn thuốc rơi xuống sàn chỗ cô đứng. Anh cúi xuống, nhúm chỗ tàn thuốc rồi đặt vào lòng bàn tay. Hồi thứ tư diu dằng bắt đầu. Lúc ăn sáng Sanjeev đọc phần chú thích rằng Mahler cầu hôn vợ mình bằng cách gửi cho vị hôn thê bản thảo phần này của bản nhạc. Mặc dầu trong bản giao hưởng số Năm có những đoạn về bị kịch và đau tranh, anh đọc thấy như vậy, đó vẫn chủ yếu là âm nhạc của tình yêu và hạnh phúc.

Anh nghe thấy tiếng giạt nước trong toilet.

- Tiện thể, - Twinkle hét ra, - nếu anh muốn gây ấn tượng với mọi người thì không nên bật loại nhạc này. Nó làm em phát buồn ngủ.

Sanjeev vào phòng tắm để vứt chỗ tàn thuốc. Cái đầu mẩu thuốc lá vẫn còn nổi lênh đênh trong nước thì mới đang chảy tiếp vào bồn bên trên vì vậy anh phải chờ một lát cho tới khi có thể giạt nước một lần nữa. Trong tắm gương ở tủ thuốc anh nhìn thấy hàng mi dài của mình - giống như hàng mi con gái, Twinkle vẫn hay trêu anh như vậy. Dù rằng tầm vóc của anh vào hạng trung bình nhưng má anh lại mồm mĩm; chính điều này với hàng lông mi làm giảm đi, anh sợ vậy, cái mà anh hy vọng là một nét nổi bật khi nhìn nghiêng. Chiều cao của anh chỉ trung bình và suốt từ khi ngừng lớn anh không khi nào thôi ao ước cao thêm một chút nữa. Vì vậy anh rất bức bối khi Twinkle khẳng khẳng đòi đi giày cao gót. Một tối, khi họ đi ăn ở

Manhattan, cô đã làm vậy. Đó là kỳ nghỉ cuối tuần đầu tiên sau khi họ chuyển đến ngôi nhà này; đến lúc đó thì bệ lò sưởi đã đầy ắp mọi thứ và trên đường đi, trong xe ô tô họ cãi nhau tí chút về chuyện đó. Nhưng rồi sau đó Twinkle uống bốn cốc uryt ki trong một quán rượu không tên ở Alphabet City và quên hết mọi chuyện. Cô kéo anh vào một hiệu sách ở St. Mark's Place. Cô mò mẫm trong hiệu sách gần một tiếng đồng hồ và khi họ ra khỏi đó cô khẳng khẳng đòi cùng anh nhảy điệu tăng-gô ngay trên hè phố, trước mặt những người xa lạ.

Sau đó, cô vừa đi loạng choạng bám vào tay anh, bóng cô hơi cao hơn anh một chút trong đôi giày da vằn vện theo kiểu hình da báo cao tới bảy phân. Cứ như vậy họ đi bộ qua những khu nhà dài vô tận đến bãi đậu xe ở Quảng trường Washington vì Sanjeev đã nghe quá nhiều chuyện về những điều kinh khủng xảy ra với xe cộ ở Manhattan.

- Nhưng cả ngày em chẳng làm gì ngoài việc ngồi sau bàn, - cô cáu kỉnh khi họ lái xe về nhà và anh nói xa nói gần rằng đôi giày của cô trông có vẻ không thuận lợi, rồi nhắc nhở có lẽ cô không nên đi đôi giày đó.

- Chắc chắn là trong lúc đánh máy thì em không thể đi giày cao gót được rồi.

Dù không cãi nhau nữa nhưng anh biết chắc chắn rằng không phải là cô ngồi cả ngày sau bàn làm việc; ngay chiều đó thôi, khi chạy về, anh thấy cô nằm trên giường đọc sách một cách rất vô lý. Khi anh hỏi cô tại sao cô lại nằm giữa ban ngày thế này, cô bảo cô thấy chán. Khi đó anh muốn nói với cô là em đã có thể mở mấy chiếc hộp, em có thể quét dọn căn phòng áp mái, em đã có thể sơn lại bệ cửa sổ trong phòng tắm, và sau khi sơn xong thì em có thể nói với anh để anh không đặt đồng hồ lên đó. Cô chẳng quan tâm đến những chuyện đó, những chuyện vặt vãnh chưa được làm xong này. Cô dường như hài lòng với bất cứ thứ quần áo nào cô nhìn thấy ở ngay cửa tủ, với bất kỳ cuốn tạp chí nào nằm quanh đó, với bất cứ bài hát nào trên đài - đài lòng nhưng vẫn tò mò. Và bây giờ tất cả sự tò mò của cô tập trung vào việc khám phá kho báu tiếp theo.

Mấy ngày sau, khi từ văn phòng về, anh thấy Twinkle đang cầm điện thoại, hút thuốc và nói chuyện với một trong số các cô bạn gái ở California dù rằng khi đó chưa đến năm giờ và giá cước đường dài đang là lúc đắt nhất.

- Những con người siêu mộ đạo, - cô nói, thỉnh thoảng lại dừng lại để thở. - Mỗi ngày lại như một cuộc săn lùng kho báu. Mình nghiêm túc đấy. Cái này thì cậu sẽ không tin đâu. Bảng điện trong các phòng ngủ được trang trí bằng những cảnh từ Kinh Thánh. Cậu biết không, còn thuyền Noe và các kiểu như vậy. Ba phòng ngủ, nhưng một phòng bây giờ là phòng làm việc của mình. Anh Sanjeev đi ngay đến cửa hàng đồ gia dụng và thay hết, cậu có tưởng tượng được không, anh ấy thay hết mọi cái.

Bây giờ thì đến lượt cô bạn nói. Twinkle gật đầu, ngồi dài trên nền nhà trước tủ lạnh trong chiếc quần đen bó và áo len vàng có dây viền, đang dò dẫm tìm chiếc bật lửa của mình. Sanjeev có thể ngửi thấy mùi gì đó thơm trên bếp và anh thận trọng đi ngang qua đồng dây điện thoại quá dài rồi tung trên nền gạch lát bằng đất nung. Anh mở vung chiếc nồi đựng một thứ nước sốt màu nâu đang trào ra ngoài, sôi sùng sục.

- Đó là món cá ninh. Em cho dấm vào đấy, - cô quay sang bảo anh, ngắt lời cô bạn, đặt ngón tay lên môi. - Mình xin lỗi, cậu đang nói gì nhỉ?

Cô vẫn như vậy, hồi hộp và thích thú vì những thứ vặt vãnh, đưa ngón tay lên môi trước mỗi sự kiện bất ngờ nho nhỏ, như khỉ thử mùi vị kem mới, hay bỏ lá thứ vào thùng. Đó là điều anh không thể hiểu nổi. Nó làm anh cảm thấy mình ngốc nghếch, như thể thế giới này có những

điều kì diệu nhỏ nhỏ mà anh không thể dự đoán hay nhìn thấy. Anh nhìn khuôn mặt cô. Đối với anh khuôn mặt đó còn giữ nguyên những đường nét thiếu nữ, đôi mắt trong veo, những đường nét dễ thương chưa định hình hẳn, cứ như thế về lâu dài chúng sẽ còn phải được sắp xếp theo một cách nào khác. Tên gọi âu yếm của cô là theo vần của một nhà trẻ, và tận bây giờ cô vẫn chưa lột ra khỏi cái vỏ trẻ con. Giờ đây, khi họ đã là vợ chồng được hai tháng, có những điều làm anh bức bối, - cái cách cô hơi bắn nước bọt ra lúc nói, cách cô vút đồ lót ngay chân giường chứ không cho vào làn mây đựng đồ giặt khi cô cởi ra lúc đi ngủ.

Họ gặp nhau mới chỉ bốn tháng trước đây. Cha mẹ cô, những người sống ở California và cha mẹ anh, những người vẫn còn sống ở Calcutta là bạn bè lâu năm. Xuyên qua đại dương họ đã tổ chức một dịp để Twinkle và Sanjeev được giới thiệu với nhau. Hôm đó là kỷ niệm sinh nhật lần thứ mười sáu của một cô gái trong họ. Sanjeev đang đi công tác ở Palo Alto. Trong nhà hàng, mọi người xếp họ ngồi cạnh bên nhau bên chiếc bàn tròn với một chiếc đĩa quay sườn lợn và trứng luộc rán nguyên quả và cánh gà, những thứ mà họ đồng tình cho rằng mùi vị khi ăn hoàn toàn giống nhau. Họ cũng đồng tình nhất trí với nhau về tình yêu từ thời thiếu niên nhưng bền vững đối với những tiểu thuyết của Wodehouse, về sự ác cảm đối với đàn sita. Về sau Twinkle thú nhận rằng cô bị quyến rũ bởi cách Sanjeev luôn rót thêm chè vào chén cho cô một cách đầy trách nhiệm trong lúc họ chuyện trò.

Và vậy là những cú điện thoại bắt đầu, rồi chúng kéo dài hơn, rồi sau đó là những cuộc viếng thăm, đầu tiên anh đến Stanford, sau đó cô đến Connecticut. Sau chuyến viếng thăm đó Sanjeev giữ gìn trong chiếc gạt tàn bị bỏ lại ngoài ban công những đầu mẩu thuốc lá cô hút hồi cuối tuần mãi cho đến chuyến thăm sau của cô. Và rồi khi đó anh hút bụi căn hộ, giặt ga trải giường, thậm chí còn phủi bụi những chiếc lá vì cô. Cô hai bảy tuổi và bị bỏ rơi cách đây chưa lâu, anh biết như vậy. Bạn trai của cô là một anh chàng người Mỹ, một anh chàng cố gắng nhưng không trở thành diễn viên; Sanjeev đang cô đơn, với một thu nhập khá là thừa thãi đối với một người đàn ông độc thân. Và chưa yêu bao giờ. Dưới sự giục giã của những người mai mối, họ tổ chức đám cưới ở Ấn Độ, giữa hàng trăm những người chúc tụng mà anh hầu như không nhớ gì từ thời thơ ấu của mình, trong cái mưa tháng Tám liên miên, trong một chiếc lều đỏ và vàng treo những bóng đèn như ở cây thông Nôen trên đường Mandeville.

- Em đã dọn gian phòng áp mái chưa? - anh hỏi Twinkle trong lúc cô gấp những tờ giấy ăn đặt vào đĩa. Căn phòng áp mái là nơi duy nhất trong ngôi nhà họ chưa hề dọn dẹp tí nào.

- Em vẫn chưa. Em sẽ, em hứa đấy. Em hy vọng món này sẽ ngon, - cô vừa nói vừa đặt nồi thức ăn đang bốc hơi nghi ngút lên chiếc giá ba chân có hình Chúa Giêsu. Trên bàn là chiếc bánh mì Ý đựng trong túi nhỏ, ít rau diếp, cà rốt nạo nhỏ trộn với gia vị đóng lọ, bánh mì nướng dùng với xúp và những cốc vang đỏ. Cô không có nhiều tham vọng về chuyện nội trợ. Cô mua gà quay trong siêu thị và ăn cùng với xalát khoai tây làm sẵn đựng trong những túi nhựa nhỏ (chỉ có trời mới biết được làm từ khi nào). Cô kêu ca đồ ăn Ấn Độ chán; cô ghét cay ghét đắng việc đập tỏi, gọt vỏ gừng và cô không thể sử dụng được chiếc máy cắt, trộn. Và vậy là vào những ngày cuối tuần, chính Sanjeev phải cho dầu mù tạt, những thanh quế và tỏi vào nồi để nấu một cari tử tế.

Anh phải công nhận, dù gì đi nữa thì hôm nay cô cũng nấu ăn. Món ăn có mùi vị khác thường, thậm chí hấp dẫn nữa, những miếng cá màu sáng, những hạt mùi tây, cà chua tươi lấp lánh trong món nước màu đỏ đậm.

- Em nấu món này như thế nào?

- Em tự nghĩ ra.

- Thế em làm gì?

- Em cho mấy thứ vào nồi rồi cuối cùng em cho món dấm mạch nha vào.

- Bao nhiêu dấm?

Cô nhún vai, bẻ một ít bánh mì và quăng nó vào chiếc bát của mình.

- Em bảo em không biết nghĩa là thế nào? Em phải viết lại chứ. Em sẽ làm gì nếu em muốn nấu món này lần nữa cho một buổi tiệc hay gì đó?

- Em sẽ nhớ, - cô nói. Cô che chiếc làn đựng bánh mì bằng một khăn che thức ăn mà anh bỗng dưng nhận thấy in Mười điều răn trên đó. Cô cười với anh, hơi kẹp đầu gối anh dưới gầm bàn. - Anh nhìn này! Ngôi nhà này được ban phước đấy.

Tiệc ăn mừng nhà mới được định vào ngày thứ bảy cuối cùng của tháng Mười. Tất cả đều là người quen của Sanjeev, những người làm ở văn phòng, thêm một số cặp người Ấn Độ trong vùng Connecticut mà nhiều người trong số họ anh chỉ hơi quen, nhưng trong những ngày khi anh còn là một anh chàng độc thân họ vẫn hay mời anh đến nhà ăn tối vào thứ Bảy. Anh thường tự hỏi không biết tại sao họ lại cho anh vào giới của họ. Anh chẳng có gì chung lắm với bất kì ai trong số đó, nhưng anh vẫn thường tham gia những buổi tụ tập đó để làm món đậu xanh có nhiều gia vị và cô lét tôm, chuyện vãn rồi bàn luận về chính trị vì chẳng mấy khi anh có những kế hoạch khác. Cho đến tận bây giờ vẫn chưa có ai gặp Twinkle cả. Ngày họ còn đang hẹn hò thì Sanjeev không muốn lãng phí những ngày nghỉ cuối tuần ngắn ngủi với những người anh giao du khi còn là một anh chàng độc thân. Còn Twinkle thì ở khắp bang Connecticut chẳng quen ai ngoài Sanjeev và anh bạn trai cũ mà cô tin là đã từng làm việc ở một xưởng gốm tại Brookfield. Cô đang hoàn thành luận án thạc sĩ ở Stanford, bản luận án về một nhà thơ Ailen mà Sanjeev chưa từng nghe nói đến bao giờ.

Trước khi về Ấn Độ tổ chức đám cưới, Sanjeev đã tự mình tìm ra ngôi nhà này với một giá khá hời, ở một nơi có hệ thống trường học tốt. Ngôi nhà gây cho anh ấn tượng tốt với cầu thang uốn cong trông rất trang nhã, hàng lan cán bằng sắt, ván ốp chân tường màu tối, một nhà tắm nắng nhìn ra những bụi đỗ quyên và tấm biển nhà ghi số 22 (tình cờ lại là ngày sinh của anh) gắn một cách ấn tượng ở mặt chính ngôi nhà bắt chước kiểu Tudor. Có hai lò sưởi, một gara chứa đủ hai xe ô tô và một phòng áp mái rất phù hợp cho việc biến thành phòng ngủ cho khách khi cần thiết, người của công ty bán nhà gợi ý như vậy. Khi đó Sanjeev đã quyết định anh và Twinkle sẽ cùng nhau sống ở đó, mãi mãi, và vì vậy anh không bận tâm đến những nhân dích lấy tích từ Kinh thánh trên bảng công tắc điện hay hình ảnh một Trinh nữ trong một nửa vỏ sò, như Twinkle thích gọi vậy, vẽ trên giấy can và dán ở cửa sổ phòng ngủ chính. Sau khi chuyển đến ngôi nhà, khi anh cố gắng bóc tấm tranh đó ra anh đã làm xước kính.

Ngày nghỉ cuối tuần trước hôm ăn mừng nhà mới, trong lúc họ đang dọn dẹp bãi cỏ anh chợt nghe tiếng hét của Twinkle. Anh chạy vội đến chỗ cô, tay nắm chặt chiếc cào, lo lắng sợ cô nhìn thấy một con vật chết hay một con rắn. Làn gió nhẹ tháng Mười làm đôi tai anh buốt lạnh. Đôi giày thể thao lạo xạo trên đám lá khô nâu vàng. Khi anh chạy đến chỗ cô, cô đã ngồi xuống cỏ tan ra trong cơn cười gần như không thành tiếng. Phía đằng sau bụi cây đầu xuân mọc cao là

bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh Maria cao tới thắt lưng họ với tấm khăn choàng xanh quấn quanh đầu như các cô dâu Ấn Độ hay làm. Twinkle túm lấy vạt áo và bắt đầu lau chỗ bẩn trên lồng mày bức tượng.

- Anh cho rằng em muốn đặt bức tượng ở chân giường chúng mình, - Sanjeev nói.

Cô nhìn anh kinh ngạc. Bụng cô lộ ra và anh nhìn thấy xung quanh rốn cô có những gai ốc nổi lên.

- Anh nghĩ gì vậy? Tất nhiên chúng mình không thể đặt bức tượng này vào phòng ngủ được.

- Chẳng nhẽ không được à?

- Không, anh Sanjeev ngốc nghếch ạ. Cái này là để đặt ở bên ngoài. Ở bãi cỏ.

- Không! Lạy thánh Ala! Không! Không được đâu em!

- Nhưng chúng mình phải đặt. Nếu không làm như vậy thì sẽ là một điểm xấu.

- Nếu thế tất cả những người hàng xóm sẽ nhìn thấy. Họ sẽ nghĩ chúng mình điên rồi.

- Vì sao, vì có một bức tường Đức Mẹ Đồng trinh Maria trong vườn ư? Tất cả mọi người trong khu này đều có một bức tượng Đức Mẹ trong vườn. Chúng mình cũng sẽ có như vậy.

- Nhưng chúng mình không theo Cơ đốc giáo.

- Anh vẫn nhắc em như vậy.

Cô nhổ nước bọt lên đầu ngón tay rồi bắt đầu lau chùi rất mạnh vết bẩn bướng bỉnh trên cằm bức tượng.

- Theo anh cái này là cái gì, vết bẩn hay một loại nấm?

Anh chẳng biết làm gì với cô, với người đàn bà mà anh chỉ mới biết có bốn tháng và là người anh đã cưới làm vợ. Giờ đây anh đang chia sẻ cuộc sống của mình với người đàn bà này. Với một chút nuối tiếc anh nghĩ về bức ảnh mẹ vẫn gửi cho anh từ Calcutta chụp những cô dâu anh có thể lựa chọn, những người biết hát múa, may vá và thêm gia vị vào món đậu lăng mà không cần phải xem sách dạy nấu ăn. Sanjeev đã cân nhắc những người phụ nữ này, thậm chí đã sắp xếp họ theo thứ tự anh ưa thích nhưng rồi sau đó anh gặp Twinkle.

- Em! Anh không thể để những người làm cùng văn phòng nhìn thấy bức tượng này trong bãi cỏ nhà mình.

- Họ không thể đuổi việc anh với lý do anh là người ngoại đạo. Đó sẽ là một sự phân biệt đối xử.

- Không phải như thế.

- Thế tại sao anh lại quan tâm nhiều đến chuyện mọi người nghĩ gì?

- Em! Anh xin em!

Anh cảm thấy mệt mỏi. Anh dựa người lên chiếc cào nghỉ ngơi trong lúc cô bắt đầu kéo bức tượng về chỗ những cây mía cô xếp thành tấm đệm hình ôvan, cạnh cột đèn bên con đường gạch.

- Anh! Anh nhìn này! Trông đẹp quá!

Anh quay trở lại chỗ đồng lá của mình và bắt đầu bốc từng nắm đầy bỏ vào chiếc túi nhựa đựng rác. Trên đầu anh, bầu trời xanh ngắt không một gợn mây. Trên bãi cỏ con lại một chiếc cây vẫn đầy lá, những chiếc lá đỏ và vàng, giống như màu căn lều mà trong đó anh đã cười Twinkle.

Anh không biết anh có yêu cô không. Anh nói anh yêu cô khi lần đầu tiên, một buổi sáng ở Palo Alto cô hỏi anh câu đó. Lúc đó họ ngồi bên nhau trong rạp chiếu phim tối ồm và gần như vắng tanh. Trước khi bộ phim bắt đầu, một trong những bộ phim yêu thích của cô về một cái gì đó ở Đức mà anh thấy là rất buồn, cô đã ấn đầu mũi cô vào đầu mũi anh gần đến nỗi anh có thể cảm nhận thấy sự run rẩy của hàng mi được phủ một lớp trang điểm. Buổi sáng hôm đó anh đã trả lời, phải, anh yêu cô, và cô rất vui. Cô đưa một hạt bỏng ngô vào miệng anh, giữ ngón tay một thoáng giữa đôi môi anh, như thể đó là phần thưởng cho anh vì câu trả lời đúng.

Dù cô chẳng tự nói ra điều đó nhưng anh cho rằng cô cũng yêu anh, nhưng bây giờ thì anh không dám chắc nữa. Thực sự, Sanjeev không biết tình yêu là cái gì, chỉ có điều đó không phải là cái anh nghĩ. Anh biết chắc đó cũng không phải là tối trở về căn hộ trái thảm trống không, dùng mỗi chiếc đĩa to nhất trong ngăn kéo; hay bỏ đi một cách lịch sự ở những bữa tối cuối tuần khi những người đàn ông khác đặt tay lên eo vợ hay bạn gái, thỉnh thoảng lại cúi xuống hôn cổ hay vai họ. Đó cũng không phải là đặt mua những đĩa nhạc cổ điển qua bưu điện trong khi cẩn thận xem những nhà soạn nhạc lớn trong cuốn catalo giới thiệu rồi sau đó luôn gửi phiếu thanh toán tiền đúng hạn. Hàng tháng trước khi gặp Twinkle, Sanjeev bắt đầu nhận thấy điều này. "Tiền của con trong nhà bằng đủ để nuôi ba gia đình đấy", mẹ anh nhắc vậy mỗi khi họ nói chuyện với nhau vào đầu tháng. "Con cần một người vợ để chăm sóc và yêu thương". Giờ đây anh đã có một cô vợ, một cô vợ xinh đẹp, từ một đẳng cấp cao thích hợp với anh, và chẳng bao lâu nữa cô sẽ có bằng thạc sỹ. Vậy có gì mà không yêu?

Tối hôm đó Sanjeev rót cho mình một cốc gin và tonic, uống hết cốc đó rồi lại uống hết gần một cốc khác trong khi xem một đoạn thời sự. Sau đó anh đến bên Twinkle đang ngâm mình trong bồn vì cô nói rằng việc dọn dẹp bãi cỏ - điều trước kia cô chưa từng làm bao giờ - khiến người cô đau ê ẩm. Anh không gõ cửa. Trên mặt cô là lớp mặt nạ màu xanh nhạt. Cô đang hút thuốc, nhắm nháp rượu ứt ki ngô với đá và lướt qua một cuốn sách giải trí dày mà những trang của nó giờ đã bị hơi nước làm cho cong queo và có màu nâu. Anh nhìn vào trang bìa. Dòng chữ duy nhất trên đó là "Thơ trữ tình" in màu đỏ thẫm. Anh hít vào và rồi khi đó, rất bình tĩnh anh thông báo cho cô rằng sau khi uống xong thì anh định đi giày để ra ngoài mang bức tượng ra khỏi vườn trước.

- Anh định để nó ở đâu? - đôi mắt vẫn nhắm, cô mơ màng hỏi anh. Một chân cô duỗi dài, hiện lên rất đẹp từ bên dưới những lớp bọt. Cô giữ chân cứng lại và duỗi thẳng các ngón.

- Bây giờ thì anh định để nó vào gara. Rồi sáng mai, khi đi làm anh sẽ vớt nó ra bãi rác.

- Anh đừng có mà làm như thế!

Cô đứng dậy, để mặc cho cuốn sách rơi xuống bồn nước, những bọt bong bóng chảy dọc xuống theo đuôi cô.

- Em ghét anh! - cô thông báo, mắt nheo lại ở từ “ghét”.

Cô vớ lấy chiếc áo choàng dùng khi tắm, buộc chặt dây thắt lưng rồi đi chân trần chạy xuống theo cầu thang đầy gió, để lại những vết chân dẫm nước trên sàn gỗ. khi cô ra đến phòng ngoài, Sanjeev hỏi:

- Chẳng nhẽ em định bỏ nhà đi như thế này ư?

Anh cảm thấy thái dương mình giật mạnh và trong giọng nói có tiếng cầu nhàu xa lạ đối với anh.

- Ai thèm quan tâm? Ai thèm quan tâm em bỏ nhà đi theo cách nào?

- Em định đi đâu vào giờ này?

- Anh không thể vứt bức tượng đi được! Em sẽ không để cho anh vứt nó đi!

Tấm mặt nạ của cô, giờ đây đã khô, chuyển thành màu tro và nước từ tóc cô nhỏ xuống những đường viền trên khuôn mặt đóng bánh.

- Anh có thể làm thế. Anh sẽ làm.

- Không! - Twinkle nói, giọng cô bất chợt nhỏ đi. - Đây là nhà chúng mình. Chúng mình cùng sở hữu nó. Bức tượng là một phần tài sản của chúng mình.

Cô bắt đầu run. Một vũng nước nhỏ tụ lại quanh mắt cá chân cô. Anh đóng cửa sổ vì sợ rằng cô có thể bị cảm lạnh. Khi đó anh nhận thấy một ít nước chảy xuống khuôn mặt xanh cứng của cô là nước mắt.

- Lạy Trời, Twinkle! Anh xin em! Anh không có ý đó.

Anh chưa bao giờ thấy cô khóc và chưa bao giờ nhìn thấy sự buồn rầu đến thế trong đôi mắt cô. Cô không quay đi cũng không cố nén dòng nước mắt; thay vào đó trông cô bình thản kì lạ. Trong giây lát, cô nhắm mắt lại, xanh xao và yếu ớt so với tấm mặt nạ màu xanh đóng khung phần còn lại của khuôn mặt. Sanjeev cảm thấy mệt mỏi như thể anh ăn quá nhiều hay quá ít.

Cô đi đến bên anh, vòng đôi tay đã lau nhưng vẫn còn ấm quanh cổ anh. Cô vùi mặt vào ngực anh khóc sụt sùi làm chiếc áo bị ướt.

Cuối cùng thì họ đi đến một thỏa hiệp: bức tượng sẽ được đặt ở hốc tường phía hông nhà để những ai đi ngang qua không nhìn rõ nhưng tất cả những ai đến nhà thì sẽ thấy.

Thực đơn cho bữa tiệc rất đơn giản: một thùng rượu sâm banh và bánh gối đặt tại một nhà hàng ở Hartford, những khay to đựng cơm nấu cùng gà, quả hạnh và vỏ cam. Sanjeev đã mất

phần lớn thời gian buổi sáng và cả buổi chiều chuẩn bị cho một buổi tiệc đông người đến như vậy và anh lo lắng sợ không đủ đồ uống. Cuối cùng anh chạy đi mua thêm một thùng rượu nữa phòng khi cần đến. Kết quả là anh làm cháy một khay cơm và phải làm lại từ đầu. Twinkle quét sàn và xung phong đi lấy bánh gối; cô có buổi hẹn sửa móng tay ở hướng đó, đằng nào thì cũng phải đi. Sanjeev định hỏi xem cô có định dọn các thứ linh tinh xuống khỏi bệ lò sưởi, dù chỉ là trong bữa tiệc hôm nay, nhưng cô đã đi khi anh còn đang trong nhà tắm. Cô đi suốt ba tiếng đồng hồ nên Sanjeev là người phải kết thúc phần việc dọn dẹp còn lại. Vào lúc năm rưỡi cả ngôi nhà lung linh với những cây nến thơm Twinkle mua ở Hartford rọi sáng những vật bên lò sưởi, những cây hương mảnh khảnh được cắm vào những bình cây cảnh. Mỗi lần đi ngang qua bệ lò sưởi Sanjeev lại nhăn mặt, sợ những đôi lông mày nhướng lên của khách khứa khi họ xem xét những vị thành bằng sứ, bình trộn muối và ớt được làm theo hình Đức Mẹ Maria và Chúa Giê su. Dù sao, anh hy vọng trong lúc họ uống rượu sâm banh và chấm bánh gối với tương ớt, những ô cửa sổ lồi đáng yêu, sàn nhà bằng gỗ bóng loáng, cầu thang uốn lượn và ván ốp chân tường sẽ gây ấn tượng với họ.

Douglas, một chuyên viên mới của công ty cùng cô bạn gái Nora là những người đầu tiên. Cả hai đều cao, tóc vàng, đeo kính gọng thường trông khá hợp với khuôn mặt và mặc áo choàng dài màu đen. Nora đội một chiếc mũ đen cắm đầy những chiếc lông của khuôn mặt. Tay trái cô nằm trong tay Douglas còn tay phải cầm chai rượu cô nhắc với một chiếc nơ đỏ quấn quanh cổ chai. Cô đưa chai rượu cho Twinkle.

- Bãi cỏ tuyệt quá, Sanjeev, - Douglas nhận xét. - Tụi mình cũng phải tự dọn dẹp bãi cỏ nhà mình thôi, phải không, em yêu? Và đây chắc là...

- Vợ mình. Tanima.

- Cứ gọi tôi là Twinkle[27].

- Cái tên mới đặc biệt làm sao, - Nora nhận xét.

Twinkle nhún vai: - Không hẳn. Có một nữ nghệ sĩ ở Bombay tên là Dimple Kapadia[28]. Cô ấy thậm chí còn có một người em gái tên là Simple[29].

Douglas và Nora cùng nhướn mày, chậm rãi gãi đầu, như thể chuyện ngớ ngẩn với những cái tên như thế là được giải quyết xong.

- Rất vui mừng được gặp cô, Twinkle.

- Các bạn uống sâm banh đi! Bọn mình có hàng thùng.

- Mình hy vọng các bạn sẽ không bận lòng vì câu hỏi của mình nhưng mình để ý thấy có một bức tượng ở ngoài kia, và chắc các bạn theo Cơ đốc giáo? Mình cứ nghĩ các bạn là người Ấn Độ.

- Ở Ấn Độ cũng có người theo Cơ đốc giáo, nhưng tụi mình thì không, - Sanjeev trả lời.

- Mình rất thích bộ quần áo của cậu, - Nora nói với Twinkle.

- Còn mình thì thích mê chiếc mũ của cậu. Cậu có đi xem quanh nhà không?

- Chuông reo, reo rồi lại reo. Chỉ trong vòng mấy phút, ngôi nhà dường như đầy ắp người, câu chuyện và những mùi hương lạ. Phụ nữ đi giày cao gót và tất mỏng, váy ngắn đen bằng vải

hiều và the. Họ đưa khăn choàng, áo khoác cho Sanjeev và anh cẩn thận treo lên mắc trong chiếc tủ áo rất rộng, dù Twinkle bảo mọi người cứ quẳng đồ trên ghế dài trong nhà tắm nắng. Một vài người phụ nữ Ấn Độ mặc những bộ sari đẹp nhất của họ làm bằng những mảnh vải màu sắc sỡ gấp thành những nếp duyên dáng vắt qua vai. Những người đàn ông mặc áo vét, đeo cà vạt và sức nước thơm có mùi hương cam. Trong khi mọi người nối nhau đi từ phòng này sang phòng khác, những món quà chất đống trên chiếc bàn dài làm bằng gỗ anh đào chạy từ đầu này sang đầu kia căn phòng bên dưới chân cầu thang.

Sanjeev cảm thấy khó hiểu rằng họ phải quan tâm đến anh, đến ngôi nhà và vợ anh đến vậy. Lần duy nhất trong đời an một việc tương tự xảy ra là ngày cưới của anh, nhưng dù sao chuyện này cũng khác, vì những người này không phải là người trong gia đình mà chỉ là những người biết anh sơ sơ, và thực sự họ chẳng nợ nần gì anh cả. Ai cũng chúc mừng anh. Lester, một đồng nghiệp khác, dự đoán Sanjeev sẽ được thăng lên chức phó giám đốc trong vòng lâu nhất là hai tháng nữa. Mọi người thích mê món bánh gối và thực lòng say mê ngắm nhìn trần nhà, những bức tường mới sơn, những cây leo, những ô cửa sổ lồi, những bức tranh lụa ở Jaipur. Nhưng hơn tất cả, họ say mê ngắm nhìn Twinkle và bộ *salwar-kamee* [\[30\]](#) thêu kim tuyến của cô. Bộ đồ màu vàng nhạt, chiếc áo khoét sâu ở sau lưng. Vòng quanh đầu cô là một chuỗi nhỏ những cánh hồng trắng được quấn rất khéo. Chuỗi hạt ngọc trai với một hạt saphia ở giữa tôn cổ cô lên rất nhiều. Trong tiếng nhạc jazz sôi nổi được bật dưới sự để ý của Twinkle, khách khứa cười những câu chuyện hài của cô, những nhận xét của cô, tạo thành một vòng rộng xung quanh cô trong khi Sanjeev cung cấp thêm món bánh gối mà anh luôn giữ cho nóng trong bếp lò, rồi đi lấy thêm đá cho mọi người, mở thêm những chai rượu sâm banh với một chút khó khăn và giải thích tới lần thứ bốn mươi rằng anh không phải là người theo Cơ đốc giáo. Chính Twinkle là người dẫn họ theo từng nhóm riêng lẻ lên và xuống cầu thang để ngắm nhìn khu vườn đằng sau nhà, ngó vào những bậc cầu thang xuống hầm hầm. “Bạn bè anh thích mê bức tượng trong phòng làm việc của em”, cô tuyên bố với anh về chiến thắng, đặt tay lên thắt lưng anh khi có một lúc nào đó họ đi lướt quan nhau.

Sanjeev đi vào căn phòng bếp lúc này đang vắng tanh và dùng tay bốc trong miếng thịt gà trên cái khay ở bệ bếp vì anh nghĩ lúc đó không có ai nhìn thấy. Anh bốc thêm miếng thứ hai rồi ngửa chai uống một ngụm rượu rin.

- Ngôi nhà tuyệt vời. Món cơm cũng tuyệt vời, - Sunil, một bác sỹ gây mê vừa bước vào vừa xúc thức ăn từ chiếc đĩa giấy trên tay đưa vào miệng. - Cậu còn rượu sâm banh không?

- Vợ cậu thật không thể chê được, Prabal tiếp lời, bước vào theo sau Sunil. Anh ta là giảng viên trường đại học Yale, vẫn còn là một chàng trai độc thân. Trong giây lát Sanjeev ngẩng ra nhìn anh ta rồi sau đó đỏ mặt: một hôm, trong một bữa cơm tối, Prabal đã tuyên bố là Sophia Loren không thể chê được, cũng như Audrey Hepburn. - Cô ấy có em gái không?

Sunil nhặt một miếng nho khô ra khỏi đĩa cơm. - Họ cô ấy có lại là Little Star [\[31\]](#) không?

Hai người đàn ông cười phá lên rồi bắt đầu dùng thìa nhựa xúc cơm ăn ngay từ khay. Sanjeev đi xuống hầm ngầm lấy thêm rượu. Trong mấy phút, anh dừng lại trên những bậc thang, trong cái ẩm ướt, trong sự tĩnh mịch lạnh lẽo, ôm chặt thùng rượu sâm banh thứ hai vào ngực khi cuộc liên hoan đang diễn ra sôi nổi. Sau đó anh đặt thùng rượu lên bàn ăn trong bếp.

- Vâng, tất cả mọi thứ, chúng tôi tìm thấy tất cả những cái đó trong ngôi nhà này, ở những nơi bất thường nhất, - anh nghe tiếng Twinkle vọng ra từ phòng khách. - Mà thực sự là chúng tôi vẫn tiếp tục tìm thấy.

- Không thể thế được!

- Thật đấy! Mỗi ngày lại giống như một cuộc săn lùng kho báu vậy. Hay vô cùng. Có trời mới biết được chúng tôi sẽ còn tìm thấy gì nữa. Không có dấu hiệu nào báo trước cả.

Đó là mở đầu của những cái tiếp theo sau đó. Dường như theo một thỏa thuận ngầm nào đó, tất cả những người trong bữa tiệc liên kết sức mạnh lại và bắt đầu đi lần lượt từng phòng, tự mở các cánh cửa tủ, ghé mắt nhìn xuống gầm ghế, gầm đệm, lùa tay ra sau những tấm rèm cửa, bỏ sách ra khỏi giá. Từng nhóm lướt qua, cười khúc khích và đung đưa, ngược xuôi theo chiếc cầu thang cuốn.

- Chúng tôi chưa bao giờ xem xét căn phòng áp mái cả, bỗng dưng Twinkle tuyên bố và là thế là tất cả mọi người cuốn theo sau cô.

- Làm sao chúng ta có thể lên đó được?

- Có một chiếc thang ở hành lang, quanh quần đầu đó tựa vào trần nhà ấy.

Sanjeev lo lắng đi theo đám đông để chỉ chỗ chiếc thang nhưng Twinkle đã tự tìm thấy nó. - Ờ ờ ka! Cô reo lên.

Douglas kéo dây làm chiếc thang tuột ra. Mặt anh ta đỏ gay và anh ta đang đội chiếc mũ của Nora. Từng người một biến mất; những người đàn ông giúp đỡ những người phụ nữ khi họ đặt giày cao gót lên những thanh gỗ mỏng của chiếc thang; những người phụ nữ Ấn Độ quần phần buông lơi của những chiếc sari đắt tiền vào cạp; những người đàn ông theo sau, tất cả đều nhanh chóng biến mất, cho đến khi trên bậc cuối cùng của thang chỉ còn một mình Sanjeev. Tiếng những bước chân vang lên đầu anh. Anh không muốn nhập bọn với họ. Anh tự hỏi liệu trần nhà có thể sụp đổ. Trong giây lát ngăn ngủi anh hình dung cảnh tượng tất cả những thân hình đang say và sức nước hoa bất chợt đổ xuống, đè vào nhau thành một mớ lộn xộn xung quanh anh. Anh nghe thấy một tiếng hét và sau đó là những tràng cười vàng lên, lan ra trong những hòa âm đến chói tai. Có một cái gì đó rơi xuống, cái gì khác nữa vỡ tan. Anh nghe họ nói về một chiếc hòm. Họ dường như đang phải cố gắng mở nó ra, lúnh quýnh đập vào bề mặt chiếc hòm.

Anh nghĩ Twinkle sẽ gọi anh giúp nhưng người ta không triệu tập đến anh. Anh nhìn xung quanh hành lang, đầu cầu thang phía dưới, nhìn những cốc sâm banh, những chiếc bánh gối ăn dở, những chiếc khăn giấy lẫn màu son môi bị bỏ lại ở mọi góc, mọi nơi, trên tất cả những mặt bằng có thể. Rồi khi đó anh phát hiện ra rằng Twinkle trông lúc vội vã đã vứt đôi giày lại vì lúc này đây chúng đang nằm dưới chân cầu thang, màu da đen với những gót nhọn giống như đầu cây gậy chơi gôn, mũi giày hở và chiếc nhân vải lụa hơi bị bẩn nơi gót chân cô đặt vào. Anh đặt đôi giày vào cửa phòng ngủ chính để không bị ai dẫm lên khi họ đi xuống.

Anh nghe thấy tiếng có cái gì đó kêu cọt két rồi chậm chạp mở ra. Những giọng nói the thé chuyển thành tiếng thì thầm. Bất giác Sanjeev nghĩ rằng ngôi nhà này giờ đây là của riêng anh. Nhạc đã tắt và nếu anh tập trung anh có thể nghe thấy tiếng tủ lạnh chạy, tiếng những chiếc lá cuối cùng trên các cây bên ngoài rì rào, tiếng những cành lá đập vào cửa sổ. Chỉ có một cái búng tay, anh có thể bắn chiếc thanh ngược lên dây của nó trên trần nhà và họ sẽ không có đường xuống cho đến khi anh kéo dây và cho phép họ. Anh nghĩ tới tất cả những điều anh có thể làm mà không bị ai làm phiền. Anh có thể quẳng hết cả đồng những thứ linh tinh của Twinkle vào sọt rác, cho vào chiếc xe và đem ra bãi rác, giật bức ảnh Chúa Giêsu đang khóc xuống và đem một chiếc búa ra chỗ bức tượng Đức Mẹ Đồng trinh Maria. Rồi sau đó anh sẽ quay trở về ngôi nhà trống rỗng; anh có thể dễ dàng rửa sạch đồng cốc chén và bát đĩa bẩn trong vòng một giờ. Sau đó anh sẽ rót cho mình cốc rượu gin và tonic, ăn một đĩa cơm hâm

nóng và nghe đĩa nhạc Bach mới trong lúc đọc phần giới thiệu để hiểu bản nhạc tường tận hơn. Anh hơi huých huých chiếc thang nhưng nó dựa rất chắc vào nền nhà.

- Lạy Chúa, tôi muốn hút một điếu thuốc, - từ phía trên Twinkle tuyên bố.

Sanjeev thấy cổ mình nghẹn lại. Anh cảm thấy choáng váng. Anh cần phải dừng lại khi nhìn thấy đôi giày của Twinkle đối diện với mình ở cửa phòng. Anh nghĩ đến chuyện cô bị trượt chân trong đôi giày đó. Nhưng thay vì cảm thấy cáu kỉnh, bức bối, như anh vẫn luôn cảm thấy từ khi họ cùng nhau chuyển đến ngôi nhà này, anh lại cảm thấy nỗi đau đoán trước được việc cô loạng choạng chạy xuống cây cầu thang cuốn trong đôi giày, hơi làm xước sàn nhà trên con đường cô đi. Nỗi đau càng tăng lên khi anh nghĩ về chuyện cô chạy vào phòng tắm để sửa lại son môi, chạy đi lấy áo khoác cho mọi người và cuối cùng, khi người khách cuối cùng đã ra về là chạy lại chiếc bàn gỗ anh đào để mở những món quà nhân dịp ăn mừng nhà mới của họ. Nỗi đau này giống hệt nỗi đau anh thường cảm thấy trước khi họ cưới nhau, mỗi khi anh đặt máy sau những cuộc nói chuyện điện thoại hay khi anh lái xe từ sân bay về, tự hỏi không biết chiếc máy bay nào đang bay trên bầu trời là chiếc của cô.

- Anh Sanjeev, anh không thể tin được đâu.

Cô xuất hiện lưng quay về phía anh, hai tay nâng cao quá đầu, vai đổ mồ hôi, giữ một cái gì đó vẫn còn ngoài tầm nhìn của anh.

- Cậu lấy nó rồi à, Twinkle? - ai đó hỏi.

- Ờ, các bạn có thể xuống được rồi.

Giờ đây thì anh nhìn thấy tay cô đang giữ bức tượng chúa Giêsu bán thân màu bạc, đầu to gấp ba kích cỡ thật. Bức tượng có chiếc mũi mang một dáng vẻ rất quý tộc, mái tóc uốn đẹp thả buông trên xương đòn và một vầng trán rộng phản chiếu những bức tường, cửa vào chao đèn xung quanh họ. Những hình ảnh phản chiếu của nó như thật, như thể được đảm bảo bởi những người sùng đạo. Đôi môi mang dáng vẻ cứng cỏi, đầy khoái cảm. Nó còn đôi chiếc mũ lông của Nora nữa. Trong khi Twinkle lần bước xuống, Sanjeev đặt tay vòng quanh eo cô giữ cho cô thăng bằng. Chân cô vừa chạm đất thì anh đã giải phóng cô khỏi bức tượng. Bức tượng nặng gần 15 ký. Những người khác cũng chậm rãi xuống theo, tất cả vẫn còn bị kích động bởi cuộc tìm kiếm. Vài người đi xuống dưới tìm nước uống.

Cô hít một hơi, rướn lông mày lên, đặt các ngón tay chéo nhau.

- Liệu anh có khó chịu lắm không nếu chúng mình đặt nó lên bệ lò sưởi? Chỉ tối nay thôi. Em biết anh ghét nó.

Anh thực sự ghét nó. Anh ghét cái dáng vẻ to lớn, bề mặt đánh bóng không một vết gợn và giá trị không phủ nhận được của nó. Anh ghét là nó ở trong nhà anh và anh là chủ sở hữu nó. Không giống như những vật khác họ tìm thấy, bức tượng này có một giá trị riêng, có một vẻ trang trọng, thậm chí vẻ đẹp nữa. Nhưng anh ngạc nhiên thấy những tác phẩm chất này càng làm anh ghét nó hơn. Hơn tất cả, anh ghét bức tượng vì anh biết Twinkle thích nó.

- Từ ngày mai thì em sẽ để nó trong phòng làm việc của em, em hứa đấy, - Twinkle nói thêm

Cô ấy sẽ chẳng bao giờ đem nó vào phòng làm việc của mình cả, anh biết vậy. Trong suốt những ngày còn lại họ sống chung với nhau cô sẽ để nó ở trung tâm bệ lò sưởi với hai bên là

mớ những thứ linh tinh kia. Mỗi lần có khách đến chơi cô sẽ giải thích cô đã tìm thấy nó ra làm sao và họ sẽ thán phục nhìn cô trong khi cô giải thích. Anh nhìn những cánh hồng bị nát trong tóc cô, nhìn chuỗi vòng cổ ngọc trai có viên đá saphia trên cổ cô, nhìn nước sơn đỏ thắm lấp lánh trên móng chân cô. Anh quả quyết với mình rằng đây chính là một trong những điều khiến Prabal nghĩ cô không chê vào đâu được. Đầu anh quay cuồng vì rượu gin và tonic, còn tay anh thì đau do sức nặng của bức tượng. Anh nói:

- Anh để giày em trong phòng ngủ ấy.

- Em cảm ơn anh. Nhưng chân em đau đến chết đi được.

Sanjeev áp chặt khuôn mặt to lớn của bức tượng vào những dẻ xương sườn, thận trọng để không làm rơi chiếc mũ cấm lông chim rồi cùng bước theo cô.

CĂN BỆNH CỦA BIBI HALDAR

Trong phần lớn thời gian 29 năm đời mình, Bibi Haldar mắc một căn bệnh làm đau đầu tất cả gia đình, bè bạn, những vị mục sư, những người xem tướng, các bà cô ế chồng, các nhà trị liệu, những nhà tiên tri, và cả những người ngốc nghếch nữa. Để cố gắng chữa chạy cho cô, những người quan tâm trong thị trấn nhỏ của chúng tôi mang đến cho cô nước thánh từ bảy con sông thiêng. Ban đêm, nghe thấy những tiếng la hét vì cơn đau dữ dội của cô trong lúc cô đang bị trói chặt, người cô đắp đầy một loại thuốc gây nhức nhối, chúng tôi nhắc đến tên cô trong bài kinh. Những người đàn ông thông thái dùng dầu bạch đàn xoa lên thái dương cô, dùng nước thảo dược xông mặt cho cô. Theo ý kiến của một người mù theo Cơ đốc giáo, một lần người ta đưa cô đi tàu hỏa đến hôn mộ những vị thánh và những người tử vì đạo. Lá bùa ngăn những điều gở được buộc quanh tay và cổ cô. Những hòn đá may mắn trang điểm cho những ngón tay cô.

Nhưng cách chữa trị do các bác sỹ đưa ra chỉ làm cho sự việc tồi tệ hơn. Chữa trị bằng phép đối chứng, bằng liệu pháp vi lượng đồng căn, bằng phương pháp cổ truyền qua thời gian, mọi phương pháp y khoa đều đã được thử. Những lời khuyên của họ thì vô tận. Sau khi đã chụp X quang, dò bằng que thăm, thính chẩn và tiêm, một số bác sỹ khuyên Bibi chỉ đơn giản cố lên cân, một số khác thì lại khuyên nên giảm cân. Nếu một ông bác sỹ bắt cô dậy sớm thì một ông khác lại khẳng khẳng buộc cô nằm trên giường đến tận trưa. Một ông bảo cô hãy trồng cây chuối, ông khác lại bảo cô đọc kinh Vêđa vào những thời điểm cố định trong ngày. “Hãy đưa cô ấy đi thôi miên ở Calcutta” là một đề nghị những người khác đưa ra. Cô bị đẩy hết từ bác sỹ này tới bác sỹ khác. Người ta viết đơn bắt cô gái kiêng tỏi, uống những lượng rượu bia lớn, suy tư, uống nước dừa xanh, ăn trứng vịt đánh sữa. Nói tóm lại, cuộc sống của Bibi là một cuộc đối đầu với hết thuốc giải độc này tới thuốc giải độc khác mà chẳng đem lại kết quả gì.

Căn bệnh tự dung đến không báo trước đã gói gọn thế giới của cô vào ngôi nhà bốn tầng chẳng sơn quét gì. Trong ngôi nhà đó những người thân duy nhất của cô ở đây - người anh họ và vợ - thuê một căn hộ nhỏ ở tầng hai. Bất cứ thời điểm nào cô cũng có thể bị ngắt và rơi vào trạng thái mê sảng không biết hổ thẹn là gì nên mọi người không dám cho cô đi đâu nếu không có người đi kèm. Công việc hàng ngày của cô là ngồi ở căn phòng kho trên mái ngôi nhà, một khoảng không gian mà trong đó người ta chỉ có thể ngồi chứ không thể đứng một cách thoải mái. Căn phòng có một nhà vệ sinh liền kề một lối ra vào có treo rèm, một cửa sổ trống không và mấy cái giá làm từ những cánh cửa cũ. Ở đó, ngồi chéo chân trên một tấm thảm dày vuông, cô ghi bản kê cho cửa hàng mỹ phẩm mà người anh họ cô sở hữu và quản lý ở cổng sân sau. Bibi không nhận được tiền nong gì nhưng ông anh họ nuôi cô, mua cho cô những thứ cần thiết và vào mỗi ngày lễ tháng Mười lại cho cô những tấm vải bông để may quần áo ở một thợ may rẻ tiền. Đêm đêm cô ngủ trên một chiếc giường gấp nhỏ trong căn hộ của ông anh họ.

Sáng sáng Bibi đến phòng kho. Cô đi đôi dép nhựa rách, trên người là chiếc áo mặc nhà dài quá gối một chút. Từ khi mười lăm tuổi chúng tôi đã không mặc váy có độ dài như vậy nữa. Chân cô không có lông nhưng có nhiều những đốm tàn nhang nhỏ. Cô than khóc cho số phận của mình, trách móc những ngôi sao của mình trong lúc chúng tôi phơi quần áo hay đánh vẩy cá. Cô không xinh. Môi trên của cô mỏng, răng thì quá bé. Mỗi khi cô nói lợi lại hở ra. “Tôi hỏi các bạn, liệu có công bằng không khi một cô gái phải ngồi một chỗ suốt những năm tháng tuổi trẻ của mình, bị bỏ qua không được ai chú ý đến suốt thời kỳ đẹp nhất của mình, liệt kê những mác hàng và giá cả mà chẳng có một hứa hẹn nào về tương lai?” Giọng cô to hơn cần thiết cứ

như thể cô đang nói chuyện với một người điếc. “Có gì là sai nào khi ghen tị với các bạn, những cô dâu và bà mẹ tương lai, bận rộn với cuộc sống và những điều đáng quan tâm? Có gì là sai khi muốn kẻ mắt, bôi dầu thơm lên tóc, muốn nuôi nấng một đứa trẻ và dạy cho nó phân biệt cái tốt với cái xấu, những điều ngọt ngào với cái đối trá?”

Mỗi ngày cô lại than thở những điều bất tận đó lên đầu chúng tôi cho tới khi mọi việc trở nên hết sức rõ ràng là cô muốn có một người đàn ông. Cô muốn có người bên mình, muốn được bảo vệ, muốn được đi trên con đường của mình trong cuộc sống. Giống như tất cả chúng tôi, cô muốn nấu nướng bữa tối, chửi mắng người giúp việc, dành dụm tiền riêng trong *almari* của mình để cứ ba tuần một lần lại được tĩa lông mày ở phòng thẩm mỹ Tàu. Cô quấy rầy chúng tôi bằng những câu hỏi không ngớt về những chi tiết trong đám cưới của chúng tôi: đồ trang sức, giấy mời, mùi hoa huệ trên chiếc giường cưới. Khi cô cứ nài nỉ mãi và chúng tôi cho cô xem cuốn album ảnh cưới bên ngoài chạm nổi những con bướm, cô mê mải ngắm nghía những bức ảnh chụp buổi lễ: bơ đổ vào lửa, trao vòng hoa, cá ướp màu đỏ thẫm sa, khay đựng những chiếc vỏ sò và tiền xu. “Nhiều khách kinh khủng”, cô thường quan sát, dùng ngón tay chỉ vào những khuôn mặt không được chụp hết bao quanh chúng tôi. “Khi nào đến lượt mình, tất cả các bạn đều phải có mặt đấy!”

Niềm mong muốn làm cô phiền muộn đến độ đôi lúc ý nghĩ về một người chồng, người mà cô gán mọi hy vọng của mình lên đó, đẩy cô vào những cơn kích động. Cô cuộn tròn người lại trên nền phòng kho, giữa những hộp bột tắm thơm và kẹp tóc, nói trong những tiếng nức nở “Mình sẽ chẳng bao giờ được nhúng chân vào sữa. Mình sẽ chẳng bao giờ được bôi bột gỗ đàn hương lên mặt. Ai sẽ bôi nghệ lên người mình? Tên mình sẽ chẳng bao giờ được in bằng mực đỏ lên thiệp.”

Những lời độc thoại ủy mị, những tình cảm suột muốt, tình trạng muộn phiền cứ tiếp diễn. Trong những giây phút cô đau khổ nhất chúng tôi quấn cô vào tấm khăn choàng, lấy nước ở vòi lau mặt cho cô, mang tới cho cô những cốc sữa chua, nói với cô những lời an ủi. Những lúc cô vui vẻ hơn chúng tôi khích lệ cô cùng chúng tôi đi may thêm quần áo, một phần để cô có chút thay đổi, một phần chúng tôi nghĩ điều đó chắc sẽ phải làm tăng khả năng cô lấy được chồng nếu thực sự có khả năng đó. “Chẳng có người đàn ông nào lại thích một phụ nữ ăn mặc luộm thuộm cả^[32]”, chúng tôi nói với cô. “Chẳng lẽ cậu muốn những thứ đồ của cậu dùng cả tháng cả năm à?”

Cô hờn dỗi, trề môi, phản đối và thở dài:

- Mình đi đâu nào, mình ăn mặc cho ai ngắm? Ai đưa mình đi xem phim, xem vườn bách thú, mua cho mình nước chanh và đào lộn hột? Các bạn hãy nói thật đi, liệu tất cả những mối bận tâm này có phải của mình không cơ chứ? Mình sẽ chẳng bao giờ khỏi bệnh, mình sẽ chẳng bao giờ lấy được chồng cả.

Nhưng rồi khi đó người ta kê cho Bibi một phương thuốc chữa chay mới, một phương pháp kỳ quặc nhất từ trước đến nay. Một chiều khi đi ăn tối cô bị ngã ở chỗ cầu thang tầng ba, làm gãy xương bàn tay, đá vào chân và rơi vào một cơn động kinh. Những tiếng la hét của cô vang qua suốt cầu thang. Chúng tôi vội chạy đến an ủi cô, tay vẫn còn cầm quạt và những miếng đường và những cốc nước lạnh để đổ lên đầu cô. Bọn trẻ con nhà chúng tôi bám vào ban công chứng kiến cơn động kinh của cô, người hầu của chúng tôi được cử đi gọi anh chị họ cô đến. Mãi tới mười phút sau, từ cửa hàng của mình Halдар mới hiện ra, hoàn toàn bình thản trừ màu đỏ trên khuôn mặt. Anh ta bảo chúng tôi đừng có mà làm ầm ĩ lên nữa, và rồi khi đó, chẳng cần giấu giếm thái độ khinh khỉnh anh ta cho cô gái vào chiếc xe hai bánh đưa đến bệnh viện da khoa. Chính là ở đó, sau khi đã làm một loạt các xét nghiệm máu, ông bác sỹ chịu trách nhiệm về trường hợp Bibi bức tức, giận dữ kết luận rằng một cuộc hôn nhân sẽ chữa khỏi bệnh cho Bibi.

Tin đó lan truyền đi giữa những chấn song cửa sổ, xuyên qua các tấm rèm, những đồng phân chim bồ câu trên mái nhà chúng tôi. Sáng hôm sau thì ba bà xem tay khác nhau đã xăm soi bàn tay Bibi rất kỹ lưỡng và khẳng định không còn nghi ngờ gì nữa, có một đường rất rõ trong lòng bàn tay cô chỉ ra rằng một cuộc liên kết sắp xảy ra. Một số kẻ thô bỉ bàn tán những điều bất nhả ở quầy bán cô-lét; các bà già xem lịch để chọn giờ tốt cho việc hứa hôn. Bao ngày sau đó, trong lúc đưa bọn trẻ đi học, giặt giũ, xếp hàng mua thực phẩm ở cửa hàng phân phối chúng tôi luôn thì thầm với nhau. Rõ ràng, một mối quan hệ vợ chồng là cái đã lâu nay cô gái đáng thương cần. Lần đầu tiên trong đời chúng tôi tưởng tượng những đường nét của cô bên dưới chiếc váy mặc nhà và cố gắng đánh giá những khoái lạc cô có thể mang lại cho một người đàn ông. Lần đầu tiên chúng tôi chú ý tới những đường nét rõ ràng, hàng lông mi dài và rậm, đôi bàn tay thanh tú không thể chối cãi của cô.

- Họ bảo đó là niềm hy vọng duy nhất. Một trường hợp bị kích động quá mức. Họ nói - và chúng tôi ngừng lại đỏ mặt, - sự gần gũi với đàn ông sẽ làm máu cô ấy nguội đi.

Khỏi cần phải nói Bibi hài lòng với kết quả chẩn đoán biết chừng nào và ngay lập tức bắt tay chuẩn bị cho cuộc sống vợ chồng. Bằng một số hàng mỹ phẩm hồng từ cửa hàng của Haldar cô đánh móng chân móng tay, làm mềm khuỷu tay. Bỏ qua những chuyến hàng người ta mang đến nhà kho, cô bắt đầu sẵn lòng chúng tôi hỏi công thức nấu các món ăn, cách làm mì sợi cho vào súp và món đu đủ hầm rồi bằng những dòng chữ nguệch ngoạc cô viết chúng vào cuốn sổ kế toán. Cô lập danh sách khách mời, các món ăn tráng miệng, liệt kê những nơi cô dự định đi hưởng tuần trăng mật. Cô bôi kem cho môi không bị nứt, hạ chế dùng đồ ngọt để giảm cân. Một hôm cô nhờ một người trong số chúng tôi cùng cô đi đến thợ may và may một chiếc *salwar-kameez* mới theo mốt mùa đó. Trên phố thì cô kéo chúng tôi vào mỗi góc phố, mỗi cửa hàng vàng bạc, nhìn chăm chăm vào các tủ kính bày hàng, hỏi ý kiến chúng tôi về các kiểu mũ đội trong dịp lễ và các kiểu khung ảnh dát bạc. Ở cửa hàng bán sari cô chỉ vào chiếc sari lụa Benarasi màu đỏ tươi, chiếc khác màu xanh ngọc, rồi một chiếc khác màu hoa cúc vàng. "Phần đầu của buổi lễ mình sẽ mặc chiếc này, rồi sau đó đến chiếc này, chiếc này."

Nhưng Haldar và vợ anh ta lại nghĩ khác. Hoàn toàn không quan tâm gì đến mong muốn của Bibi, thờ ơ trước những nỗi lo lắng của chúng tôi, họ tiếp tục công việc buôn bán như thường lệ, cùng nhau cúi mũi trong cửa hàng mỹ phẩm không lớn hơn một chiếc tủ với ba mặt tường chất đầy những cây lá móng, dầu bôi tóc, đá bọt và kem dưỡng da.

- Chúng tôi không có thời gian cho những chuyện bàn tán bất nhả, - Haldar trả lời những người đề cập đến vấn đề sức khỏe của Bibi. - Cái gì không thể chữa trị được thì phải chấp nhận thôi. Bibi đã gây ra khá nhiều điều lo lắng rồi, tiêu tốn khá nhiều rồi, bôi nhọ danh tiếng gia đình đủ rồi.

Vợ anh ngồi cạnh chồng sau quầy hàng kính nhỏ phe phẩy quạt khoảng da có những vết tàn nhang phía trên ngực và đồng tình. Chị ta là một phụ nữ nặng nề, to béo. Những mảng phấn có lẽ màu còn quá nhẹ đối với chị ta đóng thành tảng nơi những nếp gấp chỗ cổ.

- Mà nói thật, ai thèm cưới nó cơ chứ? Con bé chẳng biết một cái gì cả, nói năng thì lúng ta lúng túng, đã ba mươi tuổi rồi mà không thể nhóm một cái bếp lò, không thể nấu một nồi cơm, không thể phân biệt cây thìa là thường và cây thìa là Ai Cập. Hãy tưởng tượng nó cố gắng nấu nướng cho một người đàn ông xem nào!

Họ cũng có lý. Bibi chưa bao giờ được dạy dỗ để trở thành một người đàn bà cả; căn bệnh đã làm cô hoàn toàn ngây thơ về hầu hết mọi chuyện. Vợ Haldar tin rằng có một con quỷ trong người cô nên đã giữ cô tránh xa lửa và khói. Cô không được dạy cách mặc một chiếc sari mà

không cần phải dùng kim băng cài ở bốn chỗ. Cô cũng không thể thêu một tấm khăn trải giường hay móc một mảnh khăn. Cô không được phép xem vô tuyến (Halдар cho rằng những luồng sóng điện sẽ làm cô bị kích động) và vì vậy cô hoàn toàn không biết gì về những sự kiện và những trò giải trí trên thế giới. Việc học hành chính thức của cô kết thúc sau khi cô học xong lớp chín phổ thông.

Vì lợi ích của Bibi chúng tôi tranh luận về việc tìm cho cô một người chồng.

- Đó là điều cô gái muốn đã lâu nay rồi, - chúng tôi chỉ ra.

Nhưng Halдар và vợ anh ta là những người không thể tranh cãi cùng được. Ác ý của họ đối với Bibi đã ăn quá sâu vào đầu óc họ, đã thành thâm căn cố đế, không cách gì thay đổi được. Khi chúng tôi khẳng khẳng muốn rằng phương pháp chữa trị mới cũng cần phải được thử nghiệm họ lý luận:

- Bibi không có đủ lòng tự trọng và sự bình tĩnh. Nó đóng kịch căn bệnh của nó để lôi kéo sự chú ý. Tốt nhất là giữ cho nó luôn bận rộn, khỏi lúc nào cũng gây ra những điều lo lắng.

- Thế tại sao không cưới chồng cho cô ấy? Ít nhất thì như vậy cũng kéo cô ta ra khỏi anh chị.

- Và phung phí tiền bạc của chúng tôi cho đám cưới ư? Mời khách ăn uống, đặt đánh vòng, mua giường, thu xếp của hồi môn ư?

Những lời kêu ca của Bibi vẫn cứ dai dẳng. Một lần xế trưa, dưới sự kiểm soát của chúng tôi, trong chiếc sari màu hoa oải hương bằng vải the sợi mịn, đi đôi dép mượng cho dịp này, bằng những bước chân thất thường cô vội vàng đi xuống cửa hàng của Halдар và khẳng khẳng đòi được đưa tới một cửa hàng chụp ảnh để ảnh chân dung của cô, cũng giống như ảnh chân dung của các cô gái đang chờ lấy chồng khác có thể được truyền qua những gia đình có những người đàn ông định lấy vợ. Chúng tôi dõi theo cô qua cánh cửa chớp ngoài ban công; mồ hôi đã để lại những vết bên dưới nách cô.

- Ngoài đi chụp X quang thì em chưa bao giờ được chụp ảnh cả, - cô gái cáu kỉnh. - Chàng rể tương lai phải được biết em trông như thế nào chứ.

Nhưng Halдар từ chối. Anh ta vừa chăm chú mời chào, phục vụ khách hàng vừa nói rằng bất kỳ ai muốn nhìn thấy cô thì đều có thể tự quan sát cô không cần đến ảnh. Cô là một tai ương cho công việc buôn bán, là trách nhiệm và là sự mất mát, anh ta nói với cô gái. Ai trong cái thị trấn này cần một tấm ảnh để biết điều đó?

Ngày hôm sau thì Bibi ngừng hết các việc kiểm kê và “chiêu đãi” chúng tôi những chi tiết về Halдар và vợ anh ta.

- Thường cứ Chủ nhật là anh ta nhổ râu cằm cho vợ. Họ cất tiền trong tủ.

Để gọi sự thương tình của hàng xóm cô đi lại về khó khăn và gào thét; với mỗi lời tuyên bố của cô đám thánh giả lại càng đông hơn.

- Khi tắm bà ấy đắp đậu xanh lên tay vì nghĩ như vậy sẽ trắng ra. Chân trái bà ấy thiếu ngón thứ ba. Họ ngủ trưa lâu thế là vì bà ấy không thể nào thỏa mãn.

Để xoa dịu Bibi, Halдар cho quảng cáo trên tờ báo của thị trấn để lôi kéo sự chú ý của chú rể”

“CÔ GÁI TÍNH TÌNH KHÔNG ỔN ĐỊNH. CAO 1M52. TÌM CHỒNG.” Mọi điều về cô dâu tương lai chẳng có gì là bí mật đối với cha mẹ các chàng trai trẻ và chẳng có gia đình nào muốn mang trên vai một gánh nặng như vậy. Liệu ai có thể trách cứ, buộc tội họ cơ chứ? Mọi người đồn đại là Bibi nói chuyện với mình bằng một thứ ngôn ngữ trôi chảy nhưng hoàn toàn không thể hiểu được và khi ngủ không mê gì cả. Thậm chí mọi người cũng không thể thuyết phục được một ông góa cô đơn chỉ còn bốn chiếc răng làm nghề sửa chữa túi ở chợ cầu hôn với Bibi. Tuy vậy, để làm cô khuây khỏa chúng tôi bắt đầu dạy dỗ cô những công việc của một người vợ. “Cầu may như con khỉ chẳng đi đến đâu cả. Đàn ông thích được đối xử dịu dàng”. Như để thực hành cho việc đối mặt một người cầu hôn, chúng tôi khích lệ cô trò chuyện với những người đàn ông thường gặp. Khi người chở nước đến chỗ Bibi vào cuối vòng đi của mình để đổ đầy nước vào thùng dự trữ cho cô trong phòng kho, chúng tôi nhắc cô nói “Chào ông!” Khi người bán than dỡ những bao than trên mái nhà, chúng tôi khích lệ cô cười và nói vài câu về thời tiết. Nhớ lại những kinh nghiệm của chính bản thân mình, chúng tôi chuẩn bị cô cho cuộc phỏng vấn. “Thường là chú rể đến cùng cha hoặc mẹ với ông hoặc bà và cả bác trai bác gái nữa. Họ sẽ xem xét gan bàn chân, xem bím tóc dày như thế nào. Họ sẽ hỏi xem ai là thủ tướng, yêu cầu đọc thơ, dùng nửa tá trứng nấu nướng cho cả tá người đang đói.”

Khi hai tháng trời đã qua mà chẳng có một hồi âm nào cho dòng quảng cáo, Haldar và vợ anh ta cảm thấy như được minh oan.

- Đấy! Các cô đã thấy là nó không phù hợp cho việc lấy chồng đấy chứ? Các cô đã thấy là chẳng một người đàn ông bình thường nào muốn đụng vào nó chứ?

Trước khi cha cô mất đi, mọi việc đối với Bibi không tồi tệ đến mức như thế (mẹ cô mất ngay sau khi sinh ra cô). Trong những năm cuối đời mình người đàn ông đứng tuổi, một thầy giáo dạy toán ở trường tiểu học thì trấn đã rất chuyên cần theo dõi căn bệnh của cô con gái với hy vọng tìm được một điều gì đó logic trong tình trạng của cô. “Mọi vấn đề đều có cách giải quyết”, ông thường trả lời như vậy mỗi khi chúng tôi hỏi thăm về sự tiến triển trong công việc của ông. Ông khiến Bibi yên lòng. Trong một khoảng thời gian ông khiến tất cả chúng tôi yên lòng. Ông viết thư cho các bác sỹ ở Anh, tối tối ngồi đọc sách trong thư viện, bỏ ăn thịt vào thứ Sáu hàng tuần để làm vui lòng thổ công. Cuối cùng ông bỏ cả dạy học và chỉ còn dạy thêm tại nhà để có thể quan sát Bibi hàng giờ liền. Nhưng dù rằng thời trẻ ông đã được nhận giải thưởng vì khả năng nhớ các căn bậc ông cũng không lý giải được bí ẩn căn bệnh của cô con gái. Toàn bộ công việc ghi chép chỉ giúp ông đưa ra kết luận rằng vào mùa hè những cơn phát bệnh của cô con gái xảy ra thường xuyên hơn mùa đông, và rằng cô đã phải chịu cả thảy khoảng hai năm cơn phát bệnh nặng. Ông lập một bảng các dấu hiệu phát bệnh và chỉ dẫn về cách làm dịu cơn bệnh rồi phân phát trong khu những cuối cùng thì những tờ giấy đó vương vãi mất hay bị bọn trẻ biến thành thuyền giấy hay bị người ta dùng để tính toán tiền mua tạp phẩm ở mặt còn trắng kia.

Ngoài việc chơi với cô cho cô đỡ buồn, an ủi những khi cô khóc, thỉnh thoảng để mắt đến cô thì chúng tôi chẳng làm được gì hơn để cải thiện tình hình. Chẳng ai trong số chúng tôi có thể hiểu được sự cô đơn đến thế. Đôi khi, sau giấc ngủ trưa chúng tôi chải tóc cho cô. Theo yêu cầu của cô chúng tôi đánh phấn vùng lông phía trên môi trên và ở cổ cô, dùng bút chì kẻ lông mày cho cô, cùng cô đi dạo đến bờ hồ cá nơi con cái chúng tôi chơi cricket mỗi chiều. Cô vẫn quyết tâm mỗi chải bằng được một người đàn ông.

- Ngoài căn bệnh của mình ra thì mình hoàn toàn khỏe mạnh, - cô quả quyết, ngồi xuống chiếc ghế dài đặt dọc theo con đường nhỏ nơi những người yêu nhau tay trong tay đi dạo. - Mình chưa bao giờ bị cảm hay cúm. Mình chưa bao giờ bị bệnh vàng da. Mình chưa bao giờ bị đau bụng hay khó tiêu.

Thỉnh thoảng chúng tôi mua cho cô ngô nướng khói có vắt mấy giọt nước chanh lên đó hay ít

keo caramen. Chúng tôi an ủi cô, khi cô tin rằng có một người đàn ông đang để ý đến cô chúng tôi pha trò và đồng tình với cô. Nhưng cô không thuộc về trách nhiệm của chúng tôi và trong những giây phút một mình chúng tôi thầm cảm ơn Chúa vì điều đó.

*

* *

Vào tháng Mười một thì chúng tôi nhận thấy vợ Haldar có thai. Sáng hôm đó ở phòng kho Bibi khóc.

- Bà ấy nói rằng mình là giống lây nhiễm, giống như bệnh đậu mùa. Bà ấy nói rằng mình sẽ đem lại điềm gở cho đứa trẻ.

Cô thở dài nặng nề, cây bút chì trong tay cô di di trên một chỗ tường bị bong ra.

- Mình sẽ ra sao bây giờ?

Vẫn chẳng có hồi âm nào cho lời quảng cáo trên báo.

- Chẳng lẽ mình mang lời nguyền này một mình cũng còn chưa đủ hay sao? Chẳng lẽ mình còn phải làm lây sang người khác nữa hay sao?

Mối bất đồng trong gia đình Haldar tăng lên. Cô vợ tin rằng sự có mặt của Bibi sẽ làm lây bệnh sang đứa trẻ còn chưa sinh và cô ta buộc những tấm khăn len xung quanh cái bụng đã bắt đầu lùm lùm. Trong phòng tắm thì cô ta cho Bibi dùng xà phòng và khăn tắm riêng. Theo như cô hầu gái thì những chiếc đĩa Bibi ăn cũng không được rửa chung cùng những chiếc đĩa khác.

Và rồi một chiều, chuyện đó lại xảy ra chẳng hề có một dấu hiệu nào báo trước. Bibi ngã xuống trên con đường đi dạo chỗ hồ cá. Cô run rẩy. Cô co giật. Cô cắn môi. Một đám đông ngay lập tức vây tròn xung quanh cô gái, nôn nóng giúp đỡ bất cứ điều gì có thể. Người bán nước soda ấn đôi chân đang co quắp của cô xuống. Người bán dưa chuột cố gắng gỡ các ngón tay cô ra. Một người trong chúng tôi té nước múc ở hồ lên người cô. Một người khác dùng khăn thơm lau miệng cho cô. Người bán mít giữ đầu Bibi đang vật lộn quay từ bên này sang bên khác. Người đàn ông bán nước mía ép phe phẩy chiếc quạt ông ta vẫn thường dùng để đuổi ruồi cho không khí bớt ngọt ngọt.

- Có ai là bác sĩ không?

- Đừng để cô ấy cắn lưỡi mình.

- Đã có ai thông báo cho ông Haldar chưa?

- Cô ấy nóng chực hòn than!

Dù chúng tôi rất cố gắng nhưng sự náo động là không tránh khỏi. Đấu tranh với kẻ thù của mình, bị nổi thống khổ hành hạ, Bibi nghiêng chắt rãnh và cuộn người lại. Khoảng hơn hai phút trôi qua. Chúng tôi theo dõi và lo lắng. Chúng tôi tự hỏi không biết phải làm gì.

- Đồ da! - bỗng dừng một ai đó hét lên. - Cô ấy cần phải được ngửi đồ da.

Chúng tôi chợt nhớ ra. Lần cuối cùng khi cô bị như vậy, một đôi xăng đan da bò giữ trước mũi đã giải phóng cô khỏi những cơn hành hạ.

- Bibi, chuyện gì xảy ra vậy? Hãy nói cho tụi mình biết chuyện gì xảy ra vậy? - chúng tôi hỏi khi cô mở mắt ra.

- Mình thấy nóng rồi cứ nóng hơn mãi. Mọi thứ như mờ đi trước mắt mình. Tất cả mọi thứ tối sầm lại. Các cậu không thấy thế à?

Mấy ông chồng của chúng tôi đưa cô về nhà. Bụi trở nên dày đặc hơn, trần nhà mờ mịt và không khí đặc hơn vì hương khói những người cầu nguyện đốt. Bibi lảo bẫm và đi loạng choạng nhưng không nói gì cả. Má cô bị vài vết xước. Tóc cô xơ tung ra, khuỷu tay dính bụi và chiếc răng cửa bị vỡ một mảnh nhỏ. Chúng tôi đi theo sau, ở một khoảng cách chúng tôi cho là an toàn và tay dắt con cái mình.

Cô cần một chiếc chăn, một ít gạo và thuốc giảm đau. Cô cần được trông nom. Vậy nhưng khi chúng tôi vào đến sân nhà thì Halдар và vợ anh ta không cho cô vào căn hộ của mình.

- Khi một người có thai tiếp xúc với một người bị động kinh thì mối nguy hiểm rất lớn, - anh ta khẳng khái.

Đêm đó Bibi ngủ trong phòng kho.

*

* *

Con họ, một bé gái, được sinh ra bằng phước xép vào cuối tháng Sáu. Tới thời gian đó thì Bibi đã lại được ngủ dưới nhà dù rằng họ kê giường của cô ở hành lang và không cho phép cô động vào đứa bé. Hàng ngày họ bắt cô lên căn phòng kho từ sáng sớm để ghi chép, kiểm kê cho tới tận bữa trưa. Buổi trưa Halдар mang lên cho cô các phiếu bán hàng buổi sáng và một bát đậu nấu. Buổi tối cô uống sữa và ăn bánh mỳ một mình ở chỗ cầu thang. Một cơn bệnh rồi lại một cơn nữa xảy ra mà không được kiểm soát gì.

Khi chúng tôi nói lên nỗi lo lắng của mình Halдар bảo rằng đó không phải là việc của chúng tôi và từ chối bàn luận về chuyện đó. Để biểu lộ sự bất bình chúng tôi bắt đầu mua hàng ở nơi khác; đó là cách duy nhất chúng tôi có thể làm để trả thì Halдар. Tuần này qua tuần khác, những giá hàng của Halдар bắt đầu phủ đầy bụi. Những nhãn dán bạc màu, rơi ra và nước hoa thì xếp thành hàng. Tối tối đi ngang qua đó chúng tôi thấy Halдар ngồi một mình, dùng để dèp đập bọ. Chúng tôi hầu như không nhìn thấy cô vợ. Theo như cô hầu bếp thì cô ta vẫn nằm giường; rõ ràng là cô ta dễ khó.

Mùa thu đến với những hứa hẹn lễ hội vào tháng Mười. Thị trấn bận rộn mua bán và chuẩn bị cho ngày lễ. Từ loa đài, những bài hát trong phim vang vọng khắp phố. Những khu chợ có mái vòm và chợ ngoài trời mở cửa suốt ngày đêm. Chúng tôi mua cho con cái bóng bay và những chiếc nơ màu sắc sặc sỡ, mua hàng ký bánh kẹo, đi tặc xì thăm những người họ hàng mà chúng tôi đã không gặp suốt cả năm. Ngày ngắn lại, đêm thì lạnh hơn. Chúng tôi cài khuy áo khoác ngoài và đi tất dài. Rồi một đợt lạnh làm hòng chúng tôi ngứa ngáy. Chúng tôi bắt trẻ con súc miệng nước muối và quàng khăn kín cổ. Nhưng cuối cùng thì chính là con nhà Halдар bị ốm.

Nửa đêm người ta mời một ông bác sỹ đến để làm dịu cơn sốt.

- Xin ông hãy chữa cho nó! - cô vợ van nài.

Cơn hoảng loạn của cô ta đánh thức tất cả chúng tôi dậy.

- Chúng tôi có thể đưa ông tất cả mọi thứ, chỉ có điều xin hãy chữa cho con gái chúng tôi.

Bác sỹ ghi đơn thuốc là đường glucôzơ với aspirin nghiền và bảo họ quần đưa trẻ trong chăn ấm.

Năm ngày qua đi mà cơn sốt không thuyên giảm.

- Đấy chính là con Bibi, - cô vợ gào thét. - Nó đã gây nên chuyện này, nó đã làm lây bệnh sang con bé của chúng tôi. Chúng tôi sẽ không bao giờ cho nó vào đây nữa. Chúng tôi sẽ không bao giờ cho nó vào cái nhà này nữa.

Vậy là Bibi lại bắt đầu ngủ trong phòng kho. Theo đòi hỏi của vợ, Haldar thậm chí còn chuyển giường ngủ và chiếc rương nhỏ chứa đồ đạc của cô lên đó. Thức ăn cho cô thì họ đặt lại rồi để ở đầu cầu thang.

- Mình không thêm quan tâm, - Bibi nói với chúng tôi. - Tốt hơn là sống riêng rẽ khỏi họ để còn thu xếp cho cuộc sống của riêng mình.

Cô dỡ chiếc rương ra - vài chiếc váy mặc nhà, chân dung cha cô đặt trong khung, bộ đồ khâu vá, các loại vải - rồi sắp xếp đồ đạc của mình lên mấy chiếc giá còn trống. Đến cuối tuần thì đứa trẻ đã khỏe nhưng họ không bảo Bibi xuống dưới ở.

- Đừng lo, không phải là họ giam mình ở đây đâu, - cô nói cho chúng tôi yên lòng. - Thế giới bắt đầu ở chân cầu thang. Giờ đây mình được tự do khám phá cuộc sống như mình muốn.

Nhưng thực ra thì cô đã hoàn toàn không đi ra ngoài nữa. Khi chúng tôi rủ cô ra hồ cá đi dạo hay đi xem người ta trang hoàng đền thờ cô đều từ chối, thoái thác rằng cô đang bận khâu một tấm rèm mới để treo ở lối vào phòng kho. Da cô tái xanh. Cô cần được hít thở không khí trong lành.

- Thế chuyện tìm chồng cho cậu thì sao? - chúng tôi hỏi.

- Làm sao mà cậu tìm được một người đàn ông nếu suốt ngày ngồi tịt trên này cơ chứ?

Chẳng có gì thuyết phục được cô.

*

* *

Vào giữa tháng Chạp thì Haldar dọn sạch mọi thứ chưa bán được khỏi các giá hàng trong cửa hàng mỹ phẩm, xếp chúng vào hộp và đem cất vào phòng kho. Chúng tôi đã thành công trong việc khiến anh ta không còn buôn bán gì được nữa. Trước năm mới gia đình anh ta chuyển đi nơi khác, để lại một phong bì đựng ba trăm rupi dưới cánh cửa phòng Bibi. Chúng tôi không có thêm tin tức gì về họ cả.

Một người trong số chúng tôi có địa chỉ một người họ hàng Bibi ở Hyderabad và viết thư nói rõ tình hình. Bức thư bị trả lại nguyên vẹn, địa chỉ không rõ ràng. Trước khi những tuần lạnh nhất tới chúng tôi đã chữa lại những cánh cửa chớp phòng kho và gắn lại một miếng thiếc lên khung cánh cửa ra vào để ít nhất cô có được chút riêng tư nào đó. Một ai đó cho cô cây đèn dầu hỏa; người khác thì cho cô chiếc màn cũ và một đôi giày cũ để thấp. Bằng mọi cách chúng tôi nhắc nhở cô rằng chúng tôi luôn ở bên cô, rằng cô có thể đến với chúng tôi bất cứ khi nào cô cần một lời khuyên, một sự giúp đỡ. Thỉnh thoảng chúng tôi cho bọn trẻ lên mái nhà chơi để chúng có thể báo động cho chúng tôi nếu cô bị lên cơn. Nhưng đêm đêm thì chúng tôi để cô một mình.

Mấy tháng trôi qua. Bibi trở nên lặng lẽ. Chúng tôi lần lượt đem tới cho cô những đĩa cơm và những cốc chè. Cô uống ít, ăn lại còn ít hơn và bắt đầu có cái vẻ ngoài không hợp với tuổi cô. Vào khi trời chập choạng cô đi dạo theo lan can một hai vòng nhưng không bao giờ rời mái nhà. Khi trời tối thì cô ở lại sau cánh cửa thiếc và chẳng lý do gì có thể khiến cô ra ngoài. Chúng tôi không quấy rầy cô. Một số người tự hỏi không biết có phải cô đang chết dần chết mòn. Những người khác thì khẳng định cô đã hoàn toàn mất trí.

Một sáng tháng Tư, khi cái nóng đã trở lại để có thể phơi những chiếc bánh đậu lăng trên mái, chúng tôi phát hiện ra rằng có ai đó đã nôn bên cạnh vòi nước của bể chứa. Khi chúng tôi phát hiện ra chuyện này thêm một buổi sáng thứ hai, chúng tôi gõ cửa phòng Bibi. Chẳng có ai trả lời. Chúng tôi tự mở cửa vì cánh cửa không bị khóa.

Chúng tôi thấy cô nằm trên chiếc giường của mình. Cô có thai đã được khoảng bốn tháng.

Cô nói cô không thể nhớ chuyện gì đã xảy ra. Cô cũng không nói với chúng tôi ai đã làm việc đó. Chúng tôi làm bánh cho cô bằng sữa nóng và nho khô; dù vậy cô cũng không nói lộ ra tên người đàn ông. Chúng tôi đã vô ích tìm kiếm những dấu vết tấn công hay dấu hiệu đột nhập. Căn phòng sạch sẽ và ngăn nắp. Trên nền nhà, bên cạnh chiếc giường nhỏ cuốn sổ của cô đang mở ra ở trang mới ghi một danh sách những cái tên.

Cô mang thai đủ ngày đủ tháng và một tối tháng Chín chúng tôi giúp cô sinh một đứa con trai. Chúng tôi chỉ cho cô cách cho con bú, tắm cho con, ru con ngủ. Chúng tôi mua cho cô tấm lót không thấm, giúp cô khâu quần áo và tã lót cho con từ những mảnh vải cô đã tích góp được qua nhiều năm trời. Trong vòng một tháng cô đã phục hồi lại sau cơn sinh nở và với số tiền Halдар để lại cô quét vôi căn phòng, lắp khóa móc vào cửa sổ và cửa chính. Rồi cô phủi bụi trên các giá, đặt những thứ còn lại của Halдар lên đó bán với giá bằng một nửa. Cô nhờ chúng tôi thông báo về chuyện cô bán hàng và chúng tôi giúp cô. Chúng tôi mua xà phòng, phấn đánh mi mắt, lược, phấn. Đến khi đã bán hết những thứ cuối cùng, cô đi tắc xi tới chợ bán buôn, dùng số tiền mình có mua đầy lại các giá hàng. Cứ như vậy cô nuôi thằng bé lớn lên và buôn bán trong căn phòng kho. Chúng tôi làm những gì có thể để giúp cô. Hàng năm trời sau đó chúng tôi vẫn tự hỏi không hiểu ai trong thị trấn đã làm nhục cô. Một vài người hầu của chúng tôi bị tra hỏi. Ở quán chè và bến xe người ta bàn luận rồi lại gạt đi những người bị nghi ngờ có khả năng gây nên chuyện đó. Nhưng việc phải điều tra đến nơi đến chốn đâu có cần thiết. Căn bệnh của cô đã được chữa khỏi hoàn toàn, đó là điều chúng tôi biết rõ nhất.

LỤC ĐỊA THỨ BA, LỤC ĐỊA CUỐI CÙNG

Tôi rời Ấn Độ năm 1964 với một bằng thương mại và một số tiền vào những ngày đó tương đương 10 đôla Mỹ. Suốt ba tuần tôi lênh đênh trên con tàu *SS Roma*, một tàu chở hàng lớn của Ý, trong một buồng hạng ba ngay sát đầu máy. Con tàu đã chở tôi đi xuyên suốt biển Ả rập, biển Đỏ, Địa Trung Hải và cuối cùng cập bến nước Anh. Tôi sống ở phía bắc Luân Đôn, khu Finsbury Park, trong một ngôi nhà toàn những người Băng-gan độc thân không một xu dính túi giống như chính tôi, tất cả đều phải chiến đấu để học tập và lập thân ở nước ngoài.

Tôi tham dự những buổi thuyết trình ở LSE[34] và miệt mài học ở thư viện trường để có thể vượt qua các kỳ thi. Chúng tôi sống cùng nhau ba hoặc bốn người một phòng, dùng chung một buồng vệ sinh lạnh lẽo duy nhất và thay phiên nhau nấu những nồi cari trứng mà sau đó chúng tôi ăn bốc trên một chiếc bàn phủ giấy báo. Ngoài công việc của mình chúng tôi chẳng còn mấy điều phải lo. Vào những ngày cuối tuần chúng tôi chân đất, mặc những chiếc quần pijama uể oải đi lại, uống chè và hút thuốc lá Rothmans hay đi xem cri-kê ở sân vận động Lord. Có những ngày cuối tuần căn nhà chật đầy những người Băng-gan, những người chúng tôi tự làm quen ở cửa hàng rau quả, trong tàu điện ngầm. Chúng tôi nấu thêm nhiều cari trứng, bật nhạc của Mukhesh trên chiếc đài quay đĩa hiệu Grendig và nhét bát đĩa bẩn vào bồn tắm. Thỉnh thoảng lại có ai đó trong ngôi nhà rời ra ngoài sống với người phụ nữ mà gia đình anh ta ở Calcutta đã quyết định anh ta sẽ cưới làm vợ. Năm 1969, khi tôi ba sáu tuổi, cuộc hôn nhân của chính tôi được thu xếp. Cũng vào khoảng thời gian đó tôi nhận được lời mời làm một công việc chính thức ở Mỹ, ở phòng nghiệp vụ tại một thư viện ở MIT[35]. Lương khá hậu hĩnh, đủ để chu cấp cho một gia đình và thêm nữa, tôi có vinh dự là được một trường đại học danh tiếng thuê. Vậy là tôi làm thị thực và chuẩn bị cho chuyến viễn du xa hơn.

Lúc đó tôi đã có đủ tiền để đi máy bay. Đầu tiên tôi bay tới Calcutta để tham dự đám cưới của chính mình và một tuần sau tôi bay tới Boston để bắt đầu công việc mới. Trong suốt chuyến bay tôi đọc cuốn *Sách hướng dẫn về Bắc Mỹ dành cho sinh viên*, một cuốn sách giải trí tôi mua trước khi rời Luân Đôn với giá bảy siling sáu pen, trên đường Tottenham Court, vì dù rằng tôi không còn là sinh viên nhưng về ngân sách thì tôi cũng chẳng khác gì họ. Tôi phát hiện ra rằng người Mỹ lái xe bên phải đường chứ không lái bên trái, họ gọi thang máy là “elevator” chứ không phải là “lift”, đường điện thoại bận thì nói là “engaged” thay cho “busy”. “Bạn sẽ nhanh chóng nhận thấy nhịp điệu sống ở Bắc Mỹ khác hẳn với nhịp điệu sống ở Anh”, cuốn sách hướng dẫn viết. “Mỗi người đều cảm thấy cần phải đạt đến đỉnh cao. Đừng mong đợi có những khoảng thời gian rảnh rỗi.” Trong khi chiếc máy bay lượn vòng xuống phía trên cảng Boston viên phi công thông báo một ngày lễ của toàn quốc: hai người Mỹ đã đặt chân lên mặt trăng. Mấy hành khách vỗ tay. “Chúc mừng nước Mỹ!” một người hét lên. Bên hàng ghế đối diện tôi thấy một phụ nữ làm dấu thánh.

Tôi ngủ đêm đầu tiên ở YMCA[36], ở Quảng trường Trung tâm của Cambridge, một nơi nghỉ ngơi rẻ tiền mà cuốn sách hướng dẫn mách bảo. Từ đó tôi có thể đi bộ đến MIT và chỉ vài bước là đến bưu điện và siêu thị Purity Supreme. Trong phòng kê một giường đơn, một chiếc bàn. Trên tường là cây thánh giá nhỏ bằng gỗ. Tấm biển trên cửa thông báo tuyệt đối không được nấu nướng trong phòng. Ở cửa sổ trần trụi nhìn ra đại lộ Massachusetts - một đường phố hai chiều lớn. Tiếng còi ô tô âm ỉ kéo dài hết đợt này đến lượt khác. Còi báo nhấp nháy liên tục báo hiệu những ca cấp cứu, những đoàn xe buýt âm ỉ lao qua, cửa sầm sầm mở ra rồi đóng lại. Cứ như vậy suốt cả đêm. Những âm thanh của đường phố luôn làm đầu óc tôi rối bời, đôi lúc đến

đinh tai nhức óc. Tôi cảm thấy nó thấm rất sâu, vào tận xương tủy, như thể tôi cảm nhận thấy âm thanh đều đều, giận dữ của con tàu *SS Roma*. Nhưng ở đây không có boong tàu để lẩn tránh, không có đại dương xanh lấp lánh để tâm hồn tôi rung lên vì xúc động, không có những ngọn gió nhẹ làm khuôn mặt tôi dịu đi, không có ai để trò chuyện cùng. Tôi quá mệt mỏi để có thể đi lại trong hành lang ảm đạm của YMCA trong chiếc quần pijama. Thay vào đó tôi ngồi bên bàn, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ, nhìn tòa thị chính Cambridge và dãy những hàng quán nhỏ. Sáng hôm sau tôi đến trình diện tại nơi làm việc của mình ở thư viện Dewey, một tòa nhà màu be trông giống như cái pháo đài. Tôi đi mở một tài khoản ngân hàng, thuê một hộp thư, mua một chiếc bát và một thìa nhựa ở cửa hàng Woolworth - cửa hàng mang cái tên tôi biết từ khi còn ở London. Tôi đến siêu thị Purity Supreme, đi tới lui giữa các kệ hàng, chuyển đổi unsol thành gram và so sánh giá cả với giá cả bên Anh. Cuối cùng tôi mua một hộp sữa bìa các tông nhỏ và một gói đồ ăn sẵn làm bằng bột ngũ cốc. Đó là bữa ăn đầu tiên của tôi ở Mỹ. Tôi ngồi bên bàn và ăn. Tôi thích món này hơn bánh hamburger hay bánh mỳ kẹp xúc xích, những thứ duy nhất duy nhất cho tôi lựa chọn ở tiệm cà phê trên đại lộ Massachusetts. Ngoài ra, đến lúc đó tôi vẫn chưa có gì phải than vãn. Thậm chí cả cái việc vất vả đi mua sữa cũng là mới mẻ đối với tôi: ở Luân Đôn sáng sủa người ta mang sữa trong bình thủy tinh đến cho chúng tôi.

Trong vòng một tuần thì tôi đã tự điều chỉnh được bản thân ít nhiều. Tôi ăn đồ ăn sẵn bằng bột ngũ cốc và uống sữa, cả sáng và tối đều vậy. Tôi mua thêm vài quả chuối để có sự thay đổi, dùng thìa xát từng lát mỏng vào bát. Thêm vào đó tôi còn mua chè gói và một chiếc bình thót cổ mà người bán hàng ở cửa hàng Woolworth gọi là cái phích (anh ta nói với tôi rằng chiếc bình thót cổ trước kia được dùng để đựng rượu uýt ki, một thứ mà tôi cũng chưa bao giờ nếm). Bằng giá một cốc chè trong quán cà phê, buổi sáng trên đường đi đến chỗ làm tôi đổ nước sôi đầy bình và có được bốn cốc chè mà tôi uống trong ngày. Tôi mua một hộp sữa to hơn và bắt chước một cư dân khác của YMCA để nó ở chỗ có bóng mát trên bệ cửa sổ. Để giết thời gian, tối tối tôi đọc báo *Quả địa cầu Boston* ở dưới tầng, trong một căn phòng rộng rãi với những ô cửa kính bắn thủy. Tôi đọc hết mọi bài báo và những phần quảng cáo để làm quen với cuộc sống và khi mỏi mắt thì tôi đi ngủ. Chỉ có điều tôi ngủ không ngon. Đêm nào tôi cũng phải để cửa sổ mở vì đó là nguồn cung cấp không khí duy nhất trong căn phòng ngột ngạt, nhưng khi đó tiếng động quả là không thể chịu đựng nổi. Tôi hay nằm trên giường, lấy ngón tay bịt chặt tai, nhưng khi tôi vừa mơ màng thiếp đi thì những ngón tay lỏng ra và luồng âm thanh ầm ĩ lại đánh thức tôi dậy. Những chiếc lông chim bồ câu thường bay xuống bệ cửa sổ, và một tối, khi rót sữa vào món đồ ăn bằng bột ngũ cốc tôi phát hiện ra sữa đã chua. Dù vậy tôi cũng quyết định ở lại YMCA sáu tuần nữa, cho đến khi làm xong hộ chiếu và thị thực của vợ tôi. Khi nào vợ tôi sang thì tôi sẽ phải thuê một căn nhà tử tế. Thỉnh thoảng tôi lại nghiên cứu mục nhà cửa trên báo hay dừng lại ở phòng nhà đất của MIT vào lúc nghỉ trưa để xem có gì hợp với túi tiền của tôi. Chính là bằng cách đó mà tôi phát hiện ra một căn phòng cần cho thuê ngay lập tức, trong một ngôi nhà ở trên một đường phố yên tĩnh, giá tám đô la một tuần. Tôi ghi ngay số điện thoại, tìm kiếm đồng xu cần thiết trong số những đồng tiền vẫn còn xa lạ đối với tôi, nhỏ và nhẹ hơn đồng silinh nhưng nặng và sáng hơn đồng *paisa* [\[37\]](#) và gọi từ trạm điện thoại công cộng.

- Ai đấy? - một phụ nữ hỏi. Giọng bà ta mạnh mẽ và lạnh lùng.

- Xin chào bà. Tôi gọi đến về việc căn phòng cho thuê.

- Harvard hay Viện?

- Anh từ trường Đại học Harvard hay Viện?

Hiểu ra rằng Viện là nói tắt thay cho Viện Công nghệ Massachusetts, tôi trả lời:

- Tôi làm việc ở thư viện Dewey, - tôi ngập ngừng rồi nói thêm, - ở Viện.

- Tôi chỉ cho các cậu trường Harvard hay Viện thuê nhà thôi.

- Vâng, thưa bà.

Bà ta cho tôi địa chỉ và hẹn gặp lúc 7h tối hôm đó. Tôi ra khỏi nhà nửa tiếng trước giờ hẹn, cuốn sách hướng dẫn trong túi, hơi thở thơm tho với nước súc miệng Listerine. Tôi đi dọc theo con phố đầy bóng cây, vuông góc với đại lộ Massachusetts. Cỏ dại mọc lơ thơ giữa những viên gạch lát phần đường đi bộ. Dù trời nóng tôi vẫn mặc áo véc và đeo cà vạt, coi sự kiện này cũng quan trọng như bất kỳ một cuộc phỏng vấn nào khác; tôi chưa bao giờ sống trong nhà của một người nước ngoài. Ngôi nhà có một hàng rào lưới bao quanh, quét vôi trắng với đường trang trí màu nâu sẫm. Không giống như ngôi nhà khác, nơi tôi sống ở Luân Đôn, ngôi nhà này đứng hoàn toàn biệt lập, mái lợp gỗ. Một đám những cây đầu xuân phủ kín phía trước và hai bên ngôi nhà. Khi tôi bấm chuông, người phụ nữ đã nói chuyện qua điện thoại hét lên dường như ngay phía bên kia cánh cửa:

- Xin chờ một phút!

Vài phút sau một bà cụ rất già và nhỏ bé mở cửa. Một đám tóc trắng như cước được sắp xếp giống như chiếc túi nhỏ trên đầu bà ta. Trong khi tôi bước vào thì bà ta ngồi xuống chiếc ghế gỗ dài đặt bên dưới chân cầu thang hẹp trải thảm. Khi đã yên vị trên chiếc ghế, trong một vùng ánh sáng nhỏ, bà ta nhìn tôi chăm chăm với một sự tập trung hoàn toàn. Bà ta mặc một chiếc váy dài màu đen xòe ra giống như một cái lều cứng trên nền nhà, áo sơ mi hồ bột với những điểm đăng ten ở cổ và tay áo. Đôi bàn tay đặt trong lòng có những ngón tay dài xanh xao, những khớp ngón tay phồng lên, móng tay cứng, màu vàng. Tuổi tác đã làm biến đổi đường nét của bà ta đến mức giờ đây bà ta gần giống như một người đàn ông với đôi mắt sắc sảo, teo lại và những đường nhăn nổi bật ở hai bên mũi. Đôi môi bà ta nứt nẻ và nhợt nhạt, gần như biến mất, lông mày cũng vậy. Trông bà ta thật dữ tợn.

- Khóa cửa lại! - bà ta ra lệnh. Bà ta hét lên dù rằng tôi chỉ đứng cách bà ta có vài bước chân. - Móc xích vào và bấm nút kia thật chặt! Đó là điều đầu tiên anh sẽ phải làm khi anh vào nhà, hiểu không?

Tôi khóa cửa ngôi nhà như bà ta bảo và quan sát nó. Bên cạnh chiếc ghế băng người đàn bà đang ngồi là một cái bàn tròn nhỏ. Chân bàn, cũng giống như chân người đàn bà, được một tấm ren phủ kín hoàn toàn. Trên bàn là một chiếc đèn, đài bán dẫn, ví da có móc gài bằng bạc và điện thoại. Một cây gậy ba toong to phủ đầy bụi dựng cạnh bàn. Bên phải tôi là phòng khách với những giá sách và đồ gỗ tồi tàn xước chân. Trong góc phòng có một chiếc đàn piano vĩ đại, trên đó chất đầy giấy tờ. Chiếc ghế của cây đàn không thấy đâu cả, hình như đó là chiếc ghế người đàn bà đang ngồi. Ở một nơi nào đó trong ngôi nhà đồng hồ đánh bảy tiếng chuông.

- Anh là một người có kỷ luật, - người đàn bà tuyên bố. - Tôi nghĩ anh cũng sẽ như vậy với căn phòng thuê.

- Tôi có một giấy chứng nhận, thưa bà.

Trong túi áo véc của tôi có một giấy chứng nhận tôi làm việc cho MIT mà tôi mang theo người để chứng minh rằng tôi thực sự làm việc ở đó.

Bà ta nhìn chăm chăm vào tờ giấy rồi sau đó thận trọng đưa nó lại cho tôi, cầm nó trong những ngón tay của bà như thể đó là một đĩa thức ăn đầy chứ không phải tờ giấy. Bà ta không

đeo kính và tôi tự hỏi không biết liệu bà ta có đọc được dòng nào trong đó hay không.

- Anh chàng cuối cùng lúc nào cũng muộn! Vẫn còn nợ tôi 8 đôla nữa chứ! Những thanh niên của Harvard đã không còn như trước kia! Chỉ có những thanh niên ở Harvard và Viện ở trong ngôi nhà này. Viện giờ thế nào, chàng trai?

- Rất tốt ạ.

- Đã kiểm tra khóa chưa?

- Rồi ạ, thưa bà.

Bà ta lấy tay đập vào khoảng trống bên cạnh mình trên chiếc ghế và bảo tôi ngồi xuống. Trong giây lát bà ta im lặng. Rồi bà ta ngân nga, cứ như thể chỉ mình bà ta biết điều này:

- Có một lá cờ Mỹ trên mặt trăng!

- Vâng, thưa bà.

Cho đến tận lúc này tôi vẫn chẳng để ý gì mấy về cuộc đổ bộ lên mặt trăng. Tất nhiên báo chí viết nhiều về chuyện này, rất nhiều, hết bài này đến bài khác. Những phi công vũ trụ đã đặt chân lên bờ Biển Thanh bình, vượt xa bất cứ ai trong lịch sử nền văn minh, tôi đọc thấy như vậy. Trong vòng mấy giờ đồng hồ họ thám hiểm bề mặt mặt trăng. Họ thu thập mẫu đá, miêu tả khung cảnh xung quanh (một vẻ hoang vu lộng lẫy, theo như lời một nhà du hành vũ trụ), nói chuyện qua điện thoại với tổng thống và cắm một lá cờ lên mặt trăng. Chuyến du hành được chào đón như thành tựu vĩ đại nhất của con người. Tôi đã nhìn thấy những bức ảnh to kín cả trang báo trên tờ Thế giới, bức ảnh các nhà du hành vũ trụ trong những bộ quần áo phòng căng của họ. Tôi đã đọc về việc những ai ở Boston đang làm gì vào giây phút các nhà du hành vũ trụ đặt chân xuống mặt trăng - một chiều Chủ nhật. Một người đàn ông nói rằng lúc đó ông ta vừa lái một chiếc thuyền hơi vừa dí sát đài vào tai; một phụ nữ nói lúc đó bà ta đang nướng bánh cho các cháu.

Người đàn bà gào lên:

- Một lá cờ trên mặt trăng, chàng trai ạ! Tôi nghe thấy trên đài! Điều đó thật là tuyệt vời chứ hả?

- Vâng, thưa bà.

Nhưng bà ta không thỏa mãn với câu trả lời của tôi. Thay vào đó bà ta ra lệnh:

- Hãy nói "Tuyệt vời!"

Lời yêu cầu làm tôi cảm thấy vừa lúng túng vừa bị lảng mạ. Nó làm tôi nhớ lại cách người ta dạy tôi bảng cửu chương khi tôi còn là đứa trẻ con. Chúng tôi ngồi bắt chéo chân, không có giày và bút chì, trên nền nhà ngôi trường học có mỗi một phòng tên là Tollygunge và nhắc lại lời thầy giáo. Lời yêu cầu đó cũng làm tôi nhớ lại đám cưới, khi tôi đã nhắc lại theo vị mục sư những vần thơ tiếng Phạn mà tôi hầu như không hiểu gì, những cái đã gắn tôi với vợ tôi. Tôi lặng im không nói gì.

- Hãy nói "Tuyệt vời!" - người đàn bà lại gào lên.

- “Tuyệt vời!” - tôi lắp bắp.

Tôi phải nhắc lại lần thứ hai để bà ta có thể nghe thấy. Bản chất tôi là người nói năng nhỏ nhẹ và tôi đặc biệt lúng túng khi phải cao giọng với một người đàn bà nhiều tuổi vừa mới gặp nhưng bà ta dường như không cảm thấy bị mất lòng. Dù sao câu trả lời cũng làm vừa lòng bà ta và mệnh lệnh tiếp theo là:

- Đi xem phòng!

- Tôi đã có vợ, thưa bà - đây là lần đầu tiên tôi tuyên bố điều này với một ai đó.

Nhưng bà ta không nghe thấy.

- Không được cho phụ nữ đến thăm đâu đấy, - bà ta khẳng khái. Bà ta giới thiệu mình là bà Croft.

Vợ tôi tên là Mala. Cuộc hôn nhân do anh trai tôi và chị dâu sắp đặt. Tôi chấp nhận lời đề nghị không phản đối mà cũng chẳng nhiệt tình. Đó là một nghĩa vụ tôi phải làm, cũng như tất cả mọi người đàn ông phải làm. Cô là con gái một thầy giáo dạy ở Belegghata. Người ta bảo tôi cô có thể nấu nướng, thêu thùa, vẽ phác thảo tranh phong cảnh, đọc thơ Tago, nhưng những tài năng này không thể bù đắp lại một điều hiển nhiên là vẻ ngoài của cô không được khả ái cho lắm và vì vậy nhiều người đàn ông đã từ chối cô. Cô hai bảy tuổi, lứa tuổi mà cha mẹ đã bắt đầu lo sợ rằng cô sẽ chẳng bao giờ lấy được chồng vậy nên họ vui lòng cho đưa con duy nhất đi xa tới nửa vòng trái đất để cứu cô khỏi cảnh góa già.

Năm đêm chúng tôi nằm cùng giường. Hàng đêm, sau khi đã bôi kem và tết mái tóc được buộc ở phía dưới bằng một dải dây bông màu đen, cô quay lưng lại phía tôi và khóc. Cô nhớ cha mẹ. Dù chỉ năm ngày nữa tôi đã rời khỏi đất nước này nhưng theo phong tục giờ đây cô thuộc về gia đình nhà tôi và trong sáu tuần tiếp theo cô phải sống với anh trai và chị dâu, nấu ăn, dọn dẹp, pha chè, đem bánh kẹo mời khách. Tôi chẳng hề làm gì để an ủi cô. Tôi nằm ở phía của mình trên chiếc giường, đọc cuốn sách hướng dẫn dưới ánh đèn pin và tưởng tượng về cuộc hành trình trước mắt. Thỉnh thoảng tôi nghĩ về căn phòng nhỏ trước kia là của mẹ tôi phía bên kia bức tường. Giờ đây căn phòng đó hoàn toàn bỏ trống; chiếc giường hẹp trước kia là giường ngủ của bà chất đầy những rương hòm và các bộ chăn ga cũ. Gần sáu năm trước, trước khi rời đi Luân Đôn, tôi đã chứng kiến mẹ tôi chết trên chiếc giường đó, tôi đã thấy bà đang nghịch phân trong những ngày cuối cùng của mình. Trước khi thiêu bà, tôi đã dùng chiếc cặp tóc khêu sạch từng kẽ móng tay cho bà, và rồi sau đó, vì anh trai tôi không thể làm việc đó, tôi đã đảm nhận vai trò người con cả và đã đưa ngọn lửa chạm vào thái dương bà để giải thoát linh hồn đau khổ của bà về với thiên đường.

Sáng hôm sau tôi chuyển tới căn phòng trong ngôi nhà bà Croft. Khi mở cửa tôi nhìn thấy bà đang ngồi trên chiếc ghế của cây đàn piano, cũng ở chỗ chiều hôm trước. Bà vẫn mặc chiếc váy đen đó, chiếc áo trắng hồ bột đó và hai tay cũng khoanh trong lòng theo cách ngày hôm trước. Trông bà ta giống ngày hôm qua đến mức tôi tự hỏi không biết có phải bà đã ngồi cả đêm trên ghế. Tôi đưa vali của mình lên tầng, đổ đầy bình nước sôi trong bếp và đi làm. Chiều hôm đó khi tôi đi làm về, bà vẫn còn ngồi đó.

- Ngồi xuống đây, chàng trai! - bà ta đập đập vào khoảng trống bên cạnh mình.

Tôi rón rén ngồi xuống cạnh bà. Tôi có một túi đồ bên mình - nhiều sữa hơn, nhiều đồ ăn bằng bột ngũ cốc hơn và nhiều chuối hơn vì lúc sáng khi vào bếp tôi thấy chẳng hề có nồi, chảo hay đồ để nấu nướng. Chỉ có hai chiếc chảo duy nhất trong tủ lạnh, cả hai đều đựng một thứ nước thịt màu vàng nâu đỏ và một chiếc ấm đồng trên bếp.

- Chào bà, thưa bà.

Bà hỏi tôi đã kiểm tra khóa chưa và tôi trả lời rằng tôi đã.

Bà im lặng giây lát. Rồi bỗng dưng bà tuyên bố với vẻ hoài nghi và thỏa mãn hết như tối hôm trước:

- Có một lá cờ Mỹ trên mặt trăng, chàng trai ạ!

- Vâng, thưa bà.

- Một lá cờ Mỹ trên mặt trăng! Điều đó thật là tuyệt vời chứ hả?

Tôi gật đầu, sợ cái điều tôi biết là đang đến.

- Vâng, thưa bà.

- Hãy nói “Tuyệt vời!”

Lần này thì tôi dừng lại, nhìn xung quanh để nhớ có ai ở đây nghe thấy dù rằng tôi biết rất rõ là ngôi nhà hoàn toàn vắng vẻ. Tôi cảm thấy mình như một thằng ngốc. Nhưng đó là một yêu cầu nhỏ nhất.

- Tuyệt vời! - tôi gào lên.

Trong vòng vài ngày điều này trở thành thông lệ của chúng tôi. Sáng sáng khi tôi đến thư viện, bà Croft hoặc còn trong phòng ngủ của mình ở phía bên kia cầu thang hoặc đang ngồi ở ghế nghe tin tức hay nhạc cổ điển trên đài. Nhưng buổi chiều khi tôi về đến nhà thì bao giờ cũng là việc đó: bà đập tay xuống ghế, ra lệnh cho tôi ngồi, tuyên bố rằng có một lá cờ Mỹ trên mặt trăng, tuyên bố rằng điều đó là tuyệt vời. Tôi nói điều đó là tuyệt vời rồi sau đó chúng tôi im lặng ngồi bên nhau. Dù chuyện đó thật khó chịu và dường như kéo dài bất tận đối với tôi nhưng thực ra những cuộc chạm trán tồi tệ chỉ kéo dài khoảng mười phút; sau đó bà mơ màng ngủ, đầu đột ngột gục xuống ngực, cho phép tôi được tự do đi về phòng mình. Tất nhiên vào lúc đó chẳng còn lá cờ nào trên mặt trăng nữa cả. Tôi đọc báo thấy viết những nhà du hành vũ trụ đã hạ lá cờ xuống trước khi bay trở về Trái đất. Nhưng tôi không đủ can đảm nói điều đó với bà.

Sáng thứ Sáu, khi đến kỳ trả tiền thuê nhà cho tuần đầu tiên, tôi đi tới chỗ cây đàn piano trong phòng khách và đặt tiền lên mép cây đàn. Những phím đàn đã mờ xỉn và mất màu. Tôi ấn thử lên một phím nhưng chẳng có âm thanh nào phát ra cả. Tôi đã đặt tám tờ 1 đô la vào phong bì và viết tên bà Croft lên trên đó. Tôi không có thói quen để mặc tiền đó. Từ chỗ mình đứng tôi có thể nhìn thấy chiếc váy hình cái lều của bà. Bà đang ngồi trên ghế nghe đài. Có vẻ như không

nhất thiết phải bắt bà đứng lên và đi cả đoạn đường tới chỗ cây đàn. Tôi chưa bao giờ thấy bà đi lại và do cây gậy ba toong luôn chống dựa vào chiếc bàn tròn cạnh bà, tôi cho rằng bà làm việc đó rất khó khăn. Khi tôi đến bên chiếc ghế bà nhìn tôi chăm chăm và hỏi:

- Cậu có việc gì?

- Tiền thuê nhà, thưa bà.

- Đặt lên mép bên trên đàn piano!

- Tôi có tiền ở đây, - tôi chìa chiếc phong bì ra cho bà nhưng những ngón tay đặt trong lòng bà không hề động đậy. Tôi hơi cúi người và để chiếc phong bì thấp xuống sao cho nó ở phía ngay trên tay bà. Sau giây lát bà cầm lấy và gật đầu.

Tối đó, khi tôi về nhà bà không đập tay xuống ghế nữa. Dù không phải là thói quen nhưng tôi vẫn ngồi xuống bên bà như mọi khi. Bà hỏi tôi đã kiểm tra khóa cửa chưa nhưng không nhắc tới lá cờ trên mặt trăng nữa. Thay vào đó bà nói:

- Cậu rất tốt!

- Xin lỗi, thưa bà gì ạ?

- Cậu rất tốt!

Chiếc phong bì vẫn ở đó trong tay bà.

Ngày Chủ nhật có tiếng gõ cửa phòng tôi. Một người phụ nữ đứng tuổi tự giới thiệu là con gái bà Croft, tên là Helen. Bà ta đi vào phòng tôi và nhìn các bức tường như thể tìm xem có sự thay đổi nào không, nhìn những chiếc áo treo trong tủ, những chiếc cà vạt treo trên nắm đấm cửa, hộp đồ ăn bằng bột ngũ cốc trong tủ com mốt, bát và thìa bẩn trong bồn rửa. Bà ta thấp, béo, tóc ngắn màu sáng bạc và tô môi hồng nhạt. Bà ta mặc chiếc váy mùa hè không tay, cổ đeo một chuỗi hạt nhựa màu trắng, cặp kính có dây đeo đeo xung đưa trước ngực. Bắp chân bà ta đầy những mạch máu màu xanh đậm còn bắp tay đã nhẽo ra, chùng xuống. Bà ta nói với tôi bà ta sống ở Arlington, một thị trấn dọc theo đại lộ Massachusetts đi tiếp lên.

- Mỗi tuần tôi tới đây một lần đem cho mẹ tôi đồ dùng. Bà ấy đã tổng cổ anh đi chưa?

- Chưa, thưa bà.

- Một số cậu thanh niên thì vừa chạy vừa la hét. Nhưng tôi nghĩ mẹ tôi thích anh. Anh là người đầu tiên mẹ tôi gọi là quý ngài đấy.

- Tôi cũng không được vậy mà.

Bà ta nhìn tôi, nhận thấy đôi chân trần của tôi (tôi vẫn còn cảm thấy chưa quen với việc đi giày ở trong nhà và luôn bỏ chúng ra trước khi vào phòng mình).

- Anh mới đến Boston à?

- Mới đến Mỹ, thưa bà.

- Từ đâu? - bà ta nhướn mày lên.

- Tôi từ Calcutta, Ấn Độ.

- Vậy ư? Chúng tôi có một thanh niên Brazil, khoảng một năm trước đây. Anh sẽ thấy Cambridge là một thành phố đa dân tộc.

Tôi gật đầu và bắt đầu tự hỏi không biết cuộc chuyện trò của chúng tôi sẽ kéo dài trong bao lâu. Nhưng đúng vào giây phút đó chúng tôi nghe thấy giọng bà Croft the thé vang lên ở cầu thang. Khi bước ra hành lang chúng tôi nghe thấy bà hét:

- Cô phải xuống đây ngay lập tức!

- Cái gì vậy? - bà Helen hét lại.

- Ngay lập tức!

Tôi xỏ chân vào giày. Bà Helen thở dài.

Chúng tôi đi xuống cầu thang. Cầu thang quá hẹp nên chúng tôi không thể đi cạnh nhau được vậy nên tôi đi sau bà Helen, bà ta có vẻ như chẳng vội vàng gì và có một lúc nào đó kêu ca rằng đầu gối bị đau.

- Mẹ lại đi mà không chống gậy chứ gì? - bà Helen nói với xuống. - Mẹ biết mẹ không được phép đi lại không chống gậy cơ mà.

Bà ta dừng lại, đặt tay lên lan can và quay lại nhìn tôi: - Thỉnh thoảng mẹ tôi lại bị ngã.

Lần đầu tiên bà Croft có vẻ như bị tổn thương. Tôi hình dung bà trên nền nhà bên cạnh chiếc ghế băng, nằm ngửa, nhìn lên trần nhà, hai chân về hai hướng. Nhưng khi chúng tôi xuống đến chân cầu thang bà đang ngồi ở đó như mọi khi, hai tay đặt trong lòng. Hai túi đồ ở dưới chân bà. Khi chúng tôi đứng trước mặt bà không vỗ tay lên ghế hay bảo chúng tôi ngồi xuống. Bà nhìn chúng tôi.

- Gì vậy mẹ?

- Như thế là không phải phép!

- Cái gì không phải phép?

- Không phải phép khi một người đàn bà và một quý ông chưa có vợ nói chuyện riêng với nhau mà không có người đi kèm!

Bà Helen nói bà ta đã sáu mươi tám tuổi, đủ già để có thể là mẹ tôi, nhưng bà Croft khẳng định rằng tôi và bà Helen cần phải nói chuyện với nhau ở dưới nhà; trong phòng khách. Bà còn nói thêm là một người phụ nữ như bà Helen nói ra tuổi mình và mặc váy cao hơn cổ chân cũng là không phải phép.

- Để mẹ biết, mẹ ạ, bây giờ là năm 1969 rồi. Mẹ sẽ làm gì nếu như có một hôm nào đó mẹ ra

khỏi nhà và nhìn thấy một cô gái mặc váy ngắn?

Bà Croft khịt khịt mũi: - Mẹ sẽ báo công an bắt cô ta.

Bà Helen lắc đầu và nhặt một túi đồ. Tôi nhặt túi kia lên và đi theo bà ta qua phòng khách vào bếp. Hai chiếc túi đựng đầy những hộp súp. Bà Helen dùng cái mở hộp mở hết hộp này đến hộp khác. Bà ta đổ chỗ súp cũ trong chảo vào bồn rửa, tráng qua chiếc chảo bên dưới vòi nước, đổ súp từ những hộp mới mở vào chảo rồi lại đặt chúng vào tủ lạnh.

- Mấy năm trước mẹ tôi còn có thể tự mở hộp súp, - bà Helen nói. - Bà ấy không thích là giờ đây tôi làm việc đó thay cho bà. Nhưng chiếc đàn piano đã làm hỏng tay bà rồi.

Bà Helen đeo kính lên, nhìn tủ bát và trông thấy những gói chè của tôi.

- Chúng ta sẽ uống chè chứ?

Tôi đổ đầy nước vào ấm rồi đặt lên bếp.

- Xin lỗi bà, nhưng chiếc đàn piano làm sao?

- Ngày trước mẹ tôi dạy đàn. Suốt năm mươi năm. Bằng cách đó bà đã nuôi chúng tôi khôn lớn sau khi cha chúng tôi mất.

Bà Helen chống hai tay lên hông, nhìn chiếc tủ lạnh mở. Bà ta đưa tay vào sâu trong tủ, lấy ra một thanh bơ và vút nó vào thùng rác.

- Cần phải thế, - bà ta nói và đặt những hộp súp chưa mở vào chạn bát.

Tôi ngồi ở bàn xem bà Helen rửa bát đĩa bẩn, buộc túi rác lại, tưới nước cho những cây cảnh phía trên bồn rửa và đổ nước sôi vào hai cốc. Bà ta đưa cho tôi một cốc không có sữa, dây gói trà lòng thông bên ngoài cốc. Sau đó bà ta cũng ngồi xuống bên bàn.

- Xin lỗi, thưa bà, nhưng như vậy đủ chưa?

Bà Helen uống một ngụm chè. Son môi bà ta để lại một vệt màu hồng ở rìa cốc phía trong. - Cái gì đủ?

- Súp trong nồi ấy. Như vậy đã đủ đồ ăn cho bà Croft chưa?

- Bà ấy không ăn gì khác cả. Bà ấy đã không còn ăn đồ cứng từ khi tròn một trăm tuổi. Đó là, để tôi nghĩ xem... ba năm trước.

Tôi sững sờ. Tôi vẫn nghĩ bà Croft khoảng tám mươi tuổi, có thể là chín mươi. Tôi chưa bao giờ gặp một người nào sống hơn một thế kỷ. Chuyện người đàn bà sống cô đơn này là bà góa càng làm tôi sững sờ hơn. Chính việc góa chồng đã khiến mẹ tôi sau đó phát điên. Cha tôi, thủ quỹ ở Bưu điện General của Calcutta chết vì bệnh viêm não khi tôi mới mười sáu tuổi. Mẹ tôi không thể quen được với cuộc sống không có ông; sau cái chết của ông bà rơi sâu vào thế giới tối tăm mà cả tôi, cả anh tôi, cả những người thân thích, cả những bệnh viện tâm thần ở đại lộ Rashibihari đều không thể cứu được bà. Điều làm tôi đau đớn hơn cả là chứng kiến bà vô ý đến thế, nghe thấy bà ợ sau bữa ăn hay đánh rắm trước mặt đám đông mà chẳng mảy may lúng

túng. Sau cái chết của cha tôi, anh tôi bỏ học và bắt đầu làm việc ở nhà máy đay nơi anh cố gắng để nuôi nấng cả gia đình. Việc của tôi là ngồi bên mẹ, trông nom bà đồng thời học ôn thi trong khi bà đếm đi đếm lại những chiếc vòng trên tay mình cứ như thể chúng là những hạt bàn tính. Chúng tôi cố gắng trông nom bà. Một lần bà đã nửa trần truồng đi lang thang tới tận bến xe lửa trước khi chúng tôi có thể đưa bà về nhà.

- Tôi rất vui lòng đun lại súp cho bà Croft mỗi tối, - tôi đề nghị, lấy túi chè ra khỏi cốc của mình và xiết cho nước chảy ra hết. - Chẳng có gì là vất vả đâu.

Bà Helen nhìn đồng hồ, đứng dậy và đổ chỗ chè còn lại trong cốc vào bồn rửa.

- Nếu là anh thì tôi sẽ không làm vậy. Cái đó sẽ giết bà ấy mất.

Tối đó, khi bà Helen đã về Arlington và chỉ còn lại mình tôi cùng bà Croft, tôi bắt đầu cảm thấy lo lắng. Giờ đây khi tôi biết bà bao nhiêu tuổi tôi lo sợ rằng nhờ có chuyện gì xảy ra với bà ban đêm hay ban ngày khi tôi đi vắng. Dù giọng bà còn đầy sinh lực và bà có vẻ độc đoán nhưng tôi biết thậm chí chỉ vết xước nhỏ hay cơn ho có thể giết chết một người già như vậy; tôi biết, mỗi một ngày bà sống là một điều kỳ diệu. Dù bà Helen tỏ ra khá thân thiện, trong tôi vẫn có một phần nhỏ lo lắng rằng bà ta sẽ buộc tôi là vô tình nếu có chuyện gì đó xảy ra. Bà Helen hình như chẳng lo lắng gì. Bà ta đến rồi đi, mang súp đến cho bà Croft, Chủ nhật này tới Chủ nhật sau.

Cứ như vậy sáu tuần của mùa hè đó đã trôi qua. Chiều chiều sau những giờ làm việc ở thư viện, tôi trở về nhà, ngồi vài phút trên chiếc ghế của cây đàn piano với bà Croft. Tôi đem lại cho bà một chút tình bạn, tôi quả quyết với bà rằng đã kiểm tra khóa cửa, tôi nói với bà rằng lá cờ trên mặt trăng thật là tuyệt vời. Có những tối tôi ngồi bên bà khá lâu sau khi bà đã mơ màng ngủ, vẫn còn kính sợ chuyện bà đã sống lâu biết bao trên trái đất này. Thỉnh thoảng tôi cố hình dung thế giới mà bà đã sinh ra vào năm 1866 - một thế giới mà tôi tưởng tượng đầy những người phụ nữ mặc váy dài đen và những cuộc chuyện trò tao nhã trong các phòng khách. Giờ đây, khi tôi nhìn đôi bàn tay bà với những khớp ngón tay phồng lên đặt trong lòng tôi tưởng tượng ra chúng thon dài và mịn màng đang gõ vào những phím đàn piano. Thỉnh thoảng trước khi đi ngủ tôi xuống dưới nhà để biết chắc bà còn ngồi thẳng thản trên ghế hay an toàn trong phòng mình. Tôi chẳng thể làm gì hơn cho bà ngoài những cử chỉ quan tâm nho nhỏ này. Tôi không phải là con trai bà và ngoài tám đôla ra thì tôi chẳng nợ nần gì bà cả.

Vào cuối tháng Tám hộ chiếu và thị thực của Mala đã sẵn sàng. Tôi nhận được bức điện thông báo về chuyến bay của cô; nhà anh trai tôi ở Calcutta không có điện thoại. Cũng vào khoảng thời gian đó tôi nhận được một lá thư của vợ viết chỉ vài ngày sau khi chúng tôi chia tay. Không có lời gọi tên mở đầu: gọi tôi bằng tên riêng sẽ là một sự thân mật chúng tôi vẫn chưa có được. Bức thư chỉ có vài dòng: "Em viết bằng tiếng Anh để chuẩn bị cho cuộc hành trình. Ở đây em rất cô đơn. Bên đó có lạnh lắm không? Có mưa tuyết không? Em của anh, Mala."

Những lời của vợ chẳng mấy may làm tôi động lòng. Chúng tôi chỉ ở bên nhau có vài ngày ít ỏi đếm trên đầu ngón tay. Nhưng dù vậy thì chúng tôi cũng đã bị buộc vào nhau; trong vòng sáu tuần cô đã đeo một chiếc vòng ở cổ tay và bôi phấn màu đỏ lên đường ngôi tóc để nói với cả thế giới rằng cô đã có chồng. Trong sáu tuần đó tôi chờ đợi cô đến cũng như tôi sẽ chờ đợi tháng tiếp theo, hay mùa tiếp theo - một cái gì đó không tránh khỏi, nhưng ở thời điểm hiện tại thì lại chẳng có nghĩa lý gì. Tôi biết về cô ít đến nỗi thỉnh thoảng khi những đường nét khuôn

mặt cô hiện lên trong trí nhớ, tôi không thể gọi lên toàn bộ khuôn mặt đó.

Vài ngày sau khi nhận được thư vợ, một hôm khi đi làm buổi sáng tôi nhìn thấy một người phụ nữ Ấn Độ khác ở bên kia đường đại lộ Massachusetts. Cô ta mặc sari và đang đẩy xe nôi. Đầu buông lơi của chiếc sari gần như chạm đất. Một phụ nữ Mỹ dắt con chó đen nhỏ bị buộc xích đi gần cô ta. Bỗng dừng con chó sữa. Từ bên này đường tôi thấy người phụ nữ Ấn Độ run rẩy, dừng lại trên lối đi, và lúc đó con chó nhảy lên cắn đầu buông lơi của chiếc sari. Người phụ nữ Mỹ mắng con chó, hình như xin lỗi rồi nhanh chóng bỏ đi, để lại người phụ nữ Ấn Độ một mình giữa đường, sửa sang chiếc sari và dỗ dành đứa trẻ đang khóc. Cô ta không nhìn thấy tôi ở bên này đường và cuối cùng đi tiếp. Giây phút đó tôi chợt nhận ra rằng những điều vặt vãnh như vậy chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành mối bận tâm của tôi. Nghĩa vụ của tôi là phải chờ đón Mala; chăm sóc và bảo vệ cô. Tôi sẽ phải mua cho cô đôi ủng đông đầu tiên, chiếc áo khoác đầu tiên. Tôi sẽ phải bảo cô cần tránh những đường phố nào, xe cô đi ra sao, nhắc cô mặc sari sao cho đầu buông lơi không lòng thòng trên đường. Tôi nhớ lại với một sự bức bối nhỏ nhỏ rằng mới chỉ xa cách cha mẹ năm dặm cô đã khóc.

Không giống như Mala, lúc này tôi đã quen với hết thảy mọi việc: quen với đồ ăn bằng bột ngũ cốc và sữa, quen với những chuyến viếng thăm của bà Helen, quen với việc ngồi trên ghế băng cùng bà Croft mỗi chiều. Điều duy nhất tôi chưa quen được là Mala. Dù vậy, tôi vẫn làm điều cần phải làm. Tôi đến phòng nhà đất ở MIT và tìm thấy một căn hộ có đồ gỗ cách đó vài khu nhà. Căn hộ có một chiếc giường đôi, bếp riêng và phòng tắm, giá bốn mươi đôla một tuần. Thứ Sáu cuối cùng tôi đưa cho bà Croft tám đồng đôla đựng trong phong bì và thông báo rằng tôi chuyển đi. Bà đặt chiếc chìa khóa phòng tôi vào ví. Điều cuối cùng bà yêu cầu tôi làm là đưa cho bà chiếc gậy chống bên bàn để bà có thể đi đến cửa và đóng nó lại sau lưng tôi.

- Tạm biệt cậu, - bà nói và lui lại vào trong nhà. Tôi không trông đợi một sự biểu lộ tình cảm nào nhưng dù sao tôi cũng hơi thất vọng. Tôi chỉ là một người thuê nhà, một người đàn ông trả bà chút tiền và ra vào nhà bà trong vòng sáu tuần. So với một thế kỷ, quãng thời gian đó không là gì cả.

Ở sân bay tôi nhận ra Mala ngay lập tức. Đầu buông của chiếc sari không lòng thòng trên mặt đất mà được xếp vòng qua đầu cô như biểu hiện sự khiêm tốn của cô dâu. Mẹ tôi cũng luôn vòng nó qua đầu như vậy cho tới khi cha tôi mất. Đôi tay khẳng khiu màu nâu của cô đeo đầy vòng vàng, trên trán cô có một hình tròn nhỏ màu đỏ và mép chân cũng được nhuộm đỏ. Tôi không ôm, hôn hay cầm tay cô. Thay vào đó tôi hỏi cô có đói không, lần đầu tiên bằng tiếng Băng-gan suốt từ khi tôi đến Mỹ.

Cô lưỡng lự rồi sau đó khẽ gật đầu.

Tôi nói với cô ở nhà tôi đã nấu món cari trứng.

- Trên máy bay họ cho em ăn gì?

- Em không ăn gì cả.

- Suốt từ Calcutta?

- Thực đơn viết là có món súp đuôi bò.

- Nhưng chắc chắn là phải có những món khác nữa chứ.

- Ý nghĩ về đuôi bò làm em không còn muốn ăn gì nữa cả.

Khi chúng tôi về đến nhà, Mala mở một trong số những chiếc vali của cô và tặng tôi hai chiếc áo len chui cổ, cả hai đều là len sáng màu mà cô đan trong thời gian chúng tôi xa cách, một chiếc cổ chữ V, chiếc kia đan theo kiểu vặn thùng. Tôi thử mặc vào; cả hai chiếc đều hơi bị kích ở nách. Cô cũng mang sang cho tôi hai chiếc quần pijama, bức thư của anh trai tôi và một gói chè Darjeeling. Tôi chẳng có quà gì cho cô ngoài món cari trứng. Chúng tôi ngồi bên chiếc bàn tròn trụi không phủ khăn, mỗi người nhìn chăm chăm vào đĩa của mình. Chúng tôi ăn bốc. Từ khi đến Mỹ tôi vẫn chưa làm khác đi.

- Ngôi nhà thật tuyệt, - cô nói, - và cả món cari trứng nữa.

Bằng tay trái cô giữ đầu chiếc sari vào ngực để nó không tuột khỏi đầu cô.

- Anh không biết nấu nhiều món.

Cô gặt đầu, bóc vỏ mỗi củ khoai tây trước khi ăn. Một lúc nào đó, chiếc sari tuột xuống vai. Cô sửa nó lại ngay lập tức.

- Em không nhất thiết phải che đầu, - tôi nói. - Anh không để ý đâu. Ở đây điều đó không quan trọng.

Dù vậy cô vẫn giữ đầu được che kín.

Tôi chờ đợi để quen với cô, quen với sự có mặt của cô bên cạnh tôi, bên chiếc bàn và trong chiếc giường của tôi nhưng một tuần sau chúng tôi vẫn còn là những người xa lạ. Tôi vẫn chưa quen với việc đi về nhà là một căn hộ tỏa mùi cơm và thấy rằng bồn rửa mặt trong phòng tắm luôn được đánh chùi sạch sẽ, hai chiếc bàn chải đánh răng của chúng tôi xếp cạnh nhau, một bánh xà phòng thơm Pears mang từ Ấn Độ sang nằm trong đĩa đựng xà phòng. Tôi vẫn chưa quen với mùi dầu dừa cô bôi lên đầu mỗi tối hay những âm thanh nhẹ nhàng phát ra từ những chiếc vòng của cô khi cô đi lại trong căn hộ. Sáng sáng cô luôn tỉnh dậy trước tôi. Sáng đầu tiên khi bước vào bếp tôi thấy cô đã hâm nóng những gì còn lại và đặt một chiếc đĩa với một chút muối ở rìa đĩa trên bàn vì cô nghĩ rằng tôi sẽ ăn sáng bằng cơm giống như hầu hết những ông chồng Băng-gan. Tôi nói với cô chỉ cần bánh bột ngũ cốc là đủ rồi và sáng hôm sau, khi vào bếp tôi thấy cô đã đổ bánh bột ngũ cốc vào bát của tôi. Một sáng cô cùng tôi đi dọc theo đại lộ Massachusetts tới MIT, nơi tôi cùng cô đi một vòng ngắn tham quan khu trường. Trên đường đi chúng tôi dừng lại ở cửa hàng gia dụng và tôi đánh cho cô một chiếc chìa khóa để cô có thể tự mở căn hộ. Sáng hôm sau trước khi tôi đi làm cô hỏi tôi vài đôla. Tôi miễn cưỡng đưa cho cô nhưng tôi biết rằng giờ đây cả điều đó cũng là bình thường. Khi tôi đi làm về thì trong ngăn kéo có thêm một con dao gọt khoai tây, bàn được trải khăn và trên bếp là món cari gà với tỏi tươi và gừng. Ngày đó chúng tôi chưa có vô tuyến. Sau bữa ăn tôi đọc báo trong khi Mala ngồi bên chiếc bàn trong bếp, đan áo len cho mình bằng len màu xanh sáng hay viết thư về nhà.

Vào cuối tuần đầu tiên của chúng tôi, một ngày thứ Sáu, tôi đề nghị đi dạo. Mala đặt đồ đan xuống và biến vào phòng tắm. Khi cô xuất hiện tôi thấy hối tiếc là đã đưa ra lời đề nghị: cô đã thay đồ, mặc một chiếc sari lụa mới, đeo thêm vòng, cuộn tóc lên đỉnh đầu. Cô chuẩn bị như thể đi dự tiệc hay ít nhất là đi xem phim nhưng trong đầu tôi không hề có ý định đó. Không khí buổi tối thơm ngát. Chúng tôi đi qua vài khu nhà dọc theo đại lộ Massachusetts, nhìn vào cửa sổ các nhà hàng và cửa hàng. Bỗng dưng, chẳng nghĩ ngợi gì, tôi dẫn cô đi dọc theo con phố yên tĩnh nơi tôi đã đi dạo một mình biết bao đêm.

- Đây là nơi anh sống trước khi em đến, - tôi nói và dừng lại bên hàng rào nhà bà Croft.
- Trong một ngôi nhà to như thế này ư?
- Anh có một phòng trong đó, ở phía sau ngôi nhà.
- Thế còn ai sống ở đây nữa?
- Một bà rất già.
- Cùng với gia đình à?
- Thế ai chăm bà ấy?

Tôi mở cổng. - Phần lớn là bà ấy tự chăm mình.

Tôi tự hỏi không biết bà Croft có còn nhớ tôi, không biết bà đã có người thuê mới để ngồi bên bà mỗi chiều. Lúc bấm chuông tôi nghĩ tôi sẽ phải chờ lâu như ngày chúng tôi gặp gỡ đầu tiên, khi tôi còn chưa có chìa khóa. Nhưng lần này bà Helen mở cửa ra gần như ngay lập tức.

- Xin chào, mời anh vào đây. - bà Helen nói, đôi môi tô son hồng của bà cười với Mala. - Mẹ tôi đang ở trong phòng khách. Anh có vào thăm bà chút không?

- Vâng, nếu bà muốn, thưa bà.

- Vậy thì tôi nghĩ là tôi muốn chạy ra cửa hàng một chút, anh thấy không sao chứ. Mẹ tôi gặp một chuyện nho nhỏ. Những ngày này chúng tôi không thể để bà ấy một mình, dù chỉ là trong giây lát.

Tôi khóa cửa sau bà Helen và bước vào phòng khách. Bà Croft nằm ngửa, đầu gối lên chiếc gối màu hồng đào, một tấm chăn trắng mỏng phủ ngang người. Hai tay bà đặt trước ngực. Khi nhìn thấy tôi bà chỉ vào chiếc đi văng và bảo tôi ngồi xuống. Tôi ngồi xuống như bà bảo nhưng Mala đi tới chỗ cây đàn piano và ngồi xuống chiếc ghế giẻ dầy đã được đặt đúng chỗ của nó.

- Tôi bị gãy xương hông! - bà Croft tuyên bố cứ như thời gian chưa hề trôi qua.

- Ôi, lạy Chúa!

- Tôi bị ngã khỏi ghế!

- Tôi rất lấy làm tiếc, thưa bà.

- Lúc đó là nửa đêm! Cậu có biết tôi làm gì không, chàng trai?

Tôi lắc đầu.

- Tôi gọi cảnh sát!

Bà nhìn lên trần nhà và nhe răng cười điềm tĩnh, chìa ra một hàm răng nguyên vẹn màu xám. Không thiếu một chiếc nào!

- Cậu nói gì về chuyện này, chàng trai?

Dù hết sức sững sờ tôi cũng biết mình phải nói gì. Không chút do dự tôi gào lên:

- Tuyệt vời!

Mala bật cười. Giọng cô đầy tình thân, mắt cô lấp lánh niềm vui. Trước kia tôi chưa bao giờ nghe thấy cô cười và lúc này cô cười khá to đủ để cả bà Croft nghe thấy. Bà ta quay lại nhìn Mala chăm chăm.

- Cô ta là ai vậy, chàng trai?

- Cô ấy là vợ tôi, thưa bà.

Bà Croft ấn đầu xuống góc gối để nhìn rõ hơn: - Cô có biết chơi piano không?

- Không, thưa bà, - Mala trả lời.

- Vậy thì đứng lên!

Mala đứng lên, chỉnh lại dải chiếc sari trên đầu cô và giữ nó trước ngực, và, lần đầu tiên kể từ khi cô đến tôi thấy có cảm tình với cô. Tôi nhớ lại những ngày đầu tiên của mình ở Luân Đôn khi tôi học cách đi tàu điện ngầm tới Quảng trường Russel, đi thang máy lần đầu tiên, không thể hiểu được khi người đàn ông gào lên “giấy” [\[38\]](#) thì điều đó có nghĩa là “giấy”, không thể suy luận được, suốt cả một năm trời, khi người soát vé nói “Cẩn thận khe trống” trong lúc đoàn tàu chuyển bánh khỏi mỗi ga. Cũng giống như tôi, Mala đã đi rất xa khỏi nhà, không biết là cô sẽ đi đâu, hay cô sẽ thấy gì, chẳng vì lý do gì ngoài việc trở thành vợ tôi. Dù điều đó có vẻ lạ lùng nhưng trong lòng tôi biết rất rõ, một ngày nào đó, cái chết của cô sẽ làm tôi đau đớn, và lạ lùng là cái chết của tôi cũng sẽ làm cô đau đớn. Tôi muốn ai đó giải thích điều này cho bà Croft lúc này đây vẫn đang xem xét kỹ lưỡng Mala từ đầu đến chân với một thái độ khinh thị bình thản. Tôi tự hỏi không biết đã có khi nào bà Croft nhìn thấy một phụ nữ mặc sari chưa, với một chấm đỏ trên trán và hàng đồng vòng ở cổ tay. Tôi tự hỏi không biết bà sẽ phản đối cái gì. Tôi tự hỏi không biết liệu bà có nhìn thấy màu nhuộm đỏ vẫn còn trên chân Mala, ở tất cả mọi chỗ ngoại trừ phần được vạt chiếc sari che đi. Cuối cùng bà Croft tuyên bố với cùng một vẻ kinh ngạc và thích thú mà tôi biết rất rõ:

- Cô ta là một quý bà đích thực!

Giờ đây đến lượt tôi cười. Tôi cười rất nhẹ và bà Croft không nghe thấy gì. Nhưng Mala nghe thấy và lần đầu tiên, chúng tôi nhìn nhau và mỉm cười.

Tôi thích nghĩ về giây phút đó trong phòng khách của bà Croft như giây phút đầu tiên khi khoảng cách giữa Mala và tôi bắt đầu rút ngắn lại. Dù chúng tôi vẫn chưa hoàn toàn yêu nhau nhưng tôi thích nghĩ về những tháng tiếp theo như tuần trăng mật của chúng tôi. Cùng nhau chúng tôi khám phá thành phố và gặp gỡ những người Băng-gan khác, một số người trong số họ vẫn còn là bạn bè của chúng tôi cho tới tận bây giờ. Chúng tôi phát hiện ra rằng người đàn

ông tên là Bill bán cá tươi trên phố Prospect, và rằng cửa hàng ở Quảng trường Harvard tên là Cardullo bán lá nguyệt quế và đỉnh hương. Tối tối chúng tôi đi dạo ra sông Charles, xem những con thuyền trôi trên sông, hay ăn kem ở Harvard Yard. Chúng tôi mua một chiếc máy ảnh Instamatic để ghi lại cuộc sống chung của chúng tôi và tôi chụp ảnh cô đứng trước tòa nhà công ty Prudential để cô gửi về cho cha mẹ. Đêm đêm chúng tôi hôn nhau, đầu tiên còn ngượng ngùng nhưng chẳng mấy chốc đã dừng cảm hơn, và cùng nhau chúng tôi khám phá những khoái lạc và sự an ủi trong vòng tay nhau. Tôi kể cô nghe về chuyến du hành của tôi trên con tàu *SS Roma*, về Công viên Finsbury và YMCA, về những tối tôi ngồi trên ghế với bà Croft. Khi tôi kể cô nghe những chuyện về mẹ tôi, cô khóc. Chính Mala đã an ủi tôi khi một tối tôi đọc thấy trên tờ *Thế giới* lời cáo phó dành cho bà Croft. Suốt mấy tháng liền tôi không nghĩ về bà, - cho tới khi đó sáu tuần mùa hè đã là một khúc nhạc dạo xa xưa trong quá khứ - nhưng giây phút biết về cái chết của bà tôi bị sốc mạnh, đến mức khi Mala ngẩng đầu lên khỏi mớ len đan dở cô thấy tôi đang nhìn chằm chằm vào bức tường, tờ báo bị bỏ quên trong lòng và tôi không thể nói được gì. Bà Croft là cái chết đầu tiên ở Mỹ tôi để tang vì cuộc đời bà là cuộc đời đầu tiên tôi ngưỡng mộ; cuối cùng thì bà cũng rời bỏ thế giới này, già nua, đơn chiếc, và chẳng bao giờ quay trở lại nữa.

Về phần tôi, tôi chẳng đi đâu xa. Mala và tôi sống ở một thị trấn cách Boston khoảng 20 dặm, trên một đường phố đầy cây rất giống như con phố nhà bà Croft, trong ngôi nhà của chính chúng tôi, có phòng cho khách, có mảnh vườn cho chúng tôi trồng khoai tây. Giờ đây chúng tôi là công dân Mỹ vậy nên chúng tôi có thể có phúc lợi xã hội lúc cần. Dù rằng chúng tôi luôn về thăm Calcutta vài năm một lần và đem theo sang Mỹ nhiều quần pijama và chè Darjeeling hơn, chúng tôi đã quyết định sẽ sống ở đây suốt đời. Tôi làm việc ở thư viện một trường cao đẳng nhỏ. Chúng tôi có một cậu con trai học trường Harvard. Mala không còn vắt dải chiếc sari lên đầu nữa và về đêm cũng không còn khóc vì nhớ cha mẹ, nhưng thỉnh thoảng cô khóc vì nhớ con. Vậy là chúng tôi lái xe đến Cambridge thăm nó hay đưa nó về nhà nghỉ cuối tuần để nó được ăn món cơm bốc tay cùng chúng tôi và nói tiếng Bàng-gan, những điều chúng tôi lo nó sẽ chẳng làm nữa sau khi chúng tôi chết đi.

Mỗi lần đi như vậy, dù đường đông nhưng tôi luôn lái xe theo đại lộ Massachusetts. Giờ đây tôi hầu như không nhận ra những ngôi nhà, nhưng mỗi lần khi đi qua đây ngay lập tức tôi lại quay trở lại sáu tuần đó cứ như thể đó là vừa mới hôm qua. Tôi cho xe chạy chậm lại và chỉ vào con phố nhà bà Croft, nói với con trai tôi rằng nơi đây là ngôi nhà đầu tiên của tôi ở Mỹ, nơi tôi sống với một người đàn bà 103 tuổi.

- Anh còn nhớ không? - Mala thường nói rồi cười, kinh ngạc, cũng như tôi, rằng đã có lúc nào đó chúng tôi là những người thật xa lạ với nhau. Con trai tôi lúc nào cũng tỏ vẻ ngạc nhiên, không phải ngạc nhiên về tuổi tác bà Croft mà là về chuyện tiền nhà tôi trả ít ra làm sao, một điều mà đối với nó không thể nào hiểu nổi cũng như chuyện có một lá cờ Mỹ trên mặt trăng đối với một người đàn bà sinh năm 1866. Trong đôi mắt con trai, tôi nhìn thấy niềm khát vọng đã ném tôi qua thế giới. Vài năm nữa nó sẽ ra trường và đi con đường của nó, một mình và không được chở che. Nhưng tôi nhắc mình rằng nó có một người cha vẫn còn sống, một người mẹ hạnh phúc và khỏe mạnh. Mỗi khi nó chán nản, tôi lại nói với nó rằng nếu tôi đã có thể sống được ở ba lục địa thì cũng chẳng có chướng ngại vật nào mà nó không thể vượt qua. Trong khi các nhà du hành vũ trụ, những người mãi mãi là anh hùng, trải qua vài giờ trên mặt trăng, tôi ở lại nơi thế giới mới này suốt ba mươi năm. Tôi biết rằng những gì tôi đạt được là rất bình thường. Tôi không phải là người duy nhất đi tìm số phận của mình ở một nơi xa quê hương, và tất nhiên, tôi cũng không phải là người đầu tiên. Có những lúc tôi cảm thấy lúng túng trước mỗi dặm đường tôi đi qua, mỗi bữa tôi ăn, mỗi người tôi quen biết, mỗi căn phòng tôi ngủ trong đó. Dầu tất cả những điều này thật là bình thường, nhưng đã có những lúc nào đó nó vượt quá sự tưởng tượng của tôi.

HẾT

-
- [1] Một món ăn của người Ấn Độ, nấu từ thịt cừu non (*Tất cả chú thích trong tập truyện này đều của người dịch* - ND).
- [2] Tiếng Anh trong nguyên bản “rice ceremony”. Theo phong tục của Ấn Độ buổi lễ này được tổ chức khi bé trai sáu tháng hoặc bé gái bảy tháng tuổi, trong buổi lễ đó đứa bé sẽ được bốn thìa thức ăn đặc đầu tiên.
- [3] Một ngôn ngữ họ hàng với tiếng Hindû, được dùng nhiều ở Pakistan (ND)
- [4] Nghệ sỹ piano, nổi tiếng trong khoảng thập kỷ 40.
- [5] Tương đương 2,2kg.
- [6] Tên một tảng đá granit trên bờ vịnh Plymouth ở Massachusetts và là nơi những tín đồ Thanh giáo đầu tiên đặt chân lên nước Mỹ vào năm 1620.
- [7] Tên con đường nội liên 16 địa danh trong Công viên Lịch sử Quốc gia Boston. bao gồm nhưng địa danh chủ yếu của cuộc Cách mạng.
- [8] Nơi diễn ra trận đánh quy mô lớn đầu tiên trong cuộc Cách mạng Mỹ.
- [9] Nguyên văn trong tiếng Anh “Redcoat”, từ chỉ lính Anh.
- [10] Con thuyền chở những tín đồ Thanh giáo từ Anh sang Mỹ năm 1620.
- [11] Chiếc chuông lịch sử trong Công viên Độc lập Quốc gia ở Philadelphia, Pennsylvania đã đánh lên vào ngày 8 tháng Bảy năm 1776, sau khi Bản Tuyên ngôn Độc lập lần đầu tiên được đọc trước công chúng.
- [12] Nguyên văn trong tiếng Anh “trick-or-treating friend”, tạm dịch như vậy cho gọn
- [13] Nguyên văn trong tiếng Anh “trick or treat” là câu nói của trẻ em khi gọi cửa các nhà trong dịp lễ hội Halloween để xin kẹo và dọa dẫm phá phách nếu không cho.
- [14] Một lăng mộ ở Agra, Ấn Độ, được coi là một trong số những công trình xây dựng đẹp nhất trên thế giới.
- [15] Một loại nước uống làm bằng rượu vang đỏ pha với nước canh hay nước hoa quả.
- [16] Tên gọi cũ của Thái Lan.
- [17] Vùng đất ở phía đông Châu Phi, ngày nay bao gồm Somali, Djibouti và đông-nam Ethiopia.
- [18] Khoảng 9m
- [19] Một trò chơi chữ, trong tiếng Anh sẽ tạo vần. Trong nguyên bản
- [20] Có lẽ đây là sự nhầm lẫn của tác giả vì trong truyện Eliot đó khoảng một thời gian lâu hơn.
- [21] Nguyên văn trong tiếng anh là “Labor Day” - ngày thứ Hai đầu tiên của tháng Chín, là ngày lễ chính thức ở Mỹ và Canada.
- [22] “bee” trong tiếng Anh có nghĩa là con ong.
- [23] Một loại nhạc dân tộc của người Hindû.
- [24] Một loại bánh nguội khai vị của người Ấn Độ
- [25] Tên viết tắt của Học viện Công nghệ Massachusetts.
- [26] Mahler Gustav (1860 – 1911) – nhà soạn nhạc người Áo.
- [27] Twinkle trong tiếng Anh có nghĩa “sự lấp lánh, ánh sáng lấp lánh, sự long lanh, tia long lanh trong mắt...”
- [28] Dimple trong tiếng Anh có nghĩa “má lúm đồng tiền, chỗ trũng, chỗ gợn lăn tăn”.
- [29] Simple trong tiếng Anh có nghĩa “đơn giản, giản dị, mộc mạc...”.
- [30] Tên gọi một kiểu quần áo rộng thùng thình những người phụ nữ vùng Punjab hay mặc
- [31] Tiếng Anh trong nguyên bản có nghĩa “Ngôi sao nhỏ”
- [32] Nguyên văn “ăn mặc như người rửa bát đĩa”.
- [33] Tên gọi một kiểu quần áo rộng thùng thình những người phụ nữ vùng Punjab hay mặc.
- [34] Viết tắt của từ tiếng Anh “London Stock Exchange” - Sở giao dịch chứng khoán Luân Đôn.
- [35] Viết tắt của “Massachusetts Institute of Technology” - Học viện Công nghệ Massachusetts.
- [36] Viết tắt của “Young Men’s Christian Association” - Hội Thanh niên Cơ đốc giáo.
- [37] Đơn vị tiền tệ của Ấn Độ.
- [38] Tiếng Anh trong nguyên bản “piper” - một cách phát âm không chuẩn.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>